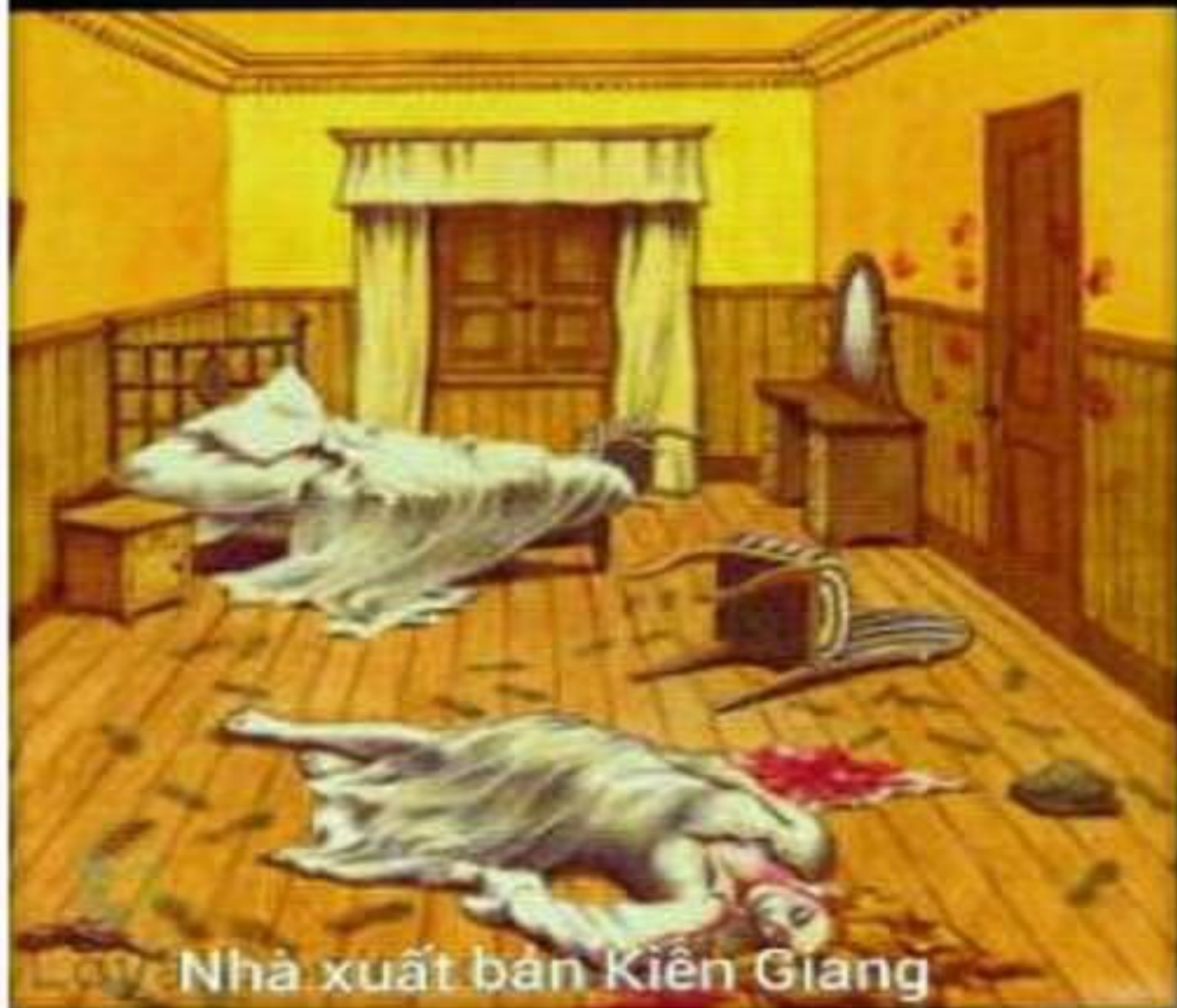


GASTON LEROUX

BÍ MẬT CĂN PHÒNG VÀNG



Bí mật căn phòng vàng

Gaston Leroux

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Table of Contents

Tựa

Tác giả

§1. Từ Đâu Người Ta Bắt Đầu Không Hiểu

§2. Từ Đâu Joseph Rouletabille Lần Đầu Tiên Xuất Hiện

§3. Băng Qua Cửa Sổ Đóng Kín Như Một Bóng Ma

§4. Trong Lòng Một Thiên Nhiên Hoang Dã

§5. Nơi Đâu Rouletabille Nói Với Robert Darzac Một Câu Có Hiệu Quả Lạ Lùng

§6. Ở Cuối Vườn Sồi

§7. Rouletabille Thám Hiểm Dưới Gầm Giường

§8. Cô Stangerson Khai Trước Dự Thăm

§9. Phóng Viên Và Thám Tử Tư

§10. Và Bây Giờ Sắp Phải Ăn Thịt Còn Tươi Máu

§11. Do Đâu Frédéric Larsan Giải Thích Tên Sát Nhân Đã Thoát Ra “Căn Phòng Vàng” Bằng Cách Nào

§12. Cây Can Của Frédéric Larsan

§13. “Nhà Trưởng Lão Chẳng Mất Vẻ Nền Thơ; Như Vườn Cây Vẫn Xanh Màu Rực Rỡ”

§14. Tối Nay Tôi Đợi Kẻ Sát Nhân

§15. Giương Bẫy

§16. Hiện Tượng Lạ Lùng Về Tính Phân Rã Của Vật Chất

§17. Cái Hành Lang Không Thể Hiểu Nổi!

§18. Rouletabille Đã Vẽ Một Vòng Tròn; Giữa Hai Cục Bướu Thiên Tư Trên Trán

§19. Rouletabille Mời Tôi Ăn Ở Quán “Vọng Lâu”

§20. Một Cử Chỉ Của Cô Stangerson

§20. Mai Phục

§22. Xác Chết Không Ngờ

§23. Hai Dấu Chân Sóng Bước

§24. Rouletabille Biết Được Hai Nửa Con Người Tên Sát Nhân

§25. Rouletabille Làm Cuộc Viễn Du

[§26. Nơi Đâu Rouletabille Được Công Chúng Nóng Lòng Trông Đợi](#)

[§27. Do Đâu Rouletabille Xuất Hiện Trong Vinh Quang Tột Đỉnh](#)

[§28. Từ Đâu Được Chứng Tỏ, Không Phải Lúc Nào Người Ta Cũng Nghĩ Đến Tất Cả](#)

[§29. Bí Mật Cô Stangerson](#)

Tác giả



Gaston Louis Alfred Leroux (1868-1927) là nhà báo, nhà văn trinh thám người Pháp.

Tác phẩm nổi tiếng nhất của ông là Bóng ma trong nhà hát (*Le Fantôme de l'Opéra*, 1910), đã được chuyển thể thành phim và kịch cùng tên, nhất là bộ phim có ngôi sao Lon Chaney tham gia năm 1925.

Tiểu thuyết “*Bí mật Căn Phòng Vàng*” của ông cũng được xếp vào những vụ án trong phòng kín nổi tiếng nhất mọi thời đại.

Gaston Leroux sinh ra tại Pari năm 1868, đi học ở Normandy rồi tốt nghiệp ngành Luật cũng tại Paris năm 1889. Ông được thừa kế hàng triệu francs nhưng đã tiêu xài hết sức phung phí để rồi sau đó gần như khánh kiệt. Năm 1890, ông bắt đầu làm phóng viên tòa án và phê bình nghệ thuật cho tờ Tiếng vang (*L'écho de Paris*). Sự nghiệp làm báo của ông thực sự trưởng thành khi làm việc cho tờ tờ báo *Le Matin*, cũng ở Paris. Ông có mặt và đưa tin về Cách mạng Nga năm 1905.

Chương 1. Từ Đâu Người Ta Bắt Đầu Không Hiểu

Khởi sự kể ra đây những chuyện phiêu lưu kỳ dị của Joseph Rouletabille, không phải là tôi không xúc động.

Cho tới bây giờ, anh vẫn quyết liệt chống đối việc này, đến nỗi tôi đâm chán nản, chắc không bao giờ có dịp công bố câu chuyện trinh thám ly kỳ nhất trong khoảng mười lăm năm trở lại đây. Tôi dám chắc công chúng chẳng bao giờ được biết “tất cả sự thật” về vụ án lạ lùng nổi tiếng gọi là vụ “Căn Phòng Vàng”, tâm điểm phát sinh bao nhiêu màn kịch bi thảm, bí ẩn, tàn bạo, gây chấn động bốn phương dư luận mà anh bạn tôi có liên quan mật thiết. Nếu nhân dịp nhà bác học trứ danh Stangerson được ân thưởng Đệ Nhất Đẳng Bắc Đẩu Bội Tinh, một nhật báo buổi chiều không cho đăng một bài, chẳng hiểu vì ngu dốt hay cố ý chơi khăm, đã làm sống lại câu chuyện phiêu lưu mà Joseph Rouletabille thầm mong, theo lời anh tâm sự với tôi thì nó đã chìm vào quên lãng.

“Căn Phòng Vàng”, ai quên được vụ án từng làm chảy bao nhiêu mực mười lăm năm về trước? Ở Paris, người ta mau quên. Họ chẳng đã quên đến cả cái tên vụ Nayves và câu chuyện tầm thường về cái chết của em bé Menaldo đấy ư? Hồi đó, quần chúng đang chú tâm theo dõi cuộc tranh biện trước tòa, hôm mộ đến nỗi một vụ khủng hoảng nội các nổ ra cùng lúc, nhưng người dân chẳng ai thêm biết đến. Thế mà vụ “Căn Phòng Vàng” xảy ra trước vụ Nayves vài năm còn gây tiếng vang dữ dội hơn. Cả thế giới xôn xao về bài toán đen tối – theo chỗ tôi biết, nó đen tối nhất trong số những bài toán đen tối đặt ra cho óc tinh tế của Cảnh Sát và cho lương tâm các vị thẩm phán của chúng ta. Lời giải đáp cho bài toán này, người người đều tìm kiếm. Làm như nó là một câu đố chữ đượm màu bi đát mà cả Châu Âu lẫn Châu Mỹ trẻ trung cùng lẫn xả vào cố giải. Đó là vì sự thật, tôi xin phép được nói ra bởi trong tất cả câu chuyện này không hề có vấn đề tự ái tác giả. Tôi chỉ làm cái việc ghi chép lại những sự kiện mà nhờ một mớ tài liệu khảo chứng, tôi có thể soi tỏ nó dưới một ánh sáng mới, đó là vì sự thật. Tôi không biết trên lãnh vực hiện thực hay tưởng tượng, kể cả nơi tác giả “Hai Vụ Mưu Sát Đường Nhà Xác”, kể cả trong những phát minh của các ngài môn đệ Edgar Poe và Conan Doyle, người ta có nêu ra được một cái gì so sánh nổi với cái bí ẩn tự nhiên của “Căn Phòng Vàng”.

Cái mà không ai khám phá được thì chàng Joseph Rouletabille non choẹt, mười tám tuổi đầu, làm phóng viên nhỏ cho một tờ báo lớn đã tìm thấy. Nhưng khi anh mang chìa khóa vụ án đến Tòa Sơ Thẩm Đại Hình, anh đã không nói hết sự thật. Anh chỉ đưa ra những gì cần để giải thích điều không thể giải thích, và để minh oan cho một người vô tội. Những lý do khiến anh nín lặng bây giờ không còn nữa. Hơn thế, anh bạn tôi “phải” lên tiếng. Cho nên bạn đọc sắp biết tất cả. Bỏ qua phần mở đầu lồi thoi, tôi sẽ đặt ngay trước mắt quý vì bài toán “Căn Phòng Vàng” đúng như nó đã hiện ra trước mắt toàn thế giới hôm sau đêm xảy ra tấn thảm kịch ở lâu đài Glandier.

Ngày 25 tháng 10 năm 1892, tờ Thời Báo đăng tin giờ chót:

“Một tội ác ghê tởm vừa diễn ra ở lâu đài Glandier, ven rừng Sainte-Genevieve, phía trên Epinay-sur-Orge, trong tư thất giáo sư bác học Stangerson. Đêm qua, lúc giáo sư đang làm việc trong phòng thí nghiệm, có kẻ toan ám sát cô Stangerson nghỉ ngay trong một căn phòng

liền bên phòng thí nghiệm. Các bác sĩ không dám chắc có thể cứu sống cô Stangerson.”

Bạn đọc thử tưởng tượng Paris xúc động thế nào. Từ thời đó, thế giới bác học đã tỏ ra cực kỳ quan tâm đến công trình của giáo sư Stangerson và con gái ông, những hoạt động đầu tiên quy về điện tuyến, có khả năng dẫn ông bà Curie đến phát minh radium sau này. Hơn nữa, quần chúng đang nóng lòng đợi giáo sư Stangerson đọc tại Viện Hàn lâm Khoa Học một bản luận án nổi tiếng về lý thuyết mới của ông: Tính Phân Rã Của Vật Chất. Đây là lý thuyết gây rung động từ căn bản cả một khoa học; chính thức xây dựng từ lâu trên nguyên tắc: Không có gì tự tiêu, không có gì tự tạo.

Hôm sau, trên các báo xuất bản buổi sáng tràn ngập tấn thảm kịch này. Tờ Buổi Sáng, như mấy tờ khác, đăng một bài nhan đề: “Một tội ác quái đản”:

“Đây là những chi tiết độc nhất – ký giả ẩn danh của tờ Buổi Sáng viết – mà chúng tôi có thể thu lượm về tội ác vừa diễn ra ở lâu đài Glandier. Tinh thần suy sụp cùng cực của giáo sư Stangerson cùng tình trạng vô phương thu nhận một lời khai tội thiểu từ miệng nạn nhân khiến cuộc điều tra của chúng tôi và của các nhà chức trách tư pháp trở nên khó khăn đến nỗi giờ phút này chẳng ai hiểu tí gì về việc xảy ra trong “Căn Phòng Vàng”, nơi cô Stangerson trong bộ đồ ngủ nằm sóng sượt rên rỉ trên sàn nhà. Ít ra, chúng tôi đã có thể phỏng vấn bố Jacques – như người trong vùng thường gọi ông – một lão bộc của gia đình Stangerson.

Bố Jacques là người đã bước vào “Căn Phòng Vàng” cùng lúc với ông giáo sư. Phòng này ở sát vách phòng thí nghiệm. Phòng thí nghiệm cùng “Căn Phòng Vàng” ở trong một ngôi biệt thất cuối hoa viên cách lâu đài khoảng ba trăm mét.

“Lúc ấy là mười hai giờ rưỡi khuya” – ông lão bộc kể – tôi đang ở trong phòng thí nghiệm với ông giáo sư còn làm việc thì vụ này xảy ra. Suốt buổi tối, tôi bận lau chùi xếp dọn các dụng cụ và chỉ chờ giáo sư rời phòng là tôi cũng đi ngủ. Cô Mathilde cùng làm việc với cha đến nửa khuya. Chuông đồng hồ vừa gõ dứt mười hai tiếng thì cô đứng dậy, ôm hôn ông Stangerson, chúc cha một đêm an lành. Cô cũng chào tôi một câu: “Chúc bố Jacques ngủ ngon”, rồi đẩy cửa vào “Căn Phòng Vàng”. Chúng tôi nghe cô khóa trái cửa và cài luôn cả chốt phía trong, tôi không khỏi bật cười với giáo sư: Gớm, cô chủ cẩn thận quá trời, khóa tới hai lần cửa. Chắc cô sợ “Con Thú Nhà Trời” hằm, ông giáo sư mãi suy nghĩ không nghe tôi nói. Nhưng một tiếng meo ghê rợn tru lên bên ngoài trả lời tôi. Tôi nhận ra tiếng kêu của “Con Thú Nhà Trời”, nó làm tôi lạnh cả người. “Đêm nay, nó lại không cho mình ngủ chẳng?” Tôi nghĩ vậy và cần thừa để ông rõ, cho đến cuối tháng mười, tôi vẫn ở căn gác nóc của biệt thất, ngay trên “Căn Phòng Vàng” chỉ cốt để cô chủ tôi khỏi thui thủi một mình suốt đêm tận cuối vườn. Chính cô chủ tôi thích ở biệt thất trong mùa đẹp trời này, chắc là cô thấy ở đó khoan khoái hơn bên lâu đài, và từ khi nó được xây cất bốn năm nay, bao giờ cô cũng đến ở ngay từ đầu xuân. Khi mùa đông tới, cô lại trở về lâu đài. Vì trong “Căn Phòng Vàng” không có lò sưởi.

“Thế là còn lại hai người, ông Stangerson và tôi ở ngôi biệt thất. Chúng tôi không hề gây tiếng động. Ông giáo sư ngồi ở bàn giấy, còn tôi, tôi ngồi chiếc ghế dựa, công việc đã xong xuôi. Tôi nhìn ông và nhủ thầm: “Con người giỏi ghê! Thông minh quá! uyên bác quá!”. Tôi cho cái việc tôi không gây tiếng động là quan trọng, vì lẽ đó mà tên sát nhân tưởng chúng tôi đi khỏi rồi. Nhưng thành tình, khi con chim cu vừa đánh chuông mười hai giờ rưỡi thì một tiếng thét

hải hùng phát ra từ “Căn Phòng Vàng”. Tiếng cô chủ tôi la hét:

“Nó giết tôi! Nó giết tôi! Cứu tôi với!” Tức thì tiếp theo là tiếng đồng hồ, tiếng bàn ghế bị lật đổ rầm rầm dưới đất như có cuộc vật lộn, rồi tiếng cô chủ tôi hét nữa: “Nó giết tôi! Cứu tôi với! Ba ơi! Ba ơi!”

Chẳng nói ông cũng thừa hiểu chúng tôi bật tung người nhào tới cửa phòng nhanh như thể nào. Nhưng hơi ới! Nó đóng kỹ, đóng quá kỹ “từ bên trong”, do chính tay cô chủ như tôi đã nói, vừa khóa trái vừa cài chốt. Chúng tôi cố đẩy, nhưng nó vững quá. Ông Stangerson như người phát điên, mà ông có điên cũng phải, vì tôi nghe cô chủ rên: “Cứu tôi! Cứu tôi!...”

Và ông Stangerson vung nắm tay đấm như mưa vào cánh cửa. Ông phát khóc vì phần nộ, ông nức nở vì tuyệt vọng và bất lực.

Lúc ấy, tôi chợt nảy ra một ý nghĩ “Chắc nó đã nhảy qua cửa sổ vào buồng – tôi kêu lớn “để tôi đến chỗ cửa sổ coi”. Và tôi ra khỏi biệt thất, lao đầu chạy như điên. Khổ nỗi cái cửa sổ của “Căn Phòng Vàng” lại mở ra phía đồng quê, đầu bức tường hoa viên xây khít với biệt thất ngăn không cho tôi nhảy một bước tới ngay cửa sổ ấy. Muốn đến đó phải ra khỏi hoa viên đã. Tôi chạy về phía cổng sắt, giữa đường gặp Bernier, anh gác cổng và vợ, nghe tiếng chúng tôi la và tiếng súng nổ chạy ra. Tôi nói vắn tắt một câu cho họ hiểu tình hình nguy hiểm lúc đó. Tôi giục anh gác cổng đến chỗ ông Stangerson và kéo vợ anh chạy theo tôi đi mở cổng sắt vườn hoa. Năm phút sau, chị gác cổng và tôi đã ở trước khung cửa sổ “Căn Phòng Vàng”. Trời sáng trắng thật đẹp, tôi thấy ngay là không ai đụng tới cái cửa sổ. Không những các chấn song còn nguyên vẹn. Mà hai cánh cửa đằng sau chấn song cũng đóng kín như chính tay tôi đã đóng vào mọi tối.

Bấy giờ hai cánh cửa vẫn y nguyên như lúc tôi cẩn thận khép kín và kéo chốt sắt đóng chặt cứng “phía trong”. Vậy thì tên sát nhân đã không vào lối này, cũng không thoát qua lối này. Tôi cũng không vào được bằng lối này.

“Khổ ới là khổ! Có thể điên cái đầu như chơi!”

Cửa lớn căn phòng thì khóa trái “phía trong”, khung cửa sổ độc nhất cũng đóng chặt cứng hai cánh “phía trong”, bên trên cánh cửa sổ là những chấn song nguyên vẹn, một cánh tay cũng không luồn qua được. Và cô chủ thì đang kêu cứu! Hay đúng hơn, không, không ai còn nghe tiếng cô kêu nữa. Có lẽ cô chết rồi. Nhưng tôi còn nghe, từ cuối biệt thất, ông chủ tôi đang cố rung cánh cửa ra vào.”

“Tôi cùng chị gác cổng lại cầm cổ chạy về biệt thất. Cánh cửa lớn vẫn tro tro mặc những cú đấm, cú đập hung dữ của ông Stangerson và anh Bemier. Cuối cùng rồi nó cũng phải bật tung dưới nỗ lực điên cuồng của chúng tôi, và chúng tôi thấy gì? Cần nói ngay với ông rằng đằng sau chúng tôi chị gác cầm trên tay cây đèn của phòng thí nghiệm, một cây đèn cực mạnh soi sáng hết căn phòng không sót một góc.”

Cũng phải nói thêm với ông nữa, là “Căn Phòng Vàng” nhỏ xíu à. Cô chủ tôi cho kê một giường sắt khá rộng, một bàn con, một bàn đêm, một bàn trang điểm và hai ghế dựa. Bởi vậy, dưới ánh sáng ngọn đèn lớn trên tay chị gác cổng, chỉ đưa mắt một cái là chúng tôi đã thấy hết. Cô chủ tôi mặc áo ngủ nằm sòng sọt trên sàn nhà giữa một cảnh hỗn độn không thể tả. Bàn ghế đổ lổng chổng chứng tỏ đã có một màn “đấu võ” nghiêm trọng. Chắc chắn, cô chủ tôi bị lôi

khỏi giường ngủ, người bê bết máu, nhiều vết móng tay khủng khiếp ở cổ – thịt cổ có chỗ bị móng tay cào hầu như bị lóc hẳn ra – và từ một lỗ thủng ở thái dương bên phải, một dòng máu chảy dài thành vũng trên sàn nhà. Thấy con gái ở trong tình trạng thê thảm như vậy, ông Stangerson đâm bổ tới, đồng thời thét lên một tiếng tuyệt vọng, ai nghe cũng phải rùng mình thương xót. Ông nhận thấy cô còn thở nên chỉ bận lo cho cô, không để ý đến gì khác nữa. Còn chúng tôi, chúng tôi sục sạo tìm thủ phạm – tên khốn khiếp – đã toan giết cô chủ của mình. Tôi thì với ông nếu tôi tìm thấy nó, chúng tôi quyết bắt nó đền tội xứng đáng.

Nhưng nó không có đó, nó trốn mất rồi, làm sao giải thích? Sự kiện vượt quá mọi óc tưởng tượng. Không có ai dưới gầm giường, không có ai nấp sau những bàn, ghế đồ. Chúng tôi chỉ thấy dấu vết nó để lại: Một bàn tay máu in trên tường, bàn tay to bản của đàn ông, và trên ngưỡng cửa, một khăn tay lớn máu nhuộm đỏ không mang chữ đầu tên người sở hữu, một mũ nồi cũ và nhiều dấu chân đàn ông mới in trên sàn nhà. Bàn chân người đàn ông bước đi ở đây thật là to và những đế giày đùn lại sau một chất gì đen đen như bồ hóng. Người này vào lối nào? Ra lối nào? Xin ông chớ quên là trong “Căn Phòng Vàng” không có lò sưởi. Nó không có thể thoát ra bằng cửa ra vào rất hẹp mà còn có chị gác cổng đứng chắn giữa với cây đèn trên tay, trong khi chòng chệch và tôi tìm nó trong cái ô vuông nhỏ xíu làm phòng ngủ ấy, nơi nó không có cách chi ẩn trốn nổi, và chúng tôi cũng chẳng tìm thấy ai. Cánh cửa lớn bị phá tung đổ ập vào tường không thể che giấu gì được, thế mà chúng tôi cũng cứ dòm vào cho chắc ăn. Còn khung cửa sổ với hai cánh vẫn đóng kín, các chấn song nguyên vẹn, không thể có vụ chạy trốn nào qua đây được. Thế thì? Thế thì..

“Tôi bắt đầu tin có ma quỷ.”

“Nhưng chúng tôi bỗng phát giác khẩu súng lục của tôi nằm dưới sàn. Vâng chính là khẩu súng của tôi. Cái này dắt tôi trở về thực tại! Ma quỷ thì cần gì ăn cắp khẩu súng của tôi để giết cô chủ? Tên sát nhân trước khi vào đây đã leo lên gác nóc buồng tôi, lấy trộm khẩu súng tôi đã cất trong ngăn kéo để thi hành thủ đoạn. Chúng tôi kiểm điểm số đạn còn lại và nhận thấy tên khốn nạn đã bắn hai phát. May thật là may, thưa ông, may cho tôi là trong một tai họa như vậy, ông Stangerson có mặt ở đây, trong phòng thí nghiệm của ông khi tội ác diễn ra, và chính mắt ông đã thấy tôi cũng ở đó với ông, vì nếu không thế thì với khẩu súng tìm được ở phạm trường, không biết tình huống sẽ ra sao, tôi bị tổng vô lao ngay là cái chắc. Tòa án sẽ chẳng cần gì hơn để đưa một kẻ lên đoạn đầu đài.”

Ký giả báo Buổi Sáng viết thêm mấy dòng sau đây tiếp theo bài phỏng vấn:

“Chúng tôi đã để cho bố Jacques kể lại vụng về những gì bố biết về vụ “Căn Phòng Vàng” mà không hề một lần ngắt lời bố. Chúng tôi ghi lại nguyên văn cả những từ bố đã dùng. Chúng tôi chỉ không làm phiền độc giả với những lời rên rỉ ỉ ôi bố hay thêm thắt vào giữa chuyện. Hiểu rồi, bố Jacques – Chúng tôi hiểu rồi, bố yêu mến những người chủ của bố. Bố cần cho người khác biết điều đó, và bố đã không ngớt nhắc đi nhắc lại điều đó, nhất là từ lúc phát giác khẩu súng lục.

Đó là quyền của bố, chúng tôi không thấy gì trở ngại.

Chúng tôi vừa định đặt vài câu hỏi với bố Jacques – Jacques Louis Moustier – thì có người đến gọi bố đi trình diện. Ông Dự Thẩm đang mở cuộc điều tra trong căn phòng lớn của lâu đài.

Vào hẳn Glandier thì chúng tôi đã không được phép, còn khu vườn sồi thì bị một số Cảnh binh coi chừng trong một chu vi rất rộng; các ông này canh gác nghiêm ngặt mọi dấu vết có thể dẫn đến biệt thất và có khi dẫn cả đến thủ phạm tội ác đã gây nên.

Chúng tôi cũng muốn hỏi dò vợ chồng anh gác cổng, nhưng chẳng ai thấy họ ở đâu.

Cuối cùng, chúng tôi vào một quán ăn không xa cổng sắt tòa lâu đài bao nhiêu và ngồi đó chờ ông De Marquet, Dự thẩm ở Corbei. Đến năm giờ rưỡi, chúng tôi thấy ông đi ra với viên lục sự. Trước khi ông bước lên xe, chúng tôi đã kịp hỏi được một câu:

“Thưa ông De Marquet, ông có thể cho chúng tôi tin tức gì về vụ này mà không gây trở ngại cho cuộc thẩm cứu không?”

“Rất tiếc, chúng tôi không thể tuyên bố bất cứ điều gì. Vả chăng, đây là vụ án quái gở nhất từ trước đến nay. Càng tưởng mình biết được cái gì thì lại càng thấy mình chẳng biết gì cả!

“Chúng tôi xin ông De Marquet giải nghĩa mấy lời sau chót cho chúng tôi hiểu. Và dưới đây là những lời ông nói với chúng tôi, tầm quan trọng của nó không ai mà không nhận ra

“Nếu không tìm được thêm gì nữa sau những kiểm nghiệm vật chất do quyền Công Tố thực hiện ngày hôm nay, quả thực tôi e rằng bí ẩn bao trùm vụ toan sát hại cô Stangerson khó lòng được soi sáng. Nhưng vẫn phải hy vọng, “vì lý do nhân bản”, rằng việc dò tìm ở các bức tường, trần nhà và sàn gỗ của “Căn Phòng Vàng” mà ngay ngày mai tôi sẽ khởi công với người thầu khoán đã xây cất biệt thất bốn năm về trước, sẽ mang lại cho chúng ta bằng chứng. Không bao giờ nên tuyệt vọng về phương pháp luận lý các sự việc. Bởi vì bài toán nó thế này: Chúng ta biết kẻ sát nhân đã vào bằng lối nào – y vào bằng cửa lớn và ẩn dưới gầm giường đợi cô Stangerson – nhưng y ra bằng lối nào? Làm sao y trốn thoát? Nếu tìm kỹ mà thấy không có hầm sập, không cửa bí mật, không một xó nhà bỏ hoang, không lỗ hổng bất luận cỡ nào, nếu việc kiểm tra các bức tường và cả việc phá hủy chúng đi – vì tôi quyết định cũng như ông Stangerson đã quyết định đi hẳn tới việc phá hủy cả tòa lâu đài – mà vẫn không khám phá ra một lối thông nào có thể qua lại, “Không những một người nhưng còn bất cứ một loại sinh vật nào khác nữa”, nếu trên trần nhà không có lỗ, dưới sàn nhà không có hầm, thì thôi, chỉ còn cách tin là có ma quỷ, như bố Jacques nói!”

Rồi ký giả ẩn danh của tờ báo nêu nhận xét trong bài này – bài mà tôi chọn là bài đáng quan tâm nhất trong số những bài đăng trên các báo ngày hôm ấy về cùng một vụ án – rằng dường như ông Dự thẩm có đặt một chủ ý nào đó trong câu chót: “Chỉ còn cách tin là có ma quỷ, như bố Jacques nói”.

Bài báo kết thúc như sau: “Chúng tôi muốn biết bố Jacques hiểu như thế nào về câu: Tiếng kêu của “Con Thú Nhà Trời”. Câu này, người chủ quán Vọng Lâu đã giải thích là câu người vùng ấy dùng để gọi tiếng gào đặc biệt rừng rợn do con mèo của một bà lão, mẹ “Agenoux”, biệt danh người ta gọi bà ở đây, thỉnh thoảng lại rú lên trong đêm tịch mịch. Mẹ “Agenoux” là một nữ thánh ở một túp lều tranh giữa rừng già, không xa “hang Thánh nữ Geneviève”.

“Căn Phòng Vàng, Con Thú Nhà Trời, mẹ Agenoux, quỷ sứ; nữ thánh Geneviève, bố Jacques”, như vậy đó. Một tội ác rồi mù mà ngày mai biết đâu một nhát cuộc phá tường chẳng gỡ rối cho chúng ta. Ít nhất, hãy hy vọng thế “bởi lý do nhân bản” như ông Dự thẩm nói. Trong khi chờ

đội, người ta tin rằng cô Stangerson không ngớt mê sảng và chỉ thốt ra một tiếng rên nghe rõ là “Sát nhân! sát nhân! Sát nhân!...” sẽ không qua khỏi đêm nay.

Sau cùng, vào giờ chót, cũng tờ báo ấy loan tin Giám Đốc Sở Cảnh Sát đã điện cho viên thanh tra thám tử lừng danh Frédéric Larsan được cử sang Luân Đôn lo một vụ trộm chứng khoáng, trở về Paris ngay lập tức.

Chương 2. Từ Đâu Joseph Rouletabille Lần Đầu Tiên Xuất Hiện

Tôi nhớ rõ như mới hôm qua khi anh chàng Rouletabille trẻ măng bước vào phòng tôi vào một buổi sáng. Lúc ấy khoảng tám giờ, tôi còn nằm dài trên giường đọc tờ Buổi Sáng, bài nói về tội ác ở Glandier.

Nhưng trước hết, đã đến lúc cần giới thiệu với quý vị anh bạn của tôi.

Tôi quen Joseph Rouletabille khi anh còn là một phóng viên tầm thường. Hồi ấy, tôi mới bắt đầu hành nghề luật sư nên luôn có dịp gặp anh trong hành lang các phòng dự thẩm, khi tôi đến xin giấy phép vào Mazas hoặc Saint-Lazare. Anh có một “bộ mặt dễ coi”, như thiên hạ thường nói. Cái đầu thì tròn xoay như viên đạn đại bác. Chính vì thế – tôi nghĩ – mà các bạn đồng nghiệp thân tặng anh cái hohn danh sau này nó thành hẳn một cái tên thường gọi và nổi tiếng lẫy lừng nữa: “Rouletabille^[1] – cậu có thấy Rouletabille đâu không? – Kia, tên Rouletabill “bất hủ” đã tới! Da anh đỏ như quả cà chua, mặt thì lúc nhí nhảnh như con chim tước, lúc lại đạo mạo như ông Giáo Hoàng.

Làm cách nào mà còn quá trẻ như vậy – khi tôi gặp anh lần đầu, anh mới mười sáu tuổi rưỡi – anh đã kiếm đủ sống bằng nghề làm báo? Đó là nỗi thắc mắc chung cho những ai gần anh mà chưa am tường nhưng hoạt động buổi đầu của anh trong nghề. Vụ người đàn bà bị chặt nhỏ từng miếng ở đường Oberkampfi – lại một chuyện bị bỏ quên từ lâu – anh đã mang về cho Trưởng ban biên tập tờ Thời Đại, một nhật báo hồi ấy đang ganh đua tin tức với tờ Buổi Sáng, bàn chân trái còn thiếu trong cái giỏ đựng những mảnh vụn thịt xương góm ghiếc kia. Cái bàn chân trái ấy, cảnh sát hoài công tìm kiếm đã tám ngày không thấy. Thế mà chàng tuổi trẻ Rouletabille tìm được trong một lỗ cống, chỗ không ai nghĩ đến để đi tìm. Toan tính làm công việc này, anh đã phải nhập vào một toán phu vét cống ngẫu nhiên mà cơ quan hành chính trưng dụng sau vụ nước sông Seine đột ngột dâng cao gây tổn hại lớn cho thành phố.

“Khi Trưởng ban biên tập vớ được cái bàn chân quý báu và hiểu, do một chuỗi suy luận thông minh nào mà một đứa trẻ phát hiện được nó, ông bị chói với giữa niềm cảm phục đối với tính táo bạo trình thám trong khối óc mười sáu tuổi mà nổi hân hoan có thể trưng bày ở “tủ kính nhà xác” của tờ báo, cái “bàn chân trái của phố Oberkampfi.”

“Với bàn chân này – ông mừng rỡ reo lên – ta sẽ viết một bài báo để đòi cho thiên hạ biết tay.” Đoạn, khi đã giao gói đồ góm ghiếc cho ông bác sĩ pháp y giúp việc ban biên tập tờ Thời Đại, ông hỏi con người sắp mang cái tên Rouletabille, xem anh muốn lãnh lương bao nhiêu nếu chịu sung vào ban “tin tức linh tinh” làm một anh phóng viên nhỏ.

“Hai trăm quan một tháng”, anh chàng sững sờ đến nghẹt thở, chỉ dám đề xuất một mức lương khiêm tốn.

“Anh sẽ lãnh hai trăm năm chục quan – Trưởng ban biên tập nói tiếp – nhưng anh phải tuyên bố với mọi người rằng anh gia nhập ban biên tập từ một tháng trước. Làm sao cho dư luận hiểu, tìm thấy bàn chân trái của phố Oberkampfi không phải anh, mà là nhật báo Thời Đại. Ở đây, thừa anh bạn nhỏ, cá nhân không có nghĩa gì, tờ báo là tất cả.”

Nói đoạn, ông yêu cầu anh biên tập mới tuyển rút lui. Đến bực cửa, ông ngăn anh lại, hỏi tên gì. Anh chàng đáp:

- Joseph Joséphin

- Tên gì mà kỳ quặc, nhưng vì anh chẳng phải ký gì bao giờ nên cái đó không quan trọng.

Ngay sau đó, anh biên tập mới kết bạn rất đông. Vì anh mau mắn giúp đỡ mọi người, tính tình lại vui vẻ, làm những kẻ quạu cọ nhất cũng phải yêu mến, những kẻ hay ganh ghét nhất phải hiền hòa. Ở quán cà phê Vành Móng Ngựa, nơi các phóng viên ban Tin tức linh tinh tụ họp nhau trước khi tới Viện Chương Lý hoặc Tòa Đô Sát phẩm xem tin thường nhật, anh đã bắt đầu nổi tiếng lành lợi, và tầm tiếng này không bao lâu lan vào tận văn phòng ông Giám đốc Công An. Mỗi khi nổ ra một vụ án lớn và Rouletabille – lúc này anh đã nghiêm nhiên mang biệt danh mới – được Trưởng ban biên tập của anh ném vào trận đánh, thì thường là anh “thắng nước rút” tất cả các nhà thám tử lừng danh nhất.

Chính ở quán cà phê Vành Móng Ngựa, tôi làm quen rộng rãi với anh hơn. Luật sư các vụ án đại hình và phóng viên báo chí không hề là kẻ thù của nhau, người này cần quảng cáo tên tuổi, kẻ kia cần sắn tin. Chúng tôi chuyện trò thân mật và tôi cảm thấy yêu mến ngay cái anh chàng Rouletabille tuổi trẻ tài cao này. Một trí thông minh quá sắc bén và quá độc đáo, một nếp suy tư lạ lùng tôi chưa từng gặp ở ai khác.

Sau đó một thời gian, tôi được giao phụ trách mục bình luận tư pháp của tờ Tiếng Kêu Đại Lộ. Việc tôi gia nhập đội ngũ báo chí thắt chặt thêm tình hữu nghị sẵn có giữa Rouletabille và tôi. Cuối cùng, anh bạn trẻ của tôi lãnh một mục nhỏ về giải đáp pháp luật ký tên “Thực Nghiệp” ở nhật báo của anh, tờ Thời Đại, thành thử tôi thường có dịp cung cấp cho anh nhiều tư liệu luật pháp mà anh cần đến.

Gần hai năm trôi qua như vậy, càng hiểu anh tôi càng yêu mến anh hơn, vì dưới cái vỏ ngoài tươi tỉnh ồn ào, tôi đã khám phá ở anh một con người cực kỳ nghiêm túc so với cái tuổi còn non choẹt. Thế rồi, đã quen nhìn thấy anh rất vui, và thường là quá vui, nhiều lần tôi bỗng bất gặp anh thần thờ trong một nỗi buồn sâu kín. Tôi muốn hỏi anh về nguyên nhân sự biến đổi tâm tính này, nhưng lần nào anh cũng chỉ bật cười chứ không trả lời. Một hôm, tôi vừa chớm hỏi thăm về song thân anh, một vấn đề không bao giờ anh dă động tới, thì anh đột ngột bỏ đi, làm như không nghe tôi nói.

Đúng lúc ấy nổ ra vụ án trứ danh “Căn Phòng Vàng”, vụ án không những xếp anh vào hàng phóng viên số một nhưng còn đưa anh lên địa vị thám tử lừng danh số một của hoàn vũ, hai tài năng số một mà người ta không ngạc nhiên khi nhận thấy ở một người, vì thời ấy giới báo ngày đã bắt đầu thay hình đổi dạng để biến thành cái hình dạng gần giống như ngày nay: Tờ nhật trình tội ác. Có những đầu óc bi quan có thể kêu ca, nhưng tôi lại cho rằng đó là việc đáng hoan nghênh. Người ta không bao giờ có đủ vũ khí, dù công hay tư; để chống lại kẻ gieo tội ác. Các ông bi quan thì cãi rằng cứ nói hoài tới tội ác, báo chí sẽ đi đến chỗ giúp tiêm cảm hứng cho kẻ làm ác. Nhưng, người cũng có năm bảy hạng đúng không quý vị? Với những hạng mà không bao giờ ai cãi lý nổi..

Và đây, Rouletabille vào phòng tôi, buổi sáng hôm ấy, ngày 26 tháng mười 1892. Mặt mũi anh đỏ gay hơn ngày thường, cặp mắt trợn trừng như lò ra ngoài. Trông anh có vẻ đang bị kích động dữ dội. Tờ Buổi Sáng vung vẩy trong tay, anh kêu lên:

“Ê này, ông Sainclair thân mến, Ông đọc chưa, “Án mạng ở Glandier?”

- Phải, “Căn Phòng Vàng”. Ông nghĩ sao?

- Ôi cha, tôi nghĩ đó là “ma quỷ” hoặc “Con Thú Nhà Trời” đã gây tội ác!

- Thôi, nghiêm túc đi ông.

- Thế thì tôi cho ông hay, tôi không tin cái chuyện bọn sát nhân đào tẩu bằng lối xuyên qua tường. Với tôi, bố Jacques đã phạm sai lầm khi bỏ lại vũ khí phạm tội, và vì bố ở ngay tầng trên phòng cô Stangerson, hôm nay dự thẩm cho phá hủy các kiến trúc ở đó, màn bí mật sẽ bị khai ra, chẳng phải chờ lâu, chúng ta sắp sửa biết do một hầm đất tự nhiên hay một cửa giao thông hiểm hóc nào mà lão đã chui qua để rồi trở lại ngay phòng thí nghiệm ngồi bên ông Stangerson mà ông này chẳng hề hay biết. Còn gì nữa nhỉ! Đây là một giả thuyết!

Rouletabille ngồi vào ghế bành, mỗi chiếc tàu thuốc bất ly thân, im lặng hút một lúc, chừng đủ thì giờ trấn áp cơn sốt rõ ràng đang hoành hành trong người, đoạn anh lên giọng khinh khỉnh:

- Đây chàng trai! – Tôi không muốn nêu ra cái ý mỉa mai xỏ lá của anh – Hỡi chàng trai trẻ – Anh là luật sư, tôi không dám nghi ngờ tài năng của anh có thể cãi trắng án cho những tên tội phạm, nhưng nếu một ngày kia anh mà làm dự thẩm thì anh sẽ ném những kẻ vô can vào nhà tù dễ dàng biết chừng nào. Quả thật anh là một thiên tài, hỡi chàng tuổi trẻ.

Anh rút mạnh tàu thuốc rồi tiếp:

- Sẽ chẳng có hầm hố gì ráo, và bí mật “Căn Phòng Vàng” càng thêm bí mật. Đó, sở dĩ tôi chú ý đến nó là tại cái điểm đó. Ông Dự thẩm nói đúng chưa bao giờ có vụ nào quái dị như vụ này.

- Anh có ý kiến gì về con đường kẻ sát nhân đã dùng để chạy trốn không?

- Không, lúc này tôi chả có ý kiến gì, nhưng về khẩu súng thì ý kiến đã có sẵn, chẳng hạn, Không phải tên sát nhân đã sử dụng khẩu súng này.

- Úi cha, vậy ai?

- Thì còn ai vào đấy! “Cô Stangerson” chứ còn ai.

- Tôi hết còn hiểu gì nổi, hay đúng hơn, tôi chưa hiểu gì cả.

Rouletabille nhún vai:

- Anh không thấy gì đặc biệt trong bài báo của tờ Buổi Sáng ư?

- Thú thật, tôi không thấy cái gì, họ tường thuật cũng đều quái gở như nhau.

- Thế còn cửa ra vào bị khóa trái thì sao?

- Đó là cái duy nhất của câu chuyện có vẻ tự nhiên.

- Thật không? Còn cái chốt cửa?

- Cái chốt?

- Cái chốt gài phía trong. Cô Stangerson đề phòng cẩn mật đến mức đó. Theo tôi, cô Stangerson biết rõ có kẻ đáng cho cô sợ hãi”, cô đã bố trí phòng thân. “Cô lấy trộm cả khẩu súng lục của bố Jacques”. Chắc hẳn cô không muốn làm người khác kinh sợ vì mình.” Cái điều cô Stangerson khiếp hãi đã xảy ra. Cô đã chống cự; đã có vật lộn, và cô đã sử dụng khá rành khẩu súng lục để gây thương tích cho hung thủ ở bàn tay – điều này giải thích vết một bàn tay lớn dần ông đầm máu in trên tường và cánh cửa, tay một người mò mẫm tìm đường tẩu thoát. Nhưng cô đã bắn không đủ nhanh để tránh một cú ghê gớm đánh vào thái dương bên phải.

- Thế thì vết thương ở thái dương cô Stangerson không do khẩu súng gây nên?

- Tờ báo không nói vậy, mà tôi, tôi cũng không nghĩ vậy, bởi vì tôi thấy rằng khẩu, súng được cô Stangerson dùng để chống lại tên sát nhân thì hợp lý hơn. Và bây giờ, vũ khí của tên sát nhân là cái gì?

- Vết thương ở thái dương có vẻ chứng tỏ ý muốn đập chết cô sau khi bóp cổ không được. Hung thủ chắc phải biết căn gác nóc tầng trên có bố Jacques ở, và đó là một trong những lý do tôi nghĩ rằng y đã định thi hành thủ đoạn bằng một thứ “vũ khí im lặng”, khúc gậy ngăn chằng hạn, hoặc cái búa.

- Tất cả lý luận ấy không giải thích được hung thủ đã ra thoát “Căn Phòng Vàng” bằng lối nào?

- Cố nhiên – Rouletabille trả lời và đứng dậy – Vì phải giải thích điều đó nên tôi đi Glandier đây và đến rủ anh đi cùng.

- Tôi?

- Phải, ông bạn thân mến, tôi cần có ông. Báo Thời Đại đã giao hẳn cho tôi vụ này, và tôi phải lôi nó ra ánh sáng thật nhanh.

- Nhưng tôi thì giúp được anh cái gì?

- Ông Robert Darzac có mặt ở lâu đài Giandier.

- Ồ phải. Nỗi đau đớn tuyệt vọng của ông ta chắc là kinh khủng lắm!

- Tôi cần nói chuyện với ông ta..

Rouletabille nói câu này bằng một giọng làm tôi kinh ngạc.

- Anh nghĩ có chuyện đáng chú ý về phía ấy, phải vậy không? Tôi hỏi.

- Phải.

Rồi anh không muốn nói gì thêm. Anh qua phòng khách đợi tôi và giục tôi thay đồ lè lẹ.

Tôi quen ông Robert Darzac nhân dịp giúp ông ta một việc quan trọng về tư pháp trong một vụ kiện dân sự, hồi tôi làm thư ký cho Luật sư Barbet Delatour. Ông Robert Darzac năm ấy trạc bốn mươi tuổi, là giảng sư vật lý Đại Học Sorbonne. Ông quan hệ rất thân với gia đình Stangerson, vì sau thời gian đeo đuổi chuyên cần bảy năm trời, cuối cùng ông đã tới mức sửa soạn thành hôn với cô Stangerson cũng đã đứng tuổi, (khoảng năm mươi lăm tuổi) nhưng còn xinh

đẹp hết xẩy.

Trong lúc thay áo, tôi hỏi vọng ra chỗ Rouletabille đang sốt ruột đợi tôi bên phòng khách.

- Anh có ý nghĩ gì về địa vị tư cách tên sát nhân không?

- Có – anh bạn trẻ của tôi trả lời – tôi nghĩ nếu không hẳn ở giới thượng lưu thì ít nhất y cũng thuộc một đẳng cấp xã hội khá cao. Đó mới chỉ là một cảm tưởng.

- Vì sao anh có cảm tưởng ấy?

- Này nhé, cái mũ nời cáu bẩn, cái khăn tay hạng xoàng và những dấu chân mang loại giày thô lỗ in trên sàn nhà.

- A, hiểu rồi! Không có ai đại dột để lại đằng sau nhiều dấu vết đến thế “nếu những dấu vết ấy phô diễn đúng sự thật”!

- Khá lắm, ông có thể sẽ làm nên trò trống đấy, thưa ông Sainclair thân mến! – Rouletabille kết luận.

Chương 3. Bểng Qua Cửa Sổ Đóng Kín Như Một Bóng Ma

Nửa giờ sau, Ronietabille và tôi đã ở sân ga Quéans đợi chuyển tàu đi Epinay-Sur-Orge. Ở đây, chúng tôi gặp Viên Công Tố hạt Corbeil đại diện bởi ông De Marquet, – nghỉ đêm ở Paris với viên lục sự – đã đến Scala dự buổi tổng diễn tập một vở kịch thời sự ngắn mà ông là tác giả giấu tên, chỉ ký vắn tắt là “Castigat Ridendo”.

Ông De Marquet đã bắt đầu thành một ông lão trưởng giả. Bình thường, ông rất lễ độ và “phong nhã”, suốt đời ông chỉ có một đam mê: Kịch nghệ. Trong sự nghiệp thẩm phán của ông, ông chỉ thật sự quan tâm đến những vụ nào có khả năng cung cấp cho ông ít chất liệu để dựng một lớp kịch. Mặc dầu có điều kiện vươn tới địa vị cao trong ngành tư pháp, nhưng trên thực tế ông chỉ làm một việc cốt “đi tới” một Porte-Saint-Martin lãng mạn hoặc một Odéon trầm tư. Một lý tưởng như vậy đã dẫn ông, có phần muộn màng, đến chỗ hành nghề dự thẩm ở Corbeil và ký tên “Castigat Ridendo” vào một vở kịch ngắn vô duyên diễn ở Scala.^[2]

Vụ án “Căn Phòng Vàng” do khía cạnh không thể giải thích của nó mà thành hấp dẫn đối với một đầu óc văn nghệ như vậy. Nó quyến rũ ông lạ lùng, và ông De Marquet nhảy xổ vào cuộc điều tra không hấn như một thẩm phán hăm hở muốn tìm ra ngay sự thật cho bằng một tay chơi hăm mộ các chuyện rắc rối có tính chất kịch mà mọi quan năng hướng cả về màn bí mật của bố cục, và không biết sợ hãi một cái gì để đi tới màn kết của cảnh chót lúc tất cả được lý giải phân minh.

Cho nên, giữa lúc hai bên gặp nhau, tôi nghe ông De Marquet thở dài với ông lục sự:

- Miễn sao, ông Maleine thân mến, miễn sao cái anh thầu khoán kia với cuộc xéng của hắn đừng phá mất của chúng ta một tấm màn bí mật đẹp như thế!
- Đồng ý – ông Maleine trả lời – cái cuộc của hắn chỉ phá mất ngôi biệt thất thôi, còn vụ án của chúng ta sẽ còn nguyên đó. Tôi đã nắn các bức tường, nghiên cứu trần nhà và sàn nhà, mà việc này tôi cũng rành lắm chứ bộ. Đừng ai hòng gạt tôi! Chúng ta có thể yên trí lớn. Chúng ta sẽ chẳng biết được gì đâu.

Trấn an ông sắp mình xong, ông Maleine kín đáo hất hàm chỉ chúng tôi. Mặt ông De Marquet cau ngay lại và khi thấy Rouletabille đang tiến tới ngã mũ chào, ông vội vã nhảy lên một toa tàu đồng thời ghé tai viên lục sự nói khẽ:

- “Đừng dính với tụi nhà báo!”

Ông Maieine trả lời “Rõ” rồi chặn Rouletabille lại ý không muốn để anh leo lên toa có ông Dự thẩm.

- Xin lỗi quý ông, toa này đã dành cho...
- Tôi là nhà báo, thưa ông, biên tập viên tờ Thời Đại – anh bạn tôi chào hỏi rất lễ phép, nói năng rất ngọt ngào – tôi chỉ xin có một lời thưa với ông De Marquet.
- Ông De Marquet đang quá bận rộn với cuộc điều tra.
- Ô! Cuộc điều tra của ông chả ăn nhằm gì đến chúng tôi chút xíu nào, ông cứ tin đi, tôi không phải loại ký giả chuyên lượm tin chó cán xe – chàng tuổi trẻ Rouletabille trề môi dưới, ra cái

điều khinh bỉ vô cùng hạng văn chương “tin vật” – tôi là ký giả đặc trách thời sự kịch nghệ, và vì tối nay tôi có một phúc trình nho nhỏ về vở kịch ở Scala.

- Mời ông lên, dạ, xin mời ông lên. – Ông lục sự lập tức nghiêng mình nép sang một bên.

Rouletabille đã vào tới trong toa. Tôi đi theo anh.

Tôi ngồi xuống bên anh. Ông lục sự lên toa và đóng cửa.

Ông De Marquet nhìn ông lục sự.

- Ấy! Thưa ông – Rouletabille nói ngay – xin ông đừng buồn “viên chức dũng cảm này”, nếu tôi đã vì phạm lệnh cấm. Tôi muốn được vinh dự thừa chuyện không phải với ông De Marquet, nhưng với ông “Castigat Ridendo”! Xin phép cho tôi ngỏ lời ngợi khen ông, với tư cách ký giả kịch trường của tờ Thời Đại..

Rồi Rouletabille giới thiệu tôi trước, anh sau. Ông De Marquet ngần ngại vuốt chòm râu cằm tỉa nhọn. Bằng vài lời vắn tắt, ông bày tỏ cùng Rouletabille mình là một tác giả quá khiêm tốn không muốn tấm màn giấu tên bị lộ trần trước công chúng. Ông thiết tha hy vọng rằng lòng ngưỡng mộ của nhà báo đối với tác phẩm kịch nghệ của ông sẽ không đi xa tới mức đem tiết lộ với nhân dân quần chúng “Castigat Ridendo” chẳng phải ai xa lạ mà chính là ông Dự thẩm ở Corbeil.

“Tác phẩm của nhà soạn kịch có thể nguy hại cho sự nghiệp của người Thẩm phán, nhất là ở tỉnh nhỏ, người dân còn hơi hủ lậu.”

- Ồ! Xin ông cứ yên tâm, tôi là người tuyệt kín đáo! – Rouletabille giơ cả hai tay lên kêu Trời làm chứng!

Đoàn tàu rùng mình chuyển bánh.

- Chúng ta đi cả à! – Ông Dự thẩm ngạc nhiên thấy chúng tôi cùng đi với ông.

- Vâng, thưa ông, lẽ thật bắt đầu cất bước.– anh phóng viên mỉm cười nhã nhặn -... bước về lâu đài Glandier. Vụ án hay thật, thưa ông De Marquet, vụ án thật là hay lắm.

- Tối hù thì có! Vụ án không thể tin, không thể dò, không thể giải thích và tôi chỉ ngại một điều, thưa ông Rouletabille, là mấy anh nhà báo cứ nhào vô đòi giải thích.

Bạn tôi thản nhiên lãnh cú đấm giữa mặt:

- Thưa vâng, ngại thật đấy. Họ xen vào đủ mọi chuyện. Phần tôi, tôi có điều phải nói với ông, vì sự tình cờ, thưa ông Dự thẩm, sự tình cờ thuần túy đã đẩy tôi vào đường đi của ông, và hầu như vào hần toa tàu của ông.

- Thế các ông đi đâu? Ông De Marquet hỏi.

- Đi lâu đài Glandier – Rouletabille đáp tỉnh bơ.

Ông De Marquet giựt mình:

- Các ông không vào đó được đâu, thưa ông Rouletabille!

- Ông phản đối? – Bạn tôi sẵn sàng nghênh chiến.

- Ấy không! Tôi quá quý mến báo chí và các ký giả, không muốn khó dễ với ai bất cứ việc gì, nhưng ông Stangerson đã ra lệnh cấm cửa tất cả mọi người, và cái cửa ấy hiện được canh gác rất ngặt. Hôm qua, không một phóng viên nào vượt nổi cổng sắt lâu đài Glandier.

- Càng hay – Rouletabille hớn hở – tôi vượt nổi.

Ông De Marquet mím môi, có vẻ sẵn sàng thu mình trong cái vỏ sò lý lợm. Ông chỉ hơi dịu nét mặt khi Rouletabille vội vàng cho ông hay chúng tôi đến Glandier để bắt tay “một người bạn cố tri rất thân” – theo lời anh khi nói đến ông Robert Darzac, người có lẽ anh mới gặp có một lần.

- Tội nghiệp cái anh Robert! – Người phóng viên trẻ tuổi nói tiếp – Tội nghiệp Robert! Anh ta dám chết vì đau đớn lắm! Anh ta yêu cô Stangerson không thể tả.

- Đúng đấy, Ông Robert Darzac thăm thiết đến nỗi ai trông cũng phải xót xa. – Ông De Marquet dường như hối tiếc vừa buột miệng thốt ra câu này.

- Nhưng phải hy vọng cô Stangerson sẽ được cứu sống!

- Chúng ta cứ hy vọng, cha cô nói với tôi hôm qua rằng nếu cô có mệnh hệ nào, ông cũng theo cô xuống mồ gấp. Khoa học bị mất mát ghê quá.

- Vết thương ở thái dương nặng lắm, phải không ông?

- Cố nhiên, nhưng nó không gây chết người, ấy mới là cái may kỳ quặc. Cú đánh mạnh thật là mạnh!

- Thì ra không phải khẩu súng đã gây thương tích cho cô Stangerson hay sao? – Rouletabille đưa mắt ra nhìn tôi ra chiều đắc thắng.

Ông De Marquet dậm ra bối rối:

- Tôi chưa có nói gì, tôi không muốn nói gì và tôi sẽ không nói gì.

Đoạn, ông quay qua phía ông lục sư, làm như không biết chúng tôi là ai nữa.

Nhưng người ta đâu có tổng khứ Rouletabille dễ dàng như vậy được. Anh đến gần ông Dự thẩm, rút trong túi ra tờ Buổi Sáng đưa cho ông và nói:

- Có một điều, thưa ông Dự thẩm, tôi có thể hỏi ông mà không sợ phạm tội tọc mạch. Ông đã đọc bài báo Buổi Sáng chưa? Nó vô lý quá, phải không ông?

- Chả vô lý tí nào, thưa ông!

- Sao không? “Căn Phòng Vàng” chỉ có một cửa sổ đóng kín, chấn song sắt không bị bẻ, và một cửa ra vào phải phá sập mới vào được, vậy mà không thấy kẻ sát nhân đâu!

- Vậy đó, thưa ông! Vậy đó! Vấn đề đặt ra như vậy đó! – Rouletabille không nói nữa, ngồi suy tưởng mông lung. Mười lăm phút trôi qua như thế.

Khi anh trở về với chúng tôi, anh nói, vẫn với ông Dự thẩm.

- Tối hôm ấy, cô Stangerson để tóc thế nào?

- Tôi không biết, – Ông De Marquet đáp,

- Cái đó quan trọng đấy nhé. Tóc băng-đô, rẽ vắt ngang đầu, phải vậy không? Tôi chắc chắn đêm hôm ấy, đêm xảy ra thảm kịch, cô làm tóc kiểu băng-đô!

- Thôi, ông Rouletabille ơi, ông lầm rồi – ông Dụ thẩm trả lời – đêm ấy, cô Stangerson chải tóc xoăn, vén lên trên đầu. Chắc là kiểu tóc cô vẫn chải quen hờ hết trán, tôi có thể quả quyết với ông. Chúng tôi xem xét vết thương rất lâu, không có máu dính ở tóc và không ai đụng tới mái tóc từ lúc cô bị giết hụt.

- Ông chắc chứ! Ông chắc cô Stangerson trong đêm bị giết hụt không để tóc băng-đô?

- Chắc chắn hoàn toàn – ông Dụ thẩm cười tươi – vì rõ ràng tôi còn nghe ông bác sĩ nói trong lúc tôi xem xét vết thương: “Tiếc quá, cô Stangerson quen chải tóc vén lên trên trán. Nếu cô chải ra vắt ngang đầu thì đỡ quá, cú đánh vào thái dương đã bị tóc làm cho yếu đi. Bây giờ tôi xin nói ông hay, tôi thấy lạ sao ông lại cho là quan trọng.

- Ôi chao! Nếu cô ấy không để tóc băng đô – Rouletabille rên lên đau đớn – thì chúng ta đi về đâu? Chúng ta đi về đâu? Tôi quyết tìm hiểu.

Và anh chàng phác một cử chỉ buồn não nuột.

- Còn cái vết thương ở thái dương, có ghê gớm không? Anh cố hỏi nữa.

- Ghê gớm!

- Rút cục, nó do vũ khí gì gây ra?

- Cái đó, thưa ông, cái đó là bí mật cuộc thẩm cứu.

- Ông có tìm thấy vũ khí đó không?

Ông Dụ thẩm không trả lời.

- Thế còn vết thương ở cổ?

Đến đây, ông Dụ thẩm đã vui lòng cho chúng tôi biết vết thương ở cổ, đúng như người ta khẳng định, kể cả ý kiến các bác sĩ, rằng: “Nếu hung thủ bóp cái cổ này thêm vài giây nữa thì cô Stangerson đã chết ngắc.”

- Nội vụ như tờ Buổi Sáng tường thuật – Rouletabille hăng hái nói tiếp – tôi thấy mỗi lúc một trở nên không giải thích được. Thưa ông Dụ thẩm, ông có thể cho biết ngôi biệt thất có bao nhiêu cửa tất cả, vừa cửa ra vào vừa cửa sổ?

- Năm cửa cả thảy, – Ông De Marquet trả lời, sau hai ba tiếng ho. Ông không cưỡng nổi ý thích phơi bày tất cả cái bí ẩn khó tin của vụ án ông đang thẩm cứu.

Năm cửa cả thảy mà cửa lớn gian tiền đình là cửa độc nhất ra vào biệt thất, cửa này bao giờ cũng tự động đóng lại và chỉ có thể mở, hoặc từ trong hoặc từ ngoài, bằng hai chìa khóa đeo dính bên mình bố Jacques và ông Stangerson. Cô Stangerson không cần đến chìa khóa, vì bố

Jacques đã ở ngay biệt thất, mà ban ngày thì không hề xa rời cha cô. Khi “họ” chạy ủa cả bốn người vào “Căn Phòng Vàng” vừa bị họ phá sập cửa, thì cửa vào gian tiền đình vẫn đóng chặt như thường và hai chiếc chìa khóa, một đang ở trong túi ông Stangerson, một trong túi bố Jacques. Cửa sổ thì biệt thất có bốn: Cái độc nhất ở “Căn Phòng Vàng”, hai cái ở phòng thí nghiệm và một cái ở gian tiền đình. Cái ở “Căn Phòng Vàng” và hai cái ở phòng thí nghiệm đều mở ra vùng quê, chỉ có một cái ở gian tiền đình mở ra hoa viên.

- Đúng là tên sát nhân đã trốn khỏi biệt thất bằng cửa sổ này! – Rouletabille kêu to.

- Sao ông biết? – Ông De Marquet nhìn bạn tôi với ánh mắt kinh dị.

- Sau này chúng ta sẽ biết tên sát nhân đã thoát ra ngoài “Căn Phòng Vàng” bằng cách nào. Rouletabille nói tiếp – nhưng để trốn khỏi biệt thất thì nó phải qua cái cửa sổ ở gian tiền đình...

- Một lần nữa, sao ông biết?

- Trời ơi! Có gì đâu: Nếu “nó” không trốn được bằng cửa ra vào biệt thất, tất nhiên nó phải chuồn qua một cái cửa sổ, mà ít nhất là cửa sổ không có song sắt mới chuồn được, cửa sổ ở “Căn Phòng Vàng” thì có song sắt vì nó mở ra vùng quê! Hai cái ở phòng thí nghiệm chắc cũng thế vì cùng lý do – “Bởi tên sát nhân đã trốn thoát”, tôi nghĩ nó tìm ra một cái cửa sổ không song sắt, và đó chính là cái ở gian tiền đình mở ra hoa viên, nghĩa là nội vực khu nhà. Chẳng cần là nhà phù thủy mới biết được!

- Đúng – ông De Marquet chịu gấp – nhưng có điều ông không đoán ra: Cái cửa sổ gian tiền đình ấy, quả là cái độc nhất không có chấn song, nhưng có những cánh cửa bằng sắt vô cùng kiên cố. Thế mà những cánh cửa này vẫn đóng chặt phía trong bằng một then sắt. Tuy nhiên, chúng tôi có bằng cứ là quả thực tên sát nhân đã trốn khỏi biệt thất chính qua cửa sổ ấy. Những dấu máu trên tường phía trong và trên các cánh cửa sổ, với những bước chân dưới đất, những bước chân hoàn toàn giống những bước chân tôi đã ghi lại khuôn khổ trong “Căn Phòng Vàng” chứng nhận rõ ràng tên sát nhân đã trốn thoát qua lối đó! Nhưng mà sao? Nó trốn cách nào, bởi vì các cánh cửa sổ đều đóng phía trong. Nghĩa là nó đã vượt qua các cánh cửa sổ đóng chặt như một bóng ma. Rồi cuối cùng, điều khủng khiếp hơn cả, phải chăng là cái dấu vết tìm thấy nơi hung thủ lúc đó trốn ra khỏi biệt thất, khi mà không ai hiểu nổi bằng cách nào nó đã ra thoát “Căn Phòng Vàng” cũng như bằng cách nào nó băng qua được phòng thí nghiệm là lối đi bắt buộc để tới gian tiền đình! A! Phải, thưa ông Rouletabille, vụ này thật là huyền ảo, một vụ mê ly! Và còn lâu người ta mới hòng tìm ra chìa khóa mở màn bí mật, tôi hy vọng thế!

- Ông hy vọng cái gì, thưa ông Dự thẩm?

Ông De Marquet nói chửa:

- Tôi không hy vọng. Tôi tin như thế!

- Vậy là có kẻ từ phía trong đã đóng cửa sổ lại sau khi tên sát nhân tẩu thoát? – Rouletabille hỏi.

- Hẳn thế chứ gì, ngay lúc này tôi thấy đó là điều tự nhiên nhất mặc dù không giải thích được, vì tất phải có một tên đồng lõa hoặc những tên đồng lõa và tôi không rõ chúng.

Lặng im một lát, ông tiếp:

- À! Giá hôm nay cô Stangerson mạnh lại một chút để hỏi cô ấy vài điều.

Rouletabille vẫn theo dòng suy tưởng riêng, lại hỏi:

- Thế còn căn gác nóc? Phải có một khung cửa nào trên gác nóc chứ?

- Đúng, tôi quên chưa tính. Vị chi là sáu cửa tất cả! Trên đó, có một khung cửa nhỏ, đúng hơn, một lỗ hồng sát nóc nhà, và vì nó mở ra ngoài khu gia cư nên ông Stangerson cũng cho gắn chấn song. Ở cái cửa sổ tầng nóc này, cũng như các cửa sổ tầng dưới, các song sắt còn nguyên vẹn, những cánh cửa dĩ nhiên vẫn đóng chặt phía trong. Vả lại, chúng tôi không khám phá thấy gì đáng ngờ rằng hung thủ có đi qua căn gác nóc.

- Nghĩa là với ông, thưa ông Dụ thẩm, chẳng có gì hoài nghi về điểm hung thủ đã trốn thoát qua khung cửa sổ gian tiền đình, tuy người ta không hiểu bằng cách nào?

- Tất cả chúng tôi như vậy.

- Tôi cũng tin điều đó. Rouletabille long trọng tán thành.

Im lặng một lúc rồi anh tiếp:

- Nếu ông không tìm thấy dấu vết gì của hung thủ ở trên gác nóc, chẳng hạn những bước chân đen đen in trên sàn gác “Căn Phòng Vàng”; tất nhiên ông phải tin rằng không phải nó đã đánh cắp khẩu súng của bồ Jacques.

- Trên gác nóc, chỉ có dấu chân bồ Jacques. Ông Dụ thẩm trả lời với một cái nhún vai đầy ý nghĩa.

Nhưng rồi ông ta bổ sung ý nghĩ bằng một câu tiếp theo:

- Bồ Jacques lúc ấy ở liền bên ông Stangerson. May cho bồ đấy.

- Thế thì khẩu súng của bồ Jacques đóng vai trò gì trong tấn thảm kịch? Tôi thấy cái vũ khí này dùng để bắn tên sát nhân hơn là đả thương cô Stangerson.

Không trả lời câu hỏi có lẽ làm ông lúng túng, ông De Marquet cho biết có tìm thấy hai viên đạn trong “Căn Phòng Vàng”, một viên đạn nằm trong tường, chính bức tường mang bàn tay máu một bàn tay đàn ông, một viên nữa nằm trên trần nhà.

- Ô! Ô! Trên trần nhà! – Rouletabille lẩm bẩm – Thật ư! Trên trần nhà! Cái này mới là lạ đấy nhé! Trên trần nhà!

Từ lúc này, anh im lặng hút thuốc, phà khói khét lẹt xung quanh. Khi chúng tôi tới Epinay-Sur-Orge, tôi phải đập cho anh chàng này một phát vào vai để lôi anh từ cõi mộng xuống sân ga.

Ở đây, vị thẩm phán và viên lục sự chào từ giã, để chúng tôi hiểu rằng hai ông đã chán ngấy chúng tôi lâu rồi; đoạn bảo nhau leo nhanh lên một chiếc xe ngựa đang chờ sẵn.

- Đi bộ từ đây đến lâu đài Glandier mất bao nhiêu lâu hả ông? – Rouletabille hỏi thăm một

nhân viên hỏa xa.

- Một giờ rưỡi, một giờ bốn mươi phút nếu không vội. Người kia trả lời. Rouletabille ngẩng nhìn trời, chắc thấy là anh và có lẽ được cả cho tôi, bèn kẹp tay tôi dưới nách, anh nói:

- Chúng ta đi nào! Tôi cần cuốc bộ.

- Sao? Gỡ rồi được rồi chứ?

- Ô Ô! Chẳng gỡ được búi nào? Lại còn rối tệ hơn trước! Đúng ra, tôi có một ý.

- Nói coi.

- Hừm bây giờ chưa nói được. Ý nghĩ của tôi là một vấn đề sống hay chết cho tối thiểu hai người.

- Anh tin có tông phạm không?

- Tôi không tin.

Chúng tôi cùng im lặng hồi lâu, đoạn anh tiếp:

- Gặp được hai anh Dự thẩm và lục sự này thật là hên. Tôi đã nói với anh về khẩu súng lục thế nào nhỉ?

Anh cúi mặt nhìn đường, hai tay thọc túi quần và huýt sáo miệng. Một lúc lâu rồi tôi nghe anh thì thào.

“Người đàn bà tội nghiệp! “

- Anh thương hại cô Stangerson đó ư?

- Phải, một phụ nữ cao nhã, xứng đáng được xót thương. Có khí phách lớn, rất lớn tôi tưởng...

- Anh quen cô Stangerson?

- Tôi á! Đâu có! Tôi chỉ mới gặp cô một lần.

- Thế sao anh nói: Một khí phách lớn?

- Bởi vì cô dám đương đầu với kẻ sát nhân, cô đã chống cự dũng cảm, và nhất là vì viên đạn nằm trong trần nhà.

Tôi nhìn Rouletabille, nghĩ bụng anh chàng này cố tình chọc quê mình hay tự nhiên phát điên đây. Nhưng nhìn kỹ, tôi thấy rõ anh đang suy nghĩ nghiêm chỉnh, và tia sáng thông minh của cặp mắt nhỏ tròn kia bảo đảm rằng lý trí anh vẫn tốt nguyên. Vả chăng, tôi đã có phần nào quen với cái thói của anh nói chuyện đứt quãng, với tôi là người thường thấy nó rời rạc và bí ẩn, cho đến lúc bằng vài câu nói nhanh và rõ, anh vạch cho tôi thấy dòng suy tưởng của anh. Thế là tất cả bỗng sáng tỏ. Những lời anh đã nói và tôi đã cho là chẳng có nghĩa gì thốt nhiên kết hợp với nhau dễ dàng và thuận lý đến nỗi “tôi không hiểu tại sao tôi đã không hiểu được sớm hơn”.

Chương 4. Trong Lòng Một Thiên Nhiên Hoang Dã

Lâu đài Giandier là một trong những lâu đài cổ nhất của cái xứ Hòn Đảo Pháp Quốc^[3] nơi bây giờ còn sừng sững nhiều thạch ốc lừng danh thời phong kiến xây cất tận giữa rừng sâu dưới triều Hoàng Đế Philippe le Bel, nó nằm cách con đường cái nối liền làng Sainte-Geneviève-des-Bois với Monthery khoảng vài trăm mét. Đó là một khối kiến trúc tạp nham nép mình dưới một vòm lâu cao ngất. Khi du khách leo hết các bậc thang rung rinh của ngọn Vọng lâu cổ lỗ và lên tới sân thượng nhỏ, chỗ mà hồi thế kỷ 17, Georges Philibert de Séquigny, lãnh chúa ở Glandier, Maisons-Neyves và nhiều thái ấp khác đã dựng cây đèn lồng hiện nay, theo một kiểu thô kệch, lỗi thời, khách nhìn thấy cách đó ba dặm, vút lên trên thung lũng và bình nguyên, ngọn tháp Montlhéry kiêu hãnh. Trái bao thế kỷ cho tới nay, Vọng lâu và Tháp vẫn còn ngó mặt nhau và làm như kể cho nhau nghe, trên đầu những cánh rừng già xanh ngắt hoặc những khu rừng con héo vàng, những truyền thuyết xa xưa nhất của nước Pháp. Người ta đồn rằng Vọng Lâu Glandier canh phòng cho một hình bóng anh hùng đã được phong thánh, tức nữ thánh Geneviève mà trước oai bà, Anila đã phải lui binh.^[4]

Thánh nữ Geneviève nằm đây, ngủ yên giấc chót cuộc đời trong những cảnh trí êm đềm của lâu đài. Mùa hè, nhưng kẻ yêu nhau thường đến, thần thờ buông giỏ thức ăn bên thảm cỏ, mơ màng trao đổi những lời thề thốt trước mộ nữ thánh trang nghiêm phủ kín hoa lưu ly. Không xa ngôi mộ, có một cái giếng mà người ta tin có phép lạ. Lòng tri ân của những người mẹ đã dựng lên ở đây một pho tượng thánh nữ Geneviève và treo vào chân bà những đôi giày vải xinh xinh hoặc những chiếc mũ trùm của những đứa bé được nước thiêng này cứu sống.

Chính giữa nơi thâm u hoàn toàn thuộc về quá khứ đó, giáo sư Stangerson và cô con gái đến ở, để sửa soạn cho khoa học tương lai. Về quanh hiu của nó nơi thâm sơn cùng cốc chinh phục ngay tức khắc hai cha con. Ở đây dòm ngó vào công việc cùng ước vọng của họ chỉ có những tảng đá mốc rêu và những cây sồi cao ngất. Lâu đài Glandier ngày xưa mang tên là Glanderium, vì ở đây quanh năm người ta hái được nhiều gland.^[5] Cái đất này ngày nay nổi tiếng hắc ám, vì các chủ nhân thời ơ và bỏ thí, đã trở lại quang cảnh hoang dã của một thiên nhiên sơ khai. Chỉ còn những ngôi nhà ẩn trú bên trong vẫn giữ được dấu tích nhiều cuộc biến thiên kỳ lạ. Mỗi thế kỷ đều để lại đặc điểm của nó ở đây. Một mẫu kiến trúc gợi lên kỷ niệm một biến cố kinh hoàng, một cuộc phiêu lưu đẫm máu. Và như thế, tòa lâu đài này, nơi khoa học tìm đến trú ngụ, có vẻ như được dọn sẵn để làm sân khấu diễn ra những bí ẩn của hải hùng và chết chóc.

Đến đây, tôi không thể không đưa ra một suy nghĩ, nó thế này:

Nếu tôi đã lòng thông một chút ở bức họa u buồn của lâu đài Glandier, thì không phải rằng tôi tìm thấy ở đó cơ hội nào lòng để “sáng tạo” không khí cần thiết cho những màn bi kịch sắp diễn ra dưới mắt bạn đọc, và thật sự cái tôi lo lắng nhất trong tất cả vụ này là cố gắng làm sao cho thật đơn giản. Tôi không hề có cao vọng làm một tác giả. Ai nói tác giả, là nói thêm một tý tiểu thuyết gia. Và cảm ơn Trời, bí mật “Căn Phòng Vàng” đầy những cảnh thảm thương thật không thể bỏ qua văn chương trước tác. Tôi chỉ là, và chỉ muốn là một kẻ “tường thuật” trung thành. Tôi phải tường thuật biến cố. Tôi đóng biến cố ấy vào khung trời của nó, có thể thôi. Trình bày để bạn đọc thấy câu chuyện xảy ra ở chỗ nào, thiết tưởng là điều rất tự nhiên vậy!

Xin trở lại với ông Stangerson. Khi ông mua vùng lãnh địa này mười lăm năm trước khi thảm kịch xảy ra, lâu đài Glandier đã từ lâu không người ở. Gần đó lại có một tòa lâu đài khác do Jean de Belmont xây từ thế kỷ 14 cũng bỏ trống, thành thử xứ này hầu như hoang vắng. Vài căn nhà nhỏ lều tèo ven đường đi.

Corbeil, một quán trọ, quán “Vọng Lâu” cho khách chạy xe đường xa tạm trú. Chừng đó đã gần là tất cả những gì gọi ra chút văn minh ở cái chốn quê mùa bị bỏ phứt mà không ai tưởng tượng có thể gặp chỉ cách thủ đô vài dặm đường. Nhưng chính tình trạng hoang phế lại là lý do quyết định để ông Stangerson và cô con gái chọn chỗ làm việc. Ông Stangerson là một nhân vật đã nổi tiếng. Ông mới ở Mỹ về, nơi công việc của ông đã gây tiếng vang rộng lớn. Cuốn sách ông vừa cho ra mắt công chúng ở Philadelphie bàn về “Tính phân rã của vật chất bởi các tác động điện năng” bị bác học cả thế giới phản đối. Ông Stangerson là dân Pháp nhưng gốc Mỹ. Có những công việc kế thừa di sản rất quan trọng đã cắm chân ông nhiều năm ở Hoa Kỳ. Nơi đây, ông tiếp tục một công trình đã khởi đầu từ Pháp và ông lại trở về Pháp để hoàn thành, sau khi gom góp một tài sản ketch sù, bởi các vụ kiện có ông tranh tụng đều kết thúc vẻ vang cho ông hoặc bằng những bản án tuyên bố ông thắng kiện, hoặc bằng một cuộc dàn xếp lợi về phía ông. Khối tài sản này đến thật đúng dịp. Bởi nếu muốn, ông Stangerson đã có thể kiếm hàng triệu đô-la bằng cách khai thác hay cho người khai thác hai, ba phát minh hóa học liên quan tới vài phương thức mới trong kỹ nghệ nhuộm, nhưng ông vốn ghê tởm việc dùng cái năng khiếu diệu kỳ là “phát minh” do Tạo Hóa ban cho để phục vụ lợi ích cá nhân mình. Ông không hề nghĩ kỳ tài ấy thuộc về ông. Nó do loài người ban cho ông, và tất cả những gì nó cho ra đời đều bởi đức nhân ái đó mà rơi vào lĩnh vực của cải chung. Nếu ông không có ý giấu giếm niềm mãn nguyện được một tài sản bất ngờ, nó sẽ cho phép ông hiến thân trọn vẹn cho đam mê khoa học thuần khiết đến tận cuối cuộc đời, thì giáo sư vẫn có được nỗi vui mừng “hình như thế”, vì một duyên có khác. Ngày cha già ở Mỹ về và mua lâu đài Glandier, cô Stangerson hai mươi tuổi. Cô đẹp quá sức tưởng tượng của mọi người, tập hợp nơi mình tất cả cái duyên sắc Paris của mẹ cô – chết lúc sinh ra cô – cộng với tất cả phong cách hào hoa nơi dòng máu Mỹ của ông nội cô, William Stangerson. Ông cụ gốc dân Philadelphie, đã nhập quốc tịch Pháp, tuân theo đòi hỏi của gia đình khi cụ kết hôn với một thiếu nữ Pháp, người sau này là mẹ nhà bác học trứ danh Stangerson. Nguồn gốc quốc tịch Pháp của giáo sư là như thế.

Hai mươi tuổi tròn, một mái tóc vàng đẹp tuyệt trần, cặp mắt xanh lơ, nét mặt rạng rỡ với một sức khỏe thiên thần, Mathilde Stangerson là một trong những người con gái đẹp nhất đang tuổi kén chồng ở khắp hai lục địa cũ và mới. Dù phải chấp nhận nỗi đau đớn đã tiên liệu về cuộc phân ly không thể tránh, bốn phận cha cô là phải nghĩ đến cuộc hôn nhân ấy của cô. Và hẳn là ông không tức bực tí nào khi gom được món của hồi môn cho con gái. Dầu vậy, ông vẫn cùng con gái ẩn mình trong lâu đài Glandier, giữa lúc bạn bè ngóng đợi ông đem cô Mathilde Stangerson trình diện với đời. Một số đến thăm ông và tỏ vẻ ngạc nhiên.

Trả lời các câu hỏi của họ, ông nói: “Đó là ý muốn con gái tôi. Không có việc gì tôi từ chối nó bao giờ. Chính nó đã chọn Glandier”. Họ lại hỏi cô gái và cô điềm đạm trả lời: “Chúng tôi làm việc ở đâu được tốt hơn cái nơi hiu quạnh này”. Biết rằng cô Mathilde Stangerson đã cộng tác với cha trong công việc của ông, nhưng người ta vẫn không sao tưởng tượng nổi niềm say mê khoa học lại có thể tiến xa tới mức khiến cô khước từ mọi vụ cầu hôn ròng rã hơn mười lăm năm.

Tuy sống ẩn dật, hai cha con vẫn có lúc phải xuất hiện ở vài buổi chiêu đãi chính thức và, vào một thời kỳ nào đó trong năm, ở hai ba khách đường thân hữu, nơi danh vọng người cha giáo sư và nhan sắc cô con gái gây chấn động dư luận. Lúc đầu, thái độ cực kỳ lạnh nhạt của cô không làm các chàng trai nản chí.

Nhưng sau vài năm, họ đâm mệt mỏi. Chỉ còn độc một chàng vẫn bền lòng đeo đuổi và xứng đáng với danh hiệu “vị hôn phu muôn thuở” mà chẳng buồn rầu đón nhận: Đó là Robert Darzac. Bây giờ, cô Stangerson không còn trẻ nữa, và rõ ràng nếu đến tuổi băm lăm mà cô không có lý do để lấy chồng thì chẳng bao giờ cô tìm được lý do ấy nữa. Lý luận như vậy dĩ nhiên đối với Robert Darzac chẳng có giá trị gì, vì anh không ngừng theo đuổi cầu hôn; nếu có thể gọi là thái độ “cầu hôn”, nhưng chăm nom ý tứ và triu mến mà người ta hiến dâng cho một phụ nữ băm lăm tuổi còn con gái và đã tuyên bố không bao giờ lấy chồng.

Đột nhiên, vài tuần lễ trước khi vụ này xảy ra, một tin đồn lúc đầu chẳng ai cho là quan trọng – vì thấy nó khó tin quá – được loan truyền khắp Paris: Cô Stangerson chịu “đăng quang ngọn lửa tình không thể dập tắt của chàng Robert Darzac”. Đến khi thấy chính đương sự Robert Darzac cũng không cải chính gì, người ta mới tin có phần nào sự thật trong câu chuyện phao đồn quái gở kia. Cuối cùng, ông Stangerson đã hân hoan báo hôm ông từ Viện Hàn Lâm Khoa Học đi ra, rằng lễ thành hôn của con gái ông với Robert Darzac sẽ cử hành trong vòng thân mật ở lâu đài Glandier; ngay khi cha con ông hoàn tất bản phúc trình tóm lược các công việc về “tính phân rã của vật chất” nghĩa là vật chất trở lại thể ê-te. Cặp vợ chồng mới sẽ lập tổ ấm ở Glandier và chàng rể đóng góp sức mình vào công cuộc mà hai cha con giáo sư đã một đời tận tụy.

Thế giới khoa học chưa kịp trấn tĩnh tinh thần về tin vui này thì đã nhận được tin cô Stangerson bị mưu sát trong những cảnh huống ly kỳ như chúng tôi đã kể, mà cuộc viếng thăm lâu đài của chúng tôi sắp đem lại nhiều điểm chính xác hơn.

Tôi đã không hề ngần ngại cống hiến bạn đọc mọi chi tiết tôi có trong vụ này, những chi tiết tôi biết được do liên hệ làm ăn với Robert Darzac, để khi bước qua ngưỡng cửa “Căn Phòng Vàng”, bạn đọc cũng đã trang bị đầy đủ tài liệu như tôi.

Chương 5. Nơi Đâu Rouletabille Nói Với Robert Darzac Một Câu Có Hiệu Quả Lạ Lùng

Rouletabille cùng tôi đã đi được vài phút. Lần theo bức tường bao quanh dinh cơ của ông Stangerson, chúng tôi trông thấy cánh cửa ra vào đóng song sắt thì bỗng chú ý đến một người đang khom lưng cúi xuống đất có vẻ quá mải mê không biết có chúng tôi đi tới. Anh ta lúc thì rạp mình gần như nằm xoài ra, lúc lại đứng phắt dậy nhìn chòng chọc bức tường, có lúc dòm kỹ lòng bàn tay, rồi rải những bước chân dài, rồi chạy, rồi nhìn vào lòng bàn tay nữa. Rouletabille dang tay chặn tôi đứng lại.

- Suyt! Frédéric Larsan đang làm việc! Ta đừng làm rộn ông!

Joseph Rouletabille vốn khâm phục nhà thám tử lừng danh này. Tôi thì chưa gặp Frédéric Larsan bao giờ, nhưng tôi nghe tiếng ông ta nhiều lắm.

Vụ Những nén vàng ở khách sạn Đồng Tiền, ông ta đã phanh phui ra khi mọi người bỏ cuộc và vụ bắt trộm ổ bọ cạp tử sắt Ngân Hàng Cho Vay Quốc Tế đã đưa tên tuổi ông ta bay cao hầu như không còn ai không ngưỡng mộ. Vào thời kỳ Joseph Rouletabille chưa bộc lộ những bằng chứng đáng khâm phục về một tài năng độc nhất vô nhị, ông ta đã được coi như khối óc đủ khả năng nhất để gỡ các mối bòng bong trong những tội ác bí hiểm nhất và đen tối nhất. Tiếng tăm ông ta lan khắp thế giới, và thường cơ quan Cảnh Sát ở Luân Đôn hoặc Berlin hoặc luôn cả Châu Mỹ cũng vờ đến ông ta giúp cho một tay khi các thanh tra và thám tử nước họ thú nhận đã cạn nguồn tưởng tượng và hết phương hành động. Cho nên người ta không lấy làm lạ khi thấy ngay từ đầu vụ bí mật “Căn Phòng Vàng”, vị Giám Đốc sở Công An đã nghĩ đến việc gọi cho người thuộc hạ quý báu ở Luân Đôn, nơi Frédéric Larsan được phái đến điều tra một vụ trộm chứng khoán lớn, bức điện khẩn: “Về gấp!”. Frédéric trong ngành Cảnh Sát Công An, người ta gọi ông ta là anh cả Fred, đã chấp hành khẩn trương lệnh triệu hồi – chúng tôi nghĩ thế – chắc vì đã biết qua kinh nghiệm rằng, người ta phải làm rộn mình tức là người ta cần đến mình gấp lắm. Vì vậy mà Rouletabille và tôi, sáng hôm ấy, đã thấy ông ta vào việc. Chúng tôi sắp hiểu việc ấy là việc gì.

Vật ông ta nằm trong lòng bàn tay phải và không ngừng nhìn vào là cái đồng hồ. Ông ta có vẻ chăm chú từng phút ở đó. Đoạn, ông ta trở lại chỗ cũ và làm một cuộc nữa như trước, đến sát cổng rào của hoa viên mới ngừng, rồi xem đồng hồ nữa, bỏ đồng hồ vào túi, nhún vai một cách chán chường, đẩy cánh cổng đi vào hoa viên, khóa trái cổng, ngẩng đầu lên và qua các chấn song, trông thấy chúng tôi. Rouletabille bèn chạy đến chỗ Frédéric Larsan đứng đợi. Tôi chạy theo anh.

- Ông Fred – Rouletabille vừa chào vừa bày tỏ những cử chỉ kính trọng sâu xa xuất phát từ niềm cảm phục chân thật của anh phóng viên trẻ đối với nhà thám tử lão luyện lừng danh, – ông có thể cho chúng tôi biết hiện ông Robert Darzac có ở lâu đài không? Đây là bạn ông Robert thuộc quân hạt Paris cần gặp ông ấy có việc gấp.

- Tôi không rõ, thưa ông Rouletabille, – Fred bắt tay bạn tôi, vì ông ta đã có dịp gặp anh nhiều lần trong các vụ điều tra khó khăn nhất của ông ta lúc trước, – tôi không thấy ông ấy đâu.

- Để hỏi vợ chồng anh gác cổng xem – Rouletabille chỉ một căn nhà gạch nhỏ, cửa lớn, cửa nhỏ đều đóng kín và nhất định phải là chỗ ở của những người bảo vệ trung thành tòa lâu đài.

- Máy người gác cổng không cho các ông biết được gì đâu, ông Rouletabille ời.

- Tại sao vậy?

- Tại vì, đã nửa giờ qua, họ bị bắt giữ rồi.

- Bắt giữ? – Rouletabille kinh ngạc. – Họ chính là những kẻ sát nhân đấy ư?

Frédéric Larsan nhún vai, lên giọng kẻ cả, châm biếm:

- Khi người ta không bắt được kẻ sát nhân, người ta vẫn có thể hiên ngang phát hiện bọn tòng phạm!

- Chính ông làm họ bị bắt à, ông Fred?

- Ấy không! Đâu có! Tôi không làm cho họ bị bắt trước hết là vì tôi gần như chắc chắn họ vô can trong vụ này, sau vì..

- Vì sao? Rouletabille lo lắng hỏi.

- Bởi vì không có gì hết – Larsan lắc đầu.

- Bởi vì làm gì có tòng phạm! – Tiếng Rouletabille thoảng như hơi gió.

Frédéric Larsan khựng lại, chú mục nhìn anh phóng viên:

- A! A! Thế ra ông có ý kiến về vụ này rồi ư? Ấy là ông chưa thấy gì đấy, ông bạn trẻ ời, ông chưa lọt được vào đấy mà.

- Tôi sẽ vào.

- Tôi nghi lắm. Lệnh cấm rất nghiêm.

- Tôi sẽ vào, nếu ông cho tôi gặp Robert Darzac. Xin ông giúp tôi. Chúng tôi là bạn cũ. Thưa ông Fred. Xin ông giúp tôi nhé! Ông còn nhớ bài báo tôi đề cao ông trọng vụ “những nén vàng” đấy chứ! Xin ông một chữ cho Robert Darzac đi.

Bộ mặt Rouletabille lúc ấy trông thật khôi hài. Nó phản ánh một nỗi thèm thuồng không thể kháng cự ý muốn vượt qua cái ngưỡng cửa kia, bên trong đã xảy ra một vụ bí mật ly kỳ nào đó. Một bộ mặt van xin bằng vẻ thống thiết không những của miệng và mắt mà còn của tất cả mọi nét trên mặt, đến nỗi tôi không nhịn được cười. Frédéric Larsan không hơn gì tôi, chẳng còn gì là nghiêm nghị nữa.

Thế nhưng, đằng sau song sắt cửa, Frédéric Larsan lặng lẽ đút chìa khóa vào túi. Tôi chăm chú nhìn ông ta.

Tuổi trạc ngũ tuần. Đầu tròn trĩnh, tóc hoa râm, nước da xạm, nhìn nghiêng có vẻ khắc nghiệt, trán dô, cằm và má cao nhẵn thín, vành môi không ria mép lượn rõ nét cong, cặp mắt hơi nhỏ và tròn, nhìn ai nhìn thẳng vào mặt, soi mói, gây kinh hãi và lo ngại cho người ta. Khổ người trung bình và cân đối. Dáng điệu trông toàn thể coi bộ lịch thiệp và dễ gây thiện cảm.

Không có gì là một anh Cảnh Sát quen. Ông là nghệ sĩ lớn trong số người đồng giới, ông biết vậy, và người ta có cảm tưởng ông tự đánh giá mình rất cao.

Giọng nói chuyện của ông là giọng một người đa nghi và sành sỏi. Nghề nghiệp quái dị của ông đã đưa đẩy ông cọ sát với nhiều tội ác và nhiều hành vi đồi bại, đến độ không hiểu nổi tại sao nó không làm cho “tình cảm ông thành chai đá”, nói theo cách phát biểu kỳ quặc của Rouletabille.

Nghe đằng sau có tiếng xe chạy đến, Larsan quay đầu lại. Chúng tôi nhận ra chiếc xe ngựa đã chở ông Dụ thẩm và viên lục sự ở ga Epinay.

- Đây này! – Frédéric Larsan nói lớn, – ông muốn nói chuyện với ông Robert Darzac thì ông ấy đây chứ đâu!

Cỗ xe ngựa đã tới cổng sắt và Robert Darzac nhờ Frédéric Larsan mở giùm cửa vào hoa viên. Ông cho biết đang quá vội và chỉ đủ thì giờ đến Epinay để đáp chuyển xe lửa sớm nhất đi Paris. Nói đến đây, ông nhận ra tôi. Trong khi Larsan mở cổng, ông Darzac hỏi tôi đến Glandier có việc chi mà đến nhằm vào lúc bi thảm như lúc này. Bấy giờ tôi mới để ý thấy ông xanh xao kinh khủng, một nỗi đau vô cùng tận in hằn trên gương mặt võ vàng.

- Cô Stangerson có khá hơn không, ông? – Tôi hỏi ngay.

- Khá, ông trả lời, có lẽ cứu được. Người ta phải cứu bằng được cô ấy chứ!

Ông không nói thêm câu “hoặc tôi sẽ chết”, nhưng người ta vẫn cảm thấy câu nói ấy run run trên cặp môi trắng bệch. Rouletabille xen vô:

- Ông ơi, ông vội lắm, tôi biết. Nhưng tôi cần nói với ông chuyện này, một câu chuyện hệ trọng ghê gớm.

Frédéric Larsan ngắt lời anh:

- Xin phép ông nhé! – Ông ta nói với Robert Darzac – ông có chìa khóa riêng hay muốn tôi đưa ông cái này dùng?

- Thôi, cảm ơn, tôi có chìa khóa rồi. Tôi sẽ lo đóng cổng lấy.

Larsan xăm xăm đi về hướng lâu đài cách đó vài trăm mét sừng sững một khối bóng hình đồ sộ.

Robert Darzac cặp lông mày cau lại, đã lộ vẻ sốt ruột. Tôi giới thiệu Rouletabille là người bạn rất tốt, nhưng lúc biết anh chàng là nhà báo ông Darzac nhìn tôi có vẻ trách móc nặng nề. Ông xin lỗi vì phải đến Epinay trong vòng hai mươi phút nữa, chào từ biệt rồi quay ngựa. Nhưng tôi kinh ngạc xiết bao khi thấy Rouletabille nín thở cương gài cỗ xe đứng lại, miệng thốt ra một câu tôi nghe chẳng có nghĩa gì:

“Nhà Trưởng Lão chẳng mất vẻ nên thơ

Như vườn cây vẫn xanh màu rực rỡ”

Câu này vừa ra khỏi miệng Rouletabille tôi đã thấy Robert Darzac lão đảo muốn ngã gục, mặt

ông đã xanh càng xanh thêm, mắt trừng trừng nhìn chàng tuổi trẻ với vẻ hãi hùng kỳ lạ, rồi nhảy phắt xuống đất, ông không giấu nổi một tâm trạng hoang mang, cực kỳ rối loạn.

- Đi đi! Đi đi! – Ông ta lắp bắp.

Rồi thình lình, ông ta nổi giận thét lớn:

- Đi đi! Ông đi đi!

Và ông quay trở lại con đường dẫn vào lâu đài không nói thêm một tiếng, trong khi Rouletabille tay vẫn cầm cương dắt ngựa kéo cỗ xe đi theo. Tôi nói mấy câu với ông Robert Darzac nhưng ông không trả lời. Tôi lại đưa mắt dò xét Rouletabille, nhưng anh không nhìn tôi.

Chương 6. Ở Cuối Vườn Sồi

Chúng tôi đến lâu đài. Ngọn vọng lâu cổ nổi vào phần dinh thự xây tại hoàn toàn đời vua Louis 14 bởi một kiến trúc khác tân kỳ hơn, kiểu Viollet-le-Due; cổng chính vào lâu đài đặt ở đây. Tôi chưa bao giờ trông thấy loại kiến trúc nào độc đáo như vậy, xấu xí như vậy, nhất là kỳ cục như cái thứ kiến trúc quái dị pha trộn đủ mọi kiểu lủng củng tương phản nhau. Thật quái gở mà lại lôi cuốn. Tới gần, chúng tôi thấy hai ông hiến binh đang dẫn bước trước một cửa ra vào nhỏ của tầng trệt vọng lâu. Sau đó một lát thì chúng tôi được biết trong cái tầng trệt này ngày xưa dùng làm nhà giam và bây giờ là gian chứa đồ phế thải, người ta đang nhốt vợ chồng người gác cổng, ông bà Bernier.

Ông Robert Darzac, dẫn chúng tôi vào phần hiện đại của lâu đài bằng một cửa lớn có mái che mưa. Rouletabille đã giao ngựa và xe cho một gia nhân và anh không rời mắt nhìn ông Darzac. Tôi nhìn theo tia mắt anh thì thấy nó chiếu thẳng tới hai bàn tay đeo găng của vị giảng sư Sorbonne. Khi chúng tôi đã vào phòng khách nhỏ có kê vài thứ đồ đạc hơi cổ, ông Robert Darzac quay về phía Rouletabille hỏi cộc lốc:

- Nói đi! Ông muốn gì ở tôi.

Anh phóng viên trả lời không kém cộc lốc:

- Bắt tay ông!

Darzac lùi lại một bước:

- Nghĩa là sao?

Hiển nhiên, ông đã hiểu điều mà bây giờ tôi cũng hiểu rằng bạn tôi nghi ông là thủ phạm vụ mưu sát.

Dấu bàn tay dẫm máu trên tường “Căn Phòng Vàng” hiện ra trước mắt ông. Tôi nhìn con người có vẻ mặt kiêu kỳ, ánh mắt ngày thường thẳng thắn mà bây giờ dao động lạ lùng. Ông chìa bàn tay phải cho Rouletabille và hất hàm về phía tôi:

- Ông là bạn của ông Sainclair, người đã giúp tôi một việc lớn không ngờ trong một vụ kiện chính đáng nên, thưa ông, tôi không thấy lý do để từ chối bắt tay ông.

Rouletabille không cầm bàn tay ấy. Anh nói láo một cách trắng trợn nhất thế giới:

- Thưa ông, tôi từng sống mấy năm bên Nga, đã tập ở đó thói quen không bao giờ bắt tay một người không tháo găng tay.

Tôi tưởng ngài giảng sư Sorbonne nổi ngay cơn thịnh nộ nó bắt đầu khuấy động trong người ông, nhưng trái lại, với một cố gắng dữ dội và thấy rõ, ông lấy lại bình tĩnh, tháo bỏ đôi găng và chìa cả hai bàn tay ra trước mặt. Hai bàn tay ông mịn màng không một vết sẹo.

- Ông thỏa mãn chưa?

- Chưa! – Rouletabille trả lời rồi quay sang tôi – anh bạn thân mến ơi, tôi buộc lòng phải yêu cầu anh để chúng tôi nói chuyện riêng một lát.

Tôi chào và rút lui, còn bàng hoàng về những gì vừa nghe thấy. Tôi không hiểu tại sao ông Robert Darzac không nắm đầu liệng ngay ra cửa người bạn lão lếu, hỗn xược, kỳ cục của tôi. Bởi vì giờ phút ấy, tôi oán trách Rouletabille về những nghi ngờ trong đầu anh đã đưa đến màn kịch gắng tay quá khổ.

Tôi chậm rãi đếm bước khoảng hai mươi phút trước lâu đài, cố gắng nối kết với nhau những biến cố xảy ra buổi sáng hôm ấy nhưng không được. Rouletabille nghĩ gì? Hay anh ngờ Robert Darzac là kẻ sát nhân? Sao lại có thể nghĩ rằng người đàn ông kia chỉ vài ngày nữa là đẹp duyên cầm sắt với cô Stangerson, đã xâm nhập “Căn Phòng Vàng” toan ám sát người vợ sắp cưới của mình? Rốt cục, chẳng có gì cho chúng tôi hiểu hung thủ làm thế nào thoát ra khỏi “Căn Phòng Vàng” và chừng nào cái bí ẩn đối với tôi không thể giải thích mà chưa được giải thích cho tôi hiểu thì tôi cho rằng bốn phận mọi người là đừng nghi ngờ ai cả. Chưa hết, câu nói vô nghĩa lúc này giờ còn văng vẳng bên tai tôi “Nhà trưởng lão chẳng mất vẻ nên thơ, như vườn cây vẫn xanh màu rục rỡ”. Tôi nóng lòng mong có dịp một mình với Rouletabille để hỏi anh cho ra lẽ.

Đúng lúc ấy, anh chàng từ lâu đài đi ra với Robert Darzac. Mà lạ chưa kìa, thoạt nhìn tôi đã thấy ngay họ là đôi bạn thân nhất trên đời.

- Chúng tôi đến “Căn Phòng Vàng” đây, – Rouletabille bảo tôi, – anh cùng đi nhé. Này anh bạn thân mến, anh biết tôi sẽ giữ anh suốt ngày nay. Chúng ta ăn trưa luôn ở địa phương thôi.

- Ơ kìa, các ông dùng bữa với tôi ở đây chứ!

- Không, cảm ơn – bạn tôi trả lời. – chúng tôi ra quán “Vọng lâu”.

- Ăn uống ở đấy dở lắm, không có gì đâu.

- Ông tưởng thế chứ. Tôi, tôi hy vọng tìm thấy một cái gì. Ăn xong, chúng tôi làm việc lại, tôi sẽ viết bài và nhờ ông vui lòng mang về tòa soạn giùm cho.

- Còn ông, ông không về với tôi ư?

- Không, tôi ngủ lại đây.

Tôi quay nhìn Rouletabille. Anh nói năng nghiêm túc và Robert Darzac chẳng ngạc nhiên chút nào.

Lúc ấy chúng tôi đi qua vọng lâu và nghe tiếng rên rỉ. Rouletabille hỏi:

- Tại sao vợ chồng nhà này bị bắt giữ?

- Lỗi tại tôi một phần, – Darzac trả lời. – Hôm qua, tôi có nhận xét nêu ra với Dự thẩm là không hiểu tại sao mà vợ chồng người gác có đủ thì giờ để nghe tiếng súng nổ, để “mặc quần áo”, để qua một quãng đường khá dài từ nhà họ ở đến biệt thất, tất cả chỉ mất hai phút, vì thời gian lúc súng nổ đến lúc họ gặp bố Jacques không quá hai phút.

- Dĩ nhiên là có gì ám muội rồi. – Rouletabille tán thành. – Họ ăn mặc chỉnh tề lắm à?

- Đó là cái khó tin. Họ ăn mặc chỉnh tề “áo quần đầy đủ” gọn gàng và đủ ấm. Trong phục sức của họ không thiếu một phụ tùng nào. Bà vợ thì đi guốc, nhưng ông chồng mang “giày cột dây” dăng hoàng. Mà họ lại khai đã đi ngủ như mọi tối, lúc chín giờ. Sáng nay khi tới đây, ông Dự

thẩm có mang từ Paris đến một khẩu súng lục cùng cỡ với khẩu súng trong vụ án (vì ông không muốn đụng đến khẩu súng tang vật). Ông chuyển cho lục sự đứng trong “Căn Phòng Vàng”, cửa sổ và cửa ra vào đều đóng, bắn hai phát. Chúng tôi cùng ông ta ở trong nhà vợ chồng người gác, chẳng ai nghe thấy gì, không nghe được gì hết. Nghĩa là vợ chồng người gác cổng đã nói dối, không còn nghi ngờ. Lúc ấy, thật ra họ đã sẵn sàng, họ ở ngoài nhà rồi, không xa biệt thất, họ chờ đợi cái gì đó. Đã hẳn, người ta không buộc tội họ là thủ phạm vụ mưu sát, nhưng họ có thể là tông phạm. Ông De Marquet đã tổng giam hai vợ chồng ngay tức khắc.

- Nếu họ là tông phạm – Rouletabille nói, – họ sẽ đến đó với y phục xốc xếch, hay đúng hơn, họ chẳng đến đó làm chi. Khi người ta hối hả lao đầu vào vòng tay công lý với trên mình bao nhiêu chứng cứ tông phạm thì điều đó tất nhiên có nghĩa là họ không phải tông phạm. Tôi không tin trong vụ này có tông phạm.

- Thế thì tại sao họ ở ngoài nhà lúc nửa đêm? Họ phải khai lý do chứ?

- Chắc chắn họ có lợi gì thì mới im lặng, cần biết đó là lợi gì? Dù cho họ không phải tông phạm thì việc đó cũng có phần quan trọng của nó. Hết thấy những gì xảy ra trong một đêm như đêm ấy đều quan trọng cả.

Chúng tôi vừa đi hết cây cầu già nua bắc qua sông Douve và đi vào phần đất của hoa viên mang tên là “Vườn Cây Sồi”. Ở đây có những cây sồi đã sống trăm năm. Mùa thu, lá sồi vàng úa co quắp lại, những cành cao, đen và ngoằn ngoèo giống những lọn tóc góm ghiếc, những nút xoắn của loài bò sát khổng lồ rối vào nhau, như nhà điêu khắc thời thượng cổ đã nặn ra trên đầu nàng Méduse.

Nơi đây, cứ mùa hè thì cô Stangerson đến ở vì cô thấy nó tươi mát, nhưng chúng tôi, mùa này, chúng tôi thấy nó ảm đạm và ghê sợ. Mặt đất thì đen ngòm, lầy nhầy bùn nhão trộn với lá cây khô vì nước mưa mới dứt. Thân các cây to cũng đen đui, cả bầu trời trên đầu chúng tôi cũng đượm màu tang tóc đầy những tảng mây nặng. Rồi, trong cảnh ảm đạm tăm tối và thê lương này, chúng tôi thấy hiện ra những bức tường trắng của ngôi biệt thất, kiến trúc gì mà kỳ cục, từ chỗ nó xuất hiện trước mắt chúng tôi không thấy một khung cửa sổ nào. Chỉ có một cửa ra vào nhỏ. Y hệt một nắm mồ, một lăng tẩm lớn ở tận cùng rừng sâu hoang vắng. Theo đà đi tới, chúng tôi đoán dần ra kiểu xây cất của nó. Ngôi nhà hứng đủ ánh sáng cần thiết ở hướng nam tức là phía bên kia, phía đồng quê. Khung cửa nhỏ thì khép lại bên hoa viên. Cha con ông Stangerson chắc phải tìm thấy ở đây một nhà tù lý tưởng để sống với thực và mộng của họ.

Tôi xin đưa ngay ra bây giờ bản đồ ngôi biệt thất. Nó chỉ có một tầng trệt bước lên bằng vài bậc đá, với một gác nóc “không liên can gì đến công việc của chúng ta đây”. Nghĩa là dưới mắt bạn đọc, tôi xin trình bày bức họa đồ tầng trệt với tất cả nét đơn sơ của nó:

1. “Căn Phòng Vàng” Với một cửa sổ độc nhất có song sắt và một cửa ra vào độc nhất thông sang Phòng thí nghiệm.
2. Phòng thí nghiệm Với hai cửa sổ lớn có song sắt và hai cửa ra vào, một thông sang gian tiền đình, một thông sang “Căn Phòng Vàng.”
3. Gian tiền đình Với khung cửa sổ không có chấn song và cửa ra vào mở ra Hoa viên.

4. Phòng rửa mặt.

5. Cầu thang lên gác nóc.

6. Lò sưởi lớn và độc nhất của biệt thất dùng để thực hành các môn thí nghiệm.

Chính Rouletabille vẽ bản đồ này và tôi nhận thấy nó không thiếu một đường nét, một chỉ dẫn nào khả dĩ góp vào công việc tìm giải đáp cho bài toán đặt ra lúc ấy trước Công lý.

Với lời chú giải và bức bản đồ, bạn đọc sẽ có cái vốn hiểu biết đủ để đi tới sự thật không kém Rouletabille khi anh bước vào ngôi biệt thất lần đầu tiên và ai cũng tự hỏi thẳm: “Tên sát nhân đã trốn khỏi “Căn Phòng Vàng” bằng lối nào?”

Trước khi bước lên ba bậc đá ở cửa ra vào biệt thất, Rouletabille ngăn chúng tôi lại và hỏi Robert Darzac đột ngột:

- Thế còn động cơ tội ác, sao?

- Với tôi, thưa ông, chẳng có gì nghi ngờ về vấn đề này – Người chồng sắp cưới của cô Stangerson buồn bã đáp – Những dấu ngón tay, những vết trầy móc sâu vào thịt ở ngực và ở cổ cô Stangerson chứng tỏ tên khốn nạn đã cố phạm một tội ác ghê tởm. Các bác sĩ chuyên viên giám định hôm qua đã khám nghiệm những dấu vết này và quả quyết chúng đều do cái bàn tay đầm máu in trên tường gây ra cả. Một bàn tay to rộng, thưa ông, và xỏ không vừa chiếc găng của tôi – Ông Darzac nói thêm với một nụ cười cay đắng và khó định nghĩa.

- Cái bàn tay đỏ ấy – tôi ngắt lời ông – không thể là dấu những ngón tay máu của cô Stangerson lúc quy xuống đã đục vách tường, và trong lúc từ từ ngã khụy đã kéo dài thành hình loang to của một bàn tay đầm máu sao?

- Không có giọt máu nào ở hai bàn tay cô Stangerson khi cô được nâng dậy – Ông Darzac đáp.

- Như thế là bây giờ – tôi nói – ta đã chắc chắn chính cô Stangerson tự vũ trang bằng khẩu súng lục của bố Jacques, vì cô đã bắn trúng tay tên sát nhân, vậy thì cô phải sợ hãi một cái gì hoặc một người nào đấy.

- Có thể.

- Ông không nghi ai à?

- Không, ông Darzac trả lời trong lúc nhìn Rouletabille.

Bấy giờ Rouletabille mới bảo tôi:

- Anh nên biết, anh bạn thân mến ơi, rằng cuộc thám cứu đã tiến xa hơn những gì lão từ giữ ẩn của ông Dục thám thổ lộ với chúng ta. Không phải bây giờ Dục thám mới biết khẩu súng lục là vũ khí cô Stangerson dùng để tự vệ, nhưng còn biết và đã biết ngay từ trước, cái vũ khí dùng để tấn công, để đả thương cô Stangerson là cái gì. Ông Darzac đã cho tôi biết nó là một “khúc xương cừu”. Tại sao ông De Marquet bao quanh cái khúc xương cừu ấy nhiều bí ẩn như vậy? Tại vì ông muốn dành dễ dàng cho các nhân viên Công An, không thể hồ nghi. Có lẽ ông tưởng sẽ tìm thấy chủ nhân của nó trong đám côn đồ hạ đẳng ở Paris thường sử dụng vũ khí giết người ấy, thứ khí giới khủng khiếp nhất bọn sát nhân có thể nghĩ ra. Vả chẳng, ai biết được

những gì ở trong một khối óc dự thẩm. – Rouletabille nói thêm với giọng mỉa mai khinh bỉ.

Tôi hỏi:

- Vậy ra người ta đã tìm thấy “một khúc xương cừu” trong “Căn Phòng Vàng”?

- Thừa vâng – ông Robert Darzac trả lời, – ngay dưới chân giường. Nhưng tôi xin ông đừng nhắc đến chuyện ấy. Ông De Marquet đã yêu cầu tôi giữ kín (tôi phác một cử chỉ phản đối). Đó là một khúc xương cừu bự mà cái đầu hay đúng hơn, cái khớp còn đỏ thẫm máu ở vết thương góm ghiếc nó gây cho cô Stangerson. Một khúc xương cừu cũ có thể là đã dùng vào nhiều tội ác trước đó, xét theo bề ngoài. Ông De Marquet nghĩ vậy, và đã cho mang về Paris để phân chất tại Phòng Thí Nghiệm thành phố. Ông ấy tin đã ghi nhận trên khúc xương không những máu tươi của nạn nhân mới nhất, mà còn những dấu đỏ hung hung không thể là gì khác hơn những vết máu đã khô, chứng có nhiều tội ác trước.

- Một khúc xương cừu trong tay một tên “sát nhân lão luyện” là một vũ khí lợi hại kinh khủng – Rouletabille nói, – một vũ khí tiện lợi và bảo đảm hơn một chiếc búa nặng.

- Thì “tên khốn nạn” đã chứng minh như vậy đó – ông Robert Darzac đau đớn tiếp lời, – khúc xương cừu đã đánh vào trán cô Stangerson một cách tàn bạo. Đầu máu khúc xương so với vết thương hoàn toàn ăn khớp. Theo tôi, vết thương sẽ giết chết nạn nhân nếu hung thủ không bị chặn nửa chừng lúc xuống tay, bởi khẩu súng của cô Stangerson. Bàn tay bị thương, nó mới buông khúc xương cừu và chạy trốn. Khốn một nỗi, khúc xương cừu đã đánh xuống và trúng đích rồi. Cô Stangerson hầu như chết thật sau khi đã suýt chết vì bị bóp cổ. Nếu cô Stangerson gây được thương tích cho nó ngay phát súng đầu tiên thì chắc cô đã thoát khúc xương cừu. Nhưng cô nắm được khẩu súng quá muộn. Rồi phát súng đầu trong lúc vật lộn, cô bắn trượt, đạn bay trên trần nhà, đến phát thứ hai mới trúng!

Dứt lời, ông Darzac đập cửa ngôi biệt thất. Tôi có nên thú nhận với bạn đọc rằng tôi nôn nóng vào được chính nơi xảy ra tội ác biết chừng nào. Tôi phát run người và mặc dầu câu chuyện khúc xương cừu hàm chứa nhiều điểm đáng chú ý, tôi sốt ruột thấy nó kéo dài và cửa biệt thất vẫn chưa được mở.

Nhưng rồi nó cũng mở.

Một người đàn ông đứng trên ngưỡng cửa. Tôi nhận ra bố Jacques.

Bố có dáng người già đã qua tuổi sáu mươi. Một chòm râu bạc dài, mái tóc bạc phơ dưới chiếc mũ nồi kiểu “bát”, một bộ com-lê nhung màu hạt dẻ đã sờn rách, chân mang guốc, bộ mặt cau có khó thương nhưng vệt tươi lên rạng rỡ khi trông thấy Robert Darzac.

- Bạn cả, người hướng dẫn chúng tôi giới thiệu gọn lỏn, không có ai trong biệt thất ư, bố Jacques?

- Thừa ông Robert, tôi không được phép để ai vào, nhưng cố nhiên lệnh cấm không nhắm vào ông, không hiểu sao? Họ đi thấy mọi cái họ cần thấy, mấy ông ở tòa án đó. Họ vẽ bao nhiêu bản đồ, lập bao nhiêu biên bản rồi.

- Xin lỗi cụ Jacques, cho tôi hỏi một câu quan trọng hơn hết – Rouletabille nói.

- Vâng, mời ông, nếu tôi trả lời được.

- Cô chủ của cụ tối hôm ấy chải tóc kiểu băng-đô, chắc cụ biết, tức chải rẽ vắt ngang trên trán, phải vậy không?

- Dạ không, thưa ông bạn trẻ, cô chủ tôi không hề làm tóc băng-đô như ông tả, tối hôm ấy và mọi tối khác cũng không. Bao giờ cô cũng chải vén lên cho người ra thấy vầng trán đẹp của cô, vầng trán trắng bạch như trán đứa bé mới chào đời.

Rouletabille lăm bằm trong cổ họng rồi cắn cúi xem xét cửa ra vào. Anh thấy ngay nó tự động khép lại. Anh nhận định nó không bao giờ đứng yên được trong tư thế mở, và muốn mở phải có chìa khóa.

Đoạn, chúng tôi đi vào gian tiền đình, nhỏ nhưng sáng sủa, lát gạch bông đỏ.

- A, đây là cái cửa sổ tên sát nhân đã leo qua để tẩu thoát đây. – Rouletabille gật gù.

- Họ cứ nói thế, thưa ông, họ cứ nói thế. Nếu nó trốn qua đây nhất định chúng tôi phải thấy. Chúng tôi đâu có mù! Cả ông Stangerson, cả tôi, cả vợ chồng chú gác cổng họ đã bỏ tù đó, không ai mù! Tại sao họ không nhốt luôn cả tôi đi, vì khẩu súng của tôi đó!

Rouletabille mở toang cửa sổ và sờ mó hai cánh.

- Hai cánh cửa này đều đóng khi án mạng xảy ra chứ?

- Bằng chốt sắt cài phía trong, bố Jacques quả quyết, và tôi, tôi chắc chắn tên sát nhân đã đi xuyên qua.

- Có vết máu không?

- Có, đây này, trên đá đó, phía ngoài. Nhưng máu gì mới được chứ?

- A! – Rouletabille reo lên, – có dấu chân nữa, kia kìa, trên lối đi, đất chỗ này ướt lắm. Lát nữa, chúng ta sẽ xem xét điểm này.

- Tầm bậy, – bố Jacques ngắt lời anh – thủ phạm không qua lối này được!.

- Thế nó qua lối nào?

- Tôi làm sao biết!

Rouletabille quan sát tất cả, đánh hơi tất cả. Anh quỳ gối thám thính rất nhanh những viên đá vuông nham nhở lát gian tiền đình. Bố Jacques thì tiếp tục lăm nhăm:

- A, ông không tìm thấy gì đâu, thưa ông bạn trẻ. Họ cũng đã chẳng tìm thấy gì. Mà bây giờ thì dơ dáy quá rồi. Nhiều người ra vào quá đi! Họ không bằng lòng cho tôi lau rửa sàn đá, nhưng hôm xảy ra án mạng tôi đã xối nước ào ào rửa ráy tất cả, chính tôi, bố Jacques đó và nếu tên sát nhân chạy qua đây với đôi “bàn cước” của nó thì thế nào chúng tôi cũng thấy rồi. Nó để lại nhiều dấu giày ở trong phòng cô chủ đấy thôi!

Rouletabille đứng lên và hỏi:

- Cụ lau rửa sàn nhà đá này lần chót vào lúc nào?

Và anh nhìn bố Jacques bằng con mắt không để sinh một cái gì mà không thấy.

- Thì chính hôm xảy ra án mạng, tôi nói rồi mà! Khoảng năm giờ rưỡi, trong lúc cha con cô chủ đi tản bộ một vòng trước khi dùng bữa chiều ở ngay đây chứ đâu, vì hôm ấy hai người ăn chiều ở phòng thí nghiệm. Hôm sau, khi Dự thẩm đến, ông ta đã thấy các dấu chân dưới đất rõ như mực đen trên giấy trắng. Thế mà, cả phòng thí nghiệm, cả gian tiền đình, sạch bóng như gương không ai tìm thấy vết chân của nó, của thằng đó. Vết chân nó, bởi vì người ta tìm thấy ở gần cửa sổ phía ngoài, nên bắt buộc nó phải đục trần “Căn Phòng Vàng”, phóng lên gác nóc, trở nóc nhà, rồi lọt trúng chỗ cửa sổ gian tiền đình, bằng cách buông mình cho rơi xuống đất. Thế nhưng, làm gì có lỗ hổng nào trên trần “Căn Phòng Vàng”, gác nóc cũng không, tất nhiên! Vậy thì, ông thấy đó, chẳng ai biết đường nào mà mò, hoàn toàn mù tịt, không biết tí tí gì ráo! Đây là một bí mật của ma quỷ!

Bỗng Rouletabille lại quỳ phục, gần như đối diện với cửa ra vào một buồng tắm nhỏ tận cuối gian tiền đình. Anh quỳ như thế ít nhất một phút.

- Thế nào? – Tôi hỏi khi anh đứng dậy.

- Ôi, không quan trọng lắm. Có mỗi giọt máu.

Anh quay sang bố Jacques:

- Khi cụ lau rửa phòng thí nghiệm và gian tiền đình thì cửa sổ gian tiền đình có mở không?

- Tôi mới mở thôi, vì tôi đốt than cho ông chủ trên lò phòng thí nghiệm và tại tôi nhóm lửa bằng giấy báo nên khói quá, tôi đã mở các cửa sổ phòng thí nghiệm và cửa sổ gian tiền đình cho gió vào. Xong, tôi đóng hai cái bên phòng thí nghiệm và để mở cái ở gian tiền đình, rồi tôi đi ra ngoài một lát để kiểm cái khăn rửa chén ở phía lầu đài. Và chính lúc trở về, như tôi đã nói với ông, khoảng năm giờ rưỡi, tôi bắt đầu lau rửa sàn đá. Lau xong, tôi lại đi, vẫn để mở cửa sổ gian tiền đình. Sau hết, lần chót tôi trở vô biệt thất, cái cửa sổ thấy đóng và cha con ông giáo sư đang làm việc trong phòng thí nghiệm.

- Hay là ông giáo sư và con gái đi dạo lúc trở về đã đóng lại chứ gì?

- Chắc vậy.

- Cụ không hỏi họ sao?

- Không!

Sau một cái nhìn từ căn phòng tắm nhỏ qua chiếc lồng đầu cầu thang dần lên gác nóc, Rouletabille coi như không có chúng tôi ở đó, bước vào phòng thí nghiệm. Thú thật, tôi đi theo mà lòng xúc động ghê gớm! Robert Darzac không bỏ mất một cử động nào của bạn tôi. Còn tôi, mắt dính chặt ngay vào khung cửa thông sang “Căn Phòng Vàng”. Nó đóng, hay nói đúng hơn, nó bị nghiêng qua phòng thí nghiệm vì tôi nhận thấy nó bị phá hủy một nửa và không dùng được. Nỗ lực của những người đã lao vào nó lúc án mạng xảy ra đã bẻ gãy nó.

Người bạn trẻ của tôi làm việc có phương pháp. Anh lẳng lặng ngắm nghía căn phòng chúng tôi đang đứng ở trong. Phòng rộng và rất sáng. Hai cửa sổ thật lớn có chấn song trông ra vùng

quê bát ngát. Đúng là một lỗ hổng soi vào rừng rậm, một phong cảnh tuyệt vời trên cả một thung lũng, một bình nguyên, cho đến tận thành phố lớn ở títt đằng xa kia trông rõ vào những ngày nắng to. Nhưng hôm nay thì chỉ có bùn dưới đất, bồ hóng trên trời và máu trong căn phòng này.

Suốt một bên phòng thí nghiệm là mặt lò sưởi to rộng với những lò đúc nhỏ, những bếp than dùng vào mọi công việc thử nghiệm hóa học. Những bình cổ cong, những dụng cụ vật lý hầu như chỗ nào cũng có, những bàn đầy ve lọ, giấy má, hồ sơ, một máy điện, những cục pin, một bộ máy mà theo lời giới thiệu của ông Robert Darzac thì giáo sư Stangerson dùng để chứng minh tính phân rã của vật chất dưới tác động của ánh sáng mặt trời, vân vân...

Và dọc các bức tường toàn là tủ, vừa tủ kín mít vừa tủ lắp kính trông thấy đủ thứ: Kính hiển vi, những máy chụp hình loại đặc biệt, một số lượng pha lê đếm không xuể.

Rouletabille chúi mũi vào chiếc lò lớn. Anh dùng đầu ngón tay móc, ngoáy trong các lò đúc nhỏ. Bỗng anh đứng phắt dậy, tay cầm một mẫu giấy cháy dở.

Anh đến chỗ chúng tôi đang nói chuyện bên cửa sổ và nói:

- Giữ dùm chúng tôi cái này đi, ông Darzac.

Tôi nghiêng đầu nhìn vào mảnh giấy hung đỏ ông Darzac vừa nhận từ tay Rouletabille. Tôi nhìn thấy rất rõ, những chữ lồm bồm còn lại và đọc được: Trưởng lão... mất... thơ.. như... rục rũ.

Và phía dưới: “23 tháng 10”.

Từ sáng nay, đã hai lần, những câu vô nghĩa này đánh mạnh vào tâm trí tôi, và lần thứ ba, tôi thấy chúng gây nơi vị giảng sư Sorbonne cùng một hiệu quả sét đánh ngang tai.

Cử chỉ đầu tiên của ông Robert Darzac là quay nhìn bố Jacques, nhưng ông lão đang bận gì đó ở cửa sổ bên kia không trông thấy chúng tôi. Thế rồi, vị hôn phu của cô Stangerson run run mở bốp, cất mảnh giấy vào và thở dài náo nuột: “Trời ơi là trời!”

Trong lúc ấy, Rouletabille leo vào lò, nghĩa là đứng trên mấy viên gạch một khuôn bếp, anh chăm chú nhìn lòng ống khói thu nhỏ dần ở phía trên và cách đầu anh năm mươi phân thì khép hẳn lại bằng những thẻ sắt gắn vào trong gạch, cho thò ra ngoài ba ống tròn khoảng mười lăm phân đường kính mỗi ống.

- Không thể qua lối này được, chàng phóng viên nháy ra và tuyên bố – mà nếu “nó” có chui qua đây thì tất cả mớ sắt vụn này phải nằm dưới đất. Không! Không! Chỗ này chịu thua, không tìm được gì hết.”

Sau đó, anh xem xét bàn ghế và mở các cửa tủ.

Rồi đến lượt hai khung cửa sổ anh cũng tuyên bố không thể vượt qua và “nó đã không vượt qua”. Đến khung cửa thứ hai, anh bắt gặp bố Jacques đang dăm dăm ngó ra ngoài.

- Ô kìa, bố Jacques, cụ nhìn cái gì thế?

- Tôi nhìn cái ông cảnh sát cứ đi vòng quanh hồ mãi từ nãy đến giờ. Lại thêm một anh láu cá,

chẳng nhìn thấy gì xa hơn kẻ khác!

- Cự không biết Frédéric Larsan à, bố Jacques? Rouletabille buồn bã lắc đầu. – Nếu biết, cự đã chẳng nói vậy. Ở đây mà có ai đủ tài cán tìm ra thủ phạm thì chỉ có ông ấy thôi, phải tin như thế!

Rồi Rouletabille thở dài. Và bố Jacques bướng bỉnh cãi:

- Trước khi tìm thấy nó, phải biết đã mất nó cách nào chứ!

Cuối cùng, chúng tôi tới “Căn Phòng Vàng”.

- Đây rồi, cái cánh cửa đằng sau nó đã có gì xảy ra! – Rouletabille nói với một vẻ long trọng mà ở trường hợp khác tất nó đã mang tính chất khôi hài.

Chương 7. *Rouletabille Thám Hiểm Dưới Gầm Giường*

Rouletabille đẩy cánh cửa “Căn Phòng Vàng”, bỗng khựng lại trên bậc cửa, thốt ra một câu với giọng xúc động mà sau này tôi mới hiểu: “Ôi Hương thơm người đàn bà bận đồ đen”. Thấy phòng tối quá, bố Jacques định mở cửa sổ nhưng Rouletabille ngăn lại. Anh hỏi:

- Ánh mạng có xảy ra trong bóng tối hoàn toàn không?

- Không đâu, ông bạn. Tôi nghĩ là không, Cô chủ tôi ưa có cây đèn ngủ thấp sáng trên bàn, và chính tay tôi tối hôm nào cũng thấp hầu cô khi cô sắp đi nằm. Tôi gần như một chị hầu phòng của cô vậy, kể từ lúc trời tối. Chị hầu phòng thứ thiệt thì chỉ đến buổi sáng. Cô chủ tôi làm việc khuya lắm! Ban đêm!

- Cái bàn để cây đèn ngủ kê chỗ nào? Có xa giường không?

- Xa.

- Bây giờ cụ có thể thấp giùm lên được không?

- Cây đèn ngủ bể rồi, và dầu chảy chan hòa khi cái bàn bị xô đổ. Ngoài ra, tất cả còn nguyên như cũ. Tôi chỉ mở cửa sổ là ông thấy ngay.

- Khoan đã!

Rouletabille trở vào phòng thí nghiệm, đi đóng hai cửa sổ ở đây và cửa ra vào thông sang gian tiền đình. Khi căn phòng đã tối thui, anh thấp một ngọn nến, đưa cho bố Jacques bảo bố cầm đèn đứng vào khoảng chính giữa “Căn Phòng Vàng” đúng chỗ cây đèn ngủ thấp sáng đêm ấy.

Bố Jacques chân mang giày vải (bố thường bỏ guốc lại gian tiền đình) bước vào “Căn Phòng Vàng” với cây nến trên tay và chúng tôi trông thấy mơ hồ, vì ngọn lửa quá yếu soi không đủ sáng, những đồ đạc nằm ngổn ngang trên sàn nhà, một cái giường kê trong góc, và trước mặt chúng tôi, bên trái, ánh phản chiếu một tấm gương treo trên tường gần giường. Toàn cảnh qua rất nhanh.

Rouletabille hô: Xong rồi! Cụ có thể mở cửa sổ.

- Coi chừng, chớ có đi vô, – bố Jacques năn nỉ, các ông có thể để lại dấu giày, và đừng xáo trộn gì hết. Đó là ý ông Dự thẩm. Ý ông như vậy mặc dầu công việc của ông xong rồi.

Đoạn, bố đẩy cánh cửa sổ. Ánh sáng nhọt nhọt bên ngoài tràn vào cho thấy một cảnh tượng hỗn độn kinh khủng giữa những bức tường màu vàng nghệ. Sàn gỗ gian tiền đình và phòng thí nghiệm lát gạch bông nhưng “Căn Phòng Vàng” thì lát ván, trải chiếu vàng liền một mảnh lớn, phủ gần kín căn phòng cả dưới giường và bàn trang điểm là hai món đồ duy nhất còn đứng vững. Chiếc bàn tròn kê giữa phòng, bàn đêm và hai ghế dựa đổ lộn lỏi. Tuy vậy, chúng không che kín hết một vũng máu loang rộng trên chiếc thảm mà bố Jacques nói là từ vết thương ở trán cô Stangerson chảy ra. Ngoài vũng máu lớn này, còn nhiều giọt máu nhỏ lấm tấm hầu như ở khắp phòng và có vẻ đi theo dấu các bước chân rất rõ, những bước chân to đen của hung thủ. Tất cả dẫn đến phỏng đoán rằng những giọt máu ấy do vết thương của tên sát nhân đã một lúc

nào đó, in bàn tay của nó lên tường. Những dấu khác của bàn tay này còn in nhiều trên tường nhưng không rõ bằng. Đúng là một bàn tay đàn ông thô lỗ đầm máu.

Tôi không nhìn nổi, thốt kêu lên:

- Các ông coi kìa, coi cái dấu máu trên tường kìa. Kẻ đã áp mạnh bàn tay ở đây đang mò mẫm trong bóng tối và yên trí nắm được một cánh cửa. Y tưởng đẩy được nó ra. Vì thế mà y nắm rất chắc nên để lại trên mặt giấy vàng một hình vẽ nặng chất tố cáo ghê gớm, vì trên đời làm gì có nhiều bàn tay cỡ đó. Nó to và mạnh dễ sợ, các ngón gần như dài bằng nhau. Còn ngón cái thì không thấy. Nếu theo dõi cái “dấu” bàn tay này, chúng ta thấy sau khi bấm vào tường, nó xoa mặt tường, nó tìm cửa, thấy cửa, nó tìm ổ khóa.

- Hay đấy, Rouletabille ngắt lời tôi, anh cười khẩy, nhưng sao không có máu ở ổ khóa, cũng không có ở chốt cửa.

- Thì điều đó chứng minh cái gì? – Tôi hung hăng cãi với một thiện chí đáng tự hào, – “nó” mở khóa và mở chốt bằng tay trái, tự nhiên là như vậy, vì tay phải bị thương rồi.

- Nó chẳng mở cái gì ráo trọi! – Bõ Jacques lại la lớn. Chúng tôi đâu có ngu gì! Khi phá cửa vào, chúng tôi cả thấy bốn người lặn.

Tôi nói tiếp:

- Bàn tay thật kỳ cục! Mời quý vị coi giùm tôi cái bàn tay kỳ cục này!

- Đó là một bàn tay rất tự nhiên thôi! Rouletabille phản đối, – tại cái hình in ra đã bị méo mó vì nó trượt trên mặt tường. Nó đã chùi bàn tay vào tường. Nó phải cao cỡ một mét tám mươi.

- Anh căn cứ vào đâu?

- Vào độ cao của bàn tay trên tường.

Anh bạn tôi sau đó quay ra xem đến dấu đạn trên tường. Nó là một cái lỗ tròn, Anh tuyên bố:

- Viên đạn bay theo chiều “ngang”, không từ trên, – không từ dưới bắn đi.

Và anh còn lưu ý chúng tôi nó ở dưới dấu tay trên tường có vài phân.

Rồi quay ra cửa, Rouletabille chúi mũi vào ổ khóa và cái chốt. Anh nhận xét “quả thật người ta đã phá cửa từ phía ngoài, ổ khóa và chốt cài ngang còn gắn ở cánh cửa bể, ổ khóa vẫn khóa chặt, chốt còn đóng y nguyên, và trên tường, hai mảnh sắt chụp ổ khóa đã bật ra đeo tòng teng, nhờ còn một đinh ốc giữ lại nên chưa rớt”.

Anh ký giả trẻ của báo Thời Đại dăm dăm nhìn những vật này, nắm cánh cửa xem xét cả hai phía trong ngoài, cảm chắc không có cách chi đóng hoặc mở cái chốt “từ bên ngoài”, và cảm chắc người ta đã tìm thấy chìa khóa cắm trong ổ “từ phía trong”. Anh còn cảm chắc điểm nữa là một khi chìa đã cắm trong ổ phía trong thì không thể mở ổ khóa này bằng một chìa khác từ phía ngoài. Cuối cùng, sau khi ghi nhận ở cái cửa này không có một kiểu khép tự động nào, vẫn tắt một câu, nó là cái cửa bình thường như mọi cửa, nó có gắn một ổ khóa và một chốt ngang rất kiên cố, còn đóng y nguyên, anh chàng buông một câu đặc ý: “Được lắm!” Đoạn ngồi bệt xuống đất, anh vội vã cởi giày.

Chân mang tất ngắn, anh bước vào phòng. Việc đầu tiên là anh cúi rạp mình trên những bàn ghế đồ lỏng chỏng và xem xét cực kỳ tỉ mỉ. Chúng tôi im lặng nhìn anh. Bõ Jacques càng lúc càng mĩa mai:

- Ô, anh bạn nhỏ của ta ời! Anh bạn ời! Tội thân anh quá!

Nhưng Rouletabille ngẩng đầu lên:

- Cụ nói đúng, bã Jacques, tối hôm ấy cô chủ của cụ không để tóc kiểu băng-đô. Tôi mới là ngu nên đã tưởng vậy!

Rồi uốn mình mềm như con rắn, anh chui tọt vào gầm giường.

Và bã Jacques lắc nhai:

- Ấy vậy mà ông ời, ấy vậy mà tên sát nhân đã nấp dưới đó! Nó nằm sẵn trong đó hồi mười giờ khi tôi vào đóng cửa sổ và thắp đèn đêm, vì cả ông Stangerson, cả cô Mathilde, cả tôi, không ai rời phòng thí nghiệm cho đến lúc thảm kịch xảy ra.

Tiếng Rouletabille từ trong gầm giường:

- Thừa cụ Jacques, ông Stangerson và cô con gái đến phòng thí nghiệm lúc mấy giờ rồi không đi khỏi nữa?

- Sáu giờ.

Tiếng Rouletabille:

- Đúng rồi, nó có nằm đây, đúng, vả lại cả phòng chỉ có chỗ này nó ẩn được, Khi phá cửa vào, bốn người quý vị có nhìn dưới gầm giường không?

- Nhìn ngay lập tức. Chúng tôi còn dốc ngược cả giường lên rồi mới để lại như cũ cơ mà.

- Còn giữa các tầng nệm?

- Giường chỉ có một tấm nệm thì đã đặt cô Stangerson nằm lên rồi. Chú gác cổng với ông Stangerson đã mang nó sang ngay phòng thí nghiệm. Dưới tấm nệm ấy chỉ có màn lưới sắt chẳng che giấu được gì, người cũng như vật. Rốt cục, thừa ông thử nghĩ coi, chúng tôi những bốn người, không gì qua mắt nổi. Phòng thì quá nhỏ, đồ đạc có gì đâu, mà trong khu biệt thất, hể chúng tôi quay lưng đi là tất cả các cửa đều đóng hết.

Tôi đưa ra một giả thuyết:

- Có thể tên sát nhân đi kèm cái nệm! Trong cái nệm, biết đâu? Trước một bí ẩn như vậy, cái gì cũng có thể xảy ra! Giữa cơn biến loạn, ông Stangerson và anh gác cổng không nhận thấy mình đang khiêng một người nặng gấp đôi. Rồi, lỡ anh gác cổng là tông phạm của nó thì sao. Tôi đưa ra giả thuyết để tùy quý vị, riêng tôi thấy như thế thì giải thích được nhiều điểm đấy, và đặc biệt sự kiện phòng thí nghiệm và gian tiền đình không hề có dấu chân như ở trong “Căn Phòng Vàng”. Khi người ta khiêng cô Stangerson từ phòng thí nghiệm qua bên lầu đài, cái nệm còn nằm một lúc gần cửa sổ, có thể đã cho phép hung thủ tẩu thoát.

- Rồi sao nữa? Rồi sao nữa? – Rouletabille cười rộ dưới gầm giường.

Tôi hơi phật ý:

- Thật sợ, không biết sao nữa. Cái gì cũng có thể cả.

Bố Jacques xen vô:

- Đó cũng là ý kiến Dự thẩm, ông đã xem xét kỹ tấm nệm. Rồi ông cũng phải bật cười cho cái ý kiến của mình, như bạn ông đang cười ông lúc này đây, thưa ông, vì rõ ràng không phải tấm nệm có hai đáy! Và chẳng, nếu có người đàn ông nằm trong, tất nhiên chúng tôi đã thấy nó.

Tôi cũng phải cười cho cái thằng tôi, và thực vậy, từ lúc đó, tôi có bằng cứ rằng tôi đã nói một điều quái gở. Nhưng không biết nó bắt đầu từ đâu, tới đâu chấm dứt, cái quái gở trong một vụ như vụ này!

Chỉ có bạn tôi, một mình bạn tôi có khả năng trả lời câu hỏi đó, và còn gì gì nữa!

- Này cụ ơi! Anh phóng viên kêu to dưới gầm giường, tấm thảm con này lật lên rồi phải không?

- Do chính tay chúng tôi đó, thưa ông, bố Jacques giải thích, khi chúng tôi không tìm thấy thủ phạm, chúng tôi liền nghĩ không biết có cái lỗ hổng nào trong sàn gỗ không.

- Không có rồi đấy. Rouletabille trả lời vọng ra. Đây có hầm chứa rượu không cụ?

- Không, không có hầm nào cả. Nhưng điều đó không buộc chúng tôi ngừng tìm kiếm và ông Dự thẩm của ông, đã nghiên cứu sàn nhà từng tấm ván một, làm như ở dưới có hầm vậy.

Đến đây, anh phóng viên trườn người bò ra. Mắt anh long lanh sáng, cánh mũi phập phồng đánh điệu một con vật non tuổi trở về hang sau một buổi kiếm mồi no nê. Anh vẫn còn quỳ phục dưới đất. Thật ra, trong đầu óc tôi chỉ có thể so sánh anh với một con chó săn quá khôn đang trên đường rượt đuổi một con mồi lạ nào đó. Và anh đang đánh hơi một con người, con người mà anh đã thề phải mang về cho chủ anh, ông chủ nhiệm báo Thời Đại, bởi ta không nên quên chàng Joseph Rouletabille của chúng ta là phóng viên nhà báo.

Cứ thế lồm ngồm bốn chân, anh bò khắp bốn góc phòng, hít hà tất cả, xoay quanh tất cả, tất cả những gì chúng tôi trông thấy, rất ít, và tất cả những gì chúng tôi không trông thấy thì hình như nhiều vô kể.

Bàn trang điểm là chiếc bàn nhỏ bốn chân, không thể lấy nó làm một chỗ ẩn nấp tạm thời. Tủ đứng thì chẳng có cái nào. Cô Stangerson có tủ treo áo nhưng để bên lầu đài.

Cái mũi và hai bàn tay Rouletabille leo lên các bức tường, chỗ nào cũng xây gạch dày. Khi anh đã làm một cuộc tuần tra suốt lượt bốn bức tường và đưa những ngón tay mềm mại xoa nắn khắp bề mặt giấy vàng vờn đến tận trần nhà làm cho anh có thể rờ tới bằng cách đặt chiếc ghế dựa lên trên bàn trang điểm và cứ kéo lê xung quanh phòng cái kiểu ghế đầu tinh xảo ấy, khi anh đã xong xuôi với trần nhà nơi anh xem xét kỹ dấu đạn thứ hai, anh trở lại bốn cửa sổ và thế là đến lượt các chấn song sắt, hai cánh cửa sổ, tất cả còn vững chắc và nguyên vẹn. Cuối cùng anh thốt ra, một tiếng úi cha “thỏa mãn” và tuyên bố bây giờ thì anh yên trí rồi!

- Thế nào, ông đã tin rằng cô chủ tội nghiệp của tôi bị nhốt kỹ khi nó định giết cô, khi cô kêu chúng tôi đến cứu chứ? – Bô Jacques run lên đau khổ.

- Đúng, anh phóng viên lau mồ hôi trán, quả thật “Căn Phòng Vàng” được đóng kín như chiếc tủ sắt.

- Thực sự, tôi xen vô, cái bí ẩn này là cái ly kỳ nhất mà tôi được biết kể cả trong lãnh vực của tưởng tượng. Trong vụ hạ sát hai mạng người một lúc ở đường Nhà Xác, Edgar Poe^[6] không hề sáng chế ra một cái gì kiểu ấy. Nơi diễn ra tội ác khá kín, không để một người tẩu thoát nhưng còn có cái cửa sổ có thể để cho thủ phạm giết người luôn được qua vì nó là một con khỉ. Nhưng ở đây thì một lỗ hổng cỡ nào cũng không có. Cửa ra vào đóng chặt, con ruồi cũng không thể bay lọt!^[7]

- Đúng vậy! Đúng đấy! – Rouletabille tán đồng và tiếp tục lau mồ hôi trán, có vẻ như một nhọc vì những xáo động tư tưởng nhiều hơn là vì những nỗ lực thể xác vừa qua. – Đúng đấy! Đây là một bí ẩn rất to lớn, rất mỹ miều và rất kỳ cục!

- “Con Thú Nhà Trời”, bô Jacques lẩm bẩm. Dù cho chính “Con Thú Nhà Trời” mà phạm tội ác này thì nó cũng không trốn thoát nổi. Ê, nghe này! Quý vị có nghe không, đấy... Im lặng!”

Bô Jacques ra hiệu cho chúng tôi im, rồi giơ thẳng cánh tay chỉ vào tường về hướng khu rừng gần nhất, bô lắng tai nghe một tiếng gì mà chúng tôi không nghe.

- Nó đi rồi, cuối cùng bô nói, tôi phải giết nó, gớm ghê quá, cái con vật, nhưng nó lại là “Con Thú Nhà Trời”, đêm nào nó cũng đến mộ nữ thánh Genevière cầu nguyện và chẳng ai dám đụng đến nó, sợ bị mẹ Agenoux trừ yểm.

- “Con Thú Nhà Trời” đó lớn chừng nào?

- Suýt soát một con chó lùn cỡ bự. Nó là quái vật đấy, cho ông hay. A! Đã hơn một lần tôi tự hỏi biết đâu chả phải nó đã giương móng vuốt bóp cổ cô chủ tội nghiệp của tôi. Nhưng mà “Con Thú Nhà Trời” đâu có mang giày bố, đâu có bắn súng lục, làm gì có bàn tay kiểu này. – Bô Jacques nói một hơi và chỉ bàn tay đỏ trên tường. – Vả chăng, người ta cũng phải thấy nó như thấy người, nó cũng bị nhốt trong phòng và trong biệt thất như người chứ!

- Dĩ nhiên, Tôi nói. – Từ xa, trước khi thấy, tận mắt “Căn Phòng Vàng”, chính tôi tự hỏi không chừng mà con mèo của mẹ Agenoux cũng nên.

- Cả anh nữa hả? – Rouletabille kinh ngạc.

- Còn anh? Tôi hỏi lại.

- Tôi thì không, không một phút nào. Ngay lúc tôi đọc bài báo Buổi Sáng, tôi đã biết không phải một con vật. Bây giờ thì tôi tin ở đây đã diễn ra tấn thảm kịch vô cùng bi đát. Nhưng bô Jacques, sao không thấy cụ nói gì về cái mũ nôi và cả chiếc khăn tay?

- Ông Dự thẩm lấy đi rồi. – Bô Jacques đáp ngập ngừng.

Anh phóng viên nghiêm giọng:

- Tôi, tôi không hề trông thấy khăn tay với mũ nôi, vậy mà tôi có thể tả hầu quý vị hai cái vật ấy nó như thế nào.

- A! Nếu vậy thì ông giỏi quá chừng rồi.

Và bố Jacques lúng túng ho khan.

- Chiếc khăn tay thuộc loại to bản, màu xanh sọc đỏ, và chiếc mũ nồi thuộc loại “bắt” kéo xệ một bên tai, như thế này đây. – Rouletabille làm một cử chỉ diễn tả.

- Đúng ghê. Ông quả là phù thủy cao tay. Và bố Jacques cố hết sức để bật cười, nhưng không được:

- Sao ông biết chiếc khăn tay màu xanh sọc đỏ?

- Bởi vì nếu nó không màu xanh sọc đỏ thì không ai tìm thấy chiếc khăn tay nào cả.

Rồi bỏ mặc bố Jacques, bạn tôi rút trong túi ta một tờ giấy trắng và một cái kéo. Anh cúi xuống nhìn dấu chân, chọn một cái và áp tờ giấy lên cắt, xén. Thế là anh đã có một đế giày bằng giấy đường viền quanh rất rõ. Anh đưa cho tôi giữ và khấn khoản tôi đừng để mất.

Sau đó, anh quay ra cửa và chỉ cho bố Jacques thấy Frédéric Larsan lúc ấy vẫn chưa rời bờ hồ. Anh lo ngại không biết nhà thám tử này đến đây có phải để làm việc trong “Căn Phòng Vàng” không!

- Không! – Robert Darzac từ lúc Rouletabille đưa cho xem mẫu giấy cháy dở bây giờ mới mở miệng. – Ông ta nói không cần xem “Căn Phòng Vàng”, rằng kẻ sát nhân đã ra khỏi “Căn Phòng Vàng” một cách rất ung dung và tối nay ông ra sẽ giải thích tại sao!

Thật lạ lùng, nghe Robert Darzac nói, Rouletabille vụt tái mặt.

- Frédéric Larsan đã nắm chắc sự thật chẳng, trong khi mình chỉ mới cảm thấy. – Anh nhủ thầm – Frédéric Larsan rất tài giỏi, thật tài giỏi và mình vẫn kính phục ông ta. Nhưng hôm nay, vấn đề là phải làm một cái gì hơn một công tác thám tử, hơn những gì do kinh nghiệm đã dạy – cần phải đúng lý, quý vị nghe rõ chưa, như ông Trời đã đúng lý khi ông nói: $2 \times 2 = 4$. Cần nắm cho được sợi dây lý luận bằng đúng cái đầu phải nắm!

Và anh phóng viên hấp tấp chạy ra ngoài, hoang mang vì ý nghĩ Fred, viên thám tử đại tài, danh tiếng lẫy lừng có thể mang lại trước mình lời giải đáp cho bài toán “Căn Phòng Vàng”

Tôi theo kịp anh trên ngưỡng cửa biệt thất và nói:

- Thôi nào, anh bạn, bình tĩnh lại đi. Anh không bằng lòng sao?

- Có chứ – anh thú nhận với một tiếng thở dài nặng nhọc. Tôi rất bằng lòng. Tôi đã khám phá ra nhiều cái lạ.

- Tinh thần hay vật chất?

- Vài cái tinh thần và một cái vật chất. Đây nhé, cái này chẳng hạn.

Rồi nhanh nhẹn, anh rút trong túi áo gi-lê ra một tờ giấy có lẽ anh đã cất vào đó trong lúc mò mẫm dưới gầm giường và trong nếp giấy gấp, anh đã bỏ vào một sợi tóc đàn bà vàng hoe.

Chương 8. Cô Stangerson Khai Trước Dự Thẩm

Năm phút sau, Rouletabille đang cầm cúi xem xét những dấu chân trong hoa viên, cả những dấu ở dưới cửa sổ gian tiền đình, thì một người đàn ông, có lẽ tôi tớ trong lâu đài, bước mau đến chỗ chúng tôi và nói lớn với Robert Darzac đang từ biệt thất đi xuống.

- Ông biết không, thưa ông Robert, Dự thẩm đang lấy lời khai của cô chủ.

Robert Darzac đưa mắt cáo lỗi chúng tôi rồi chạy như bay về phía lâu đài, người kia chạy theo.

- Nếu xác chết mà nói được, tôi lên tiếng, sắp có cái hay đấy nhé!

- Phải tìm cho biết, bạn tôi đáp, mình qua bên lâu đài đi.

Rồi anh kéo tôi đi. Nhưng đến lâu đài, một hiến binh gác trong gian tiền đình ngăn không cho chúng tôi vào cầu thang dẫn lên lầu nhất. Chúng tôi đành chờ.

Trong thời gian ấy, đây là những gì xảy ra trong phòng nạn nhân. Vì thầy thuốc của gia đình thấy cô Stangerson đã mạnh lại dần dần, nhưng sợ cơn đau tái phát lại hại không hồi cung được nữa, bèn coi mình có bốn phận báo cho dự thẩm biết và ông Dự thẩm quyết định thực hiện ngay một buổi hỏi cung vắng tất. Dự buổi hỏi cung này, có ông De Marquet, viên lục sự, ông Stangerson và ông bác sĩ. Sau này, khi mở phiên tòa, tôi kiếm được đoạn chủ văn tờ biên bản hỏi cung ấy. Nó được trình bày như sau với tất cả cái khô khan của lối hành văn tư pháp:

Hỏi: Thưa cô, nếu không quá mệt, cô có thể cho chúng tôi vài chi tiết trọng yếu ví vụ có kẻ mưu toan xâm hại tính mạng cô vừa qua không?

Đáp: Tôi nghe trong mình đã khỏe nhiều, thưa ông Dự thẩm, và tôi sẵn sàng khai những gì tôi biết.

Hỏi: Xin lỗi, nếu cô cho phép, tôi xin đặt vài câu hỏi để cô trả lời. Như vậy, cô sẽ đỡ mệt hơn là kể lại cả câu chuyện dài.

Đáp: Dạ được, xin ông cứ hỏi.

Hỏi: Ngày hôm ấy, cô dùng thì giờ ra sao? Tôi muốn cô cho biết thật chính xác, thật tỉ mỉ. Ý tôi là lần theo tất cả các hành vi của cô, nếu cô không thấy là đòi hỏi quá đáng.

Đáp: Sáng hôm ấy tôi dậy muộn, khoảng mười giờ vì cha con tôi đêm trước về khuya lắm, sau khi dự buổi tiệc tối và tiếp tân khách do Tổng Thống thiết đãi các đặc sứ của Viện Hàn Lâm Khoa Học ở Philadelphie. Khi tôi rời khỏi phòng lúc mười giờ rưỡi thì cha tôi đang cặm cụi trong phòng thí nghiệm trước rồi. Chúng tôi làm việc với nhau đến mười hai giờ trưa, đi dạo nửa giờ trong hoa viên rồi ăn trưa bên lầu đài. Nửa giờ đi dạo tiếp cho tới một giờ rưỡi như mọi ngày. Đoạn hai cha con trở về phòng thí nghiệm. Ở đây, tôi gặp chị hầu phòng vừa dọn phòng cho tôi xong, tôi vào Căn phòng Vàng để dọn dò chị vài việc không quan trọng. Chị rời biệt thất ngay và tôi lại bắt tay vào việc với cha tôi. Đến năm giờ, chúng tôi rời biệt thất đi dạo lần nữa và uống trà.

Hỏi: Khi ra ngoài đi dạo lúc năm giờ cô có tạt vào phòng không?

Đáp: Không thưa ông, chỉ có cha tôi ghé vào lấy dùm tôi cái mũ.

Hỏi: Và ông đã không thấy gì khả nghi?

Ông Stangerson: Cố nhiên không, thưa ông Dự thẩm.

Hỏi: Thế thì gần như chắc chắn tên sát nhân chưa lẩn dưới gầm giường lúc ấy. Khi cô đi rồi, cửa ra vào phòng không khóa lại ư?

Cô Stangerson: Dạ không, chúng tôi không có lý do để khóa cửa.

Hỏi: Cô và ông Stangerson, hai cha con đi khỏi biệt thất trong bao lâu kể từ giờ phút ấy?

Đáp: Khoảng một tiếng.

Hỏi: Thế thì đúng rồi, đúng giờ đó tên sát nhân lén vào biệt thất. Nhưng bằng cách nào, không ai biết. Quả thật, người ta có tìm thấy trong hoa viên những dấu chân từ cửa sổ gian tiền đình đi ra, nhưng không thấy dấu chân từ ngoài đi vào tới đó. Cô có để ý thấy cửa sổ gian tiền đình mở, khi cô đi cùng với cha cô không?

Đáp: – Tôi không nhớ.

Ông Stangerson: – Nó đóng kín

Hỏi: Và khi cô trở về?

Đáp: – Tôi không để ý.

Ông Stangerson: – Nó vẫn đóng kín. Tôi nhớ rất rõ vì khi trở về, tôi có nói lớn tiếng: “Quái, trong lúc mình vắng mặt sao bố Jacques không mở cửa sổ ra?”

Hỏi: – Lạ nhỉ! Lạ nhỉ! Ông nên nhớ lại thưa ông Stangerson, rằng bố Jacques trong lúc ông vắng mặt và trước khi bố đi khỏi, bố đã mở nó ra. Vậy là ông và cô trở về phòng thí nghiệm lúc sáu giờ và làm việc lại?

Cô Stangerson – Dạ phải.

Hỏi: – Và từ bấy giờ cho tới khi cô vào phòng cô, cô không hề rời phòng thí nghiệm lần nào.

Ông Stangerson – Cả con tôi, cả tôi đều không, thưa ông Dự thẩm. Cha con tôi có việc khẩn thiết phải hoàn thành, không dám bỏ phí một phút. Chúng tôi lơ là với mọi chuyện khác chính vì thế.

Hỏi: – Ông và cô dùng bữa chiều trong phòng thí nghiệm?

Đáp: – Dạ phải, cùng một lý do.

Hỏi: – Hai cha con có hay dùng bữa trong đó không?

Đáp: – Ít lắm.

Hỏi: – Tên sát nhân không thể biết hai cha con hôm ấy ăn bữa chiều ở phòng thí nghiệm

chứ?

Ông Stangerson: – Chúa ơi, thưa ông, tôi không nghĩ. Tôi chỉ quyết định sẽ ăn bữa chiều trong phòng thí nghiệm với con tôi lúc đang trên đường về biệt thất lúc vào khoảng sáu giờ. Lúc ấy, anh bảo vệ đến và giữ tôi lại một lát để xin tôi đi cùng anh làm một cuộc tuần tra bên phía rừng, nơi tôi đã cho đồn cây. Tôi không đi được và hẹn lại ngày mai. Nhân tiện anh bảo vệ đi ngang lâu đài, tôi nhờ anh ghé qua báo cho anh quản rượu biết chúng tôi sẽ ăn bữa chiều ở phòng thí nghiệm. Anh chào rồi đi làm công việc tôi dặn. Còn tôi, tôi về gặp lại con gái, tôi đã giao chìa khóa biệt thất cho nó, nó về trước đã mở vào và chìa còn cắm ở ổ, phía ngoài. Lúc ấy, con tôi đã bắt tay làm việc trở lại.

Hỏi: – Cô Stangerson, cô vào phòng cô lúc mấy giờ trong khi ông còn làm việc?

Đáp: – Đúng nửa đêm.

Hỏi: – Trong buổi tối, bố Jacques có lúc đã vào “Căn Phòng Vàng” chứ?

Đáp: – Dạ có, để đóng cửa sổ và thắp ngọn đèn đêm, như mọi tối.

Hỏi: – Bố không thấy gì khả nghi ư?

Đáp: – Có thì bố đã nói. Bố Jacques là người trung thành và rất mến tôi.

Hỏi: – Ông Stangerson, ông quả quyết sau đó bố Jacques không hề rời phòng thí nghiệm? Rằng suốt thời gian ấy, bố luôn ở bên cạnh ông, phải vậy không?

Ông Stangerson: – Tôi chắc chắn như vậy. Tôi không hề nghi ngờ gì về phía bố.

Hỏi: – Cô Stangerson, khi cô vào phòng, cô đã khóa cửa ngay và cài luôn cả chốt. Có phải quá cẩn thận không, vì cô biết cha cô và người bố già ở ngay đó. Vậy, phải chăng là cô sợ hãi một cái gì?

Đáp: – Cha tôi sắp sửa về bên lâu đài, còn bố Jacques cũng sắp đi ngủ. Và quả thật, tôi có sợ một cái gì đó.

Hỏi: – Cô quá sợ một cái gì ấy đến nỗi phải mượn kín khẩu súng của bố Jacques mà không cho bố hay?

Đáp: – Dạ phải, tôi không muốn để ai phải kinh sợ, nhất là nỗi sợ của tôi có thể là hoàn toàn ấu trĩ.

Hỏi: – Vậy thì cô sợ cái chi?

Đáp: – Tôi không sao nói được cho chuẩn xác. Đã nhiều đêm, hình như tôi nghe trong vườn và ngoài vườn xung quanh biệt thất những tiếng động dị thường, đôi khi tiếng chân người, tiếng cành khô gãy. Đêm trước ngày tôi bị mưu hại, tôi thức đến tận ba giờ sáng mới ngủ được. Từ điện Elysée về, tôi đứng bên cửa sổ một lúc và tưởng như trông thấy những bóng đen.

Hỏi: – Mấy bóng?

Đáp: – Có hai bóng đen cứ xoay quanh bờ hồ, rồi mặt trăng lặn vào đám mây, tôi không thấy gì nữa.

Mọi năm, cứ vào thời kỳ này trong mùa thì tôi đã về phòng riêng ở bên lầu đài, trở lại với những thói quen mùa lạnh. Nhưng năm nay, tôi tự nhủ, để đợi cha tôi hoàn thành bản tóm lược công tác về “tính Phân Rã của Vật Chất” cho Viện Hàn Lâm Khoa Học xong đã rồi hãy về. Tôi không muốn cái công trình quý giá ấy sắp kết thúc trong vài ngày nữa bị xáo trộn bởi một thay đổi nào đó trong những thói quen thường nhật của chúng tôi. Xin ông hiểu cho, tôi không muốn nói với cha tôi về những lo sợ trẻ con của mình và cũng không muốn hờ cho bố Jacques biết, sợ bố không giữ được kín miệng. Dù sao, biết bố Jacques có khẩu súng lục để trong ngăn kéo bàn đêm, tôi lợi dụng một lúc bố vắng mặt trong ngày để leo nhanh lên gác nóc lấy khẩu súng của bố và cất vào ngăn kéo bàn đêm của tôi.

Hỏi: – Cô có kẻ thù không?

Đáp: – Không.

Hỏi: – Rồi đây cô sẽ hiểu, nhưng cách đề phòng đặc biệt ấy khiến nhiều người kinh ngạc.

Ông Stangerson: – Cố nhiên, con gái à, phải công nhận cách đề phòng của con thật kỳ quái.

Đáp: – Không, thưa ba, đã hai đêm rồi, con không được yên ổn, không yên ổn tí xíu nào hết.

Ông Stangerson: – Đáng lẽ con cho ba biết mới phải. Sự im lặng của con không thể tha thứ. Nếu con nói, có phải chúng ta đã tránh được một tai họa không.

Hỏi: – Cửa “Căn Phòng Vàng” đóng lại là cô đi ngủ ngay?

Đáp: – Dạ phải, và vì quá mệt, nằm xuống là tôi ngủ được liền.

Hỏi: – Cây đèn đêm vẫn cháy sáng?

Đáp: – Dạ, vẫn cháy nhưng ánh sáng yếu lắm.

Hỏi: – Rồi có gì xảy ra?

Đáp: – Tôi không biết đã ngủ lâu chưa nhưng chợt giật mình tỉnh dậy. Tôi hét một tiếng thất thanh.

Ông Stangerson: – Vâng, một tiếng hét rợn người: “Nó giết tôi!” Giờ tôi còn nghe rõ bên tai.

Hỏi: – Cô hét một tiếng lớn?

Đáp: – Có một người đàn ông trong phòng tôi. Nó nhảy xổ tới bóp cổ tôi siết mạnh, tôi sặc sụa đến nghẹt thở. Bất ngờ, tôi thò tay vào ngăn kéo bàn, nắm được khẩu súng cất trong đó đã nạp đạn sẵn. Đúng lúc ấy, nó kéo tôi lăn xuống đất và khoa trên đầu tôi một vật gì như cái chày. Nhưng tôi đã kịp bóp cò súng. Tức thì tôi cảm thấy bị giáng một cú rất mạnh, mạnh kinh khủng, vào đầu. Tất cả những đột biến ấy diễn ra nhanh quá, thưa ông Dự thẩm, tôi không biết nói sao, tôi không biết gì nữa.

Hỏi: – Không biết gì nữa! Thế cô không có ý nghĩ gì về cách thức thủ phạm đã dùng để tẩu thoát sao?

Đáp: – Không, tôi không biết gì nữa. Người ta làm sao biết được những gì xảy ra xung quanh

khi người ta đã chết.

Hỏi: – Tên đó cao lớn hay nhỏ con?

Đáp: – Tôi chỉ thấy một bóng đen kinh khiếp quá.

Hỏi: – Cô không thể cho chúng tôi một chỉ dẫn nào ư?

Đáp: – Thưa ông, tôi không biết gì nữa. Một người đàn ông nhảy xổ vào tôi, tôi bắn nó, tôi không biết gì nữa.

Đến đây, chấm dứt buổi hỏi cung cô Stangerson. Joseph Rouletabille kiên nhẫn chờ ông Robert Darzac trở ra. Ông này xuất hiện mau chóng.

Ông ta ở gian kế bên phòng cô Stangerson, đã lắng nghe trọn cuộc thẩm vấn và bây giờ kể lại với anh bạn tôi thật chân xác theo một trí nhớ thật bền dai, và ông tỏ ra ngoan ngoãn một cách lạ. Nhờ mấy dòng ghi chép vội vã bằng bút chì ông đã có thể tường thuật hầu như toàn văn những câu hỏi, đáp.

Đúng là ông Darzac làm thư ký cho bạn tôi và trong mọi việc, ông hành động như người không dám từ chối bạn tôi một tí gì, hoặc hơn thế nữa, một người “phục vụ” anh hết sức tận tụy.

Sự kiện “cửa sổ đóng kín” đập mạnh vào cân não người phóng viên trẻ tuổi cũng như ông Duret. Ngoài ra, Rouletabille còn yêu cầu ông Robert Darzac nhắc lại cho anh nghe thời dụng biểu của ông Stangetson và con gái trong ngày xảy ra thảm kịch theo như hai cha con đã khai trước Duret. Trường hợp họ ăn bữa chiều trong phòng thí nghiệm dường như khiến anh quan tâm tột độ, và anh bắt ông Darzac nhắc lại tới hai lần, để chắc bụng hơn, rằng chỉ có mình anh bảo vệ biết được ông giáo sư và con gái ăn bữa chiều trong phòng thí nghiệm và do đâu mà anh ta biết được.

Khi ông Darzac dứt lời, tôi lên tiếng:

- Té ra buổi chấp cung nạn nhân chẳng đưa bài toán nát óc tiến lên được bao nhiêu.

Ông Darzac tổ thêm:

- Nó kéo giựt lùi thì có.

Nhưng Rouletabille tự lự:

- Nó soi sáng!

Chương 9. Phóng Viên Và Thám Tử Tư

Ba chúng tôi quay trở lại biệt thất. Còn cách khoảng trăm mét, anh phóng viên ngăn chúng tôi lại và trở một lùm cây ở bên phải, anh nói:

- Đây này, tên sát nhân đã núp ở đây rồi lên vào biệt thất.

Vì thấy còn nhiều lùm cây khác giống như thể mọc giữa những cây sồi to, tôi hỏi tại sao anh chọn lùm cây ấy chứ không chọn những lùm kia. Rouletabille vừa trả lời vừa trở một con đường nhỏ luồn gần lùm cây nọ và dẫn đến cửa vào ngôi biệt thất:

- Con đường này có rải sỏi, anh thấy không? Bắt buộc nó phải theo đường này để tới biệt thất, vì không ai tìm thấy dấu chân nó trên đất mềm. Thằng đó làm gì có cánh. Nó cũng đi như ai, nhưng nó đi trên những viên đá sỏi, chân nó đạp lên đá sỏi, đá sỏi lăn đi không để lại dấu vết. Lốp sỏi này đã có nhiều bàn chân giẫm lên vì đường này là đường ngắn nhất để đi từ biệt thất đến lâu đài.

Còn về lùm cây, nó gồm những giống cây không bị chết khô mùa lạnh – nguyệt quế và anh đào nên đã cung cấp cho hung thủ một chỗ ẩn tốt để chờ lúc thuận tiện mà đi vô biệt thất. Nó núp ở đó nên đã trông thấy cha con ông Stangerson đi ra, rồi đến bố Jacques. Người ta đã rải sỏi hầu như đến tận cửa sổ gian tiền đình. Dấu chân của nó song song với vách tường, dấu chân lúc này chúng ta chú ý và tôi đã trông thấy từ trước, chứng tỏ “nó” chỉ cần nhảy một bước là tới sát ngay cửa sổ gian tiền đình đã được bố Jacques mở. Nó dùng sức cổ tay đu người lên một cái là lọt vào gian tiền đình dễ ợt.

- Xét kỹ, cũng có thể lắm! – Tôi nói.

- Xét kỹ cái gì? Xét kỹ cái gì? Câu nói của tôi vô tình làm anh dùng dùng nổi giận và gắt. Anh nói:

- Xét kỹ, cũng có thể lắm! Nghĩa là sao?

Tôi năn nỉ xin anh đừng giận, nhưng anh đã giận quá rồi, còn tai đâu mà nghe tôi năn nỉ. Anh tuyên bố rất kính phục tánh đa nghi thận trọng ở một số người (tôi) cứ đứng xa mà bàn những vấn đề đơn giản nhất, chẳng bao giờ dám quyết một câu: “Cái này là thể nọ hoặc “cái nọ không phải thể này”, đến nỗi đầu óc thông minh sáng láng của họ chỉ đủ để đạt tới cái kết quả mà rủi tạo hóa có trót quên không nhét vào sọ não của họ một tí chất xám thì cùng đến thể mà thôi. Thấy tôi ra ý bức tức, anh nắm tay tôi và thủ thỉ rằng những lời anh mai mả không nhắm vào tôi vì anh vẫn quý mến tôi đặc biệt.

- Nhưng rất cuộc – anh tiếp – đôi khi người ta cũng đắc tội lắm chứ! Nếu có thể mà không chịu lập luận dứt khoát! Nếu tôi không lập luận như vừa rồi với cái lối sỏi ấy thì tôi sẽ phải lập luận với một quả kinh khí cầu! Bạn thân ơi! Khoa học khí cầu điều khiển hiện chưa phát triển đến mức tôi có thể đem vào vòng vận dụng suy tư của tôi một tên sát nhân từ trời rớt xuống! Vậy thì bạn chớ nói một việc có thể thế này khi mà nó không thể thế khác. Giờ đây chúng ta biết hung thủ đã qua khung cửa mà vào bằng cách nào và chúng ta cũng biết nó vào lúc nào nữa. Nó vào trong buổi đi dạo lúc năm giờ. Sự kiện chị hầu phòng vừa dọn dẹp xong “Căn

Phòng Vàng” đang còn ở trong phòng thí nghiệm khi cha con ông giáo sư trở về lúc một giờ rưỡi cho phép chúng ta khẳng định rằng lúc một giờ rưỡi tên sát nhân chưa núp trong phòng, dưới gầm giường, trừ trường hợp chị hầu phòng là đồng lõa của nó. Ông nghĩ sao, ông Robert Darzac?

Robert Darzac lắc đầu và xác nhận hoàn toàn tin tưởng ở lòng trung thành của chị hầu phòng đối với cô Stangerson. Chị là người tớ gái rất thật thà và hết lòng với chủ.

- Hơn nữa, lúc năm giờ, ông Stangerson có vào phòng để lấy mũ cho con gái cơ mà! Ông nói thêm

- Lại còn cái đó nữa.- Rouletabille nói.

Tôi góp ý:

- Vậy thì tên sát nhân đã vào, như anh đoán chắc, bằng cửa sổ ấy. Cũng được đi. Nhưng tại sao nó lại đóng cửa sổ, làm thế tất nhiên phải gọi sự chú ý của người đã mở?

- Có thể cái cửa sổ không được đóng lại ngay tức khắc – Anh phóng viên trả lời. – Nhưng nếu nó đã đóng cửa sổ lại, thì đó là tại khúc ngoặt của con đường rải sỏi cách biệt thất 25m và cũng tại ba cây sồi sừng sững ở chỗ này!

- Ông nói sao? – Robert Barzac bỗng cất tiếng hỏi. Thì ra ông đi theo chúng tôi và đã nghe câu chuyện của Rouletabille với nỗi lo âu đến nghẹt thở.

- Tôi sẽ giải thích sau, khi đến lúc, nhưng tôi không tin mình đã nói một lời nào quan trọng hơn về vụ này, nếu giả thuyết của tôi đúng.

- Giả thuyết của ông thế nào?

- Ông sẽ chẳng bao giờ biết được nếu nó không thành sự thật. Đó là một giả thuyết quá nghiêm trọng, tôi không thể tiết lộ bao lâu nó còn là giả thuyết.

- Nhưng ít nhất ông cũng có ý kiến gì về tên sát nhân chứ?

- Không, hiện tôi không biết thủ phạm là ai, nhưng ông đừng lo, thưa ông Robert Darzac, tôi sẽ biết.

Tôi phải ghi nhận rằng Robert Darzac xúc động mạnh và tôi ngờ lời đoán quyết của Rouletabille không làm ông vừa lòng, vậy thì, nếu thật sự ông sợ người ta tìm ra thủ phạm (đây là tôi tự hỏi mình), tại sao ông lại có ý giúp anh phóng viên trong việc truy tìm nó?

Anh bạn tôi dường như cũng cảm nghĩ với tôi nên tung ra một câu hỏi tàn nhẫn:

- Ông có khó chịu khi thấy tôi tìm ra kẻ sát nhân không, ông Robert Darzac?

- A! Tôi sẽ tự tay giết nó! – Người chồng sắp cưới của cô Stangerson la lớn, giọng bốc lửa oán hờn khiến tôi kinh ngạc.

- Tôi tin ông – Rouletabille trịnh trọng tuyên bố – nhưng ông chưa trả lời câu hỏi của tôi?

Chúng tôi đi qua lùm cây Rouletabille nói lúc nãy. Tôi đi vào trong lùm và chỉ cho anh thấy

những dấu vết rất rõ nét của một người đã ẩn núp trong đó để lại. Một lần nữa, Rouletabille nói không sai.

- Đúng rồi! – Anh gật gù đắc ý – Đúng rồi! Chúng ta đương đầu với một con người bằng xương bằng thịt hần hoi, nó không có hơn chúng ta một phương tiện hành động nào và nhất định mọi sự sẽ đâu vào đấy!

Dứt lời, anh bảo tôi đưa cho anh cái đế giày bằng giấy đã nhờ tôi giữ hộ và đưa vào một dấu chân rất rõ sau lùm cây. Đoạn anh đứng thẳng lên, thốt một lời khoan khoái: “Xong rồi “

Bấy giờ tôi tưởng anh sắp sửa theo dõi những “dấu chân hung thủ” trên đường đào tẩu từ cửa sổ gian tiền đình trở đi, nhưng không, anh kéo chúng tôi đi một quãng khá xa chếch về bên trái, và tuyên bố khỏi cần uống công rúc vào cái vũng bùn hôi hám ấy, lúc này anh đã biết tường tận con đường tên sát nhân đi trốn như thế nào rồi.

- Nó tới cuối dãy tường, cách đó năm mươi mét, rồi nhảy qua hàng giậu và con hào đây này, đứng trước con đường mòn dẫn đến hồ nước kia. Đó là con đường nhanh nhất để ra khỏi khu nhà và đi đến hồ.

- Sao ông biết nó đi đến hồ.

- Bởi vì từ sáng đến giờ, Frédéric Larsan không hề rời khỏi bờ hồ. Ở đó, tất phải có những dấu chỉ lạ lắm.

Mấy phút sau, chúng tôi đã ở bờ hồ. Đây là một vạc nước nhỏ bùn lầy, xung quanh lau sậy rậm rạp, mặt nước còn lênh bênh vài cái lá sen rách úa.

Anh cả Fred có lẽ cũng thấy chúng tôi tiến lại, nhưng chắc không thềm quan tâm đến lũ hèn mọn này, vì thấy ông ta không để ý nhìn chúng tôi, cứ tiếp tục ngó ngoáy cây can cầm tay, dùng mũi can gầy đi gầy lại một cái gì mà chúng tôi không trông thấy.

- Kia kìa – Rouletabille nói – lại “những bước chân kẻ sát nhân trên đường đào tẩu”. Nó lượn theo bờ hồ ở chỗ này, quay trở lại rồi cuối cùng biến mất gần hồ, đứng trước con đường mòn dẫn đến đường cái đi Epinay. Tên sát nhân tiếp tục chạy trốn về hướng Paris.

- Căn cứ vào đâu anh lý luận như vậy? – Tôi ngắt lời anh – vì trên mặt đường mòn không còn thấy dấu chân nữa.

- Căn cứ vào đâu à? Thì những dấu chân này này, những dấu chân tôi chờ đợi! – Anh lớn tiếng và chỉ dấu in rất rõ một kiểu “giày thanh lịch”! Đây, anh trông!

Rồi anh gọi to Frédéric Larsan:

- Ông Fred ơi! Những “bước chân thanh lịch” trên đường cái có phải đã có từ lúc xảy ra vụ mưu sát không?

- Phải đấy, anh bạn, phải đấy, chúng được ghi lại rất kỹ – Fred trả lời nhưng không ngẩng đầu lên – anh thấy đó, có những bước chạy tới, có những bước chạy đi.

- Và nó còn mang theo một chiếc xe đạp – anh phóng viên kêu lên – Đến đây!

Sau khi nhìn dấu bánh xe đạp lăn theo những “bước chân thanh lịch” cả hai chiều tới, đi, tôi mong có thể xen vô một câu:

- Chiếc xe đạp giải thích được tại sao những bước chân thô lỗ của tên sát nhân biến mất. Tên sát nhân có bước chân thô lỗ đã lên xe đạp. Tên đồng lõa của nó, “kẻ có bước chân thanh lịch” đã đến đợi nó ở bờ hồ với chiếc xe đạp. Ta có thể đặt giả thiết là tên sát nhân đã hành động nhằm phục vụ tên mang giày hạng sang này không?

- Không! Không! – Rouletabille nở nụ cười khó hiểu – tôi chờ đợi những bước chân này từ buổi đầu vụ án. Giờ tôi có chúng rồi, tôi không bỏ chúng cho các ông đâu. Đây chính là dấu chân kẻ sát nhân!

- Thế những dấu giày, những bước chân thô lỗ thì sao?

- Cũng là bước chân của nó, tên sát nhân.

- Vậy là có những hai tên sát nhân?

- Không, chỉ có một, và nó không có đồng lõa nào cả!

- Giỏi lắm! Giỏi lắm! – Từ chỗ đang đứng Frédéric Larsan lên tiếng hoan hô.

- Đây nhé – anh phóng viên nói tiếp và chỉ cho chúng tôi thấy chỗ đất bị gót giày thô lỗ đạp lên – Nó ngồi ở đây và tháo đôi giày thô lỗ nó mang để đánh lừa pháp luật ra, rồi có lẽ vẫn đem theo bên người, nó đứng lên bằng đôi chân trần và ung dung, chậm bước, nó tiến ra đường cái, tay dắt xe đạp. Nó không dám liều lĩnh cỡi lên xe đạp chạy trên con đường mòn mấp mô này. Thêm điểm nữa chứng minh, là dấu bánh xe đạp in nhẹ và ngập ngừng trên đường mòn quá xấu dù đất mềm. Nếu trên xe có người ngồi, vết bánh xe lăn tất phải lún vào đất sâu hơn. Không, không; ở đây chỉ có một người, là tên sát nhân, nó đi bộ!

- Hoan hô! Hoan hô! – Anh cả Fred lại reo to.

Rồi thành linh, anh cả bước lại chỗ chúng tôi, đứng phưỡn ngực trước mặt Robert Darzac:

- Nếu có một chiếc xe đạp ở đây, chúng ta có thể chứng minh lý luận của ông bạn trẻ này là đúng, thưa ông Robert Darzac. Ông không biết ở lâu đài có cái nào ư?

- Không – Robert Darzac đáp – làm gì có! Chiếc cửa tôi thì lần chót đến lâu đài trước vụ mưu sát, tôi đã mang về Paris bốn ngày nay rồi.

- Uống quá! – Giọng anh cả Fred cực kỳ sắc lạnh.

Rồi quay lại Rouletabille.

- Nếu cứ đà này tiếp tục, ông sẽ thấy hai chúng ta cùng đi tới những kết luận giống nhau. Ông có ý kiến gì về cách thức tên sát nhân đã ra thoát “Căn Phòng Vàng” không?

- Có, tôi có một ý kiến – Bạn tôi đáp gọn.

- Tôi cũng có – Fred nói tiếp – và chắc cùng ý kiến với ông. Trong vấn đề này, không làm gì có hai cách lập luận.. Tôi còn đợi thủ trưởng tôi đến rồi mới trình bày ý kiến trước dự thẩm.

- A! Thế ra ông Giám Đốc Cảnh Sát Công An sắp đến đây?

- Phải, trưa nay, để cho đối chất trong phòng thí nghiệm, trước dự thẩm, tất cả những ai đã thủ hoặc đã có thể thủ một vai trò nào đó trong tấn thảm kịch này. Hứa hẹn nhiều màn hấp dẫn. Đáng buồn là ông không được dự.

- Tôi sẽ dự – Rouletabille quả quyết.

- Thật sao? Ông quả là nhân vật phi thường trong lứa tuổi của ông. Giọng nhà thám tử không che giấu vẻ mỉa mai. – Ông có triển vọng trở nên một thám tử kỳ tài.. Nếu ông hành động có phương pháp hơn một chút. Nếu ông bớt để cho linh tính và những cục bấu thiên tư trong đầu ông dẫn dắt. Tôi đã có nhiều dịp quan sát thấy như vậy, thưa ông Rouletabille, ông lý luận nhiều quá. Ông ít để cho óc nhận xét hướng dẫn về chiếc khăn tay đầm máu và bàn tay đỏ trên tường, ông nói sao? Ông, ông đã trông thấy bàn tay đỏ trên tường, còn tôi, tôi chỉ thấy chiếc khăn tay, vậy thì...

- Chậc! Rouletabille hơi sững sốt – Tên sát nhân đã bị thương ở bàn tay do khẩu súng của cô Stangerson!

- Ôi, một nhận xét thô bạo, theo trực giác. Hãy coi chừng, lập luận của ông quá “thẳng” đấy, ông Rouletabille, khoa luận lý sẽ chơi ông một ván cay nếu ông hành hạ nó như vậy. Trong nhiều tình huống, ta phải nâng niu nó, đứng xa mà ve vuốt nó nhẹ nhàng. Ông Rouletabille, ông đã có lý khi nói về khẩu súng của cô Stangerson. Chắc chắn là “nạn nhân” đã bắn. Nhưng ông đã lầm khi nói rằng phát súng ấy gây thương tích cho hung thủ ở bàn tay.

- Tôi tin chắc như vậy! – Rouletabille đồng ý.

Fred lạnh lùng chặn lại:

- Nhận xét sai rồi! Nhận xét sai rồi! Việc nghiên cứu chiếc khăn tay, những vết nhỏ tròn, đỏ tía rắc ra nhiều chỗ, hình một chất lỏng nhỏ giọt mà tôi nhận thấy trên các dấu chân “chính lúc bàn chân đặt xuống đất” chứng minh với tôi rằng tên sát nhân không bị thương vì trúng đạn!

Thưa ông Rouletabille, tên sát nhân bị đổ máu mũi.

Anh cả Fred nói thật nghiêm túc. Vậy mà tôi vẫn không dần nổi một tiếng kêu sững sốt.

Chàng phóng viên nhìn Fred, Fred nhìn lại. Và Fred rút ra ngay một kết luận:

- Kẻ đổ máu trong bàn tay và trong khăn tay, đã chùi tay lên tường. Điều này rất quan trọng!

Vì “Kẻ sát nhân chẳng cần phải bị thương ở bàn tay mới là kẻ sát nhân”.

Rouletabille ngẫm nghĩ một lúc, đoạn nói:

- Có một điều, thưa ông Frédéric Larsan, có một điều hệ trọng hơn rất nhiều việc hành hạ thô bạo khoa luận lý, đó là cái tinh thần chủ quan chuyên biệt của một số thám tử; nó khiến các ông này, với tất cả thiện chí, “từ từ uốn lý luận theo chiều hướng những nhu cầu của nhận định họ có sẵn.” Ông đã có sẵn ý kiến về tên sát nhân, thưa ông Fred, ông đừng chối và tên sát nhân của ông không được phép bị thương ở bàn tay, nếu không thế thì ý kiến của ông tự nó sẽ sụp đổ, ông đã đi tìm và ông tìm thấy cái khác. Cái phương pháp khởi đi từ ý kiến người ta tự tạo ra

trước về tên sát nhân để rồi đi tới những chứng cứ người ta cần có, thật là nguy hiểm, thưa ông Fred, thật nguy hiểm. Phương pháp ấy có thể dẫn ông đi xa. Ông nên coi chừng kéo phạm sai lầm tư pháp, thưa ông Fred. Nó đang rình ông đấy.

Rồi nhếch mép cười lạt, hai tay thọc túi quần, mặt hơi lộ vẻ giễu cợt, Rouletabille giương cặp mắt nhỏ tinh quái nhìn sừng anh cả Fred.

Frédéric Larsan im lặng quan sát thằng nhỏ con dám dương dương tự đắc giỏi hơn mình. Ông ta nhún vai chào chúng tôi và bỏ đi, rải những bước chân dài, cây cần to gõ xuống đường kêu lốc cốc.

Rouletabille nhìn nhà thám tử xa dần, đoạn anh quay lại chúng tôi, gương mặt lộ nét vui mừng và đã tràn trề đắc thắng.

- Tôi sẽ hạ lão – Anh long trọng tuyên bố – Tôi sẽ hạ anh cả Fred dù anh cả là bậc kỳ tài. Tôi sẽ hạ tất cả bọn chúng. Và anh cả Fred, một nhân vật lừng danh, một thám tử thượng đẳng, Fred quá kiệt, Fred có một không hai, vậy mà lý luận như một thằng khờ, như một thằng khờ, như một thằng khờ!”

Anh tung người lên cao, hai chân đập vào nhau, biểu diễn một màn nhảy mèo vồ chuột.

Bỗng anh cắt đứt vũ điệu nửa chừng. Tôi đưa mắt tôi đến chỗ mắt anh hướng tới. Thì ra Robert Darzac đang thất sắc nhìn xuống mặt đường mòn những dấu chân của mình nằm cạnh “dấu giày thanh lịch”. Hai thứ dấu giày không có một nét nào khác.

Chúng tôi tưởng ông xỉu đến nơi. Cặp mắt trợn trừng vì kinh hoàng né tránh chúng tôi một lát trong khi bàn tay phải đưa lên run rẩy vượt bộ râu quai nón viền quanh gương mặt lương thiện, hiền lành và tuyệt vọng của ông. Cuối cùng, ông gượng trấn tĩnh, chào chúng tôi và bằng một giọng lạc hẳn đi, ông nói cần về lâu đài gấp rồi quay đi vội vã.

- “Quý thật!” Rouletabille lẩm bẩm, cả anh phóng viên cũng có vẻ kinh hãi. Anh rút trong ví ra một tờ giấy trắng, như tôi đã thấy anh làm lúc trước, và dùng kéo cắt đường vòng cái dấu “giày thanh lịch” của tên sát nhân, lấy mẫu ở ngay đó, dưới đất. Đoạn anh đem chiếc đế giày mới bằng giấy này đặt lên trên dấu chân mang giày cao cổ của ông Darzac. Khi hai mẫu vừa vện ăn khớp nhau hoàn toàn, Rouletabille đứng dậy, miệng nhắc lại câu vừa nói:

- Quý thật! Tôi không dám hé răng góp một lời, vì nghĩ lúc này, những gì chạy qua đầu óc Rouletabille chắc phải nghiêm trọng lắm.

Anh nói:

- Thế mà mình cứ tưởng Robert Darzac là người thật.

Rồi anh kéo tay tôi đi về quán “Vọng Lâu” thấp thoáng trước mặt chúng tôi cách đó một cây số bên đường cái, cạnh một lùm cây nhỏ.

Chương 10. Và Bây Giờ Sắp Phải Ăn Thịt Còn Tươi Máu

Quán “Vọng Lâu” chẳng có gì là bề thế, nhưng tôi vốn yêu thích những căn nhà lụp xụp, các xà gỗ đã đen thui vì thời gian và khói bếp, những quán trọ của thời ngựa xe rong ruổi đường trường, những kiến trúc rung rinh chẳng bao lâu đã chỉ còn là kỷ niệm. Chúng lui vào dĩ vãng, chúng ràng buộc với lịch sử, chúng tiếp tục một cái gì đó và chúng gọi cho ta nhớ đến những chuyện cổ tích Đường Xa, khi có những cuộc phiêu lưu xảy ra trên đường thật.

Tôi thấy ngay là quán “Vọng Lâu” đã thọ được hai thế kỷ, có lẽ hơn. Chỗ nào cũng thấy đá vụn, vôi gạch long lở rời khỏi cái sườn gỗ vững vàng với những khung chữ X và chữ V vẫn còn hiện ngang chống đỡ mái nhà mục nát. Cái mái này đã nghiêng nghiêng sụp xuống hàng cột chẳng khác cái mũ kết trên trán người say rượu. Bên trên khung cửa ra vào, một tấm bảng hiệu rên lên ken két khi thoáng qua một làn gió mùa thu. Một nghệ sĩ trong vùng đã vẽ lên đây hình một ngọn tháp nóc nhọn và một cây đèn lồng giống cảnh trong lâu đài Glandier. Dưới tấm bảng hiệu này, trên ngưỡng cửa, một ông mặt mũi khá dữ tợn, ánh chùng đang chơi vơi trong những tư tưởng tối đen, nếu xét theo những nếp nhăn trên trán và cặp lông mày giao nhau một cách khó thương.

Khi chúng tôi đến đã quá gần, lão mới thềm để mắt tới và, chẳng lấy gì làm niềm nở, hỏi chúng tôi muốn gì. Chắc hẳn đây là ông chủ dễ ghét của cái quán dễ thương này. Chúng tôi ngó ý muốn ăn bữa trưa, lão nói huých toẹt là chả có gì ăn và không thỏa mãn chúng tôi được. Trong lúc nói, lão nhìn chúng tôi bằng con mắt nghi kỵ mà tôi không sao hiểu nổi lý do.

- Ông có thể yên tâm dọn ăn cho chúng tôi – Rouletabille nói – chúng tôi không phải cảnh sát.

- Tôi sợ gì cảnh sát. Tôi chả sợ ai cả?

Tôi ra dấu cho bạn hiểu chẳng nên kèo nài thêm mất công, nhưng bạn tôi rõ ràng cố ý vào bằng được, đã luồn nhanh dưới nách chủ quán vào trong nhà.

- Vô đi bạn – anh gọi tôi – ở đây được lắm.

Thật vậy, trong lò sưởi củi đang cháy to. Chúng tôi lại gần giờ tay hơi lùa cho ấm, vì sáng hôm ấy khí lạnh mùa đông đã bắt đầu lảng vảng không gian. Căn phòng khá lớn: Hai chiếc bàn gỗ dày, vài ghế da, một quầy dài trên sắp những chai si-rô và rượu mạnh. Ba khung cửa sổ trông ra đường cái. Trên tường, một tờ tranh màu trình bày một cô gái Paris cười toe toét nâng cao một ly rượu quảng cáo cho hơi men “đặc sắc” của một loại vang trắng mới sản xuất. Trên tấm ván nhỏ bắc ngang đầu lò sưởi, lỏng chổng một đồng những bình, những hũ bằng đá cát và bằng sứ.

- Đây rồi, chiếc bếp lò quá tốt để quay một con gà – Rouletabille nói.

- Chả có con gà nào – chủ quán đáp – một con thỏ ốm cũng không.

- Tôi biết! bạn tôi phản ứng bằng giọng châm chọc khiến tôi ngạc nhiên – “Tôi biết bây giờ sắp phải ăn thịt còn tươi máu”.

Thú thật, tôi chẳng hiểu mô tê gì về câu nói của Rouletabille. Tại sao anh bảo chủ quán: “bây

giờ sắp phải ăn thịt còn tươi máu?” Và tại sao lão chủ quán vừa nghe câu này đã bật ra một tiếng chửi thề nhưng vội hãm lại ngay rồi tình nguyện phục dịch chúng tôi một cách ngoan ngoãn, y hệt ông Robert Darzac khi nghe câu thần chú: “Nhà trưởng lão chẳng mất vẻ nên thơ, như vườn cây vẫn xanh màu rục rĩ”. Đúng là bạn tôi có thiên tài làm cho kẻ khác hiểu mình bằng những câu hoàn toàn không ai hiểu. Tôi đưa nhận xét này với anh, và anh mỉm cười. Tôi nóng lòng được anh cho vài lời giải thích, nhưng anh đã giơ một ngón tay lên miệng, rõ ràng không những anh không chịu nói mà còn đòi tôi phải im lặng. Trong lúc ấy, chủ quán đẩy một cánh cửa nhỏ gọi to xuống nhà dưới đòi mang lên nửa tá trứng và “miếng thịt nạc”. Lệnh này được thi hành mau chóng bởi một thiếu phụ duyên dáng, tóc vàng óng với cặp mắt dịu dàng mở to nhìn chúng tôi ngỡ ngàng.

Chủ quán giở giọng cộc cằn:

- Thôi cút! Nếu thằng áo xanh vác xác đến, đừng có để tao thấy cái bản mặt mày!

Người đàn bà lặng lẽ rút lui, Rouletabille cầm mấy quả trứng trong tô và miếng thịt bày trên đĩa mà người thiếu phụ vừa mang lên, cẩn thận để cả bên mình, nhấc cái chảo và tấm vỉ nướng treo trong bếp rồi bắt đầu đánh trứng trong khi chờ thịt chín trong lò. Anh lại gọi chủ quán lấy thêm hai chai rượu táo, sau đó làm bộ như chẳng thèm để ý đến chủ quán cũng như chủ quán ít quan tâm đến anh. Lão chủ quán hết nhìn anh chòng chọc lại nhìn tôi với vẻ lo lắng mà lão cố giấu không được. Lão bỏ mặc chúng tôi làm bếp và đi đặt hai bộ đồ ăn cho chúng tôi ở bàn gần cửa sổ.

Chợt, tôi nghe lão lầm bầm:

“A! Nó đây rồi!”

Và lão biến sắc, trên mặt chỉ còn nét hận thù khủng khiếp. Lão đến sát cửa sổ nhìn ra đường cái. Tôi chẳng cần báo hiệu cho Rouletabille. Anh chàng đã buông vội món trứng tráng vọt tới cạnh chủ quán trước cửa sổ. Tôi cũng đến đứng bên anh.

Một người đàn ông bận toàn nhung xanh, đội mũ kết tròn đồng màu, miệng ngậm ống vố, dừng đỉnh chậm bước trên đường cái. Một khẩu súng trường đeo chéo vai, gã cử động khoan thai như một nhà quý tộc. Tuổi trạc bốn mươi lăm, tóc và râu mép muối tiêu. Bảnh trai dễ sợ. Gã mang kính kẹp mũi. Khi ngang qua quán hàng, gã có vẻ ngần ngừ không biết có nên vào không, liếc trộm chúng tôi, thả mấy bùm khói ống vố, rồi vẫn bước chân uể oải, gã tiếp tục đi thẳng.

Rouletabille và tôi cùng nhìn chủ quán. Mắt lão tóe lửa, hai quả đấm lăm lăm, môi run, chùng đó đủ tiết lộ với chúng tôi mớ cảm xúc hỗn độn đang vò xé tâm can lão.

“Mày không vào hôm nay là phúc tổ cho mày đó, con!” Lão rít giọng căm tức.

- Ai thế, ông chủ? Rouletabille miệng hỏi tay vẫn ngoáy tô trứng.

- Thằng áo xanh! – Chủ quán gầm lên. – Ông không biết nó à? Càng hay cho ông đấy. Quen với hạng người đó chẳng ích chi. Nó làm bảo vệ cho ông Stangerson.

- Ông không ưa gã lắm thì phải – Anh phóng viên vừa hỏi vừa đổ trứng vào chảo mỡ.

- Người vùng này có ai ưa nó, thừa ông. Nó là thằng phách lối, ngày xưa chắc cũng có tí tiền. Nó chê bai những người nghèo khó phải làm tôi tớ để kiếm sống. Thì bảo vệ cũng là một thứ tôi tớ như ai, phải không ông? Nó cứ làm như nó là chủ lâu đài Glandier, tất cả đất đai, tất cả rừng cây là của nó không bằng. Không bao giờ nó cho người nghèo lấy một miếng bánh ăn trên bãi cỏ, trên “bãi cỏ của nó!”

- Thỉnh thoảng gã có đến đây ư?

- Nó đến hoài à. Nhưng tôi sẽ cho nó biết tôi không ưa nhìn thấy cái mặt nó. Cách đây một tháng nó có làm gì phiền đến tôi đâu. Quán “Vọng Lâu” đối với nó chẳng là cái chất gì! Nó không có thì giờ! Nó còn mãi tán tỉnh chị chủ quán “Ba bông huệ” ở Saint Michel. Bây giờ ba cái trò mèo mỡ lãng nhãng hết ăn tiền, nó đi kiếm mỗi chỗ khác. Quyến rũ con gái, bám váy đàn bà, thằng đều cáng, không có một người tử tế nào chịu nổi nó, cái thằng ấy. Đây này, vợ chồng anh canh cổng lâu đài cũng không ưa nó, cái “thằng áo xanh”!

- Thế ra vợ chồng anh canh cổng lâu đài là những người tử tế hả ông chủ quán?

- Cứ gọi tôi là già Mathieu, tên tôi đấy! Phải rồi, cũng đúng như tên tôi là Mathieu, Thừa ông đúng, tôi tin họ là những người tử tế.

- Thế mà họ bị bắt giữ rồi.

- Thì đã sao? Chúng mình được cái gì? Ôi, mà tôi chả hơi sức đâu đi dính vào chuyện người khác.

- Ông nghĩ sao về vụ mưu sát?

- Vụ mưu sát cô tiểu thư đáng thương kia hả? Tội nghiệp, một cô gái hiền, vùng này ai cũng mến. Tôi nghĩ thế nào ư?

- Vâng, ông nghĩ thế nào về vụ này?

- Chả thế nào cả, mà cũng rất nhiều, nhưng có liên can gì đến ai.

- Kể cả tôi sao? – Roulelabille cố nài.

Chủ quán liếc xéo anh, lầu bầu trong miệng: “Kể cả ông...”

Trúng đã tráng xong. Chúng tôi ngồi vào bàn và ăn trong im lặng. Bỗng cửa ra vào mở toang, một bà già rách như tổ đĩa, chống gậy, cái đầu lắc lư, mớ tóc bạc rử mấy lọn rối bết xuống vầng trán cau ghét, hiện ra trên ngưỡng cửa.

- A! Đây rồi, mẹ Agenoux! Lâu quá không ai thấy mẹ.

“Tôi bệnh quá là bệnh, suýt chết!” – Bà lão đáp – “Ông có tí đồ ăn thừa nào cho “Con Thú Nhà Trời” không đấy!”

Và bà đi vào trong quán, một con mèo to dễ sợ theo sau. Tôi không hề tưởng tượng có con mèo to cỡ vậy bao giờ. Nó nhìn chúng tôi và phát ra một tiếng “meo” tuyệt vọng khiến chúng tôi rùng mình. Chưa bao giờ tôi nghe một tiếng kêu ghê rợn như vậy.

Hình như bị tiếng mèo gào lôi cuốn, một người đàn ông bước vào quán, sau bà lão – chính là

“gã áo xanh”. Gã giơ tay lên vành mũ kết chào chúng tôi và ngồi vào bàn bên cạnh.

“Cho tôi ly rượu táo đi, già Mathieu”

Khi “gã áo xanh” bước vào, toàn thân già Mathieu lập tức bật ra một cử động vũ bão nhằm phía kẻ mới đến, nhưng rõ ràng lão tự trấn áp và trả lời:

“Hết rượu táo rồi, còn mấy chai chót để cho hai ông đây, sạch nhách”

- Thế cho tôi một ly vang trắng cũng được. – “Gã áo xanh” nói tiếp, không hề tỏ vẻ ngạc nhiên.

- Vang trắng cũng hết. Cái gì cũng hết. Chẳng còn gì ráo. – Lão Mathieu nhắc lại lần nữa, giọng khàn đi. Tất cả đều hết trơn hết trọi!

- Bà Mathieu mạnh không?

Chủ quán nghe câu hỏi của “gã áo xanh”, quay nhìn gã, hai quả đấm nắm chặt, mặt mày hung tợn đến độ tôi đã tưởng lao ra tay ngay tức khắc, nhưng không, lão chỉ nói:

- Bà ấy mạnh, cảm ơn!

Hóa ra là người thiếu phụ có cặp mắt dịu hiền xuất hiện lúc này là vì cái tên nhà quê thô bạo đáng ghê tởm này đây, một con người mà tất cả những cái xấu xa thể xác phải lu mờ trước cái bí ối tinh thần: máu ghen.

Rập mạnh cánh cửa đánh rầm, chủ quán ra khỏi phòng. Mẹ Agenoux vẫn đứng đó, tay tỳ đầu gậy, vói con quái miêu dưới vành váy.

“Gã áo xanh” hỏi bà:

- Mẹ bệnh hay sao hở mẹ Agenoux, đã tám ngày nay không ai gặp?

- Vâng, thưa ông bảo vệ, tôi chỉ dậy được có ba lần để đi cầu nguyện thánh nữ Geneviève, thánh bốn mạng của chúng ta, còn bao nhiêu thì giờ cứ nằm dài trên chõng. Săn sóc tôi, chỉ độc có “Con Thú Nhà Trời”.

- Nó không bao giờ rời mẹ sao?

- Không bao giờ, ngày cũng như đêm.

- Mẹ chắc không?

- Như chắc có thiên đàng.

- Thế thì mẹ Agenoux ơi, tại sao người ta nghe tiếng gào của “Con Thú Nhà Trời” suốt trong đêm xảy ra án mạng?

Mẹ Agenoux đứng thẳng người trước gã bảo vệ, gõ cây gậy xuống sàn nhà kêu lộp cộp:

- Tôi không biết gì ráo. Nhưng ông muốn tôi nói cho mà nghe không? Trên cõi đời này, không có hai con vật có tiếng gào như vậy. Thế mà, cả tôi nữa, đêm án mạng, tôi cũng nghe bên ngoài có tiếng gào của “Con Thú Nhà Trời” trong khi nó ngồi lù lù trên đầu gối tôi, thưa ông bảo vệ,

và không hề miao lấy một tiếng, tôi xin thề độc. Khi nghe cái tiếng quái gở ấy, tôi đã làm dấu thánh giá, y như khi nghe tiếng kêu của ma quỷ vậy!

Trong lúc gã bảo vệ đặt câu hỏi vừa rồi, tôi vẫn chú ý nhìn gã và bắt gặp trên môi gã một cái nhếch cười cay độc và xỏ xiên.

Đúng lúc ấy, có tiếng cãi nhau kịch liệt văng đến tai chúng tôi. Hình như cả tiếng đấm đá lịch bịch, như một vụ ẩu đả, như có kẻ bị đánh vùi. “Gã áo xanh” đứng phắt dậy, hốt hoảng chạy ra khung cửa bên cạnh lò sưởi nhưng cửa vụt mở và chủ quán hiện ra bảo “gã áo xanh”:

- Cứ yên trí, thưa ông bảo vệ, vợ tôi nó đau răng đấy thôi!

Rồi lão cười gằn.

- Đây nè, mẹ Agenoux, có cục béo cho mèo của mẹ đây nè.

Lão đưa cho bà già một cái gói. Bà già vồ nhanh như chớp và đi ra, con mèo theo bén gót.

“Gã áo xanh” hỏi:

- Ông không muốn dọn cho tôi cái gì ăn ư?

Lão Mathieu hết còn kìm hãm lửa hận thù:

- Không có gì cho anh hết! Không có gì cho anh hết! Anh đi đi!

“Gã áo xanh” ung dung nhồi ống vố, mời lửa, chào chúng tôi và đi ra. Gã vừa bước qua ngưỡng cửa thì lão Mathieu đã rập cánh cửa sau lưng gã một cái rầm, đoạn quay lại chúng tôi, hai mắt rực tia máu đỏ, sùi bọt mép, lão dứ dứ quả đấm về phía cánh cửa vừa khép lại sau lưng người lão căm thù, rồi rít giọng:

- Tôi không biết ông là ai, ông, người đến nói với tôi “bây giờ sắp phải ăn thịt còn tươi máu”. Nhưng nếu ông thích quan tâm thì đấy, nó đấy, tên sát nhân là nó đấy!

Dứt lời, lão Mathieu bỏ đi ngay. Rouletabille quay lại bếp lò, hoan hỉ:

- Bây giờ, chúng ta nướng thịt ăn. Anh thấy món rượu táo thế nào. Hơi chát phải không? Tôi khoái vậy.

Ngày hôm đó, chúng tôi không còn thấy mặt già Mathieu nữa. Quán ăn lặng ngắt như tờ lúc chúng tôi từ giã nó sau khi để lại trên bàn ăn năm quan trả tiền ăn uống.

Tiếp đó, Rouletabille bắt tôi cuộc bộ gần một dặm đường xung quanh dinh cơ của giáo sư Stangerson. Anh dừng lại mười phút ở góc một con đường nhỏ đổ bờ hóng đèn thui, gần các túp lều của mấy ông làm lò than dựng trong cái mảnh rừng thánh nữ Geneviève, giáp con lộ chạy từ Epinay đến Corbeil. Anh cho tôi biết chắc chắn tên sát nhân đã qua chỗ này “xét theo thể trạng những dấu giày thô lỗ” trước khi lọt vào khu dinh cơ và núp trong lùm cây.

- Vậy anh không tin là gã bảo vệ có liên can trong vụ này? Tôi ngắt lời anh.

- Cái đó hậu xét. Ngay lúc này, những gì lão chủ quán nói về gã không làm tôi bận tâm. Lão phát nguyện với lòng, thù hận. Đâu phải vì “gã áo xanh” mà tôi kéo anh đến ăn trưa ở quán

“Vọng Lâu”.

Nói đoạn, Rouletabille lên vào – và tôi cũng lên theo anh – vào tới căn nhà nhỏ gần cổng sắt trước dùng làm gia cư cho vợ chồng anh gác mới bị bắt giữ lúc sáng nay.

Bằng một thế đu bay điệu nghệ, anh chui tọt vào căn nhà, qua lỗ hổng sát nóc còn để ngỏ và mười phút sau, chui ra với một câu mà ở miệng anh nó mang nhiều ý nghĩa “đen quá!”

Trong lúc chúng tôi sắp sửa lên đường trở lại lâu đài thì có tiếng huyền não ngoài cổng sắt. Một chiếc xe hơi tới và từ lâu đài có người chạy ra. Rouletabille trở một người đàn ông đang trên xe bước xuống.

- Giám Đốc cảnh sát Công An đó. Để rồi chúng ta xem Frédéric Larsan có cái gì trong bụng và ông ta có láu cá hơn ai không.

Sau xe Giám Đốc Công An, có ba xe khác đi theo đầy nhóc phóng viên, nhà báo, ai cũng muốn vào hoa viên. Nhưng bên ngoài cổng sắt đã có hai hiến binh chặn lại không cho ai qua. Giám Đốc Công An vỗ về họ bằng lời hứa là đến chiều sẽ cho báo chí tối đa tin tức mà không gây trở ngại cho cuộc thẩm cứu đang tiến hành.

Chương 11. Do Đâu Frédéric Larsan Giải Thích Tên Sát Nhân Đã Thoát Ra “Căn Phòng Vàng” Bằng Cách Nào

Trong cả đồng giấy tờ, tư liệu, bút ký, trích lược nhật báo, án tòa, mà tôi gom góp được trong vụ Bí mật “Căn Phòng Vàng”, có một văn kiện lý thú nhất. Đó là bản tường thuật buổi chấp cung tất cả mọi người liên quan trong hiện vụ, diễn ra trưa hôm ấy trong phòng thí nghiệm của giáo sư Stangerson, trước viên Giám Đốc Cảnh Sát Công An. Nó được thảo dưới ngọn bút của ông Maleine trên ghế lục sự, người cũng giống ông Dụ thẩm, thường viết văn trong những giờ rảnh rỗi. Văn kiện ấy đáng lẽ góp phần vào một quyển sách mang tên: Những Buổi Hỏi Cung Do Tôi Thực Hiện, nhưng chẳng bao giờ được ra mắt độc giả thân yêu. Tài liệu này, chính viên lục sự đã đem cho tôi ít lâu sau màn “gỡ nút ly kỳ” của một vụ án độc nhất trong vườn hoa muôn sắc của lịch sử tư pháp.

Nó như sau đây. Nó chỉ là một đoạn văn ghi chép khô khan những câu hỏi, đáp. Viên lục sự thường xen vào cảm tưởng riêng của ông ta.

Bản Tường Thuật Của Lục Sự:

Đã một giờ qua, ông Dụ thẩm và tôi có mặt trong “Căn Phòng vàng” cùng với nhà thầu khoán đã xây cất ngôi biệt thất theo họa đồ của giáo sư Stangerson.

Nhà thầu khoán đem theo một người thợ. Ông De Marquet cho lau rửa, kỳ cọ hoàn toàn các bức tường, nghĩa là lột hết lớp giấy dán trang trí. Những nhát cuốc bàn, cuốc chim bổ xuống khắp nơi, đã chứng minh với chúng tôi không hề có cửa ngõ, ngóc ngách nào trong phòng. Sàn nhà và trần nhà được dò tìm kỹ lưỡng. Chúng tôi không phát hiện được gì. Chẳng có gì để chúng tôi phát hiện. Ông De Marquet có vẻ lấy làm thú vị và không ngớt nhắc đi nhắc lại:

- Vụ án thật là hay! Ông thầu khoán ơi, vụ án thật là hay! Ông sẽ thấy không bao giờ chúng ta hiểu nổi làm thế nào tên sát nhân ra thoát căn phòng này!

Thình lình, ông De Marquet mặt mày đang hớn hởi bởi vì chẳng hiểu mô tê gì; vụt nhớ ra nhiệm vụ mình là tìm hiểu, vội gọi viên Đội Trưởng Hiến Binh:

- Này thầy đội, thầy qua bên lâu đài mời giáo sư Stangerson và ông Robert Darzac đến gặp tôi tại phòng thí nghiệm, cả bố Jacques nữa, và cho người áp giải đến tôi luôn hai người gác cổng.

Năm phút sau, toàn thể quân số được tập hợp trong phòng thí nghiệm. Ông Giám Đốc Cảnh Sát Công An vừa tới Glandier cũng nhập bọn với chúng tôi cùng một lúc. Tôi đã ngồi vào bàn giấy ông Stangerson, sẵn sàng làm việc, thì ông De Marquet khai mạc bằng một bài thuyết trình ngắn, độc đáo cũng như bất ngờ:

- Thưa quý vị, xét vì các cuộc hỏi cung không đem lại kết quả gì, bây giờ nếu muốn, chúng ta thử bỏ cái phương pháp hỏi cung cũ kỹ một lần cho biết. Tôi sẽ không đòi quý vị đến trước mặt tôi lần lượt từng người. Không, chúng ta tất cả ở lại đây: Ông Stangerson, ông Robert Darzac, bố Jacques, hai người canh cổng, ông Giám Đốc Cảnh Sát công An, ông De Marquet và tôi! Tất cả chúng ta ở đây đều bình đẳng, hai người canh cổng hãy tạm quên đi một lúc là họ đang bị

bắt giam. “Chúng ta cùng nhau nói chuyện”. Tôi mời quý vị đến “để nói chuyện”. Chúng ta đang ở giữa phạm trường tội ác, vậy chúng, ta nói chuyện gì đây nếu không phải là chuyện tội ác? Nào chúng ta nói đi! Nói cho thật nhiều, nói một cách thông minh hoặc nói một cách ngu xuẩn cũng được nữa. Cứ cái gì chạy qua óc là nói liền! Chúng ta nói bất chấp phương pháp, vì phương pháp chẳng đi tới đâu. Tôi xin dâng một lời cầu nguyện lên thần May rủi, cái may rủi chi phối những điều chúng ta quan niệm! Nào, chúng ta bắt đầu!

Đến đây, ông đi qua mặt tôi nói khẽ:

- Đó, ông thấy chưa, cảnh này coi được lắm! Ông, ông có thể tưởng tượng ra không? Tôi sẽ lấy nó dựng một lớp ngăn cho một vở bi hài đang thai nghén.

Và ông xoa tay tỏ ý hài lòng.

Tôi đưa mắt nhìn giáo sư Stangerson. Tia hy vọng vừa nhóm lên trong ông do phiếu khám bệnh lần chót của các bác sĩ phỏng định cô Stangerson có cơ may được chữa lành các vết thương, không đủ xóa nhòa trên gương mặt thanh cao những vết hằn của nỗi đau thương vô tận.

Ông già tưởng con gái không sống nổi nên toàn thân đã rũ rượi, không sinh lực. Cặp mắt xanh lơ hiền lành và rực sáng giờ đây chỉ có u uất và sầu thảm. Trước kia, đã nhiều lần tôi có dịp thấy ông Stangerson trong các buổi lễ chính thức. Ngay từ phút đầu, tôi đã chú ý đến ánh mắt trong veo của ông chẳng khác ánh mắt đứa trẻ thơ: ánh mắt ngây thơ, ánh mắt cao khiết và bất tử của người phát minh hay kẻ điên khùng.

Trong những buổi lễ ấy, ông luôn luôn có cô con gái đứng sau, hoặc bên cạnh vì người ta đồn hai cha con không bao giờ lìa nhau, cùng làm việc chung từ nhiều năm qua. Người trinh nữ ba mươi lăm tuổi, nhưng trông chưa tới ba mươi đã nguyện dâng đời mình trọn vẹn cho khoa học, vẫn còn khơi dậy trong công chúng niềm cảm phục trước tấm nhan sắc kiều sa, trong sạch, không tỳ ố, một vẻ đẹp chiến thắng cả thời gian lẫn tình yêu. Lúc ấy, ai dám bảo sẽ có một ngày rất gần, tôi đứng bên giường cô nằm bệnh với mớ giấy tờ, và sẽ thấy cô hầu như thoi thóp vận dụng sức tàn để kể cho chúng tôi nghe việc cô bị mưu toan sát hại quái đản nhất, kỳ bí nhất mà đời tôi bây giờ mới được nghe là một. Ai dám bảo rằng tôi sẽ thấy trước mặt, như buổi trưa hôm ấy tôi đã thấy, một người cha tuyệt vọng uống công giải thích tại sao kẻ định giết con gái ông đã có thể thoát khỏi tay ông. Vậy thì, cái công việc ta làm trong câm lặng, ở tận nơi thâm sơn cùng cốc tối tăm này, nếu nó không đảm bảo cho ta tránh thoát những tai họa của cuộc sống và cái chết. Thường chỉ dành cho đám sinh linh thích bon chen trong những đam mê thành thị, cái công việc ấy nào có ích?

Ông De Marquet ra vẻ quan trọng:

- Thế này nhé, ông Stangerson! Xin ông đặt mình vào đúng vị trí ông ngồi lúc cô Stangerson từ đây đi vào phòng cô. Ông Stangerson đứng dậy và đi đến chỗ còn cách cửa vào “Căn Phòng Vàng” năm mươi phân, ông lên tiếng bằng một giọng nói không âm thanh, không màu sắc, một giọng nói tôi nhận thấy không còn sức sống:

- Tôi ở chỗ này, khoảng mười một giờ, sau khi hoàn tất mau chóng một thí nghiệm hóa học trên mấy cái lọ nhỏ, tôi cho đẩy bàn giấy đến tận đây, vì bố Jacques buổi tối phải lo lau chùi

sạch vài ba bộ máy, lúc ấy cần có tất cả khoảng rộng ở sau lưng tôi để làm việc. Khi con gái tôi đứng dậy hôn tôi rồi chào bố Jacques, nó phải lách người hơi khó khăn một chút giữa bàn giấy và cửa phòng mới vào được. Nói thế để ông thấy rằng tôi ở một chỗ rất gần nơi tội ác sắp diễn ra.

- Thế cái bàn giấy? – Tôi ngắt lời ông, (Xin nhớ: tôi bây giờ là ông lục sự) trong khi xía vào “câu chuyện” này tôi có ý chiều theo sở thích của cấp trên tôi. – Thế cái bàn giấy, thưa ông Stangerson, ngay khi ông nghe tiếng kêu cứu: “Nó giết tôi” và tiếng súng nổ thì cái bàn giấy ấy ra sao?”

Bố Jacques trả lời câu hỏi này thay ông chủ:

- Chúng tôi đẩy nó vào sát tường, chỗ này này, suýt soát như bây giờ đó, để chúng tôi rộng chân nhào tới cửa phòng, thưa ông lục sự.

Tôi lần theo dòng lý luận của tôi, thứ lý luận mà thật ra tôi chỉ ban cho nó tầm quan trọng của một giả thiết yếu xù:

- Cái bàn giấy ở gần căn phòng đến độ một người từ trong khom lưng chạy ra có thể chui qua bên dưới trốn mất mà không ai nhìn thấy được không?

- “Ông vẫn cứ quên” – Giáo sư Stangerson mặt mũi cắt ngang – “rằng con gái tôi đã khóa trái cánh cửa và cài luôn cả chốt trong, Rằng cửa vẫn còn đóng, rằng chúng tôi cùng hợp sức phá cửa ngay từ lúc hành động mưu sát mới bắt đầu, rằng chúng tôi vẫn ở ngoài cửa trong khi cuộc vật lộn giữa tên sát nhân với đứa con gái tội nghiệp của tôi đang tiếp diễn, rằng tiếng động của cuộc vật lộn này còn vang đến tai chúng tôi và chúng tôi nghe rõ tiếng đứa con gái khốn khổ của tôi rên xiết dưới sức bóp của những ngón tay kẻ sát nhân còn để lại quanh cổ nó nhiều thương tích máu. Dù nó tấn công con tôi nhanh cách mấy, chúng tôi cũng đã nhanh không kém và chúng tôi đã tới ngay lập tức đằng sau cánh cửa nó ngăn cách chúng tôi với thảm kịch đang diễn ra?”

Tôi đứng dậy, đi đến khung cửa, khom mình xem xét lại rất cẩn thận. Đoạn tôi thẳng người lên và phác một cử chỉ chán nản.

Thử tưởng tượng, tấm ván dưới cửa cánh cửa có thể đã được mở ra, mà cánh cửa không cần mở hết, thì vấn đề giải quyết xong rồi. Nhưng khốn nỗi, giả thuyết này không chấp nhận được sau khi xem xét cánh cửa. Nó là một cánh cửa gỗ sồi chắc và dày, đóng thành một khối đồng nhất không thể cách ly.

Thật quá rõ, mặc dầu nó đã bị đập phá hư hại nặng...

- Ô! – Bố Jacques lên tiếng – nó là một cánh cửa lâu đời, gỗ rất chắc, cửa lâu đài được mang đến đây từ lâu, loại cánh cửa ngày nay người ta không làm nữa. Chúng tôi phải dùng đến thanh sắt này mới phá được nó, bốn người cả thầy, vì có chị gác cũng góp thêm một tay, chị ta thật can đảm, thưa ông Dự thẩm! Dẫu sao, thật đau khổ khi thấy họ ở tù, giờ phút này!

Bố Jacques chưa dứt câu nói đầy xót thương và cố phản đối này thì tiếng khóc và tiếng rên của vợ chồng người canh cổng đã lại nấc lên tôi chưa hề thấy những bị can nào mau nước mắt như vậy. Tôi đâm ra chán ngấy. Giả sử họ – có oan thật đi chăng nữa, tôi không hiểu sao lại có

những con người thiếu khí phách trước đau khổ đến thế. Một thái độ chững chạc trong tình huống như thế này có phải đáng giá hơn tất cả những nước mắt, những tuyệt vọng thường là vờ vạy và giả trá.

- Ê! – Ông De Marquet gật – một lần nữa, thôi đi, đừng có rên rỉ mãi thế! Và vì ích lợi của vợ chồng các người. Hãy cho chúng tôi biết các người làm gì dưới cái cửa sổ ở biệt thất, trong lúc có kẻ toan giết cô chủ của mình trong phòng. Bởi lẽ các người đang ở một chỗ rất gần biệt thất khi gặp bố Jacques chạy ngang.

- Chúng tôi đến tiếp cứu! Hai vợ chồng sợ hãi.

Rồi người đàn bà giữa hai con nắc, gào to:

- Ôi chao! Tôi mà bắt được thằng khốn nạn, thằng giết người ấy, tôi sẽ cho nó nếm mùi thống khổ!

Và chúng tôi, một lần nữa, không sao lấy được từ miệng họ đến hai lời khai nghiêm chỉnh. Họ tiếp tục chối bai bãi, viện đến Trời và Đất, tất cả thần thánh làm chứng rằng họ đang ở trên giường ngủ khi nghe một tiếng súng nổ.

- Không phải một, mà những hai phát. Thấy chưa, rõ ràng các người khai láo. Nếu các người nghe thấy tiếng nổ tất các người phải nghe cả tiếng kia!

- Chúa ơi! Thưa ông Dụ Thẩm, chúng tôi chỉ nghe phát thứ hai. Chắc là khi phát thứ nhất nổ, chúng tôi còn ngủ.

- Có hai phát súng nổ, đúng – bố Jacques xen vô – Tôi tin chắc số đạn tôi nạp còn nguyên trong ổ, sau chúng tôi tìm thấy hai vỏ đạn cháy và hai đầu đạn. Chúng tôi đã nghe hai tiếng nổ sau cánh cửa phải thế không, thưa ông Stangerson?

- Đúng thế – ông giáo sư xác nhận – hai phát súng, một phát tiếng đục, một phát nổ vang.

- Tại sao các người cứ khai láo mãi? – Ông Marquet quay lại vợ chồng anh gác cổng – Các người cho rằng Cảnh Sát cũng ngu như các người sao! Tất cả chứng tỏ các người ở ngoài nhà, gần biệt thất, lúc án mạng xảy ra. Các người làm gì lúc đó? Các người không muốn khai ư? Các người im lặng nghĩa là tòng phạm với hung thủ! Còn tôi – ông hướng về giáo sư Stangerson – Còn tôi, tôi chỉ có thể giải thích việc hung thủ tẩu thoát bằng sự hỗ trợ của hai kẻ tòng phạm này. Cánh cửa vừa bị phá sập, trong khi ông, ông Stangerson, ông mãi lo cho cô con gái khốn khổ thì tên gác cổng cùng vợ y đã giúp cho tên sát nhân chạy trốn dễ dàng. Nó lẩn sau lưng hai vợ chồng, chuồn tới cửa sổ gian tiền đình và nhảy ra hoa viên.. Chính tên gác cổng đã đóng cửa sổ lại vì rất cục những cánh cửa sổ này không thể tự nhiên đóng lại được! Đó là những gì tôi tìm ra. Còn ai thấy chi khác, xin cứ nêu lên.

Giáo sư Stangerson cất tiếng:

- Không có lẽ! Tôi không tin hai người gác cổng của tôi đã nhúng tay vào tội ác hoặc đồng lõa với tên sát nhân, mặc dù tôi không hiểu họ làm gì trong vườn hoa vào giờ khuya khoắt ấy. Tôi nói: Không có lẽ! Bởi vì chị gác cầm cây đèn và đứng trấn trên ngưỡng cửa không nhúc nhích, bởi vì tôi, cửa vừa bị phá là tôi nhảy bổ vào quỳ bên con tôi, và không thể có kẻ nào vào ra

được phòng bằng cửa ấy mà bước qua người con tôi và đụng phải tôi! Không có lẽ, bởi vì bố Jacques và anh gác chỉ cần một cái liếc mắt nhanh quét cả phòng và dưới gầm giường như tôi lúc nhảy vào là đủ thấy không còn người nào trong phòng, ngoài con gái tôi đang hấp hối.

- Còn ông, ông Darzac, ông nghĩ sao? Nãy giờ ông chưa nói – Dụ thẩm hỏi.

Ông Darzac trả lời rằng ông chẳng nghĩ gì hết.

- Và ông, ông Giám Đốc Công An?

Giám Đốc Sở Công An cảnh sát, ông Dax, cho tới bây giờ chỉ nghe và xem xét hiện trường. Nhưng rồi ông cũng mở miệng.

- Trong khi chờ đợi phát hiện thủ phạm, cần phải tìm ra động cơ phạm tội. Như vậy, chúng ta mới có thể tiến xa hơn.

- Thưa ông Giám Đốc Công An, động cơ tội ác có vẻ là tình, thứ tình dâm tiện – ông Dụ thẩm trả lời – Những dấu vết tên sát nhân để lại, tấm khăn tay thô kệch và chiếc mũ nỉ dơ dáy khiến chúng tôi tin rằng thủ phạm không thuộc một tầng lớp xã hội cao lắm. Vợ chồng người canh cổng có cho chúng ta biết nhiều hơn về điểm này.

Ông Giám Đốc Công An, hướng tới giáo sư Stangerson và bằng giọng nói lạnh lùng mà theo tôi, nó biểu hiện những nhận định thông minh, một bản lãnh được tôi luyện già dặn, ông hỏi:

- Phải cô Stangerson sắp sửa làm lễ thành hôn không, thưa giáo sư?

Ông Stangerson đau đớn nhìn Robert Darzac:

- Với người bạn thân mà tôi sẽ sung sướng được gọi là con, với ông Robert Darzac.

- Cô Stangerson đã mạnh lại nhiều, sẽ lành các vết thương và bình phục mau chóng. Đây chỉ là một cuộc hôn nhân bị trì hoãn ít lâu thôi, phải vậy không, thưa giáo sư? – Ông Giám Đốc Công An hỏi thêm.

- Tôi hy vọng thế.

- Sao vậy? Giáo sư không tin tưởng ư?

Ông Stangerson nín lặng. Nỗi lòng xao xuyến của ông Robert Darzac hiện rõ qua bàn tay run run nắm sợi dây đeo đồng hồ, vì chẳng có gì qua nổi mắt tôi.

Ông Dax thì ho khúc khúc giống như ông De Marquet khi bối rối:

- Xin ông hiểu cho, thưa giáo sư; rằng trong một vụ rắc rối như vụ này, chúng tôi không thể bỏ sót một tí gì, chúng tôi cần biết tất cả, từ một chi tiết vụn vặt nhất, hời hợt nhất có liên quan đến nạn nhân, cần biết cả một chỉ dẫn bề ngoài tưởng như vô nghĩa nhất. Vậy trong tình trạng hiện tại chúng ta hầu như chắc chắn cô Stangerson sẽ sống, có cái gì khiến giáo sư nghĩ rằng cuộc hôn nhân này có thể sẽ không thành tựu? Vì giáo sư nói “tôi hy vọng”. Niềm hy vọng ở trường hợp này, tôi coi như một nghi hoặc. Tại sao giáo sư nghi hoặc?

Ông Stangerson cố trấn tĩnh tinh thần trước khi trả lời:

- Thừa vâng, ông nói đúng. Tốt hơn cũng nên để ông biết một việc mà nó sẽ có vẻ quan trọng, nếu tôi giấu ông. Vả chăng, ông Robert Darzac cũng đồng ý với tôi.

Lúc này, gương mặt xanh xao của ông Robert Darzac tôi thấy không được bình thường. Ông ra dấu với giáo sư. Theo tôi, nếu ông Darzac chỉ trả lời bằng cách ra dấu thì đó là vì ông không thốt nổi nên lời.

- Đầu đuôi thế này, thưa ông Giám Đốc Công An, – giáo sư Stangerson kể, – con gái tôi đã thề không bao giờ lìa xa tôi, và nó quyết giữ trọn lời thề dù tôi hết sức năn nỉ, vì đã nhiều lần tôi cố thuyết phục nó lấy chồng, tôi coi đấy là bốn phận. Cha con tôi quen ông Robert Darzac từ nhiều năm. Ông Robert Darzac yêu con gái tôi. Dù có lúc tôi tưởng ông cũng được yêu lại, vì mới đây tôi đã vui mừng nghe chính miệng con gái tôi báo tin nó thuận kết hôn với một người mà tôi hoàn toàn xứng ý. Tôi đã cao tuổi, thưa ông, và cái giờ phút tôi biết chắc sau tôi, cô Stangerson sẽ có được bên mình, để yêu thương và tiếp nối công việc chung của cha con tôi, một người mà tôi mến mộ, mà tôi quý trọng vì tấm lòng quảng đại và vì khoa học của ông, cái giờ phút ấy là hạnh phúc tuyệt vời của đời tôi đó. Thế nhưng, thưa ông Giám Đốc Công An, hai ngày trước khi xảy ra tai họa, tôi không hiểu – nó nghĩ sao mà lại đổi ý, không thành hôn với ông Robert Darzac.

Đến đây, phòng họp chìm vào im lặng, một khoảnh khắc nghiêm trọng, nặng nề. Ông Dax hỏi tiếp:

- Cô Stangerson không đưa ra với giáo sư một lời giải thích, không cho biết vì lý do nào hay sao?

- Nó nói bây giờ nó già rồi, không muốn lấy chồng, rằng nó đã chờ đợi quá lâu, nó đã suy nghĩ kỹ, nó rất cảm phục và yêu ông Robert Darzac nữa, nhưng tốt hơn hết nên dừng lại ở đây, rằng mọi sự nên tiếp tục như trước, rằng nó rất vui sướng thấy những liên hệ thuần khiết bạn bè giữa cha con tôi với ông Robert Darzac sẽ siết chặt tình thân hơn nữa, nhưng xin tất cả đừng bao giờ ai đề cập với nó câu chuyện hôn nhân.

- Thế thì lạ thật! – Ông Dax lẩm bẩm.

- Lạ thật! – Ông De Marquet lặp lại.

Giáo sư Stangerson nhếch môi phác một nụ cười héo hắt và lạnh, ông nói tiếp:

- Phía đó, không phải chỗ ông tìm ra động cơ tội ác đâu, thưa ông!

- Dầu sao, – ông Dax nóng nảy, trong vụ này, động cơ tội ác không phải là trộm cắp!

- Ô, cái đó thì chúng tôi yên trí rồi – ông Durel thăm kêu lên.

Đến đây, cửa phòng thí nghiệm vụt mở, viên đội trưởng Hiến Binh mang vào trình Durel thăm một tấm danh thiếp. Ông De Marquet đọc xong buông một tiếng rên ùng ùng, đoạn nói:

- A! Thế này thì quá lắm!

- Gì vậy? – Ông Giám Đốc Công An kinh ngạc.

- Danh thiếp một anh phóng viên quen của tờ Thời Đại, ông Joseph Rouletabille với dòng

chữ: “Một trong những động cơ tội ác là ăn trộm”.

Giám Đốc Công An tủm tủm cười:

- A! A! Chàng tuổi trẻ Rouletabille, tôi đã có nghe nói về anh này, được coi như có biệt tài. Xin ông cứ cho vào, thưa ông Dụ thẩm.

Và người ta cho ông Joseph Rouletabille vào phòng.

Tôi đã làm quen với anh ta trong chuyến xe lửa đưa chúng tôi buổi sáng hôm ấy đến Epinay-Sur-Orge. Anh ta gần như chẳng nể nang gì tôi, cố tình xông vào toa chúng tôi ngồi, và tôi thích nói ngay tức khắc rằng những điệu bộ và cái vẻ ngông nghênh của anh ta làm như đã biết tổng những gì bí ẩn trong một vụ án mà bộ máy tư pháp còn mù mờ đã làm tôi ứa gan. Tôi vốn ghét thậm tệ mấy anh nhà báo. Họ là bọn người “quậy” và táo tợn ghê gớm, cần tránh như tránh dịch hạch. Hạng người này tự cho mình có quyền làm mọi sự và chẳng tôn trọng một cái gì. Ai đã lỡ đại thuận cho họ điều chi và để họ đến gần thì lập tức bị họ tấn công ào ạt. Không có một thứ ưu phiền nào mà người ta không phải lo lắng bị họ gây ra. Anh chàng này hình như chưa tới hai mươi tuổi, và với cái vẻ trắng trợn anh ta dám hỏi han bàn luận nọ kia với chúng tôi, tôi thấy anh ta đặc biệt khả ố. Hơn nữa, anh ta có một kiểu nói năng rõ ràng là muốn giấu cợt chúng tôi một cách sống sượng. Tôi vẫn biết tờ Thời Đại là cơ quan ngôn luận có thể lực, cần biết “thỏa hiệp” với họ, nhưng nhật báo này giá đừng tuyển mộ những anh ký giả bụ sữa thì hơn.

Thế là ông Joseph Rouletabille bước vào phòng thí nghiệm. Ông chào chúng tôi xong, đứng nghiêm trang đợi Dụ thẩm cho phép lên tiếng. Ông Dụ thẩm nói:

- Sao ông, ông tự cho mình là người biết rõ động cơ tội ác, và cái động cơ ấy, nghịch lại mọi sự hiển nhiên, chính là ăn trộm?

- Không, thưa ông Dụ thẩm, tôi không hề nói thế. Tôi không nói động cơ tội ác trong vụ này là ăn trộm và tôi không tin là như vậy.

- Thế thì tấm danh thiếp này nghĩa là sao?

- Nó có nghĩa một trong những động cơ tội ác là ăn trộm.

- Ông căn cứ vào đâu?

- Vào cái này! Mời quý vị đi theo tôi.

Và anh chàng yêu cầu chúng tôi theo anh sang gian tiền đình. Chúng tôi đi đến đó, anh liền lại buồng rửa mặt và yêu cầu ông Dụ thẩm quỳ gối bên cạnh anh. Cái buồng rửa mặt nhỏ có ánh sáng lọt vào qua khung cửa lắp kính và khi cửa mở thì nó lại càng sáng choang khắp mọi chỗ. Ông De Marquet và ông Rouletabille phục xuống ngưỡng cửa. Anh phóng viên chỉ một góc lát đá hoa, nói:

- Sàn đá buồng rửa mặt ít lâu nay bỏ Jacques không lau chùi. Cứ trông lớp bụi này khắc biết. Ông coi đây, dấu hai đế giày to bản với tí bụi to đen kèm theo dấu chân của thủ phạm đã in khắp nơi. Chất tro này không là gì khác hơn bụi than rắc đầy con đường mòn mà người ta phải theo để băng qua cánh rừng, đi thẳng từ Epinay đến Giandier. Chắc quý vị biết chỗ này có một

khu xóm nhỏ của thợ làm than, họ sản xuất than củi ở đó rất nhiều. Tên sát nhân có lẽ đã làm như sau: Nó lén vào đây buổi trưa, khi không có ai trong biệt thất, và nó đã phạm tội ăn trộm.

- Nhưng mà trộm cái gì mới được chứ? Ông thấy mất trộm ở chỗ nào đâu? Ai chứng minh với ông là có mất trộm? Tất cả chúng tôi nhao nhao tấn công một lúc.

- Cái dấu chân nó dẫn tôi đến chỗ tìm ra vụ trộm. – chàng phóng viên nói tiếp.

- Là cái này! – Ông De Marquet cắt ngang trong lúc vẫn quỳ gối dưới đất.

- Chứ còn gì nữa? – ông Rouletabille xác nhận.

Rồi ông De Marquet cắt nghĩa quả thật trên làn bụi phủ sàn đá, bên cạnh dấu hai chiếc đế giày, có vết hằn còn mới trông rõ đường viền một bao đồ nặng hình chữ nhật, có vết dây cột vòng quanh cũng phân biệt được dễ dàng.

- Thế ra ông đến đây rồi ư, ông Rouletabille? Tôi đã cho lệnh bố Jacques không để ai vào cơ mà, bố có nhiệm vụ canh gác biệt thất.

- Xin ông đừng la rầy bố Jacques, tôi đã đến với ông Robert Darzac.

- A! Thật thế sao? – Ông De Marquet cao giọng vì bức tức và liếc xéo ông Darzac vẫn thần thờ ngồi im lặng.

Ông Rouletabille nói tiếp:

- Khi thấy vết cái bọc đồ ở ngang cạnh dấu đế giày thì tôi không còn nghi ngờ gì về vụ trộm, nhưng trộm đâu có mang theo một bọc nặng đến chỗ nó định ăn trộm. Nó đã đóng cái bọc ấy ở đây, chắc chắn với những đồ ăn trộm ở đây, rồi đem đến giấu ở xó này, chủ ý sẽ xẹt qua ôm theo lúc đào tẩu. Nó đã đem đôi giày thô lỗ của nó đặt ở đây, bên cạnh bọc đồ, vì mời quý vị xem kỹ, không hề có dấu chân nào dẫn đến đôi giày này, và hai đế giày sắp hàng ngang bên cạnh nhau, như thể cặp đế giày ở trạng thái nghỉ và không có bàn chân người đạp bên trong. Như thế, ta sẽ hiểu rằng tên sát nhân khi từ “Căn Phòng Vàng” chạy ra, nó đã không để lại dấu chân nào trong phòng thí nghiệm và gian tiền đình. Sau khi lọt vào “Căn Phòng Vàng” với đôi giày của nó, nó đã tụt giày ra, chắc hẳn vì vướng chân hoặc muốn bớt thật nhiều tiếng động. Những dấu chân nó qua gian tiền đình và phòng thí nghiệm lúc đến thì đã được bố Jacques vô tình lau rửa sạch sau đó. Điều này có nghĩa là tên sát nhân đã vào biệt thất bằng khung cửa sổ mở của gian tiền đình trong thời gian bố Jacques vắng mặt lần thứ nhất trước khi lau nhà lúc năm giờ rưỡi!

Tên sát nhân sau khi tháo giày chắc vì vướng cẳng, đã cầm đôi giày trên tay mang đến phòng rửa mặt, đứng trên bậc cửa mà đặt đôi giày xuống sàn nhà, bởi trên lớp bụi ở phòng rửa mặt không có dấu chân trần hoặc mang tất ngắn hoặc xỏ trong đôi giày khác. Vậy là nó đã đặt giày nó bên cạnh bọc đồ. Việc ăn trộm lúc này đã hoàn tất. Đoạn, nó trở lại “Căn Phòng Vàng” chui vào gầm giường. Thân xác nó dưới gầm giường còn in đủ dấu vết trên sàn nhà và cả trên tấm thảm ở khoảng này hơi cộm lên một chút và nhàu nát. Có cả vài cọng rơm mới bị tróc ra cũng chứng tỏ tên sát nhân có mai phục dưới gầm giường.

- Phải, phải, cái đó chúng tôi biết rồi.- Ông De Marquet ngắt lời.

- Sự kiện nó trở lại gầm giường, – anh phóng viên non choẹt và kỳ quặc nói tiếp, – chúng tôi gian phi đến đây không phải chỉ do một động cơ ăn trộm thúc đẩy. Quý vị chớ nghĩ là nó trốn vào đó trong lúc vội vã vì trông thấy qua cửa sổ gian tiền đình, hoặc bố Jacques, hoặc cha con cô Stangerson sắp về tới biệt thất. Nó có thể leo lên gác nóc và nấp tại đó đợi dịp tẩu thoát có phải dễ dàng hơn bao nhiêu không, nếu ý đồ nó là chạy trốn. Không! Không! Nó cần phải ở trong “Căn Phòng Vàng”

Đến đây, ông Giám Đốc Công An can thiệp:

- Lập luận khá lằng nhằng, anh bạn trẻ! Tôi xin có lời khen phục và tuy chúng ta chưa biết tên sát nhân trốn đi bằng cách nào, nhưng chúng ta đã theo nó từng bước một đến đây và trông thấy nó làm gì: Nó ăn trộm. Thế nhưng nó ăn trộm cái gì?

- Những vật cực kỳ quý giá! – Anh phóng viên trả lời.

Đúng lúc ấy, chúng tôi nghe một tiếng kêu thất thanh phát ra từ phòng thí nghiệm, chúng tôi vội vàng chạy sang thì bắt gặp ông Stangerson mắt trợn ngược, tay chân run lẩy bẩy. Ông chỉ cho chúng tôi thấy một cái tủ kiểu tàng thư cửa mở toang và bên trong trống không.

Đoạn, ông buông mình rơi phịch xuống chiếc ghế bành lớn đã được đẩy tới trước bàn giấy và rên rỉ:

- Một lần nữa, tôi bị mất trộm rồi.

Tiếp theo là một giọt nước mắt, một giọt nước mắt nặng nề, chảy dài trên má ông giáo sư đau khổ.

- Cần nhất, xin quý vị đừng ai nói hớ với con gái tôi vụ mất trộm này, nó sẽ đau đớn hơn tôi nữa.

Ông buông một tiếng thở dài thọc mệt, rồi bằng một giọng thê lương không bao giờ tôi quên nổi, ông hỗn hển:

- Thôi, cũng chẳng sao, miễn là nó sống!

- Cô ấy sẽ sống! – Tiếng Robert Darzac cất lên nghe xúc động lạ lùng.

- Và chúng tôi sẽ tìm lại cho giáo sư các vật mất trộm – ông Dax nói – Nhưng, xin cho biết giáo sư đã mất những gì trong tủ này?

- “Hai mươi năm của đời tôi!” – vì giáo sư bác học nổi danh trả lời, giọng khản đặc – hay đúng hơn của đời chúng tôi, con gái tôi và tôi. Vâng, những tài liệu quý nhất của chúng tôi, những quan hệ bí mật nhất về các cuộc thí nghiệm và công trình nghiên cứu của chúng tôi suốt hai mươi năm rông đều cất trong đó. Một công phu chọn lọc thực sự trong muôn vàn tư liệu xếp đầy cái tủ này. Đây là một tổn thất vô phương cứu vãn đối với chúng tôi, và tôi dám nói, đối với khoa học nữa. Tất cả các giai đoạn tôi phải trải qua để tới được chứng cứ quyết định về tình trạng vật chất bị tiêu diệt, chúng tôi đã trần thuật, dán nhãn, chú giải kỹ lưỡng rồi minh họa bằng hình vẽ và ảnh chụp. Toàn bộ xếp cả ở đây. Tấm hoành đồ ba kiểu máy mới, một dùng để nghiên cứu sự hao mòn dưới ảnh hưởng tia sáng tử ngoại, nơi các vật thể đã được truyền điện; một kiểu nữa làm hiện rõ thể tiêu hao điện khí dưới tác động các phân tử vật chất

ly tán chứa trong hơi khí ngọn lửa; kiểu thứ ba rất tinh vi, là máy điện nghiệm ngưng tụ vi phân, cả một tuyến tập những khúc tuyến của chúng tôi phô diễn các đặc tính cơ bản của thực chất trung gian giữa những vật có khả năng thăng bằng, và ê-te không thể thăng bằng của vật thể, còn chưa ai biết. Một tập bản thảo tôi định cho ấn hành dưới tiêu đề: Những Kim Loại Hư Hao. Còn gì nữa? Còn gì nữa? Kẻ tới đây đã cướp đi của tôi tất cả, con gái tôi và sự nghiệp tôi, trái tim tôi và linh hồn tôi.” Và nhà bác học danh tiếng Stangerson òa khóc như một trẻ thơ.

Chúng tôi xúm quanh ông, xúc động bàng hoàng vì nỗi đau đớn mệnh mông này. Trên chiếc ghế bành nơi ông Stangerson là người gục mặt, ông Robert Darzac tỳ khuỷu tay cố giấu hai hàng nước mắt, khiến chút xiu nữa tôi đã có thiện cảm với ông, mặc dầu thái độ lạ lùng và vẻ xúc động kỳ quái ở ông khiến tự nhiên tôi thấy khó chịu, coi ông như một nhân vật bí hiểm khôn dò.

Chỉ có ông Rouletabille, tuồng như thì giờ quý báu và sứ mạng của ông trên trái đất không cho phép ông mũi lòng trước cảnh đau thương của nhân loại, vẫn điềm nhiên bước đến bên chiếc tủ trống không, giơ tay chỉ vào nó, nhìn ông Giám Đốc Cảnh Sát Công An, rồi phá tan bầu không khí im lặng tôn nghiêm mà chúng tôi đang giữ để tỏ lòng kính trọng niềm đau tuyệt vọng của nhà đại bác học Stangerson. Ông ta đưa ra vài lời giải thích đối với chúng tôi thật nhạt phèo về cách ông ta suy luận để tin là có vụ trộm xảy ra, do việc khám phá cùng một lúc những dấu vết trong buồng rửa mặt tôi đã kể ở trên, với cái tủ quý trọng trơn trong phòng thí nghiệm. Nhưng hiện tượng đầu tiên đập vào mắt ông ta là hình thù dị dạng của chiếc tủ đóng bằng sắt để chống mọi hỏa hoạn bất ngờ, vẻ kiên cố của nó và một cái tủ như tủ này dùng để bảo tồn những vật được người ta quý báu hơn hết mọi thứ thế mà trên cánh cửa sắt lại đeo toòng teng chiếc “chìa khóa của nó”. Lẽ thường, không ai sắm tủ sắt để rồi bỏ ngỏ. Rốt cuộc, chiếc chìa khóa nhỏ ấy, đầu đồng, rất là phức tạp, dường như thu hút sự chú ý đặc biệt của ông Joseph Rouletabille trong khi chúng tôi chẳng ai thêm để ý đến nó. Với chúng tôi, người lớn chứ đâu phải trẻ con, cảnh một chiếc chìa khóa cắm ở cửa tủ thường gọi ra ý nghĩ an toàn, nhưng với ông Rouletabille, dĩ nhiên là bậc kỳ tài – như José Dupuy nói trong Năm Trăm Triệu Tay Giác Đấu: “Kỳ tài, Kỳ tài nha-sĩ!” – cảnh chìa khóa cắm ở cánh cửa tủ lại gọi ra ý nghĩ một vụ trộm. Chúng tôi sắp sửa biết lý do.

Nhưng trước khi cho quý vị cùng biết lý do này, tôi cần thưa rằng ông De Marquet tỏ vẻ rất băn khoăn, không hiểu nên mừng về cái bước tiến mới mà anh phóng viên quèn nọ đã giúp cho cuộc thẩm cứu của ông, hay là ông phải lấy làm buồn bã vì cái bước tiến ấy không do ông thực hiện. Nghề nghiệp chúng tôi có những chua cay như vậy đó, nhưng chúng tôi không có quyền khiếm nhục và phải giầy xéo lên tự ái khi cần phục vụ lợi ích chung. Bởi thế ông De Marquet đành tự chế và thấy rằng nên góp lời khen ngợi với ông Dax thì hơn, mà ông Dax thì không tiếc lời đề cao ông Rouletabille. Anh phóng viên tép riu nhún vai khiêm nhường: “Không có chi!”. Tôi thầm ước gì tặng cho gã một cái bạt tai nẩy lửa thì sướng ôi là sướng, nhất là trong lúc nói tiếp: (vẫn là ông lục sự đang kể chuyện chứ không phải là “tôi” ban đầu nhé!)

- Xin ông hỏi giám giáo sư Stangerson, ai là người được giao nhiệm vụ giữ chiếc chìa khóa này.

- Con gái tôi – nhà bác học trả lời – và chiếc chìa khóa không bao giờ rời nó.

- A! Thế thì mọi sự lại khác hơn rồi, không còn phù hợp với khái niệm của ông Rouletabille nữa – Ông De Marquet reo lớn mừng rỡ – Nếu chiếc chìa khóa này không bao giờ rời cô Stangerson thì tức là tên sát nhân đêm ấy đã đợi cô Stangerson ở trong phòng để chiếm đoạt chiếc chìa khóa và vụ trộm chỉ có thể diễn ra sau vụ mưu sát! Nhưng sau vụ mưu sát thì đã có ngay bốn người ở trong phòng thí nghiệm! Quả thật, tôi hết còn hiểu gì nữa!

Và ông De Marquet nhắc lại, với vẻ thịnh nộ chán chường nhưng đối với ông, thật ra nó vốn là điểm tốt cùng của niềm say mê thắm kín, vì không biết tôi đã nói chưa nhỉ, không bao giờ ông cảm thấy sung sướng bằng lúc ông không hiểu gì cả:

“... hết còn hiểu gì nữa!”

- “Vụ trộm”, – anh phóng viên đứng đỉnh cãi, chỉ có thể xảy ra trước vụ “mưu sát” Điều này không thể nghi ngờ, vì một lẽ mà ông tin và vì nhiều lẽ mà tôi tin. Và khi tên sát nhân lọt vào biệt thất, nó đã có sẵn trong tay chiếc chìa khoá đầu đồng.

- Không có thể. – Ông Stangerson giọng dịu dàng.

- Rất có thể. Thừa giáo sư, đây là chứng cứ?

Rồi thằng quỷ con lỏi trong túi ra một số báo Thời Đại đề ngày 21 tháng mười (tôi nhớ vụ mưu sát xảy ra trong đêm 24 rạng ngày 25) và chỉ cho chúng tôi thấy một lời rao vặt. Anh đọc:

- “Hôm qua, tôi đánh mất một ví tay phụ nữ bằng Sa-tanh đen trong mấy nhà hàng lớn ở Louve. Chiếc ví đựng vài thứ vật vãnh trong đó có một chìa khóa nhỏ đầu đồng. Ai bắt được sẽ có một món tiền thưởng trọng hậu. Xin viết thư lại tại bưu điện, về văn phòng 40, gửi cho: M.A.T.H.S.N.” Những chữ cái này- anh phóng viên nói tiếp – chẳng phải tên cô Stangerson là gì? Cái chìa khóa đầu đồng ấy chẳng phải cái chìa khóa này là gì? Tôi hay đọc mục rao vặt lắm.

Trong nghề của tôi cũng như trong nghề của ông, thừa ông Dự thẩm, cần phải đọc những lời rao vặt liên quan đến cá nhân. Thế mới phát hiện được nhiều mưu mô! Nhiều chìa khóa mở các mưu mô không phải luôn luôn có đầu đồng, nhưng không kém phần đáng chú ý. Lời rao vặt này, đặc biệt bởi cái vẻ bí ẩn mà người đàn bà đánh mất chiếc chìa khóa, một vật chẳng nguy hại gì lắm, bao trùm quanh mình, lời rao vặt này làm tôi sửng sốt. Chìa khóa gì mà bà ta quý đến thế? Hứa cả một món hậu tạ lớn! Và tôi nghĩ đến sáu chữ M.A.T.H.S.N. Bốn chữ đầu chỉ rõ ngay một tiểu danh phụ nữ: “Tất nhiên – tôi thầm nghĩ – Math. Mathilde. Người đàn bà đánh mất chiếc chìa khóa đầu đồng tên là Mathilde L. Nhưng hai chữ sau thì tôi chịu thua. Bởi vậy, tôi liệng tờ báo đi lo công chuyện khác. Đến khi, bốn ngày sau, các nhật báo phát hành buổi chiều với những đầu đề chữ lớn ở trang nhất loan tin về vụ mưu sát cô Mathilde Stangerson, thì chẳng cần suy nghĩ, cái tên Mathilde lập tức gợi cho tôi nhớ đến những chữ cái ở lời rao vặt! Hơi thắc mắc, tôi hỏi xin ban biên tập số báo cũ ngày hôm ấy. Tôi đã quên hẳn hai chữ chót: S,N. Khi thấy lại hai chữ này, tôi không ghìm nổi một tiếng kêu: “Stangerson”. Tôi nhào lên một chiếc xe ngựa cho thuê, hối hả đến Văn Phòng 40 Bưu Điện. Tôi hỏi: “Ông có thư cho M.A.T.H.S.N không?”. Nhân viên phụ trách đáp: “Không!”. Rồi thấy tôi cố nài, khẩn khoản xin tìm kỹ lại cho, ông ta hơi gắt: “Thôi đi, ông ơi, giỡn hoài! Có, tôi có nhận một phong thư đề những chữ đầu tên M.A.T.H.S.N. nhưng tôi đã phát cho một bà đã đến lấy ba ngày nay rồi. Hôm nay, tới lượt ông đòi nữa. Hôm kia, cũng có một ông đến hỏi, cứ kéo nài dai nhách à! Tôi ngán

cái trò chơi tai ác này rồi đó”. Tôi thêm hỏi thêm ông ta về hai nhân vật đã đến lấy thư; nhưng hoặc vì ông ta muốn trốn sau bức tường bí mật nghề nghiệp – chắc ông ta cho rằng mình đã nói quá nhiều – hoặc quả thật ông ta đã bị một trò đùa nghịch quấy rầy quá đáng, ông ta cương quyết không trả lời tôi nữa”.

Rouletabille ngừng nói. Chúng tôi tất cả đều nín lặng. Mỗi người rút từ câu chuyện thư bưu điện ra những kết luận riêng. Trên thực tế, dường như bây giờ người ta đã nắm được một đường dây vững chắc sắp sửa có thể lần theo cái vụ án “Không thể chụp bắt” này”.

Lát sau, ông Stangerson lên tiếng:

- Thế thì gần như chắc chắn con gái tôi đã đánh mất chiếc chìa khóa ấy. Nó không muốn cho tôi biết để tránh cho tôi nỗi lo sợ, và nó đã yêu cầu người bắt được chìa khóa viết thư lưu tại bưu điện để nó kín đáo đến lấy. Rõ ràng nó sợ nếu cho địa chỉ, tất sẽ có nhiều cuộc đi lại tiếp xúc, khiến tôi hay biết việc mất chìa khóa. Ấu cũng là điều rất hợp lý và rất tự nhiên thôi. Bởi vì, thưa ông, tôi đã từng bị mất trộm!

- Ở đâu? Và bao giờ? – Ông Giám Đốc Công An hỏi dồn.

- Ô! Nhiều năm rồi, tận Châu Mỹ, ở Philadelphie. Nó đã ăn trộm trong phòng thí nghiệm của tôi hai phát minh có thể làm giàu cho cả một dân tộc, không những chẳng bao giờ tôi biết kẻ trộm là ai, mà chẳng bao giờ tôi nghe nói gì đến “vật bị mất trộm”. Rồi để phá hư những toan tính của tên trộm, tôi đã đích thân tung hai phát minh đó vào lãnh vực quần chúng làm cho vật bị mất trộm không còn giá trị độc quyền. Từ ngày ấy, tôi trở thành rất đa nghi. Tôi tự giam mình thật kín khi làm việc. Tất cả song sắt các cửa sổ, ngói biệt thất cô lập, cái tủ chính tôi đặt đóng ổ khóa đặc biệt với cái chìa độc nhất, tất cả nhưng cái ấy là kết quả bao nhiêu lo sợ phát sinh từ một kinh nghiệm đau buồn.

Ông Dax ngỏ một lời khen ngợi: “Hay quá!”

Ông Joseph Rouletabille thì hỏi thăm về chiếc ví tay. Cả giáo sư Stangerson, cả bố Jacques từ mấy ngày nay không ai trông thấy chiếc ví tay của cô Stangerson. Vài giờ sau đó, chúng tôi được biết do chính cô Stangerson kể lại, rằng chiếc ví quả có bị đánh cắp hoặc cô làm thất lạc, và mọi sự xảy ra đúng như cô kể, rằng ngày 23 tháng 10 cô đến Văn Phòng 40 bưu điện và nơi đây đã trao cho cô một phong thư mà nội dung là một trò đùa nhảm nhí. Cô đã đốt đi ngay.

Để trở lại với buổi khai cung, hay đúng hơn, buổi “đàm luận” của chúng tôi, tôi cần nêu rõ điểm này: Ông Giám Đốc Công An hỏi giáo sư Stangerson: Con gái ông đi Paris làm gì ngày 20 tháng 10 là ngày mất chiếc ví tay, thì chúng tôi được biết cô đã lên thủ đô, có ông Robert Darzac đi kèm, và ông Robert Darzac từ hôm đó tới ngày hôm sau vụ mưu sát, người ta “không thấy đến lâu đài”. Sự kiện ông Robert Darzac cặp kè bên cạnh cô Stangerson trong những cửa hàng lớn ở Louve khi chiếc ví tay biến mất không ai không biết, và cần nói thêm, nó thu hút rất mạnh sự chú ý của chúng tôi.

Buổi nói chuyện tự do giữa thẩm phán, bị can, nhân chứng và nhà báo sắp kết thúc thì xảy ra một đột biến thật sự có kịch tính, điều mà xưa nay ông De Marquet không bao giờ chê bỏ. Viên đội trưởng Hiến binh thông báo có Frédéric Larsan xin vào dự cuộc đàm thoại. Lập tức thỉnh cầu được chấp thuận ngay. Ông ta xách một đôi giày thô, móp, bết bùn đất liệng vào phòng thí

nghiệm và hô:

- Đây, đôi giày tên sát nhân đã mang! Ông có nhận ra không, bồ Jacques?

Bồ Jacques cúi nhìn đôi giày da dơ dáy, và giật mình sửng sốt, công nhận đó là đôi giày cũ của mình đã vứt bỏ lẫn trong đám đồ phế thải ở một góc gác nóc. Ông già lúng túng đến nỗi phải rút khăn tay xì mũi để giấu cơn xúc động.

Tức thì, Frédéric Larsan trở chiếc khăn tay bồ Jacques đang xì mũi, tuyên bố:

- Đây, một chiếc khăn tay giống chiếc lược được trong “Căn Phòng Vàng” một cách lạ lùng.

- A! Tôi biết chứ – bồ Jacques run rẩy trả lời – Hai cái hầu như y hệt nhau.

- Sau hết – Frédéric Larsan đồng dục thuyết tiếp – Cái mũ bát cũng tìm thấy trong “Căn Phòng Vàng” là của ông xếp bồ Jacques đội ngày xưa. Tất cả những điểm này, thưa ông Giám Đốc Công An và ông Dự thẩm, chứng tỏ theo tôi – ơ kìa, bình tĩnh lại đi, ông lão! – Larsan nói với bồ Jacques đang muốn xỉu – mọi cái theo tôi, chứng tỏ tên sát nhân định che giấu con người thật của nó. Nó cải trang khá trắng trợn, hay ít nhất chúng ta xem như trắng trợn, bởi vì chúng ta chắc chắn kẻ sát nhân không phải bồ Jacques, người không hề rời giáo sư Stangerson một lúc nào. Nhưng quý vị thử tưởng tượng coi, nếu tối hôm ấy – ông Stangerson không kéo dài buổi làm việc khuya, nếu sau khi rời con gái, ông đã về ngay lầu đài, rồi cô Stangerson bị sát hại đúng lúc không có ai trong phòng thí nghiệm và bồ Jacques ngủ vùi trong gác nóc thì: Chẳng còn ai còn nghi ngờ mà không quyết đoán ngay bồ Jacques chính là kẻ sát nhân. Bồ Jacques thoát tội chỉ là nhờ vào thời điểm tấn thảm kịch nổ ra quá sớm. Chắc hẳn tên sát nhân nghe bên này im lặng, tưởng phòng thí nghiệm không có ai và giờ hành động của nó đã tới. Kẻ đã có thể len vào đây và sắp đặt những tội chứng rõ rệt đổ thừa cho bồ Jacques, nhất định phải là người quen trong nhà. Nó lọt vào đây chính xác vào giờ nào? Trưa? Hay tối? Tôi không dám quyết. Một kẻ quen thuộc mọi việc, mọi người trong biệt thất đã len vào “Căn Phòng Vàng” đúng giờ thuận tiện cho nó.

- Nhưng nó vào sao được nếu phòng thí nghiệm có người?

- Làm sao chúng ta biết, thưa ông! – Larsan cãi – Đã có một bữa ăn chiều trong phòng thí nghiệm, rồi gia nhân đi lại phục dịch, lại còn một cuộc thử nghiệm hóa học khoảng từ mười giờ đến mười một giờ, giáo sư Stangerson, con gái ông và bồ Jacques quây quanh mấy chiếc hỏa lò ở một góc lò lớn. Ai dám nói rằng tên sát nhân không phải là một người quen! Đã không lợi dụng lúc này để len vào “Căn Phòng Vàng” sau khi tháo bỏ giày để lại phòng rửa mặt.

- Không có ai! – Giáo sư Stangerson lắc đầu.

- Không có lẽ, nhưng không phải là không có thể. Bởi vậy tôi không khẳng định gì cả. Còn việc nó ra thế nào thì lại là chuyện khác! Làm sao nó chạy thoát? Thưa rằng “một cách tự nhiên nhất trần đời”!

Trong khoảnh khắc, Frédéric Larsan nín lặng. Cái khoảnh khắc này, chúng tôi thấy nó dài quá. Chúng tôi lắng đợi ông ta mở miệng lại mà người muốn phát sốt, cũng dễ hiểu thôi.

- Tôi chưa hề vào “Căn Phòng Vàng” – Frédéric Larsan nói tiếp – nhưng tôi trộm nghĩ quý vị

đã có bằng chứng rằng người ở trong phòng chỉ có thể ra bằng cửa lớn. Thì chính là bằng cửa lớn mà tên sát nhân đã đi ra. Vả chăng, vì lẽ không thể nào khác được nên phải vậy. Nó đã phạm tội ác trong phòng và nó đã ra bằng cửa lớn! Ra lúc nào.? Lúc dễ dàng nhất đối với nó, lúc nào việc đi ra đối với nó trở thành dễ cắt nghĩa nhất, dễ cắt nghĩa đến độ không sao tìm được cách cắt nghĩa nào khác, vậy chúng ta hãy xem xét những “lúc” theo sau tội ác. Lúc thứ nhất thì ở trước cửa, sẵn sàng chặn đường nó, có ông Stangerson và bố Jacques. Lúc thứ hai, bố Jacques vắng mặt vài phút, ông Stangerson một mình ở lại trước cửa. Lúc thứ ba, ông gác cổng đến với ông Stangerson. Lúc thứ tư, trước cửa có ông Stangerson, anh gác cổng, vợ anh và bố Jacques. Lúc thứ năm, cửa bị phá, bốn người ùa vào “Căn Phòng Vàng”. Cái lúc nó tẩu thoát dễ cắt nghĩa nhất chính là lúc trước cửa có ít người nhất. Có một lúc chỉ có một người: Đó là lúc ông Stangerson ở lại một mình trước cửa. Trừ trường hợp buộc chết cho bố Jacques là tòng phạm bằng im lặng, và tôi không tin bố Jacques là tòng phạm, bởi lẽ bố Jacques sẽ không ra khỏi biệt thất để đi xem xét cái cửa sổ của “Căn Phòng Vàng”, nếu bố đã thấy cửa mở và tên sát nhân ở trong chạy ra. Thế thì cửa chỉ mở lúc ông Stangerson có một mình và nó đi ra. Đến đây, chúng ta cần chấp nhận rằng ông Stangerson có những lý do vững mạnh để không bắt giữ hoặc hô hoán bắt giữ tên sát nhân, vì ông đã để mặc cho nó tới tận cửa sổ gian tiền đình, rồi đóng cửa sổ lại khi nó đã leo qua!

Xong việc này, vì bố Jacques sắp trở lại và cần để bố thấy lại mọi sự đầu vẫn yên ắng, cô Stangerson chắc bị cha quở trách sao đó nên mặc dầu thương tích trầm trọng, vẫn còn đủ sức để khoá trái căn “Căn Phòng Vàng” và cài chốt lại như cũ trước khi cô gục xuống sàn nhà chết giấc. Chúng ta không biết kẻ nào phạm tội ác, chúng ta không biết ông và cô Stangerson là nạn nhân của tên khốn nạn nào, nhưng không thể nghi ngờ, cha con cô biết nó là ai! Cái bí mật này phải vô cùng khủng khiếp đến nỗi người cha đã không ngần ngại bỏ con gái đang hấp hối sau cánh cửa mà chính cô đã đóng lại, khủng khiếp đến độ ông đành để tên sát nhân tẩu thoát. Vậy đó, làm gì có cách nào khác trên đời để giải thích việc tên sát nhân trốn ra khỏi “Căn Phòng Vàng”.

Không khí im lặng tiếp theo tràng thuyết minh bi thảm và sáng sủa này có một cái gì ghê rợn. Hết thấy chúng tôi cùng đau đớn cho vị giáo sư danh tiếng bị lập luận tàn nhẫn của Frédéric Larsan dồn đến chân tường, bị buộc phải, hoặc thú thực với chúng tôi nỗi thống khổ của mình, hoặc câm nín, một lời thú tội còn khủng khiếp hơn. Con người ấy, pho tượng hiện thân của đau đớn từ từ đứng dậy. Ông giơ cao tay thành một cử chỉ long trọng đến nỗi chúng tôi phải kính cẩn cúi đầu như trước một biểu tượng thần thiêng rồi bằng giọng sang sảng như phải vận dụng hết nguồn sinh lực còn lại, ông dần từng tiếng:

- Tôi xin thề trên đầu con gái tôi đang hấp hối, rằng tôi không hề rời cái cửa này từ lúc nghe tiếng kêu cứu tuyệt vọng của con tôi, rằng cửa này không hề mở khi tôi chỉ có một mình trong phòng thí nghiệm, và cuối cùng khi tôi cùng ba người giúp việc ùa vào “Căn Phòng Vàng” thì tên sát nhân không còn trong đó nữa! Tôi thề không biết tên sát nhân là ai!

Tôi có cần nói thêm hay không, rằng dù nghe một lời thề long trọng dường ấy, chúng tôi vẫn không tin ông Stangerson. Frédéric Larsan vừa hé cho chúng tôi thấy thấp thoáng sự thật, lẽ đâu chúng tôi chịu để cho nó biến nhanh như vậy.

Khi ông De Marquet tuyên bố cuộc “hội thoại” chấm dứt và chúng tôi sửa soạn rời phòng thí

nghiệm thì bỗng anh phóng viên non, tên Joseph Rouletabille nhãi ranh tiến lại bên ông Stangerson, cầm tay ông một cách hết sức kính cẩn, và tôi nghe gã nói.

- Riêng tôi, tôi tin ông, thưa giáo sư!

Tôi xin ngừng ở đây đoạn kể về bài tường thuật của ông Maleine, lục sự tại tòa án Corbeil. Khởi cần mình xác với quý vị độc giả rằng tất cả những gì diễn ra trong phòng thí nghiệm đã được chính Rouletabille kể lại với tôi rất trung thực và ngay tức khắc.

Chương 12. Cây Can Của Frédéric Larsan

Khoảng sáu giờ tối, lời mời sửa soạn rời lâu đài mang theo bài báo bạn tôi đã viết vội vàng trong căn phòng khách nhỏ mà ông Robert Darzac dành cho chúng tôi sử dụng. Anh phóng viên sẽ ngủ lại lâu đài theo lời mời mến khách khó hiểu của ông Robert Darzac, người mà trong những giờ phút đau thương hiện tại, giáo sư Stangerson đặt trọn niềm tin để bàn bạc việc nhà.

Tuy nhiên, anh muốn đi tiễn tôi đến tận ga Epinay. Lúc ngang qua vườn hoa, anh nói:

- Frédéric Larsan giỏi thật là giỏi, quả không thẹn với tiếng đồn. Anh biết ông ta làm thế nào mà tìm thấy đôi giày của bố Jacques không? Gần chỗ chúng ta bắt gặp những “dấu chân thanh lịch” đồng thời những dấu giày thô biến mất, hiện ra một vết trũng hình chữ nhật chứng tỏ mới đây thôi, đã có một phiến đá nằm đó. Larsan tìm phiến đá không thấy, ông ta nghĩ ngay ra tên sát nhân đã dùng nó để cột giữ dưới đáy hồ đôi giày nó muốn tống khứ đi cho rảnh. Con toán của Fred thật tài tình và thành quả việc ông ta tìm kiếm đã chứng minh như vậy. Điều này, quả thật tôi không nghĩ đến, nhưng nói cho công bằng thì tâm trí tôi đã phiêu du ngã khác, bởi vì căn cứ trên một số quá nhiều chứng tích giả mạo về con đường nó đi qua do tên sát nhân để lại và trên kích thước những dấu chân đen phù hợp với kích thước những bước chân bố Jacques tôi đã ghi nhận trên sàn nhà “Căn Phòng Vàng” trong lúc bố không hay biết, trước mắt tôi thì bằng có đã rõ rệt là tên sát nhân muốn đánh lạc hướng nghi ngờ ra ngoài ông lão bộc. Chính vì thế mà tôi dám nói với bố, anh nhớ lại mà coi, rằng nếu người ta tìm thấy chiếc mũ nồi trong căn phòng bí hiểm nọ thì nhất định nó phải giống cái mũ của bố, rồi tôi lại mô tả chiếc khăn tay lượm được cũng giống hệt cái khăn tay bố thường dùng. Larsan và tôi nhất trí với nhau đến đây, nhưng từ đây trở đi thì chúng tôi không còn nhất trí nữa.

Và điểm này sẽ là một sự rất ghê gớm, vì ông ta với tất cả thiện chí đang đi tới một sai lầm mà tôi quyết sẽ chống lại với “hai bàn tay trắng”!

Tôi kinh ngạc nghe giọng nói quyết liệt của bạn tôi khi anh thốt ra câu chót.

Anh còn nhắc lại lần nữa:

- Phải! Ghê gớm! Ghê gớm!

Nhưng có thật chống “bằng tư tưởng” nghĩa là chống với “hai bàn tay trắng” không?

Lúc này chúng tôi đi qua phía sau lâu đài. Đêm đã xuống. Một khung cửa sổ trên lầu nhất còn mở hé. Ánh sáng yếu ớt hắt ra cùng vài tiếng động khiến chúng tôi chú ý và tiến bước cho tới khi đụng một góc cửa ra vào ở ngay dưới khung cửa sổ. Rouletabille thì thầm cho tôi biết cái cửa sổ kia là của phòng cô Stangerson. Những tiếng động đã khiến chúng tôi dừng bước bỗng im bất một lúc rồi lại nổi lên. Những tiếng rên siết nghẹn ngào. Chúng tôi chỉ nghe rõ ba tiếng: “Tội nghiệp Robert!” Rouletabille đặt tay lên vai tôi, ghé tai nói nhỏ:

- Nếu chúng ta biết được trong căn phòng kia đang xảy ra chuyện gì thì cuộc điều tra của tôi sẽ kết thúc mau chóng.

Anh đảo mắt nhìn quanh. Bóng đêm bao phủ dày đặc. Chúng tôi không nhìn được xa hơn cái bãi cỏ hẹp ven bờ trồng cây cao trải dài sau lâu đài. Nhưng tiếng thốn thức lại ngừng.

“Mình nghe không rõ” – Rouletabille lại nói – “thì thử dòm coi.

Và anh vừa kéo tôi đi vừa ra dấu cho tôi thật nhẹ bước, qua hết bãi cỏ đến tận một cây phong cứng cáp in bóng trắng mờ trong đêm đen. Cây phong này vươn lên giữa khung cửa sổ và những cành đầu tiên của nó chìa ngang gần như đung tầm cao của tầng lầu nhất lầu đài. Từ những cành này, chắc chắn có thể nhìn thấy những gì đang xảy ra trong phòng cô Stangerson. Và đó nhất định là chủ ý của Rouletabille. Vì, sau khi ra lệnh cho tôi ở yên một chỗ, anh vòng đôi tay rắn chắc ôm thân cây leo lên. Anh biến nhanh vào đám cành lá um lùm, rồi hoàn toàn im lặng.

Đằng kia, trước mắt tôi, khung cửa sổ mở hé vẫn hắt ra ánh sáng nhưng không thấy bóng người thấp thoáng qua vùng ánh sáng. Cây phong trên đầu tôi vẫn lặng lẽ. Tôi chờ. Thành linh, từ trong vùng cành lá thoáng vào tai tôi mấy tiếng:

“Tôi theo!”

“Xin mời, tôi theo!”

À, ra người ta trò chuyện với nhau trên cao, trên đầu tôi. Người ta lễ phép nhường nhau, và tôi xiết nỗi ngạc nhiên khi thấy xuất hiện trên thân cây nhẵn nhụi hai bóng người thoáng cái đã chạm đất! Rouletabille leo lên một mình, và trở xuống “hai”!

“Chào ông Sainclair!”

Thì ra Frédéric Larsan. Nhà thám tử đã có mặt trên cây lúc anh phóng viên yên chí có một mình. Chả người nào để ý đến vẻ ngớ ngàng của tôi. Tôi chắc từ ngọn cây trinh sát họ đã chứng kiến một pha đầy yêu thương và tuyệt vọng giữa cô Stangerson đau đớn nằm dài và ông Darzac quỳ phục bên giường bệnh. Phóng viên và thám tử, mỗi anh rút lấy một kết luận khác anh kia. Chẳng có gì khó để đoán được cái pha ấy đã tạo một hậu quả mãnh liệt trong đầu Rouletabille “bệnh vực Robert Darzac” nhưng trong óc Larsan thì nó chỉ chứng tỏ một thủ đoạn đạo đức giả biểu hiện bằng một nghệ thuật cao cường nơi vị hôn phu của cô Stangerson.

Khi tới cổng sắt hoa viên, Larsan chợt ngăn chúng tôi lại:

- Ấy! Cây can của tôi!

- Ông quên cây can à? – Rouletabille hỏi.

- Vâng – nhà thám tử đáp – Tôi để gần gốc cây lúc nãy.

Rồi ông ta hấp tấp quay lại, rồi sẽ bắt kịp chúng tôi ngay.

- Anh có để ý cây can của Frédéric Larsan không? – Rouletabille hỏi tôi khi chỉ còn hai đứa – Cây can mới tinh khôi, chưa bao giờ tôi thấy ở tay ông ta. Ông ta có vẻ cần nó lắm, không lúc nào chịu rời, làm như sợ nó rơi vào tay người lạ. Trước nay tôi chưa hề thấy Frédéric Larsan. Cây can này, ông ta lấy ở đâu? một người không cầm can bao giờ bỗng dưng từ sau ngày xảy ra vụ mưu sát ở Glandier lại không bao giờ chịu đi một bước mà không chống can thì lạ thật, không phải chuyện tự nhiên. Hôm chúng ta tới lầu đài, lúc trông thấy ông, ông dút đồng hồ vào túi và lượm cây can dưới đất cầm tay, một cử chỉ tôi đã lầm mà không cho là quan trọng!

Lúc này, chúng tôi đã ra ngoài khu hoa viên.

Rouletabille không nói gì. Tư tưởng anh chắc chưa rời cây can của Frédéric Larsan. Tôi có bằng chứng ấy khi đi xuống bờ biển Epinay anh bảo tôi:

- Frédéric Larsan đã tới trước tôi, ông ta bắt đầu cuộc điều tra riêng trước tôi, đã có thì giờ để biết những gì tôi không biết và thấy những gì tôi không thấy, không rõ ông ta tìm thấy cây can này ở đâu.

Rồi anh tiếp:

- Rất có thể điểm ông ta nghi ngờ hay hơn thế nữa, lý luận của ông ta, đi thẳng một mạch tới Robert Darzac, chắc phải dựa trên một cái gì rõ ràng rành rờ sờ nắn được và ông ta đã sờ nắn tới, “chỉ có ông ta” thôi, còn tôi, tôi lại không sờ nắn được nắn. Quái thật, cây can ấy ông ta tìm thấy ở đâu?

Đến Epinay, vì còn phải đợi xe hơn hai mươi phút, chúng tôi vào một quán giải khát giết thì giờ. Hầu như ngay tức khắc, sau chúng tôi cửa lại mở liền và Frédéric Larsan bước vào tay vung cây can quý báu. Ông ta cười tươi.

- Tôi tìm thấy rồi!

Ba chúng tôi ngồi chung bàn. Rouletabille không rời mắt khỏi cây can. Anh mãi nhìn nên không thấy Larsan ra mặt hiệu cho một nhân viên hóa xa, một thanh niên rất trẻ để một chòm râu cằm nhỏ vàng biếng chải.

Anh ta liền đứng dậy trả tiền ăn uống, chào và đi ra.

Chính tôi cũng chẳng thấy cái ám hiệu kia quan trọng gì nếu nó không trở lại ký ức tôi vài ngày sau đó, khi chòm râu vàng tái xuất hiện vào một trong những giây phút bi thảm nhất của truyện này. Lúc ấy tôi mới biết chòm râu vàng là đệ tử của Larsan được giao nhiệm vụ canh chừng hành khách đi lại trong ga Epinay-Sur-Orge, vì Larsan không bỏ sót việc gì biết đâu sẽ có khi hữu ích.

Tôi lại nhìn Rouletabille:

- A! Thưa ông Fred, – anh nói, Ông có cây can này từ bao giờ vậy nhỉ. Tôi thấy lúc nào ông cũng đi đứng hai tay thọc túi quần cơ mà.

- Của người ta cho – nhà thám tử đáp.

- Chắc là mới đây...

- Không, họ cho tôi từ khi ở Luân Đôn.

- À phải, ông ở Luân Đôn về, thưa ông Fred. Tôi coi một chút được không ông?

- Được chứ!

Fred đưa cây can cho Rouletabille cây can to bằng tre già, đầu khoằm có cán một vòng vàng.

Rouletabille xem xét tỉ mỉ:

- Ô này – anh ngẩng một bộ mặt hóm hỉnh nhìn lên – người ta biếu ông ở Luân Đôn một cây can bán ở Pháp! Đây mời ông đọc, nhãn hiệu khắc chữ nhỏ: “Cassene, 6bis, Opéra.”

- Ở Luân Đôn người ta đưa giặt được quần áo trắng thì người Anh có thể mua can ở Paris chứ sao.

Rouletabille trả lại cây can, khi đưa tôi vào trong toa tàu hỏa rồi, anh hỏi:

- Ông nhớ địa chỉ không đấy?

- Nhớ! Cassene, 6bis, opéra. Yên trí đi, sáng mai ông sẽ nhận được mấy chữ của tôi.

Ngay tối đó, ở Paris, tôi đến gặp ông Cassene bán can và dù. Sau đó tôi viết cho anh:

“Một người đàn ông được miêu tả đúng hình dạng Robert Darzac, cùng khổ người, hơi gù, đội mũ quả dưa, đã đến mua một cây can giống cây của Fred, đúng buổi tối hôm xảy ra vụ ám sát, khoảng tám giờ.

Từ hai năm nay, ông Cassene không hề bán cây can nào như vậy. Cây can của Fred còn mới nguyên. Vậy đúng là cây ông ta hiện nắm trong tay. Không phải chính ông ta đã mua nó, vì lúc ấy ông ta đang ở Luân Đôn. Cũng như Rouletabille, tôi nghĩ “ông ta đã tìm thấy ở một chỗ nào đó quanh quần bên ông Robert Darzac”. Nhưng, như anh vẫn nói, tên sát nhân đã có mặt trong “Căn Phòng Vàng” từ năm giờ hoặc cho là sáu giờ đi, mà vụ mưu sát mãi khoảng nửa đêm mới xảy ra thì việc mua cây can này đương nhiên cung cấp cho Robert Darzac một trường hợp cách diện vững vàng không bác bỏ được.

Chương 13. “Nhà Trưởng Lão Chẳng Mất Vẻ Nên Thơ Như Vườn Cây Vẫn Xanh Màu Rực Rỡ”

Tám ngày sau những biến cố tôi vừa kể, đúng ra là ngày 2 tháng mười một, tôi nhận được ở Paris, phát tận nhà, một bức điện tín nội dung như sau: “Đến ngay Glandier bằng chuyến xe lửa sớm nhất. Mang súng theo. Thân. Rouletabille.”

Hình như tôi đã có thừa cùng quý vị, rằng hồi đó, là một luật sư trẻ đang còn tập sự và rất ít việc, tôi thường lui tới pháp đình để làm quen với nghề nghiệp hơn là để bênh vực cô nhi quả phụ. Cho nên tôi không ngạc nhiên thấy Rouletabille gọi tôi đi khơi khơi, vả lại anh cũng dư biết tôi rất khoái theo dõi các vụ phiêu lưu trong nghề báo của anh nói chung, và nhất là vụ Glandier, nói riêng. Từ tám ngày nay, tôi chỉ được tin tức vụ này qua một số lớn bài tường thuật xô bồ đăng trên các nhật báo và vài dòng qua vắn tắt của Rouletabille trên tờ Thời Đại. Mấy dòng tin vắn này tiết lộ câu chuyện “khúc xương cừu” và cho chúng tôi biết những dấu vết trên khúc xương đã được phân chất và xác định đúng là “máu người”, có cả dấu còn tươi nguyên của “máu cô Stangerson”. Nhưng dấu cũ thì do những tộc ác có thể lâu từ nhiều năm trước để lại.

Bạn đọc thử tưởng tượng báo chí thế giới sôi sục ra sao. Chưa bao giờ có vụ án mạng nổi tiếng nào lại gây hoang mang dư luận mạnh như vụ này, ấy là cuộc thẩm cứu của Dự thẩm có vẻ chẳng tiến triển gì ráo. Cho nên tôi sẽ mừng rỡ xiết bao khi được bạn tôi mời đến gặp anh ở Glandier, nếu bức điện không thông thêm câu: “mang súng theo”..

Tôi phân vân khó hiểu quá. Nếu Rouletabille điện cho tôi phải mang súng theo, tất nhiên anh đã có dự liệu sẽ có dịp dùng đến. Song le, tôi xin thú nhận mà không chút thẹn thùng, tôi chẳng phải một đấng anh hùng lỗi lạc. Nhưng làm sao được! Ngày hôm ấy, vấn đề là một người bạn chắc đang gặp khó khăn kêu gọi mình đến cứu nguy, nên tôi không hề ngần ngại, và sau khi xem lại cẩn thận khẩu súng lục duy nhất đã được nạp đạn đảng hoàng, tôi đi ra ga Orleans. Đọc đường, tôi suy nghĩ, khẩu súng lục chỉ là một món vũ khí, mà ở bức điện của Rouletabille chỉ súng viết số nhiều, tôi bèn ghé vào một cửa hàng bán vũ khí và mua một khẩu súng nhỏ thật tốt mong có được dịp vui tặng bạn.

Tôi hy vọng được Rouletabille ra đón ở ga Epinay, nhưng không thấy. Tuy nhiên, có chiếc xe ngựa chờ sẵn và đưa tôi về Glandier. Cổng sắt chẳng có ai. Lúc đến tận ngưỡng cửa lâu đài tôi mới trông thấy anh. Anh vồn vã chào và ôm lấy tôi liền thoảng hỏi thăm sức khỏe.

Khi vào gian phòng khách nhỏ cũ kỹ mà tôi đã có nói trước đây, Rouletabille mời tôi ngồi và vào đề ngay:

- Hồng hét!
- Cái gì hồng?
- Tất cả. – Anh lại gần ghé sát tai tôi: ““Frédéric Larsan quyết đi tới cùng để cột cổ Robert Darzac”.

Điều này, tôi chẳng lấy làm lạ kể từ lúc tôi thấy người chồng chưa cưới của cô Stangerson tái

mặt trước những dấu chân mình.

Tuy vậy, tôi vắn ngay:

- Ơ hay! Thế còn cây can?

- Cây can! vẫn ở trong tay Frédéric Larsan, ông ta không lúc nào rời nó.

- Nhưng mà nó không cho Robert Darzac một lẽ cách diện vô can hay sao?

- Làm gì có chuyện đó. Tôi dò ôn tồn hỏi han Robert Darzac, ông nhất định chối không hề mua cây can nào ở nhà Cassene, tối hôm ấy cũng như mọi hôm khác. Dù sao, “tôi không đoán quyết điều gì vì ông Darzac có nhiều lúc im lặng một cách quái gở đến nỗi người ta không biết cho thật đúng phải nghĩ thế nào về những lời ông ta nói.

- Trong óc Frédéric Larsan, cây can này phải quý giá lắm, nó là cây can tang chứng. Nhưng bằng cách nào? Vì vẫn căn cứ theo giờ giấc đã mua, nó không thể nằm trong tay kẻ sát nhân được.

- Giờ giấc không gây bối rối cho Larsan. Ông ta không bó buộc phải áp dụng phương pháp của tôi, nó bắt đầu bằng cách nhét tên sát nhân vào “Căn Phòng Vàng” khoảng từ năm đến sáu giờ chiều. Còn với ông ta, có cái gì ngăn cản ông ta nhét nó vào từ mười đến mười một giờ khuya? Giờ này đúng thời gian cha con cô Stangerson với bố Jacques phụ giúp, đang làm một cuộc thử nghiệm hóa học say mê trong khu vực của phòng thí nghiệm có đặt những chiếc hỏa lò con. Larsan sẽ nói rằng lên sát nhân lên vào sau lưng họ, giả thiết coi bộ rất có lý. Ông ta đã khai với Dự thẩm như vậy. Nhưng xét kỹ thì lập luận này không đứng vững, vì lẽ kẻ quen thân với gia đình – nếu quả có kẻ quen thân – phải biết rằng ông giáo sư sắp rời biệt thất, và nếu là người quen thân tất nó sẽ chờ ông già đi khỏi rồi mới hành động có phải an toàn hơn không. Tội gì nó liều lĩnh băng qua phòng thí nghiệm trong khi ông giáo sư còn đó? Vả chăng, kẻ quen thân ấy lọt vào biệt thất lúc nào? Cần làm sáng tỏ chừng ấy điểm trước khi chấp nhận thuyết tưởng tượng của Larsan. Riêng tôi, tôi không phí thì giờ vào chuyện này vì tôi có một phương pháp không thể đánh đổ, nó không cho phép tôi bận tâm với cái thuyết tưởng tượng ấy. Có điều lúc này tôi bị buộc phải ngậm miệng trong khi Larsan thì đôi khi được nói, có thể rời ra mọi sự sẽ đi đến chỗ kết tội ông Darzac nếu không có tôi ở đây!

Anh chàng nói câu này đầy vẻ tự phụ – Bởi vì, chống lại ông Darzac còn có “nhiều dấu chỉ bên ngoài” kém ghê gớm không khác câu chuyện cây can, câu chuyện mà tôi vẫn không hiểu, càng không hiểu khi thấy Larsan ngang nhiên xuất hiện trước ông Darzac với cây can của chính ông Darzac. Tôi hiểu rất nhiều trong phương pháp hành động của Larsan, nhưng chuyện cây can thì thật tình tôi chưa hiểu?

- Frédéric Larsan còn ở lâu dài không?

- Còn, không hề đi đâu! Ông ta ngủ luôn ở đó, như tôi, theo lời thỉnh cầu của giáo sư Stangerson. Ông Stangerson đối xử với Fred y hệt Robert Darzac đối xử với tôi. Bị Frédéric Larsan tố cáo là biết mặt tên sát nhân và đã giúp cho nó trốn thoát, ông Stangerson quyết dành mọi sự dễ dàng cho kẻ buộc tội ông để đi tới chỗ phát hiện sự thật. Ông Robert Darzac xử với tôi cũng y như thế.

- Nhưng anh, anh tin Robert Darzac vô tội không?

- Đã có một lúc tôi tin ông Robert Darzac là thủ phạm. Đó là khi chúng ta tới đây lần đầu. Thôi, đã đến lúc tôi kể anh nghe chuyện gì đã xảy ra giữa ông Darzac và tôi.

Đến đây, Rouletabille ngừng nói và hỏi tôi có mang vũ khí theo không. Tôi đưa anh hai khẩu súng lục. Anh xem xét cẩn thận rồi chỉ nói một câu: “Tuyệt rồi”, đoạn trả lại tôi cả hai khẩu.

- Chúng ta liệu có phải dùng đến không? – Tôi hỏi.

- Chắc tối nay phải dùng. Chúng ta ngủ đêm ở đây. Có gì phiền anh không?

- Trái lại – tôi trả lời và nét mặt tôi lộ vẻ khôi hài thế nào mà Rouletabille cười rộ:

- Thôi đi! Thôi đi! – anh nói khi đã ngừng cười – lúc này không phải lúc cười. Ta nói chuyện nghiêm túc thôi. Ông có nhớ câu: “Vùng ơi, hãy mở ra!” ở cửa cái lâu đài đầy rẫy bí ẩn này không?

- Nhớ. Nhớ đủ: Nhà trưởng lão chẳng mất vẻ nên thơ, như vườn cây vẫn xanh màu rục rỡ. Và cũng câu này một nửa bị cháy xém anh đã tìm thấy trên một mảnh giấy trong đồng than tàn ở phòng thí nghiệm chứ gì.

- Đúng, và phía dưới mảnh giấy, ngọn lửa còn kiêng nể chỗ ghi ngày tháng: “23 tháng mười”. Anh nhớ kỹ cho cái ngày tháng này, nó quan trọng lắm đấy. Bây giờ tôi xin nói anh nghe về cái câu kỳ cục nọ. Tôi không hiểu anh có biết, rằng hai ngày trước vụ ám sát, nghĩa là ngày 23, cha con cô Stangerson có đi dự một buổi chiêu đãi ở điện Elysée. Họ ăn luôn bữa tối ở đấy, tôi chắc thế. Điều rõ rệt là họ đã ở lại dự tiệc chiêu đãi, “bởi vì tôi đã trông thấy hai người”. Tôi cũng có mặt ở đó vì lý do nghề nghiệp. Tôi có nhiệm vụ phỏng vấn một vị trong nhóm các nhà bác học thuộc Viện Hàn Lâm Philadelphie, những người được chào mừng ngày hôm đó. Cho đến hôm ấy, tôi chưa hề thấy mặt ông Stangerson và cô con gái bao giờ.

Tôi ngồi ở gian phòng khách phía trước phòng tiếp các vị đại sứ, đang thả hồn vào cõi mộng vu vơ thì bỗng ngửi thấy mùi hương thơm ngát của thiếu phụ bận đồ đen thoáng qua. Anh sẽ hỏi tôi: “Mùi hương thơm ngát của thiếu phụ bận đồ đen” là cái gì. Anh chỉ cần biết đó là thứ dầu thơm mà tôi ưa thích vô cùng vì nó được sức vào người một thiếu phụ chuyên mặt đồ đen, người đã từng có cử chỉ hiền mầu đối với tôi thuở còn bé. Người đàn bà hôm ấy kín đáo sức “hương thơm của thiếu phụ bận đồ đen” lại bận đồ trắng. Nàng đẹp mê hồn. Tôi không thể dằn lòng mà không đứng dậy đi theo nàng, theo cả hương thơm của nàng. Một người đàn ông, hay đúng hơn một ông già, đưa cánh tay cho nàng vịn và dìu đi. Hai người lướt tới đâu, người ta ngoái cổ dòm tới đó. Tôi nghe đám đông xầm xì: “Giáo sư Stangerson và con gái ông đó!” Thế là tôi biết tôi đang đi theo ai. Hai cha con gặp ông Robert Darzac, người tôi đã biết mặt. Giáo sư Stangerson ngồi chiếc ghế bành trong phòng triển lãm, bận đàm luận với một nhà bác học Mỹ trong khi ông Robert Darzac đưa cô Stangerson vào gian nhà gương. Tôi vẫn lẻo đẻo theo sau. Tối hôm ấy, thời tiết trong lành. Các cửa ra vườn đều mở. Cô Stangerson ném một tấm khăn vuông mỏng lên vai và tôi thấy rõ ràng chính cô khẩn cầu ông Robert Darzac đi với cô vào chốn hui quanh của vườn cây. Tôi đi theo luôn vì chú ý đến vẻ bối rối lúc ấy của ông Robert Darzac. Họ thông dong chậm bước men theo dãy tường chạy dọc đại lộ Mangny. Tôi đi vào lối giữa, nghĩa là song song với hai nhân vật của tôi. Thế rồi, tôi “cúp” ngang sân cỏ để chạm trán với

họ. Đêm tối quá, chân tôi đập trên cỏ êm không tiếng động. Hai người dừng lại trong vùng ánh sáng chập chờn của cây đèn mờ vì thấp gaz, đầu chụm vào nhau, cúi xuống một mảnh giấy trên tay cô Stangerson, hình như cùng đọc một cái gì đáng quan tâm ghê lắm. Tôi cũng dừng lại, giữa bóng tối và thỉnh thoảng bao vây. Họ không trông thấy tôi và tôi nghe rõ cô Stangerson tay gấp tờ giấy miệng nhắc lại: Nhà trưởng lão chẳng mất vẻ nên thơ, như vườn cây vẫn xanh màu rục rỡ. Cô đọc với giọng vừa đả độn cay vừa tuyệt vọng, tiếp đến một tràng cười đau xót đến nỗi tôi tin nó sẽ ở lại bên tai tôi mãi mãi. Nhưng còn câu được đọc lên, câu này do miệng ông Robert Darzac: Thế thì để được em, tôi phải phạm một tội ác hay sao?

Ông Robert Darzac ở trạng thái bị kích thích lạ lùng. Ông cầm tay cô Stangerson đưa lên môi hờ hờ, và cứ nhìn đôi vai ông rung động, tôi nghĩ rằng ông khóc.

Đoạn, họ lại dầm nhau đi.

“Khi tôi trở lại gian triển lãm” – Rouletabille kể tiếp – “tôi không thấy ông Robert Darzac nữa, từ đó tôi chỉ gặp lại ông ở Glandier sau vụ mưu sát, nhưng tôi trông thấy cô Stangerson, ông Stangerson và các đại biểu Philadelphie. Cặp bên cô Stangerson lúc này là Arthur Rance. Nhà bác học Mỹ truyện trò sôi nổi, cặp mắt trong khi nói, long lanh một tia sáng dị kỳ. Tôi tin chắc cô Stanerson chẳng để lọt vào tai một tiếng nào trong bài văn của ông Arthur Rance, cặp mắt cô lộ vẻ dừng đọng hoàn toàn. Ông Arthur mặt mũi đỏ gay vì bị chứng xung huyết. Chắc ông khoái nhậu gin. Khi cha con cô Stangerson đi khỏi, ông tiến lại tửu rượu rồi từ đây không rời nó nữa. Tôi đến với ông và giúp ông một vài việc lật vật giữa cảnh huyền ảo. Ông cảm ơn tôi và cho biết sẽ trở về Mỹ ba ngày nữa, tức ngày 26 (hôm sau vụ mưu sát). Tôi gọi chuyện ông về Philadelphie. Ông nói đã ở thành phố này hai mươi lăm năm và chính ở đó ông quen biết cha con nhà bác học trứ danh Stangerson. Tới đây, ông rót sâm-banh uống tỳ tỳ và tôi nghĩ ông sẽ không bao giờ ngừng uống. Tôi chia tay ông lúc ông đã gần tới mức say thật sự.”

“Buổi tối của tôi hôm ấy là như vậy đó, anh bạn ơi. Tôi không rõ bởi một thứ dự kiến nào mà hình ảnh cha con cô Stangerson không hề rời tôi suốt đêm ấy, và xin để anh nghĩ sao thì nghĩ về tác động nơi tôi, khi cái tin cô Stangerson bị mưu sát được tung ra. Làm sao không nhớ lại những câu: “Thế thì muốn được em, tôi phải phạm một tội ác?”. Nhưng câu tôi nói với Robert Darzac khi mình gặp ông ta ở Glandier không phải câu này. Chỉ cần đọc cái câu có vấn đề nhà trưởng lão và vườn cây rục rỡ mà cô Stangerson đã đọc trên mảnh giấy cầm tay hôm ấy là đủ để các cửa lâu đài mở rộng đón chúng ta. Lúc đó, tôi có tin ông Robert Darzac là thủ phạm vụ mưu sát hay không? Không! Tôi không nghĩ mình đã tin hẵn như vậy. Lúc ấy, tôi không nghĩ nghiêm chỉnh “một cái gì” cả. Tài liệu tôi gom góp được còn ít quá. “Nhưng tôi cần” ông ta chứng minh ngay lập tức với tôi là ông ta không bị thương ở bàn tay. Khi chỉ còn lại ông ta với tôi, tôi kể ông ta nghe do một sự tình cờ tôi đã biết câu chuyện ông ta nói trong vườn Elysée với cô Stangerson. Kể đến đoạn tôi nghe lọt câu: “Thế thì muốn được em, tôi phải phạm một tội ác hay sao?” Ông ta giật mình bối rối, nhưng vẫn không bối rối bằng lúc nghe câu “nhà trưởng lão...”. Cái điều nó làm ông kinh sợ bàng hoàng là nghe tự miệng tôi kể lại rằng trong ngày ông ta đến gặp cô Stangerson ở Elysée thì buổi trưa hôm ấy cô nàng đã đến văn phòng 40 bưu điện để lấy bức thư có lẽ là bức thư hai người cùng đọc trong vườn Elysée và kết thúc bằng câu: “Nhà trưởng lão chẳng mất vẻ nên thơ, như vườn cây vẫn xanh màu rục rỡ”. Giả thuyết này sau đó được xác nhận đúng, anh còn nhớ chứ, khi tôi phát giác trong đồng than tàn phòng

thí nghiệm một mảnh nhỏ của lá thư cháy dở ghi rõ ngày 23 tháng mười. Lá thư được viết và được văn phòng bưu điện phát ra cùng ngày. Chẳng có gì nghi ngờ là lúc từ Elysée về nhà, ngay đêm ấy, cô Stangerson đã định đốt lá thư tai hại này đi. Ông Robert Darzac thì uống công cốc chối việc lá thư có một liên hệ nào đó với vụ mưu sát. Tôi cho ông ta hay rằng trong một vụ án bí hiểm như vụ này, ông không có quyền giấu giếm những người đại diện pháp luật về câu chuyện lá thư, rằng tôi tin chắc lá thư có tầm quan trọng đáng kể, rằng thanh âm tuyệt vọng trong giọng cô Stangerson nhắc lại câu nói ác nghiệt kia, rằng chính tiếng khóc của ông ta, Robert Darzac, và câu hăm dọa phạm tội ông ta thốt ra sau khi đọc xong lá thư, nhưng cái đó không cho phép tôi nghi ngờ điều vừa khẳng định. Robert Darzac mỗi lúc một thêm lúng túng. Tôi bèn quyết định lợi dụng ưu thế của mình.

“Đáng lẽ ông sắp làm lễ thành hôn, thưa ông” – Tôi làm bộ hững hờ và không nhìn người đối thoại nữa – rồi bỗng nhiên, cuộc hôn nhân ấy trở thành không thể thực hiện vì tác giả bức thư kia phá đám, bởi lẽ vừa đọc xong lá thư; ông nói ngay đến một tội ác cần phải phạm để khỏi mất cô Stangerson. “Vậy thì có một kẻ xen vào giữa ông và cô Stangerson, kẻ đó ngăn cấm không cho cô lấy chồng, một kẻ sẽ giết cô trước khi cô kết hôn!

Và tôi kết thúc bài diễn văn ngắn như sau: “Giờ đây, thưa ông, ông chỉ còn việc cho tôi biết tên kẻ sát nhân!”

Có lẽ tôi đã vô tình thốt ra những lời khủng khiếp. Khi ngược nhìn Robert Darzac tôi bắt gặp một gương mặt tái ngắt, một vầng trán đầm mồ hôi, cặp mắt lạc thần. Ông ta thảng thốt:

- Thưa ông, tôi xin ông một điều có lẽ đối với ông nó có vẻ điên rồ vô nghĩa, nhưng để đổi lấy nó, tôi bằng lòng bỏ mạng sống của tôi. Tôi van ông đừng tiết lộ trước các vị thẩm phán những gì ông đã thấy và đã nghe ở trong vườn Elysée. Trước các vị thẩm phán hay trước bất cứ ai trên cõi đời này. Tôi xin thề với ông tôi vô tội. Tôi biết và tôi cảm thấy ông tin tôi. Nhưng tôi thà bị coi như kẻ phạm tội hơn là thấy pháp luật nghi ngờ soi mói vào cái câu: “Nhà trưởng lão chẳng mất vẻ nên thơ, như vườn cây vẫn xanh màu rục rờ”. Câu này không thể để cho pháp luật biết được. Toàn thể vụ án ở trong tay ông, tôi trao nó cho ông. Nhưng xin ông hãy quên đi cái buổi tối ở điện Elysée. Ông có cả trăm con đường khác dẫn ông đến việc vạch mặt kẻ sát nhân! Tôi sẽ mở những con đường ấy cho ông, tôi sẽ giúp ông. Ông có muốn ở hẳn đây không? Lên tiếng ở đây như chủ nhà? Ăn, ngủ ở đây luôn? Canh chừng mọi hành vi của tôi và của tất cả những người khác. Ông sẽ ở Glandier như thể ông là chủ lâu đài, thưa ông, nhưng xin ông hãy quên đi cái buổi tối ở Elysée

Đến đây, Rouletabille ngừng lại để lấy hơi một chút. Giờ thì tôi hiểu, thái độ lạ lùng của Robert Darzac đối với bạn tôi và tại sao bạn tôi có thể ngang nhiên đóng đô ngay tại hiện trường dễ dàng quá vậy. Mọi điều tôi vừa được biết càng kích thích óc hiếu kỳ của tôi mạnh hơn. Tôi yêu cầu Rouletabille thỏa mãn nó thêm nữa. Đã xảy ra những gì ở Glandier từ tám ngày nay? Bạn tôi chẳng đã nói cùng tôi rằng bây giờ, để buộc tội Robert Darzac, có những dấu chỉ bên ngoài cũng ghê gớm không kém câu chuyện cây can do Larsan tìm thấy đó ư?

“Hình như tất cả quy tụ lại kết tội Darzac” – Bạn tôi trả lời – “và tình thế trở nên cực kỳ nghiêm trọng. Ông Robert Darzac có vẻ buông trôi mọi sự; bất chấp tất cả. Ông ta lăm. Nhưng chẳng có gì trên đời khiến được ông ta quan tâm, ngoài sức khỏe của cô Stangerson tiến triển

đều đặn mỗi ngày cho đến khi một biến cố còn bí ẩn hơn cái bí ẩn của “Căn Phòng Vàng” bỗng xảy ra đột ngột.

- Làm gì có chuyện đó! – Tôi phản đối um sùm – làm gì có biến cố nào bí ẩn hơn cái bí ẩn của “Căn Phòng Vàng”?

- Trước hết, ta hãy trở lại với Robert Darzac cái đã – Rouletabille trấn an tôi – Tôi vừa nói tất cả hòa nhau tấn công ông ta. “Những bước chân thanh lịch” do Frédéric Larsan ghi nhận có vẻ rõ ràng là bước chân người chồng chưa cưới của cô Stangerson”. Dấu bánh xe đạp có thể cũng là dấu bánh xe của ông ta, việc này đã được kiểm tra nghiêm chỉnh. Từ khi có chiếc xe đạp, ông ta vẫn để nó ở lâu đài. Tại sao ông ta lại mang nó về Paris nhằm vào đúng lúc ấy? Có phải ông định tâm không trở lại lâu đài nữa? Có phải chẳng, cuộc hôn nhân của ông tan vỡ sẽ kéo theo việc cắt đứt mọi quan hệ giữa ông với gia đình Stangerson? Mọi người đương sự đều quả quyết các quan hệ cũ vẫn tiếp tục. Rồi sao? Frédéric Larsan thì lại tin rằng “mọi sự tan vỡ cả”. Từ hôm Robert Darzac cùng cô Stangerson đi dạo trong các gian hàng lớn ở Louve cho đến hôm sau ngày xảy ra vụ mưu sát, chàng rể hệt không hề trở lại Glandier. Xin nhớ cô Stangerson đã mất chiếc ví tay và chìa khóa đầu đồng trong khi có ông Robert Darzac đi kèm. Từ ngày ấy đến buổi tối ở Elysée, vị giảng sư đại học Sorbonne và cô Stangerson không thấy xuất hiện bên nhau nữa. Nhưng có thể họ biên thư cho nhau. Cô Stangerson đã đi lãnh bức thư lưu ở Văn Phòng 40 bưu điện, bức thư mà Frédéric Larsan cho là của Robert Darzac, vì Frédéric Larsan không biết gì về chuyện ở Elysée nên nghĩ rằng chính Robert Darzac đã đánh cắp ví tay và chìa khóa với dụng ý cưỡng ép cô Stangerson chiều theo ý mình bằng cách chiếm đoạt những giấy tờ quý giá nhất của người cha và chỉ hoàn lại với điều kiện cuộc hôn nhân thành tựu. Tất cả các tình tiết có vẻ một giả thuyết đáng ngờ và hầu như vô lý – như chính anh cả Fred nói với tôi – nếu không có cái khác, mà cái khác đây còn nghiêm trọng hơn nhiều nữa. Trước hết, một chuyện quái gở tôi không hiểu nổi, là chính Robert Darzac đã đích thân ngày 24, đến văn phòng bưu điện xin lãnh bức thư do cô Stangerson lãnh ra hôm trước rồi. Cách mô tả người đàn ông đến lấy thư phù hợp từng điểm một với nhân dạng ông Darzac. Ông này, khi được Dự thẩm hỏi với tính cách chiếu lệ thôi, đã chối không hề tới văn phòng bưu điện. Tôi thì tôi tin ông Robert Darzac, vì cứ cho rằng chính ông ta viết bức thư ấy đi – điều này tôi không chấp nhận – ông ta biết cô Stangerson lãnh ra rồi cơ mà, bởi lẽ đã thấy tận mắt lá thư ấy trên tay cô Stangerson trong vườn Elysée. Vậy rõ ràng hôm sau, ngày 24, không phải ông ta đến Văn phòng 40 xin lãnh một bức thư mà ông ta đã biết không còn ở đó nữa. Theo tôi, đây là một kẻ giống ông ta lạ lùng và chính là tên ăn trộm chiếc ví tay. Nó viết thư này đòi hỏi cái gì đó ở chủ nhân chiếc ví, cô Stangerson, “một cái gì mà nó không thấy đến”. Chắc nó ngạc nhiên và thắc mắc không rõ bức thư nó gửi đi với hàng chữ để bì: M.A.T.H.S.N. có người lãnh ra chưa. Do đó mà có việc nó đến văn phòng bưu điện và khẩn khoản đòi lãnh bức thư cho bằng được. Rồi nó tức giận bỏ đi. Bức thư đã có người lãnh ra, mà cái điều nó yêu sách không được thỏa mãn! Nó đòi hỏi cái gì? Không ai biết, ngoài cô Stangerson. Cụ thể vẫn là ngày hôm sau người ta hay tin cô Stangerson bị mưu sát suýt chết trong đêm và ngày hôm sau nữa thì đến tôi phát giác ông giáo sư cùng một lúc bị mất trộm bởi cái chìa khóa mục tiêu của bức thư lưu trí bưu điện. Như thế thì với tôi, người đàn ông đã tới văn phòng bưu điện chính là kẻ sát nhân, và toàn bộ lập luận này, tóm lại rất hợp lẽ, về những lý do đã thúc đẩy kẻ kia đến văn phòng bưu điện lằng xằng, Frédéric Larzac cũng nắm được, nhưng lại áp dụng vào Robert Darzac. Anh nên biết, rằng ông Dự thẩm,

rằng ông Larsan, rằng cả chính tôi, ba người đã cố gắng hết sức để tìm tòi ở văn phòng bưu điện những chi tiết chính xác về nhân vật quái dị ngày 24 tháng mười, nhưng chẳng ai biết hắn ở đâu tới và rồi hắn đi đâu!

Ngoài kiểu miêu tả hình dạng giống hệt Robert Darzac thì chả còn gì. Tôi đã cho rao mấy dòng trên các nhật báo lớn nhất: “Một món tiền thưởng rất hậu dành cho ông đánh xe nào đã đưa một người khách đàn ông đến văn phòng 40 bưu điện trong buổi sáng ngày 24 tháng mười, khoảng mười giờ. Xin mời ông đến ban biên tập báo Thời Đại, hỏi ông R. Chẳng kết quả gì.

Tóm tắt, tên đó có thể đã đi bộ đến, nhưng vì quá vội vàng, biết đâu nó chả đi xe. Trong lời rao trên báo, tôi không miêu tả hình dạng tên đó, chủ ý để tất cả các ông đánh xe ngựa vào khoảng giờ đó đã có đưa một người khách tới Văn phòng 40 bưu điện đều đến tôi hết. Nhưng chẳng có một ai. Ngày đêm tôi thắc mắc tự hỏi: Thế thì người đàn ông giống Robert Darzac một cách dị thường kia, kẻ đến lấy thư và cũng là kẻ đã mua cây can hiện ở trong tay Frédéric Larsan là ai? Điều nghiêm trọng hơn hết là vào giờ ấy, giờ mà kẻ có hình dạng giống hệt Robert Darzac đến văn phòng 40 bưu điện lấy thư thì ông Robert có giờ giảng dạy ở Sorbonnes nhưng đã bỏ không lên lớp. Một giáo sư đồng nghiệp dạy thay ông. Và khi được hỏi giờ ấy ông bận gì, ông trả lời: Dạo chơi rừng Boulogne. Anh, anh nghĩ sao về một ông giáo sư bỏ giờ dạy, đi chơi rừng Boulogne để cho bạn phải thay mình lên lớp? Sau chót, cho anh biết cái này mới là kỳ cục, nếu ông Robert Darzac chịu thú nhận đi chơi rừng Boulogne trong buổi sáng ngày 24 thì ông lại không thể cho biết đã dùng thì giờ làm gì trong đêm 24 rạng ngày 25! Frédéric Larsan hỏi ông về điểm này, ông phớt tỉnh trả lời rằng ông làm gì ở Paris là việc riêng của ông không can gì đến ai. Thế là Frédéric Larsan lớn tiếng thề sẽ một mình, không cần ai giúp đỡ, phanh phui ra cái thời dụng biểu ấy. Tất cả những cái đó có vẻ xác minh vài giả thuyết của anh cả Fred. Nhất là sự kiện Robert Darzac ở trong “Căn Phòng Vàng” chạy ra có thể làm vụng thêm lời giải thích của nhà thám tử về đường lối tên sát nhân tẩu thoát. Ông Stangerson đã mặc cho Robert Darzac chạy đi để tránh một tai tiếng động trời! Và chẳng chính cái giả thuyết mà tôi cho là sai này đã đánh lạc hướng Frédéric Larsan, và nó sẽ không gây khó chịu cho tôi chút nào, nếu không có một kẻ vô tội bị hàm oan. Giờ đây, có thật cái giả thuyết ấy đánh lạc hướng đi của Frédéric Larsan không? Thế đó! Thế đó! Thế đó!

- Mà này. Chưa biết chừng Frédéric Larsan có lý cũng nên! – Tôi kêu to ngắt lời Rouletabille – Anh có chắc ông Darzac vô tội không? Tôi thấy nhiều điểm trùng hợp đáng buồn quá đi.

- Những chuyện trùng hợp là những kẻ thù nguy hiểm nhất của sự thật.

- Giờ ông Dự thẩm nghĩ sao?

- Ông Dự thẩm De Marquet ngần ngại không muốn qui tội cho Robert Darzac mà không có chứng cứ gì rõ rệt. Làm thế, không những ông ta bị toàn thể công luận chống đối, chưa kể đại học Sorbonne, mà cả cha con cô Stangerson nữa. Cô Stangerson yêu tha thiết Robert Darzac. Dù cô có nhìn thấy tên sát nhân quá ít, người ta khó lòng làm cho quần chúng tin rằng cô lại không nhận ra nó là Robert Darzac, nếu Robert Darzac là kẻ sát nhân. Đành rằng “Căn Phòng vàng” rất tối, nhưng vẫn có cây đèn đêm thấp sáng cơ mà, anh đừng quên. Thế đó, ông bạn, vụ này đang đi tới đó thì cách đây ba ngày, hay đúng hơn, ba đêm, xảy ra cái biến cố xưa nay chưa

từng có mà tôi nói với anh bạn này.

Chương 14. Tối Nay Tôi Đợi Kẻ Sát Nhân

“Tôi phải đưa anh đến tận nơi tận chỗ” – Rouletabille nói tiếp – “để anh hiểu, hay đúng hơn để anh tin rằng vụ này không sao hiểu nổi. Riêng tôi, tôi cảm chắc mình đã thấy được cái mà thiên hạ đang tìm: Đó là bằng cách nào tên sát nhân đi ra thoát “Căn Phòng Vàng”, không cần đồng lõa, không cần ông Stangerson làm ngơ. Giả thuyết của tôi, khi nào tôi chưa nắm hẳn được hình dung nhân cách thủ phạm thì tôi chưa tiết lộ nó thế nào, nhưng tôi tin nó đúng và trong mọi trường hợp, nó hoàn toàn tự nhiên, tôi muốn nói: Hoàn toàn đơn giản. Còn chuyện xảy ra cách đây ba đêm, chính trong lâu đài này thì hai mươi bốn giờ qua, tôi thấy nó vượt qua mọi năng lực của óc tưởng tượng. Hơn thế, cái giả thuyết gì đây đang vươn lên từ tận cùng sâu thẳm trong tôi nó vô lý quá, vô lý đến độ hầu như tôi thà ở lại trong bóng tối của tình trạng không thể giải đáp có lẽ còn dễ chịu hơn.

Đến đây anh phóng viên lôi tôi ra ngoài. Anh dẫn tôi đi một vòng quanh lâu đài, chân đạp lên cành cây khô kêu răng rắc. Đó là tiếng động duy nhất tôi nghe lúc ấy, tòa lâu đài đầy vẻ hoang phế. Những viên đá tảng già nua, nước tù đọng trong các hầm hố quanh Vọng lâu, mảnh đất cô liêu phủ đầy rác rưởi của một mùa hè vừa chết, bộ xương đen của các thân cây to, tất cả hòa nhau tạo cho cái nơi quanh quẽ bị ám ảnh bởi một bí ẩn hãi hùng này thành một cảnh tượng bi ai, thê thiết nhất. Chúng tôi đi bọc quanh ngọn Vọng lâu và gặp “gã áo xanh”, anh chàng bảo vệ. Gã đi ngang qua chúng tôi, rất gần, nhưng không một lời chào hỏi như thể chúng tôi không có ở đấy.

Gã vẫn y nguyên hình dạng mà tôi thấy lần đầu khi nhìn qua khung cửa kính quán hàng lão Mathieu, vẫn khẩu súng trường đeo chéo vai, tẩu thuốc ngậm trên miệng, kính kẹp trên sống mũi.

- Con chim thiệt lạ! – Rouletabille thăm thì bên tai tôi – Anh nói chuyện với gã chưa? – Tôi hỏi.

- Rồi, nhưng chẳng rút tỉa được gì. Hỏi, gã chỉ trả lời lung tung, nhún vai và bỏ đi. Thường ngày, gã ở trên lầu nhất Vọng lâu, một căn rộng ngày xưa làm phòng diễn thuyết. Gã ẩn kín như gấu, ra ngoài là phải mang theo súng trường. Gã chỉ dễ thương với đàn bà con gái. Gã hay lấy cớ đi đuổi những kẻ săn bắn ban đêm trái phép để thức dậy nửa khuya nhưng tôi ngờ gã đi đến nơi hẹn hò trai gái. Chỗ hầu phòng của cô Stangerson là tình nhân của gã đấy. Hiện giờ gã đang chết mệt với bà vợ lão Mathieu, chủ quán. Những lão Mathieu canh giữ vợ nghiêm quá, và tôi tin chính cái cảnh huống hầu như không thể đến gần bà Mathieu nó làm cho gã thêm ủ rũ và lầm lỳ. Một gã bánh trai, chải chuốt, con người quá kỹ gần đến mức hào hoa, đám phụ nữ trong một vòng tròn bốn dặm quanh đây là mê gã hết. Khi đã vượt khỏi Vọng lâu ở đầu cánh trái, chúng tôi đi ngang phía sau lâu đài, Rouletabille chỉ cho tôi thấy một khung cửa sổ mà tôi nhận ra nó là một trong những cửa sổ mở vào các gian phòng dành cho cô Stangerson.

- Nếu anh đi qua đây hai đêm trước vào lúc một giờ sáng thì anh đã thấy kẻ tội tở của anh đấy, trên đầu một chiếc thang sắp sửa lọt vào lâu đài bằng cửa sổ lầu một.

Thấy tôi lộ vẻ kinh hãi về buổi tập thể dục ban đêm của anh, anh yêu cầu tôi hết sức chú ý cách thiết trí bên ngoài tòa lâu đài, rồi sau đó chúng tôi vào bên trong.

“Bây giờ,”! Bạn tôi nói – “tôi đưa anh đi thăm lầu nhất bên cánh hữu chỗ tôi ở.

Để cho dễ hiểu cách sắp đặt các phòng ốc, tôi xin trình bày dưới mắt bạn đọc sơ đồ tầng lầu nhất của cánh hữu. Sơ đồ do Rouletabille vẽ hôm sau ngày xảy ra cái hiện tượng dị kỳ mà bạn đọc sắp biết với đầy đủ mọi chi tiết của nó:

1. Chỗ Rouletabille đặt Frédéric Larsan.

2. Chỗ Rouletabille đặt bố Jacques.

3. Chỗ Rouletabille đặt ông Stangerson.

4. Cửa sổ Rouletabille leo qua để vào.

5. Cửa sổ Rouletabille thấy đã mở, lúc ở phòng mình bước ra. Anh đóng nó lại. Tất cả cửa sổ và cửa ra vào khác đều đóng.

6. Sân thượng xây trên hàng bao lơn tầng trệt.

Rouletabille ra hiệu cho tôi theo anh leo một cầu thang kép đồ sộ lên tới lầu nhất thì san thành mặt phẳng. Từ cái mặt phẳng này, người ta đi thẳng đến cánh hữu hoặc cánh tả của lầu đài bằng một hành lang cao và rộng, chạy dài suốt chiều dọc tòa nhà thông ra đến mặt tiền lầu đài quay về hướng Bắc.

Những phòng có cửa sổ mở ra hướng Nam đều có cửa lớn mở ra hành lang này. Giáo sư Stangerson ở cánh trái lầu đài. Cô Stangerson ở bên cánh phải. Chúng tôi đi vào hành lang, cánh phải. Một tấm thảm hẹp trải trên sàn gỗ đánh xi sáng loáng như mặt gương hút mất tiếng động của bước chân. Rouletabille thì thảo dặn tôi đi thật cẩn thận vì sắp qua trước phòng cô Stangerson. Anh cho tôi hay khu vực cô Stangerson ở gồm một phòng ngủ, một phòng đợi, một phòng tắm nhỏ, một phòng dành tiếp bạn gái và một phòng khách chung. Dĩ nhiên, người ta có thể đi từ phòng nọ qua phòng kia mà không cần trở ra hành lang. Chỉ có phòng khách chung và phòng đợi là có cửa lớn mở ra hành lang. Cái hành lang này chạy dài, thẳng tắp, cho tới đầu tòa nhà, hướng đông, thông ra ngoài bởi một cửa sổ cao (cửa sổ số 2 trên sơ đồ). Tới độ hai phần ba chiều dài, nó chặn đầu và tạo thành góc thẳng với một hành lang khác ngoặt theo cánh hữu lầu đài.

Để cho truyện kể được sáng sủa, chúng tôi gọi cái hành lang đi từ cầu thang đến tận cửa sổ phía Đông là “hành lang thẳng”, còn đoạn hành lang chạy ngoặt theo cánh hữu và đung “hành lang thẳng” tạo thành một góc vuông là “hành lang ngoặt”.

Phòng của Rouletabille ở chính góc ngã ba hai hành lang gặp nhau này, kể đến phòng Frédéric Larsan sát bên. Hai cửa lớn của hai phòng đều mở ra “hành lang ngoặt”, còn cửa ra vào phòng cô Stangerson thì mở ra “hành lang thẳng” (xin coi sơ đồ). Rouletabille đẩy cửa phòng anh, mời tôi vào rồi vào sau, khép cửa, cài chốt cẩn thận, tôi chưa kịp nhìn xem đồ đạc anh bày biện ra sao thì anh đã thốt một tiếng kêu kinh ngạc, chỉ cho tôi thấy trên chiếc bàn tròn xoay, một chiếc kính kẹp mũi.

“Cái gì thế này?” – Anh hỏi bằng quơ – “Sao lại có cái kính kẹp mũi trên bàn mình?”

Tôi khó trả lời anh quá.

- Hay là” – anh nói tiếp – “hay là cái kính này chính là “vật mình đang tìm” và là một kính kẹp mũi viễn thị

Anh nhảy số tới với lấy cái kính, tay ve vuốt cặp mắt thủy tinh lồi, rồi trừng trừng nhìn tôi một cách thật là dễ sợ:

“Ô!... Ô!”

Anh cứ nhắc đi nhắc lại: Ô! Ô! Chẳng khác một kẻ tự nhiên phát khùng.

Anh đứng đấy, đặt tay lên vai tôi, cười thảng thốt như người mất trí và nói:

- Cái kính kẹp mũi này nó làm tôi phát điên lên mất! Vì thế là việc ấy có thể xảy ra, anh thấy không, “nói theo toán học”, nhưng “nói theo nhân tính” thì nó không thể xảy ra. Hoặc giả...

Bỗng ngoài cửa có hai tiếng gõ nhẹ nhẹ.

Rouletabille mở hé ra một cánh. Một khuôn mặt ló vào. Tôi nhận ra vợ anh canh cổng, người đã được dẫn đi qua trước mặt tôi đến biệt thất để khai cung, và tôi sửng sốt, vì vẫn tưởng chị ta còn bị giam. Người đàn bà nói rất khẽ:

- Ở trong khe ván sàn nhà ấy!

Rouletabille đáp: “Cảm ơn!” và khuôn mặt kia biến mất. Anh cài cửa thật kỹ đoạn quay lại tôi, ngó ngần thốt ra những câu không ai hiểu nổi:

“Bởi vì việc ấy có thể xảy ra “theo toán học”, tại sao nó lại không thể xảy ra “theo nhân tính” nhỉ. Nhưng nếu nó có thể xảy ra “theo nhân tính” thì vụ này thật là khủng khiếp”

Tôi cắt đứt tràng độc thoại kỳ cục của Rouletabille:

- Vợ chồng chị canh cổng được trả tự do rồi à?

- Phải, – chính tôi vận động cho họ được thả. Tôi đang cần có người đáng tin cậy. Chị vợ thật tận tụy hết lòng, còn anh chồng sẵn sàng chết vì tôi. Và chiếc kẹp mũi có cặp mắt viễn thị, chắc chắn tôi sắp cần đến những người sẵn sàng vì tôi liều chết!

- Ô! Ô! – Tôi reo lên – anh bạn nói mà không cười. Và chừng nào thì có người phải liều chết vì anh?

- Tối nay! Vì tôi cần cho anh hay: Tối nay, tôi đợi kẻ sát nhân!

- Ô! Ô! Ô! Anh đợi kẻ sát nhân tối nay. Thật ư, anh đợi kẻ sát nhân tối nay. Vậy ra anh biết kẻ sát nhân là ai rồi?

- Ô! Ô! Ô! Bây giờ có thể là tôi biết nó. Nếu tôi khẳng khẳng nhất quyết đã biết nó thì tôi là thằng điên, vì lối suy nghĩ theo toán học của tôi đem lại những kết quả kinh hoàng, đáng ghê sợ, đến nỗi tôi hy vọng rằng còn có thể tôi lầm! Ô! tôi hết sức hy vọng mình lầm.

- Sao, tên sát nhân mới cách đây năm phút anh không biết nó là ai, thế mà bây giờ anh nói tối nay anh đợi nó, nghĩa là sao?

- Bởi vì tôi biết nó phải đến.

Rouletabille nhồi thuốc vào tẩu, chậm rãi, chậm rãi, rồi anh mồi lửa.

Cảnh tượng này báo trước một chuyện kể hấp dẫn nhất trong các chuyện kể sắp bắt đầu. Bỗng, có ai đi ngoài hành lang, qua cửa phòng chúng tôi. Rouletabille lắng nghe. Tiếng chân xa dần.

- Frédéric Larsan có trong phòng ông ta không? – Tôi chỉ vào vách tường hỏi.

- Không, ông ta không có trong phòng. Có lẽ đi Paris sáng nay rồi. Ông ta vẫn dò theo dấu chân Darzac. Mà ông Darzac sáng nay cũng đi Paris. Vụ này sắp kết thúc tôi lệ lắm đây. Tôi dự đoán ông Darzac sẽ bị bắt nội tám ngày nữa. Cái tai hại nhất là tất cả dường như hợp nhau trút hết tội lỗi lên đầu anh chàng khốn khổ nọ: mọi biến cố, mọi sự việc, mọi người không có giây nào qua đi mà không mang lại một tổ giác mới nhằm vào ông Darzac. Dự thẩm bị tấn công tới tấp về mặt này đến mờ cả mắt. Vả chăng, tôi hiểu vì sao người ta mù quáng. Người ta sẽ bị mù quáng, trừ phi...

Nhưng Frédéric Larsan đâu phải tay mơ.

Rouletabille thoáng nhăn mặt, vẻ khinh miệt:

- Trước tôi tưởng Frédéric Larsan tài giỏi hơn thế này nhiều đấy chứ. Cố nhiên, đây không phải lần đầu. Tôi đã khiếp phục ông ta ghê gớm ngay từ khi tôi chưa biết phương pháp làm việc của ông ta thế nào. Giờ thì tôi thấy rồi, dở ẹc. Ông ta nổi tiếng chỉ nhờ khéo xoay xở nhưng thiếu phân tích triết lý. Lỗi tính toán các nhận thức của ông ta quá nghèo nàn.

Tôi nhìn Rouletabille và không thể nhịn cười khi nghe một gã con trai non nớt mười tám xuân xanh dám coi thường một bậc đàn anh năm chục tuổi và từng chứng minh một bản lãnh thám tử siêu việt nhất Châu Âu.

- Anh cười à – Rouletabille nói tiếp – anh lầm rồi! Tôi thề với anh sẽ cho ông ta rớt đài, mà rớt một cách tiếng tăm vang dội cơ. Nhưng tôi phải làm mau mới được, vì ông ta đang có lợi thế quá lớn, trên chân tôi rồi, cái lợi thế do ông Robert Darzac tiếp sức cho ông ta và tối nay nó còn tăng thêm nữa. Anh nghĩ coi: Mỗi lần tên sát nhân tới lâu đài, ông Robert Darzac do một định mệnh trớ trêu, lại cứ nhè vắng mặt, mà đã thế còn từ chối không cho biết đã làm gì, ở đâu, trong thời gian vắng mặt.

- Mỗi lần tên sát nhân tới lâu đài! – Tôi kêu lên – Thế ra nó có đến lần nữa rồi?

- Phải, trong cái đêm bắt hủ đã xảy ra hiện tượng ấy?

Vậy là tôi sắp sửa được biết cái hiện tượng bắt hủ mà Rouletabille nói xa nói gần từ nửa giờ qua chưa giải thích, nó là cái gì. Nhưng tôi đã tập được thói quen không bao giờ hối thúc anh khi anh thuật chuyện. Anh cứ việc cao hứng lúc nào thì nói lúc ấy, hoặc lúc nào cho là cần thiết, và ít lo thỏa mãn óc tò mò của tôi, cho bằng làm một bài tóm lược đầy đủ cho chính mình về một biến cố cơ bản đáng để anh quan tâm.

Sau cùng, bằng những câu ngắn, nói nhanh, anh kể tôi nghe những chuyện lạ lùng nó nhận chìm tôi trong một trạng thái gần như mê mụ, vì thật ra, những hiện tượng của cái khoa học

còn chưa ai biết, ví dụ – thuật thôi miên, cũng không khó cắt nghĩa bằng cái hiện tượng tên sát nhân vụt biến mất đúng lúc có tới bốn người cùng chụp bắt nó. Tôi nói đến thuật thôi miên cũng như nói đến hơi điện mà chúng ta không biết gì về bản chất và biết quá ít về các định luật của nó, bởi lẽ ngay lúc ấy, vụ này đối với tôi chỉ giải thích được bằng cái không thể giải thích, nghĩa là bằng một biến cố ở ngoài các định luật thiên nhiên ai cũng biết. Nhưng, nếu tôi có được bộ óc của Rouletabille thì cũng có như anh cái “linh cảm của cách giải thích tự nhiên”, vì cái lạ lùng nhất trong tất cả các bí ẩn của lâu đài Glandier đúng là cái phương pháp tự nhiên mà Rouletabille cắt nghĩa những bí ẩn ấy? Những ai đã có thể và sẽ có thể tự khoe mình có được bộ óc của Rouletabille? Những cục bướu độc đáo và không hòa hợp nhau trên trán anh, tôi chưa hề gặp ở một cái trán nào khác, nếu không phải trên trán Frédéric Larsan, nhưng ít rõ rệt hơn, mà trán nhà thám tử lừng danh thì phải nhìn kỹ để đoán ra hình nét các cục bướu, trong khi những cục bướu của Rouletabille thì – tôi xin phép được dùng từ ngữ hơi mạnh này đập vào mắt người ta quá rõ.

Trong số giấy má anh chàng trao lại tôi có một cuốn sổ tay ghi lại bài tường thuật đầy đủ về “hiện tượng tên sát nhân vụt biến mất” cùng những suy luận của bạn tôi về việc này. Tôi nghĩ nên trình bày với quý vì bản tường thuật đó thì hay hơn là tiếp tục kể lại cuộc đàm thoại giữa tôi với Rouletabille, bởi tôi sợ trong một truyện như truyện này, lỡ ra có một chữ thêm thắt vào làm cho không đúng cách phô diễn của sự thật tuyệt đối là sự thật.

Chương 15. *Giương Bấy*

Trích sổ tay của Joseph Rouletabille.

Đêm vừa qua, đêm 29 rạng 30 Tháng mười – Joseph Rouletabille viết – tôi thức giấc khoảng một giờ sáng. Vì bệnh mất ngủ hay vì tiếng động bên ngoài? Tiếng kêu của “Con Thú Nhà Trời” vang một âm thanh ghê rợn vẳng lại từ cuối hoa viên. Tôi đứng dậy ra mở cửa sổ. Gió lạnh, mưa rơi. Bóng tối dày đặc, im lặng. Tôi đóng cửa sổ. Cái tiếng kêu quái gở kia vẫn tiếp tục xé rách màn đêm. Tôi mặc vội quần dài và áo khoác. Thời tiết này, đến con mèo cũng không dám ở ngoài vậy thì ai đây, ai trong đêm tối, sát bên lầu dài, đang bắt chước tiếng gào của con mèo không bao giờ rời mẹ Agenoux? Tôi cần một cây gậy to và ngắn, vũ khí duy nhất của tôi lúc bấy giờ, và không một tiếng động; tôi từ từ mở cửa. Tôi bước ra hành lang. Một cây đèn phản quang thấp sáng. Ngọn lửa chập chờn như bị gió lay động. Tôi thật sự cảm thấy luồng gió này. Tôi quay đầu lại. Đằng sau tôi, một khung cửa sổ mở rộng. Chính là khung cửa sổ ở cuối dãy hành lang chạy qua phòng Frédéric Larsan và phòng tôi, cái hành lang mà tôi gọi là “hành lang ngoặt” để phân biệt nó với cái “hành lang thẳng” chạy qua phòng cô Stangerson. Hai hành lang gặp nhau tạo thành góc vuông. Vậy ai đã để mở cửa sổ này, hay ai vừa mở nó ra? Tôi đến bên cửa sổ, thò đầu ra ngoài, cúi nhìn xuống. Dưới cửa sổ, cách chừng một mét, có một khoảng sân thượng dùng làm mái cho một căn phòng nhỏ đội bao lơn ở tầng trệt. Nếu cần, người ta có thể nhảy từ cửa sổ xuống sân thượng, rồi từ đó tụt xuống sân chính diện lầu dài. Kẻ đã theo con đường này rõ ràng là không có trong tay chìa khóa cửa ra vào gian tiền đình. Nhưng tại sao tôi cứ tưởng tượng ra cái màn thể dục ban đêm này làm chi? Tại vì một khung cửa sổ để mở? Có thể đây chỉ là sơ sót của gia nhân. Tôi đóng khung cửa sổ lại và tự cười thầm, có cái cửa sổ để mở mà sao mình cũng dựng lên lắm bi kịch một cách dễ dàng đến thế. Lại có liếng “Con Thú Nhà Trời” gào trong đêm lạnh. Rồi sau, im lặng. Mưa đã ngừng đập các khuông cửa kính. Tất cả yên ngủ trong lầu dài. Với vô vàn thận trọng, tôi rón rén đi trên tấm thảm trải hành lang. Tới góc hành lang thẳng, tôi thò đầu ra ngó chừng cẩn thận. Trong hành lang này, một cây đèn phản quang khác chiếu sáng toàn bộ đồ đạc ở đây. Ba chiếc ghế bành và vài khung cảnh treo trên tường. Tôi làm gì ở đây nhỉ! Chưa bao giờ lầu dài vắng lặng như lúc này. Tất cả đều say ngủ. Linh tính nào thúc giục tôi đi về phòng cô Stangerson? Có cái gì dẫn dụ tôi đi về hướng ấy? Tại sao tự đáy lòng tôi có tiếng hét gọi: “Đi đi, đến tận phòng cô Stangerson đi!”. Tôi cúi nhìn tấm thảm dưới chân và “thấy rằng những bước chân tôi đi về phía phòng cô Stangerson được dẫn dắt bởi những bước chân khác đã đi trước đến đó?

Đúng rồi, trên tấm thảm này, nhiều dấu chân dính bùn từ bên ngoài còn in rõ rành rành, và tôi đang đi theo những dấu chân ấy để đến phòng cô Stangerson. Kinh hoàng! Kinh hoàng! Tôi nhận ra những “bước chân thanh lịch”, đó là “bước chân kẻ sát nhân!”

Nó từ ngoài đã lọt được vào đây trong đêm mưa lạnh này. Nếu người ta có thể từ hành lang tụt xuống đất qua khung cửa sổ và khoảng sân thượng thì ngược lại, người ta cũng có thể ở dưới đất leo lên bằng cách ấy.

Tên sát nhân hiện ở đây, trong lầu dài, “vì những bước chân không thấy đi trở lại”. Nó đã lên vào lầu dài bằng khung cửa sổ mở ở cuối hành lang ngoặt. Nó đi qua cửa phòng Frédéric Larsan, qua cửa phòng tôi, rẽ phải, vào hành lang thẳng, và đã vào phòng cô Stangerson. Tôi

đang ở khu nhà dành cho cô Stangerson trước cửa phòng đợi. Cửa phòng đợi mở hé, tôi đẩy vào không nghe một tiếng động. Tôi đứng trong phòng đợi và kìa, ngay dưới cánh cửa ra vào thông sang phòng bên có một vạch ánh sáng dài. Tôi lắng nghe. Chả thấy gì. Không một tiếng động, không cả một hơi thở. A! Làm sao biết được chuyện gì đang xảy ra trong im lìm, sau cánh cửa kia? Ghé mắt dòm lỗ khóa, tôi biết ổ khóa đã được khoá trái và chìa cắm bên trong. Mà tên sát nhân thì đang ở trong đó! Tất nhiên, nó phải ở trong đó.

Lần này, nó còn chạy thoát nữa không? Mọi sự tùy ở tôi. Bình tĩnh và nhất là chớ có vụng về! Phải nhìn vào căn phòng này xem sao. Vào bằng lối phòng khách lớn được chăng? Như thế thì phải băng qua phòng khách nhỏ và tên sát nhân sẽ chuồn mất bằng cửa ra hành lang, cái cửa tôi đang quay lưng lại đây.

“Theo tôi, đêm nay hiện chưa có tội ác xảy ra vì cái im lặng của phòng khách nhỏ không mang ý nghĩa gì! Trong đó, có hai người gác bệnh ngủ đêm cho tới khi cô Stangerson mạnh hẳn.

Nếu tôi đã gần như chắc chắn tên sát nhân đang ở trong đó thì tại sao không báo động ngay? Có thể nó chuồn mất nhưng cũng có thể tôi cứu được cô Stangerson? Và biết đâu, kẻ gian đến đây đêm nay không phải một tên sát nhân? Cửa lớn phòng ngủ đã được mở sẵn cho nó vào: ai mở? – Và đã được đóng lại: Ai đóng? Nó đã vào đêm nay, trong phòng này, qua một cửa lớn chắc chắn khoá trái phía trong, vì cô Stangerson tối nào cũng tự giam mình trong phòng cùng những người gác bệnh. Ai đã xoay chìa khoá mở cửa cho nó vào? Hai người gác bệnh ư?

Hai kẻ nô bộc trung thành: Bà già hầu phòng với cô con gái Sylvie? Không có lý. Vả chăng, hai mẹ con ngủ bên phòng khách nhỏ, mà cô Stangerson rất lo lắng, rất thận trọng theo như ông Robert Darzac nói với tôi, đã đích thân bố trí giữ an ninh cho mình từ khi cô khá mạnh để đi được vài bước trong phòng, mà tôi cũng chưa thấy cô ở trong phòng đi ra. Nỗi lo âu và thận trọng bất ngờ của cô Stangerson khiến ông Darzac kinh ngạc và cũng làm tôi suy nghĩ. Trong vụ “Căn Phòng Vàng” chẳng có gì nghi ngờ, cô gái khốn khổ kia rõ ràng cố ý chờ kẻ sát nhân. Đêm nay, cô có chờ nó nữa không? Ai đã xoay chìa khoá cửa cho nó vào và nó hiện còn ở trong đó. Nếu “chính cô Stangerson” thì sao? Vì rốt cuộc cô có thể sợ, chắc cô đã sợ nó đến nhưng lại có lý do để mở cửa cho nó! “Để bị cưỡng bách phải mở cửa cho nó. Cuộc hẹn hò này thật khủng khiếp! Cuộc hẹn hò của tội ác! Nhất định không phải một cuộc hẹn hò yêu đương, vì cô Stangerson yêu tha thiết ông Darzac, tôi biết. Những dòng suy tưởng này lướt qua trí tôi như một ánh chớp lóe trong bóng tối. A! Giá mình biết được. Đằng sau cánh cửa kia, nếu có nhiều im lặng thế, tức là người ta cần được im lặng. Việc tôi can thiệp vào có thể hại nhiều hơn lợi. Biết sao? Ai dám nói sự can thiệp của tôi không gây ra tức thời một tội ác? A! Giá mình thấy và biết mà không phá mất im lặng! Tôi bước ra ngoài phòng đợi. Tôi đến cầu thang giữa, đi xuống, tới gian tiền đình. Tôi chạy hết sức nhẹ bước về căn phòng nhỏ ở tầng trệt, nơi bố Jacques ngủ từ sau vụ mưu sát bên biệt thất.

Tôi gặp bố còn mặc nguyên quần áo làm việc, mắt trợn trừng như lạc thần. Bố không tỏ vẻ ngạc nhiên khi thấy tôi. Bố nói bố thức giấc vì tiếng gào của “Con Thú Nhà Trời” và bố nghe tiếng chân người ngoài hoa viên, những bước chân lướt nhanh trước cửa sổ phòng bố. Bố liền nhìn qua cửa sổ và đã trông thấy một con ma đen vút qua. Tôi hỏi bố có vũ khí gì không. Không, bố chẳng còn thứ vũ khí gì từ khi Dự thẩm tịch thu của bố khẩu súng lục. Tôi kéo bố đi,

chúng tôi ra hoa viên bằng một cửa nhỏ sau nhà. Chúng tôi đi men dọc lầu đài cho tới chỗ đứng dưới phòng ngủ cô Stangerson. Đến đây, tôi dí bõ Jacques đứng sát tường, cấm bõ không được động dậy. Còn tôi, chọn lúc trăng bị đám mây che tối, tôi rảo bước qua mặt cửa sổ nhưng ở ngoài hình vuông ánh sáng từ cửa sổ hắt ra; vì cánh cửa sổ mở hé. Dụ phòng chẳng? Để có thể ra bằng cửa sổ nhanh hơn, nếu có kẻ đã vào phòng bằng cửa lớn? Ô! Ô! Kẻ nào dám nhảy qua cửa sổ này khó lòng giữ cho cái cổ khỏi gãy! Ai dám bảo tên sát nhân không thủ sợi dây thừng? Chắc nó đã lo cả chú. A! Giá biết được trong phòng kia đang xảy ra chuyện gì?. Biết được tại sao trong đó im lặng! Tôi quay lại bõ Jacques ghé tai bõ buông một tiếng: “Thang”. Ban đầu tôi đã nghĩ đến cái cây cao trước đó tám ngày tôi đã dùng làm đài quan sát, nhưng tôi lại thấy ngay rằng cái cửa sổ mở hé theo một kiểu mà nếu leo lên cây lần này, tôi sẽ chẳng trông thấy gì ở trong phòng. Vả chẳng, không những tôi muốn thấy mà còn muốn nghe và hành động.

Bõ Jacques luống cuống, hầu như run rẩy. Bõ biến mất một lúc rồi trở lại không có thang. Bõ đứng xa khoa hai tay làm hiệu cho tôi đến gấp. Tôi chạy lại bên bõ. Bõ thở ra rất nhẹ: “Đi, ông!”

Bõ dẫn tôi đi bọc lầu đài. Đến vọng lâu, bõ nói:

“Tôi đến tìm thang trong căn phòng thấp ở vọng lâu, phòng dùng làm kho chứa đồ phế thải cho chú làm vườn và tôi. Cửa vọng lâu thì mở mà cái thang không còn đây, Lúc đi ra, nhờ trăng sáng tôi thấy nó ở kia kia!”

Và bõ chỉ về đầu đằng kia lầu đài cho tôi thấy một cái thang dựng đứng, đầu thang dựa vào những “con quạ” đỡ khoảng sân thượng, dưới khung cửa sổ mà lúc ra khỏi phòng tôi thấy nó để mở. Bị khoảnh sân thượng che mắt, tôi đã không thấy cái thang dựng ở dưới. Với cái thang này thì lọt vào hàng lang ngoặt trên lầu nhất là việc cực dễ, và tôi không còn nghi hoặc, đó chính là con đường kẻ gian đã đi qua.

Chúng tôi chạy lại chỗ dựng thang. Nhưng lúc định nhắc nó đem đi, bõ Jacques bỗng trở khung cửa ra vào hé mở của căn phòng nhỏ tầng trệt ở đầu cánh hữu lầu đài, căn phòng mà trần nhà là khoảng sân thượng tôi vừa nói. Bõ Jacques khẽ đẩy cánh cửa, dòm vào trong và thì thào: “Gã không có đây!”

- “Ai?”

- “Gã bảo vệ!”

Miệng bõ lại ghé tai tôi lần nữa:

- Ông biết không, anh bảo vệ ngủ ở phòng này, từ khi Vọng Lâu được khởi công sửa chữa! Rồi cũng một cử chỉ mang nhiều ý nghĩa ấy, bõ chỉ cho tôi thấy cửa ra vào mở hé, cái thang, khoảng sân thượng và khung cửa sổ trên hành lang ngoặt mà lúc này tôi đã đóng lại.

Lúc đó tôi nghĩ gì? Tôi có thì giờ để nghĩ không? Tôi “cảm thấy” đúng hơn là tôi nghĩ.

Cố nhiên, tôi cảm thấy, rằng “nếu gã bảo vệ ở trên kia, trong phòng” (tôi nói: “Nếu”, vì bây giờ ngoài cái thang và căn phòng của gã vắng người, không còn dấu chỉ nào khác cho phép tôi nghi ngờ gã) nếu gã hiện ở trên đó thì đúng là gã đã trèo lên cái thang này, leo qua cái cửa sổ này, chứ những gian nhà đằng sau căn phòng mới của gã, là chỗ ở của vợ chồng anh quản gia và chị bếp với những căn nhà bếp, chặn không cho gã đi lối vào gian tiền đình để đến cầu thang

phía trong lầu đài mà lên. “Nếu đúng là gã bảo vệ đã theo đường này lên thì hẳn tối qua, với gã là chuyện quá dễ để viện một có gì đó, lên hành lang và cố ý làm cho khung cửa sổ chỉ khép hờ hai cánh thật khít, làm sao ở bên ngoài chỉ đẩy một cái là mở được, và gã nhảy vào hành lang. Cái cần thiết đòi cửa sổ không được đóng chặt phía trong rõ ràng giới hạn phạm vi truy lùng thủ phạm. Kẻ sát nhân phải là “người trong nhà” trừ trường hợp có đồng lõa – mà tôi thì không tin nó có đồng lõa – trừ phi “chính cô Stangerson sắp đặt để cho cái cửa sổ không đóng chặt phía trong”. Nhưng nếu thế thì cái bí ẩn khủng khiếp nó bức bách cô Stangerson phải triệt bỏ mọi trở ngại ngăn cách cô với kẻ định giết cô là cái gì đây? Tôi nhắc cái thang và chúng tôi quay trở lại phía sau lầu đài. Cửa sổ phòng cô Stangerson vẫn mở hé, màn cửa đã kéo nhưng hai mép không khít nhau, còn để một vạch ánh sáng lớn chạy dài trên bãi cỏ dưới chân tôi. Tôi dựng thang, áp đầu thang vào chỗ bên dưới cửa sổ. Tôi gần như chắc chắn không gây một tiếng động. “Và trong lúc bố Jacques ở lại dưới chân thang” thì tôi, tôi leo lên thang, rất thông thả, rất thông thả, mang theo cây gậy ngấn. Tôi cố nín thở. Tôi nhắc chân lên, hạ chân xuống, vô cùng thận trọng. Bỗng một đám mây to kéo đến đổ một trận mưa rào. Hên đấy! Nhưng thành linh, tiếng gào rùng rợn của “Con Thú Nhà Trời” ghìm chân tôi đứng lại giữa thang. Tôi thấy như nó gào ngay sau lưng tôi, chỉ cách vài mét. Hay tiếng gào này là một ám hiệu? Một tên đồng lõa của nó đã trông thấy tôi ở trên thang? Tiếng gào này để gọi tên kia đến cửa sổ! Có lẽ đúng! Nguy rồi. “Tên kia đang ở cửa sổ!”. Tôi cảm thấy cái đầu nó ở ngay bên trên đầu tôi, tôi nghe rõ cả hơi nó thở? Thế mà tôi lại không thể nhìn thấy nó. Tôi mà hơi nhúc nhích cái đầu bây giờ là chết với nó. Liệu nó sắp nhìn thấy tôi không? Liệu trong đêm tối nó có cúi đầu dòm xuống không? Không! Nó bỏ đi.. Nó đã chẳng nhìn thấy gì. Tôi cảm thấy, hơn là nghe, nó đang rón rén đi vào phòng. Tôi liền bước lên vài bậc thang nữa. Đầu tôi đã tới ngang tầm viên đá bệ cửa sổ. Trán tôi nhô cao hơn viên đá này. Mắt tôi ghé vào khe hở giữa hai rèm màn che cửa, tôi nhìn và thấy. Nó kia. Nó ngồi trước bàn giấy nhỏ của cô Stangerson, nó đang viết. Nó quay lưng lại tôi. Có cây nến để trước mặt nó.

Nhưng vì nó cắm cúi bên ngọn nến lung linh nên ánh lửa chiếu vào nó thành cái bóng méo mó không thật. Tôi chỉ nhìn thấy một cái lưng thô, hơi còng.

Có điều lạ: Cô Stangerson không có đây. Giường cô còn phẳng nguyên. Vậy cô ngủ đâu đêm nay? Chắc ở phòng bên cạnh với mấy người đàn bà, giả dụ vậy thôi. Mừng được thấy tên kia có một mình. Tâm trí thanh thoi để sửa soạn một cái bẫy.

Nhưng, người đang ngồi viết kia là ai vậy nhỉ. Dưới mắt tôi, nó nghiêm nhiên ngồi vào bàn giấy làm như ở nhà mình. Nếu không có những “dấu chân kẻ sát nhân” trên tấm thảm hành lang, nếu không có khung cửa sổ mở, nếu không có cái thang thì tôi đã sẵn sàng nghĩ rằng người này là kẻ có quyền ở đây và nó ở đây một cách bình thường với những duyên cớ bình thường mà tôi chưa biết. Nhưng, còn nghi ngờ gì nữa tên lạ mặt bí mật này chính là hung thủ vụ “Căn Phòng Vàng”, cô Stangerson đã phải chịu những ngón đòn chí mạng của nó mà không tố cáo nó! A! Giá tôi thấy mặt nó! Vồ được nó! Nắm đầu nó!

Nếu tôi nhảy vào phòng bây giờ, “nó” sẽ trốn, hoặc qua phòng đợi, hoặc qua khung cửa lớn bên phải thông sang phòng khách nhỏ. Từ đây, nó băng qua phòng khách lớn ra hành lang là thoát mất. Thế nhưng, hiện tôi còn giữ nó, giữ được năm phút, và tôi giữ nó vững hơn bỏ nó vào một cái lồng. Nó làm gì kia, một mình, trong phòng cô Stangerson? Nó viết cái gì? Viết cho

ai? Tôi tụt xuống, đặt thang dưới đất. Bõ Jacques đi theo tôi. Chúng tôi về lâu đài. Tôi sai bõ Jacques đánh thức giáo sư Stangerson. Bõ phải ở lại phòng ông chờ tôi và không được nói gì chính xác trước khi tôi tới. Còn tôi, tôi đi đánh thức Frédéric Larsan. Thật chán cho tôi quá. Giá cứ làm việc một mình, hưởng trọn cái may mắn bất ngờ trong vụ này đang khi Larsan ngủ vùi có phải thống khoái biết bao. Nhưng bõ Jacques với ông Stangerson là những ông cụ già, tôi thì hình như chưa phát triển đầy đủ. Có lẽ tôi thiếu sức mạnh. Còn Larsan ông ta đã quen với người bị đánh đấm, bị quật ngã, bị dưng dậy, bị còng tay. Larsan mở cửa cho tôi, mặt mũi ngơ ngác, mắt híp lại vì ngủ dờ giấc, chỉ chực tổng cổ tôi đi, không chịu tin những tưởng tượng của thằng tôi – một phóng viên xoàng xĩnh. Tôi phải quả quyết với ông ta rằng: “Nó hiện ở đây!”

“Lạ nhỉ” – ông ta lẩm bẩm. – “Tôi tưởng đã bỏ nó lại Paris lúc trưa nay rồi chứ!”

Larsan mặc vội quần áo và giắt vào người khẩu súng lục. Chúng tôi nhẹ bước ra hành lang.

Larsan hỏi:

- “Nó” ở đâu?

- Trong phòng cô Stangerson.

- Còn cô Stangerson?

- Không có trong phòng.

- Ta tới đó đi!

- Đứng! Hễ động một cái là nó chuồn mất. Nó có ba lối thoát thân cơ mà, cửa ra vào, cửa sổ, phòng khách nhỏ với mấy người đàn bà.

- Tôi sẽ bắn.

- Nhưng lỡ hụt? Ngộ nó chỉ bị thương? Nó sẽ lại trốn mất! Ấy là chưa kể nó cũng có súng, chắc chắn như vậy. Không được, ông cứ để tôi điều khiển vụ này, tôi chịu hết trách nhiệm.

- Tùy anh! – ông ta chấp nhận, có phần nào phẫn khởi.

Thế là, sau khi soát lại kỹ càng tất cả cửa sổ dọc hai hành lang đều đóng kín và chắc chắn, tôi cắt Frédéric Larsan đứng ở đầu hành lang ngoặt, trước khung cửa sổ mà trước đó tôi thấy mở và đã tự tay đóng lại. Tôi dặn Fred:

- Bằng bất cứ giá nào, ông không được rời vị trí này, cho tới khi tôi lên tiếng gọi ông. Tôi tin chắc chắn trăm phần trăm nó sẽ trở lại cửa sổ này và tính tẩu thoát qua lối này khi bị rượt đuổi, vì nó đã vào bằng lối này và sửa soạn trốn ra bằng lối này. Ông giữ một vị trí nguy hiểm đấy nhé.

- Còn anh, vị trí nào? – Fred hỏi.

- Tôi, tôi nhảy vào phòng và nắm đầu nó mang đến cho ông!

- Vậy, anh lấy khẩu súng của tôi đi. Đưa cây gậy của anh cho tôi.

- Cảm ơn. Ông quả là người hùng.

Và tôi cầm khẩu súng của Fred. Tôi sắp phải một mình đương đầu với kẻ gian ở đằng kia, nó đang viết trong phòng, và được khẩu súng này giắt lưng thì còn gì bằng.

Tới đây, tôi rời Fred sau khi cắt ông ta đứng rình ở cửa sổ số 5 trên sơ đồ. Rồi vẫn đề phòng từng ly, từng tí, tôi tiến về khu phòng ông Stangerson bên cánh trái lâu đài. Tôi gặp ông ở cạnh bố Jacques. Ông bố già chấp hành nghiêm chỉnh lời tôi căn dặn, chỉ hỏi ông chủ mặc quần áo gấp. Lúc ấy tôi mới cho ông hay bằng vài câu vắn tắt những gì đang xảy ra. Ông cũng vũ trang một khẩu súng ngắn và đi theo tôi.

Chẳng mấy chốc, ba chúng tôi ra tới hành lang. Mọi sự diễn ra kể từ lúc tôi trông thấy tên sát nhân ngồi trước bàn giấy đến giờ kéo dài không đầy mười phút. Ông Stangerson muốn nhảy xổ vào giết nó ngay tức khắc: Cũng là sự thường. Tôi khuyên ông trước hết nên đề phòng rủi ro, “vì nóng giết nó mà để nó sống mất”.

Khi tôi đã thề với ông rằng con gái ông không ở trong phòng, và cô không bị nguy hiểm nào đe dọa, ông mới dịu đi và để yên cho tôi điều động mọi việc. Tôi dặn dò thêm bố Jacques và ông Stangersou, họ chỉ chạy đến chỗ tôi khi tôi cất tiếng gọi hoặc khi tôi nổ một phát súng rồi tôi cắt bố Jacques đứng trước khung cửa sổ ở đầu hành lang thẳng. (Cửa sổ đánh dấu số 2 trên sơ đồ của tôi). Tôi chọn vị trí này cho bố Jacques vì tôi tính: Tên sát nhân ở phòng ra bị chặn bắt, chạy theo hành lang tìm đến cái cửa sổ nó để ngó lúc vào, nhưng đến ngã ba chỗ hai hành lang gặp nhau, nó chợt thấy trước cửa sổ ấy có Larsan đứng gác trong hành lang ngoặt, đành tiếp tục chạy suốt hành lang thẳng. Phía này, nó lại đụng bố Jacques chặn không cho nó nhảy xuống hoa viên qua khung cửa sổ ở đầu hành lang thẳng. Chắc chắn tên sát nhân lâm vào cảnh ngộ này phải hành động như vậy, nếu nó thông thuộc đường lối (giả thiết đó tôi không nghi ngờ gì hết). Thật thế, dưới cửa sổ này bên ngoài có xây một thứ cột chống tường lồi ra, trong khi tất cả các cửa sổ khác ở hai hành lang đều mở trên những hào, hố với một chiều cao hầu như không thể nhảy xuống mà không gãy cổ. Mọi cửa sổ và cửa ra vào đều đóng, đóng cẩn thận và đóng chặt, kể cả cửa ra vào kho phế thải ở đầu hành lang thẳng, tôi kiểm tra lại tất cả thật nhanh.

Xong xuôi, như tôi vừa nói, sau khi chỉ định vị trí cho bố Jacques và “đã thấy bố đứng vào cẩn thận”, tôi cắt ông Stangerson đứng trước mặt phẳng đầu cầu thang, không xa cửa ra vào phòng đợi của con gái ông. Mọi sự đem lại dự đoán rằng khi tôi khởi sự lừa tên sát nhân ở trong phòng ngủ, nó sẽ chạy trốn qua phòng đợi tốt hơn là qua phòng khách nhỏ nơi có mấy người đàn bà gác bệnh mà cửa ra vào chắc cô Stangerson đã đích thân đóng kỹ, nếu như tôi nghĩ, cô đã lánh sang căn phòng khách nhỏ này “để khỏi thấy mặt tên sát nhân vào phòng mình!” “Song” bằng cách nào nó cũng phải nhào ra hành lang, nơi những người của tôi cắt đặt đang đợi nó trên mọi ngã đường có thể tẩu thoát.

Ra tới hành lang, nó thấy bên tay trái có ông Stangerson hầu như ở ngay sát cạnh, nó liền quẹo tay phải hướng về hành lang ngoặt “cũng chính là con đường chạy trốn nó đã chuẩn bị từ trước”. Đến giao điểm hai hành lang, nó thấy cùng một lúc, như tôi giải thích trên kia, bên trái có Frédéric Larsan ở đầu hành lang ngoặt và trước mặt có bố Jacques ở đầu hành lang thẳng. Ông Stangerson và tôi thì từ phía sau ập tới. Thế là kẹt, nó phải nạp mạng cho chúng tôi. Nó không sao thoát khỏi tay chúng tôi lần nữa. Kế hoạch này coi bộ khôn ngoan nhất, chắc chắn nhất và “đơn giản nhất”. Nếu chúng tôi có thể trực tiếp đặt thêm một người đằng sau cửa ra

vào phòng khách nhỏ của cô Stangerson thông sang phòng ngủ thì “đối với vài người không chịu suy nghĩ”, công việc có phải còn đơn giản hơn không, vì như thế là trực tiếp bao vây cả hai cửa lớn của căn phòng trong đó tên sát nhân đang có mặt, tức cửa ra phòng khách nhỏ và cửa ra phòng đợi.

Nhưng chúng tôi chỉ có thể vào phòng khách nhỏ bằng lối đi qua phòng khách lớn, mà cửa vào phòng khách lớn thì cô Stangerson sợ hãi đã khóa chặt rồi. Như vậy, kế hoạch này nếu nảy sinh từ khối óc thông sáng của một thầy đội cảnh sát thì không thể thực hiện. Nhưng tôi, kẻ buộc phải suy nghĩ, tôi tự nhủ, dù tôi có toàn quyền sử dụng căn phòng khách nhỏ, tôi cũng vẫn duy trì kế hoạch của tôi như vừa trình bày, bởi mọi kế hoạch khác tấn công thẳng qua mỗi cửa ra vào của phòng ngủ sẽ “ngăn cách chúng tôi người nọ với người kia vào lúc cần chống chọi với kẻ gian”, trong khi kế hoạch của tôi thì tập hợp mọi người cùng tấn công một lúc” ở chỗ tôi qui định một cách chính xác gần như theo toán pháp. Cái chỗ ấy là ngã ba giao điểm hai hành lang.

Cắt đặt ba người đầu vào đấy xong, tôi ra ngoài, chạy đi lấy cái thang, lại dựng nó áp tường, rồi nắm chắc khẩu súng trong tay, tôi trèo lên.

Nếu có năm ba vị độc giả mỉm cười vì thấy tôi đề phòng quá kỹ, thì tôi xin mời các vị ấy trở lại với cái bí ẩn “Căn Phòng Vàng”, với mọi bằng chứng đã thu thập được về tính quỷ quyết ghê gớm của tên sát nhân. Và nếu vẫn còn năm bảy vị nữa cho rằng những qui cách của tôi quá tỉ mỉ trong một lúc mà người trong cuộc bị cuốn hút hoàn toàn vào tốc lực của biến chuyển, của quyết định và của hành động, thì tôi xin trả lời: tôi đã muốn trình bày ở đây tất cả những sắp đặt cho một kế hoạch tấn công được tính toán và thi hành nhanh thế nào thì nó diễn ra dưới ngòi bút tôi chậm thế vậy. Tôi cố ý chậm chạp và chính xác để chắc chắn không bỏ sót tí gì trong những tình tiết bao quanh cái hiện tượng lạ lùng mà, cho tới khi có sự kiện mới và lối giải thích tự nhiên, tôi thấy, để chứng minh “tính phân rã của vật chất”, tôi dám nói luôn là tính phân rã “tức thì” của vật chất, cái hiện tượng lạ lùng ấy đã chứng minh được rất hay, hay hơn tất cả những chứng minh khoa học của giáo sư danh tiếng Stangerson.

Chương 16. Hiện Tượng Lạ Lùng Về Tính Phân Rã Của Vật Chất

Trích sổ tay của Joseph Rouletabille (tiếp theo)

Đây, một lần nữa tôi đến với viên đá bệ cửa sổ – Rouletabille ghi tiếp – và một lần nữa tôi nhô cao hơn viên đá ấy. Hai lá màn cửa sổ vẫn y nguyên như cũ với một khe hở ở giữa, tôi sửa soạn dòm vào, lòng lo lắng không hiểu mình sẽ bắt gặp tên sát nhân trong một tư thế nào. Nó còn quay lưng lại tôi! Hay nó vẫn ngồi trước bàn giấy, đang viết! Nhưng có thể nó không còn đó! và nó đã trốn đi cách nào?

Tôi chả còn “giữ cái thang của nó” đây ư? Tôi cố giữ bình tĩnh. Tôi đưa đầu vào gần tí nữa. Tôi dòm vào, nó còn kia. Tôi thấy lại cái lưng thô, méo mó vì những bóng hình đen tối do ngọn nến tạo ra. Chỉ có khác là “nó” không viết nữa và cây nến không còn để trên bàn. Cây nến đặt dưới sàn nhà trong lúc tên nọ khom lưng nhìn xuống. Tư thế dị kỳ, nhưng tốt cho tôi. Tôi lấy lại hơi thở. Tôi leo lên nữa. Tôi đã tới những bậc chót. Bàn tay trái tôi giờ ra bám thành cửa sổ. Bám được rồi, tim tôi đập ghê quá. Tôi đưa súng lên miệng cắn chặt. Bàn tay phải tôi giờ cũng bám được thành cửa sổ. Một động tác chớp nhoáng cần thiết, một cái nhún bằng sức hai cổ tay đu người lên, và tôi sắp đứng trên cửa sổ. Miễn sao cái thang! Ấy, thế là. Tôi đang cần bắt một điểm tựa khá vững trên cái thang nhưng bàn chân tôi chưa kịp rời thang thì đã cảm thấy nó lạng đi. Nó quẹt vào tường rồi đổ ụp xuống đất. May sao hai đầu gối tôi đã đụng viên đá. Bằng một thế đu lên mà tôi tin là nhanh vô địch, tôi dướn người đứng thẳng trên hòn đá. Nhưng tên sát nhân còn nhanh hơn tôi. Nó đã nghe tiếng cái thang quẹt vào tường và lập tức tôi thấy cái lưng quái dị nhôm dậy. Nó đứng thẳng lên, quay người lại. Ôi chao, cái đầu nó kia. Tôi có thấy rõ cái đầu nó không nhỉ. Cây nến để dưới sàn nhà chỉ đủ sáng hai cẳng nó. Từ mặt bàn trở lên, trong phòng chỉ toàn bóng tối, toàn đêm đen. Tôi thấy một cái đầu, tóc dày, râu rậm, cặp mắt của tên điên một bộ mặt xanh xao với hai chòm ria mép ngoác rộng. Màu sắc, trong cái giây phút tối tăm này, tôi cố nhận định màu sắc của tóc râu, thì thấy nó hung đỏ, là tôi thấy như vậy, tôi nghĩ như vậy. Tôi không hề quen biết gương mặt này. Tóm lại, đó là cảm tưởng chính của tôi khi thấy loáng thoáng cái hình ảnh ấy trong bóng tối mờ ảo. Tôi không quen biết bộ mặt này, “hay ít nhất tôi không nhận ra nó!”

A! Bây giờ phải làm thật gấp! Phải làm nhanh như gió! như bão! như sét! Nhưng hỡi ôi! hỡi ôi! “Có những động tác cần thiết.” Trong khi tôi làm những động tác cần thiết, nhún hai cổ tay, tỳ một đầu gối lên hòn đá, rồi cả hai chân cùng tung lên, thì tên kia đã trông thấy qua khung cửa sổ và như tôi đã tiên liệu, nó lao ra cửa phòng đợi, đủ thì giờ mở cửa chạy trốn. Nhưng tôi nhào tới sau nó, súng cầm tay. Tôi hét to: “Bắt lấy nó!” Tôi bay qua căn phòng nhanh như tên bắn, thế mà còn kịp thấy “trên bàn có một lá thư”. Tôi suýt vồ được nó trong phòng đợi, vì nó đã phải mất một giây để mở cửa. Tôi đã gần nắm được nó. Nó đập cái rầm trước mũi tôi cánh cửa phòng đợi mở ra hành lang. Nhưng tôi mọc cánh. Tôi phi thân ra hành lang chỉ cách nó ba mét.

Ông Stangerson và tôi chạy ngang nhau rượt theo nó.

Tên sát nhân, vẫn như tôi dự liệu, bắt đường hành lang bên phải, nghĩa là con đường được sửa soạn trước cho có trốn. “Bắt lấy nó, Jacques! Bắt lấy nó, Larsan!” Tôi la chói lói. Nó không

thể thoát tay chúng tôi! Tôi bỗng rú lên một tiếng vui mừng, một tiếng rú đặc thẳng, man dại – Tên sát nhân đã chạy tới giao điểm hai hành lang trước chúng tôi chưa đầy hai giây đồng hồ và thế là cuộc gặp gỡ do tôi quyết định, phút đọng độ ác liệt không sao tránh khỏi bèn xảy ra. Tất cả chúng tôi đâm sầm vào nhau ở ngã ba này. Ông Stangerson và tôi từ đầu nọ hành lang chạy đến, bổ Jacques ở đầu kia chạy lại và Frédéric Larsan thì từ hành lang ngoặt phóng tới. Chúng tôi húc vào nhau té lăn ra đất.

“Nhưng tên sát nhân không có đó!”

Chúng tôi nhìn nhau bằng những cặp mắt ngơ ngác, kinh hoàng trước cái “hư ảo” này: “Tên sát nhân không có đó!

“Nó đâu rồi? Nó đâu rồi? Nó đâu rồi? – Tất cả chúng tôi thảng thốt kêu lên: “Nó đâu rồi?”

“Làm sao nó trốn được?. Tôi thét to trong một cơn thịnh nộ lớn hơn nỗi kinh hoàng.

- Tôi đã đụng vào nó rồi chứ. – Frédéric Larsan than tiếc.

- Rõ ràng nó ở đây, tôi đã nghe hơi thở của nó phà vào mặt! – Bổ Jacques tiếp lời.

- Chúng tôi cũng đụng nó rồi! – Ông Stangerson và tôi nhắc lại.

“Nó đâu rồi? Nó đâu rồi? Nó đâu rồi!...”

Chúng tôi chạy như lũ điên suốt cả hai hành lang.

Chúng tôi xem lại các cửa lớn, cửa nhỏ. Cửa nào cũng đóng chặt, kín mít. Nó đã không mở được vì chúng tôi thấy mọi cửa còn đóng cả. Hơn nữa, tên sát nhân bị săn đuổi như vậy, chẳng lẽ đã mở được một cái cửa mà chúng tôi không trông thấy thì chẳng hóa ra sự kiện này còn quái gở hơn sự kiện chính con người nó biến mất hay sao?

Nó đâu rồi? Nó đâu rồi? Nó không thể vượt qua một cửa ra vào, một cửa sổ hay bất cứ một cái gì. Nó không thể vượt qua thân xác chúng tôi.[\[8\]](#)

Xin thú thật, ngay lúc ấy, tôi thất đảm. Vì cuối cùng, ánh sáng chan hòa trong hành lang này không hề có cửa sập, cửa bí mật khoét trong tường, không hề có một cái gì có thể dùng làm nơi ẩn trốn. Chúng tôi tốc ngược những chiếc ghế bành, lật tung các khung ảnh – chẳng có gì! Chẳng có gì! Giá có chiếc lọ độc bình nào ở đây chúng tôi cũng dòm vào cả lọ độc bình nữa.

Chương 17. Cái Hành Lang Không Thể Hiểu Nổi!

Cô Mathilde Stangerson xuất hiện trên ngưỡng cửa phòng đợi – cuốn sổ tay của Rouletabille ghi tiếp – Chúng tôi đã đến gần cửa phòng này, trong dãy hành lang mà xảy ra cái hiện tượng không ai hiểu nổi. Có những lúc người ta cảm thấy đầu óc loãng ra, tan đi mất. Một viên đạn trúng đầu, một cái sọ nổ tung, tụ điểm của các nguồn suy luận bị ám sát, lý trí vỡ vụn, tất cả những đau đớn này thật có thể sánh với các cảm giác đang làm tôi kiệt sức, “nó làm tôi trống rỗng”, tất cả trong tôi chao đảo, rất quân bình, thế là tôi kết liễu cái tôi biết suy tưởng, – suy tưởng theo cách nghĩ rất người của tôi! Sự sụp đổ tinh thần một cơ sở duy lý kéo theo sự sụp đổ hiện thực cái thị kiến sinh lý, trong lúc hai con mắt vẫn tinh tường, cả một đoàn khủng khiếp đánh vào cân não!

May thay, cô Stangerson xuất hiện nơi ngưỡng cửa phòng đợi. Tôi trông thấy cô, và đây là dịp tốt để cho đầu óc đang rối bết của tôi lãng khuây đi chút đỉnh. Tôi thở mạnh. Tôi hít hương thơm người đàn bà bận đồ đen ở nơi cô. Bà bận đồ đen thân mến, người không bao giờ tôi còn gặp lại! Trời ơi! Mười năm ròng rã của đời tôi, một nửa cuộc đời tôi để được thấy lại người đàn bà bận đồ đen. Nhưng, khốn khổ! Tôi chỉ còn gặp lại, hơ hơ, gì nữa, một chút hương thơm gần giống cái hương thơm chỉ mình tôi cảm nhận được, để đến hít thở trong gian phòng phiếm luận của tôi thời niên thiếu![\[9\]](#)

Chính cái kỷ niệm sâu sắc về làn hương thơm yêu dấu của người đây, hơi bà mặc đồ đen, nó bắt tôi đi tới người phụ nữ kia, cô con gái mặc toàn đồ trắng, và xanh xao quá, xinh đẹp quá, đang đứng trên ngưỡng cửa “cái hành lang không thể hiểu nổi. Mớ tóc mây vàng óng vén lên trên gáy để lộ ngôi sao đỏ ở thái dương, vết thương suýt làm nàng mất mạng. Khi tôi mới bắt đầu nắm sợi dây lý luận của tôi bằng đúng cái đầu phải nắm, trong vụ này, tôi đã hình dung đêm xảy ra bí ẩn “Căn Phòng Vàng”, cô Stangerson vẫn tóc kiểu băng-đô. “Nhưng trước khi bước chân vào “Căn Phòng Vàng”, tôi biết lập luận gì, nếu không có mớ tóc chải băng-đô?”

Và bây giờ thì tôi chẳng lập luận gì nữa, kể từ lúc có vấn đề “Cái hành lang không thể hiểu nổi”. Tôi đứng đây, ngơ ngẩn trước cô Stangerson xanh xao và quá đẹp. Cô choàng một tấm áo rộng mặc trong nhà, trắng toát một màu thơ mộng. Trông cô như một hiện hình mờ ảo, một bóng ma hiền lành. Cha cô dang rộng đôi tay ôm cô vào lòng. Ông hôn cô tới tấp làm như cố đoạt lại người con yêu một lần nữa, vì quả đúng là một lần nữa, ông lại suýt mất con! Ông không dám hỏi con câu nào. Ông kéo cô vào phòng. Chúng tôi theo. Vì phải tìm hiểu chứ! Cửa phòng khách nhỏ đã mở. Hai bộ mặt khiếp đảm của những người gác bệnh quay về chúng tôi. Cô Stangerson hỏi có chuyện gì mà ồn ào, náo động? Cô nói: “Có gì đâu, đơn giản lắm!”

- Đơn giản à! Đơn giản à!

Đêm nay cô không muốn ngủ phòng mình mà sang nằm chung với hai người đàn bà gác bệnh bên phòng khách nhỏ. Và ba người khóa chặt cửa phòng. Từ sau đêm bị giết hụt, cô thường bị những cơn hốt hoảng, kinh hãi bất thần, cũng rất dễ hiểu thôi, đúng không? Ai sẽ hiểu được tại sao vào chính đêm nay, “cái đêm nó phải đến”, cô lại tự giam mình với hai người gác bệnh, do một “tình cờ” phúc đức nào? Ai sẽ hiểu được tại sao cô khước từ ý muốn của ông Stangerson ngủ lại phòng khách của con gái, vì con gái ông đang run sợ. Ai sẽ hiểu được tại sao lá thư ban nãy nằm trên mặt bàn trong phòng “giờ không còn đây nữa”? Kẻ nào hiểu được sẽ nói: Cô Stangerson biết tên sát nhân còn đến nữa, cô không thể ngăn cản nó đến nữa, cô không thể báo

động với ai, vì cần để tên sát nhân trong vòng bí mật, cha cô không biết, không ai được biết, trừ Robert Darzac, vì bây giờ Robert Darzac phải biết nó rồi. Có thể ông đã biết nó từ trước. Nên nhớ lại câu nói ở vườn Elysée: “Chẳng lẽ để được em, tôi phải phạm một tội ác?” Tội ác nào? Giết ai?

Nếu không phải là “giết kẻ phá đám”, tên sát nhân? Còn câu này nữa, cũng đừng quên. Khi tôi hỏi: “Ông có khó chịu thấy tôi vạch mặt kẻ sát nhân không?” Ông Darzac đã trả lời: “A! Tôi muốn được tự tay giết chết nó!” Tôi nói tiếp: “Ông chưa trả lời câu hỏi của tôi!” Đúng đấy. Sự thật, sự thật, ông Darzac thừa biết tên sát nhân là ai, đến nỗi ông sợ tôi truy ra nó, “trong khi vẫn muốn giết chết nó”. Ông ta trợ giúp cho cuộc điều tra của tôi được dễ dàng chỉ vì hai lý do: Trước hết, bởi tôi ép buộc ông, sau để trông chừng bảo vệ người yêu được kỹ hơn.

Tôi theo cô vào phòng, vào phòng cô – Tôi nhìn cô, rồi nhìn chỗ để lá thư lúc nãy. Cô Stangerson lấy lá thư đi rồi, thư ấy viết cho cô, tất nhiên.

Ôi! tội nghiệp, cô run quá, cô run vì nghe câu chuyện ly kỳ cha cô kể lại, chuyện tên sát nhân đã đột nhập phòng cô và nó bị săn đuổi như thế nào. Nhưng rõ ràng, thật quá rõ ràng là cô chỉ được an tâm hẳn, lúc biết chắc tên sát nhân, do một yêu thuật quái đản nào đó, đã thoát tay chúng tôi trong gang tấc.

Thế rồi, có một màn im lặng. Im lặng lạ lùng. Tất cả chúng tôi đứng ỳ ra đó nhìn cô đăm đăm. Cha cô, Larsan, bố Jacques và tôi. Những ý nghĩ nào đang xoay quanh cô trong cái im lặng này? Sau biến cố đêm nay, sau cái bí ẩn của “hàng lang không thể hiểu nổi”, sau việc tên sát nhân có mặt trong phòng cô một cách diệu kỳ, thì dường như tất cả các ý nghĩ, tất cả, từ những ý nghĩ mơ hồ trong đầu bố Jacques đến những ý nghĩ đang được “để ra” trong óc ông Stangerson, tất cả có thể được bộc lộ bằng câu này, để nói với cô: “Cô ơi! Cô biết rõ điều bí ẩn, cô hãy giải thích cho chúng tôi nghe, biết đâu chúng tôi chẳng cứu được cô!” Ôi! Tôi mong ước cứu cô, cứu cô thoát được chính cô, thoát được tay kẻ định giết cô! Tôi phát khóc. Vâng, tôi cảm thấy nước mắt ràn rụa trước bao nhiêu thống khổ bị buộc phải che giấu một cách quá thương tâm.

Nàng đứng kia, cô gái có hương thơm của “người đàn bà bận đồ đen”, rồi cuộc tôi cũng thấy nàng, ở nhà nàng, trong phòng nàng, trong cái phòng mà nàng không muốn tiếp tôi, trong cái phòng “mà nàng im lặng”, mà nàng còn tiếp tục im lặng. Kể từ cái giờ phút bi thảm của “Căn Phòng Vàng”, chúng tôi cứ xoay quanh người đàn bà bí hiểm và câm nín này để cố biết những gì nàng biết. Niềm ao ước cùng ý chí sắt đá của chúng tôi muốn biết, chắc đối với nàng là thêm một cực hình. Ai dám bảo rằng, nếu “chúng tôi biết thì cái sự chúng tôi biết được điều bí ẩn của nàng” sẽ chẳng là điểm xuất phát cho một thảm kịch còn khủng khiếp hơn nhưng thảm kịch đã diễn ra ở đây? Ai dám bảo chúng tôi rằng nàng sẽ không vì thế mà chết? Tuy nhiên, nàng đã suýt chết và chúng tôi chẳng biết gì, nhưng tôi, nếu tôi biết nó là “ai”, tôi sẽ biết tất cả. Ai? ai? ai? Và bởi không biết nó là ai, tôi đành im, vì xót thương nàng, vì còn nghi ngờ chi nữa, nàng biết, chính nàng biết “nó” đã làm cách nào để ra thoát “Căn Phòng Vàng”, thế mà nàng im lặng. Vậy tại sao tôi lại phải nói? Khi nào tôi biết nó là ai, “tôi sẽ nói, nói với nó!”

Bây giờ cô Stangerson nhìn chúng tôi, nhưng cái nhìn xa vắng, như thể chúng tôi không có mặt trong phòng cô. Ông Stangerson phá tan bầu không khí im lìm. Ông tuyên bố từ nay sẽ không rời chỗ ở của cô con gái.

Con gái ông liền phản đối kịch liệt nhưng vô hiệu, Ông Stangerson khẳng định không nhượng bộ. Ông nói sẽ đến ở ngay đêm nay. Đoạn, mãi lo cho sức khỏe con gái, ông trách cô đã vội xuống giường đi lại, rồi tự nhiên ông thủ thỉ với cô những chuyện rất trẻ con, ông mỉm cười với cô, ông không biết rõ ông đang nói gì, làm gì vì giáo sư danh tiếng điên cái đầu rồi. Ông nhắc đi nhắc lại những câu vu vơ, chẳng ăn nhập gì với nhau, nó chứng tỏ tâm trí ông đang rối loạn mà tâm trí chúng tôi cũng chẳng kém gì. Thế rồi, cô Stangerson đáp lại bằng những câu rất thường: “Ba ơi! Ba ơi!” Nhưng giọng cô đau đớn tột cùng, đến nỗi cha cô bật lên nước mắt. Bỗng Jacques rút khăn tay hỉ mũi, cả Frédéric Larsan cũng quay đi giấu cơn xúc động. Còn tôi thì hết chịu nổi rồi, tôi không nghĩ gì nữa, tôi không cảm thấy gì nữa. Tôi rơi xuống dưới cả hàng cây cỏ. Tôi ghê tởm chính mình tôi.

Từ hôm xảy ra vụ mưu sát ở “Căn Phòng vàng”, đây là lần đầu, cũng như tôi, Frédéric Larsan đứng trước cô Stangerson. Cũng như tôi, ông ta thường cố để được hỏi cô vài câu, nhưng không hơn gì tôi, bị cô từ chối. Với ông ta cũng như với tôi, người ta luôn luôn đưa ra một câu trả lời: Cô Stangerson quá yếu, không tiếp chúng tôi được. Buổi khai cung trước dự thẩm làm cô đủ mệt rồi. Ở đây có một hàm ý xấu, rõ ràng không muốn giúp chúng tôi trong cuộc điều tra. Tôi, thì chẳng lấy thế làm lạ, nhưng luôn luôn Frédéric ngạc nhiên, dù rằng trong vụ này, Frédéric Larsan và tôi mỗi người có một quan niệm khác hẳn nhau.

Cha con ôm nhau khóc, và tôi ngạc nhiên nghe nhắc đi nhắc lại tự đáy lòng mình: Cứu nàng đi! Cứu nàng đi, mặc kệ ý nàng! Cứu nàng mà không làm khổ nàng! Cứu nàng mà “nó” không nói gì được! “Nó” là ai? “Nó”, tên sát nhân. Hãy chít cổ nó, khóa miệng nó lại! Nhưng Robert Darzac đã cho ta hiểu: “Muốn khóa miệng nó thì phải giết nó. Đó là kết luận đúng lý rút từ những câu ông Darzac thẳng thốt nói ra. Tôi, tôi có quyền giết kẻ mưu toan sát hại cô Stangerson không? – không. Nhưng nó thử hỏi tôi một cơ hội coi. Vấn đề là để biết nó có thật bằng xương bằng thịt không? Vấn đề là thấy được cái xác chết của nó, bởi vì không thể bắt sống nó!

A! Làm sao cho người con gái kia hiểu, người con gái không buồn nhìn đến chúng tôi, đang chìm đắm trong nỗi kinh hoàng của mình, trong đau khổ của cha, làm sao cho nàng hiểu rằng tôi có khả năng làm tất cả để cứu nàng, phải rồi, tôi lại bắt đầu nắm sợi dây lý luận của tôi bằng đúng cái đầu phải nắm và tôi sẽ thực hiện những việc lạ lùng.

Tôi tiến lại phía cô. Tôi muốn nói lên, tôi muốn van xin cô hãy tin ở tôi, tôi muốn cho cô nghe bằng vài lời vắn tắt mà chỉ tôi với cô hiểu, rằng tôi biết kẻ toan giết cô đã ra thoát “Căn Phòng Vàng” bằng cách nào, rằng lời đã đoán được một nửa cái bí ẩn của cô và tôi hết lòng thương xót cô. Nhưng kìa, cô lại có cử chỉ yêu cầu chúng tôi rút lui đi, để cô một mình, cái cử chỉ biểu hiện tâm trạng mỗi một, cần nghỉ ngơi ngay tức khắc, ông Stangerson bèn mời chúng tôi ai về buồng nấy, cảm ơn chúng tôi, đuổi khéo chúng tôi đi chỗ khác. Frédéric Larsan và tôi chào từ giã rồi kéo theo bỗng Jacques, chúng tôi trở ra hành lang. Tôi nghe Frédéric Larzac lẩm bẩm: Lại nhĩ! lại nhĩ!... và ra dấu cho tôi vào phòng mình. Đến ngưỡng cửa, ông ta quay lại bỗng Jacques hỏi:

- Bỗng thấy nó rõ chứ?

- Ai?

- Thằng đó
- Còn phải hỏi? Một hàm râu xồm đỏ dễ sợ, tóc đỏ.
- Tôi cũng đã thấy nó như vậy, tôi nói.
- Tôi cũng thế, Frédéric Larsan tiếp theo.

Giờ chỉ còn anh cả Fred với tôi để bàn việc này trong phòng Fred. Chúng tôi trao đổi tay đôi cả giờ, đào bới, xoay chuyển vấn đề đủ mọi mặt. Rõ ràng là Fred, theo những câu hỏi ông ta đặt với tôi, theo lối giải thích ông ta trả lời tôi, ông ta đã tin tưởng – bất chấp con mắt ông, con mắt tôi, con mắt mọi người, rằng tên sát nhân đã biến mất do một lối đi bí mật trong lâu đài mà nó biết.

- Vì nó biết rõ lâu đài – ông ta quả quyết – nó biết rất rõ...
- Cái thằng to con đấy chứ, lạnh nữa.
- To con mới là đúng. Fred lẩm bẩm.
- Tôi hiểu ý ông – tôi nói – nhưng giải thích sao về hàm râu đỏ, mớ tóc đỏ?
- Râu rậm quá, tóc rậm quá! Đồ giả đó thôi. – Frédéric Larsan đáp không do dự.
- Ông đi mau quá. Ông bị ý nghĩ về Robert Darzac đè nặng trong đầu. Ông không thể rũ bỏ được thiên kiến ấy ư? Tôi thì tôi chắc chắn ông ta vô tội.
- Càng tốt! Tôi cũng mong thế. Nhưng thực tế, mọi sự qui lại buộc tội ông ta. Anh đã để ý thấy những dấu chân trên tấm thảm hành lang chưa? Mời anh ra coi.
- Tôi thấy rồi. Đó là những “bước chân thanh lịch” ở bờ hồ.
- Đó là dấu chân Robert Darzac, anh phủ nhận được không?
- Cố nhiên, người ta dễ nhìn lầm.
- Thế anh có để ý những dấu chân ấy chỉ đến chứ “không trở về” không? Khi nó ở trong phòng chạy ra, bị tất cả chúng ta rượt theo, bước chân nó đâu có để lại dấu vết gì.
- Có thể nói ở trong phòng “từ nhiều giờ rồi”. Bùn đất dính giày nó đã khô, nó lại rón bước trên đầu ngón nên chân chạy rất nhanh. Mình trông thấy nó trốn, nhưng mình không nghe tiếng gì.

Chợt tôi cắt ngang câu chuyện lòng thông vô ích, không xứng với chúng tôi và ra hiệu cho Larsan lắng nghe:

- Ở tầng dưới, có người đóng cửa.

Tôi đứng lên. Larsan đi theo. Chúng tôi xuống tầng trệt. Chúng tôi ra khỏi lâu đài. Tôi dẫn Larsan đến căn phòng nhỏ đội bao lơn có sân thượng làm mái ở dưới cửa sổ hành lang ngoặt. Tôi trở vào khung cửa ra vào lúc nãy mở, nhưng bây giờ đã đóng, dưới đất có khe ánh sáng lọt qua.

- Gã bảo vệ! Fred nói.

- Ta vào đi – tôi ghé tai ông.

Rồi, đã quyết ý, nhưng quyết ý cái gì đây, tôi cũng không biết? Quyết ý tin rằng gã bảo vệ là thủ phạm ư? Tôi dám khẳng định không? Tôi đến sát cánh cửa đập một cái thành.

Có người nghĩ rằng trở lại của phòng gã bảo vệ lúc này là quá muộn và bốn phận đầu tiên của tất cả chúng tôi, sau khi tên sát nhân ở trong hành lang tẩu thoát, là đi truy lùng nó ở khắp mọi nơi khác, xung quanh lâu đài, trong khu hoa viên, khắp cả.

Nếu có ai phản kháng chúng tôi nói vậy, thì chúng tôi chỉ có câu này để trả lời: Tên sát nhân ở trong hành lang đã biến nhanh đến mức chúng tôi thật sự nghĩ rằng nó không còn ở đâu khác nữa. Nó vượt khỏi tay chúng tôi vào đúng lúc tất cả chúng tôi cùng đổ xô lại, lúc chúng tôi hầu như đã đụng tay vào người nó, nên chúng tôi không còn khí lực để tưởng rằng bây giờ lại phát hiện được nó trong màn bí mật của đêm tối và khu hoa viên. Rốt cuộc, tôi đã thừa cùng quý vị cái màn biến hóa này đập vào óc tôi một đòn choáng váng thế nào rồi.

Tôi vừa đập một cái thành là cánh cửa mở ngay. Gã bảo vệ điềm nhiên hỏi chúng tôi muốn gì. Gã mặc sơ mi trần và “sắp sửa đi ngủ” mặt giường chưa có vết nhăn.

Chúng tôi bước vào. Tôi làm bộ kinh ngạc:

- Ủa! Anh chưa ngủ ư?

- Chưa! – Gã đáp, giọng bức bối – tôi đi tuần một vòng quanh vườn và trong rừng, vừa về tới, bây giờ tôi buồn ngủ quá. Thôi, chào hai ông!

- Khoan đã – tôi mở lời – ban nãy, gần cửa sổ phòng anh có cái thang.

- Thang nào? Tôi chẳng thấy thang thiếc gì cả. Chào các ông!

Và gã tổng chúng tôi ra cửa một cái rụp.

Ra đến ngoài, tôi nhìn Larsan. Mặt ông ta tỉnh queo, không hề chuyển động.

- Thế nào?- tôi hỏi.

- Thế nào? – Larsan lặp lại.

- Chuyện này, ông không thấy mở ra những chân trời mới sao?

Chắc hẳn ông ta đang cáu tiết. Lúc trở về lâu đài, tôi nghe ông ta càu nhàu trong họng:

- Thế này thì thật quá quắt, quá quắt lạ, chẳng lẽ mình lại làm đến mức đó sao? Câu này tôi thấy ông nói với tôi hơn là hăm hực một mình.

Ông ta còn thêm:

- Gì thì chúng ta sắp hiểu được dứt khoát, sáng mai, lúc bình minh.

Chương 18. Rouletabille Đã Vẽ Một Vòng Tròn Giữa Hai Cục Bướu Thiên Tư Trên Trán

Trích sổ tay của Joseph Rouletabille (tiếp theo).

Chúng tôi từ biệt nhau trên ngưỡng cửa, sau một cái bắt tay buồn bã. Tôi sung sướng đã gieo được chút e ngại mình sai lầm vào một cái bộ óc độc đáo kia, cực kỳ thông minh nhưng không phương pháp. Tôi không đi ngủ. Tôi đợi trời vừa tảng sáng là đi ngay xuống mặt trước lâu đài. Tôi đảo một vòng xung quanh, xem xét mọi dấu chân đi và đến. Nhưng chúng chỉ chít lẩn vào nhau lộn xộn khiến tôi chẳng tìm ra được điều gì ích lợi. Vả chăng, tôi xin nêu một điểm, là tôi không quen gán cho những dấu hiệu bề ngoài của tội ác một tầm quan trọng quá đáng. Cái phương pháp ấy, dùng để kết luận hung thủ là ai căn cứ vào những dấu chân, đã hoàn toàn cổ lỗ. Đời bây giờ thiếu gì dấu chân giống nhau như cùng khuôn đúc, không thể lấy đó làm chứng cứ buộc tội khi mới có một chỉ dẫn đầu tiên.

Với một tâm trạng rối bời, tôi đi vào sân trước và lom khom cúi nhìn các dấu vết, tất cả các loại dấu vết ở đó, tìm cái chỉ dẫn đầu tiên kia nó là nhu cầu cấp thiết để tôi bám víu lấy một cái gì “hợp lẽ”, một cái gì cho phép tôi “lý luận” về những đột biến trong “Cái hành lang không thể hiểu nổi”. Lý luận thế nào? Lý luận thế nào?

A! Lý luận sao cho đúng từ chỗ phải bắt đầu. Tôi bần thần tuyệt vọng, ngồi xuống một phiến đá trên sân lâu đài vắng vẻ. Tôi làm gì từ hơn một giờ qua nếu không phải công việc nhỏ mọn nhất của một thám tử tầm thường nhất. Như viên thanh tra mới nhập cuộc, tôi đi bới tìm cái sai lầm trên dấu vết vài ba bước chân “nó sẽ để mặc tôi muốn nói gì cũng được”!

Trên bậc thang trí tuệ tôi nhận thấy mình hèn hạ hơn, kém cỏi hơn cả những viên Công An Cảnh Sát do mấy tiểu thuyết gia thời đại tưởng tượng ra những nhân viên ưa học tập phương pháp điều tra trong chuyện trình thám của Edgar Poe hoặc Conan Doyle. Ôi! Quý vị làm văn nghệ, các ngài xây hăng hái chuyện ngu ngốc với một bước chân trên cát, với hình một bàn tay trên tường! Làm đi Frédéric Larsan, làm đi, hỡi ông văn nghệ sĩ! Bờ ơi! Bờ đọc quá nhiều Conan Doyle! Sherlock Holmes sẽ khiến bờ làm những việc khờ dại, những khờ dại trong lý luận to lớn hơn cả những khờ dại người ta đọc trong tiểu thuyết. Những khờ dại ấy sẽ dẫn bờ đến chỗ bắt giam một người vô tội. Với cái phương pháp kiểu Conan Doyle của bờ, bờ đã thuyết phục được lão Dụ Thảm, lão Giám Đốc Công An, thuyết phục tất cả mọi người. Bờ đang chờ cái chứng cứ cuối cùng, cái cuối cùng! Cứ nói là cái đầu tiên đi, tội quá! “Tất cả những gì do giác quan cống hiến thì không thể được coi là chứng cứ”. Tôi cũng thế, tôi cắm cúi trên những dấu vết do giác quan thu nhận, nhưng cũng để gom nó vào trong cái vòng tròn mà lý trí tôi đã vẽ ra.

A! Đã nhiều lần, cái vòng tròn chật hẹp quá nhưng dù chật hẹp đến đâu, nó vẫn rộng thênh thang, “bởi vì nó chỉ chứa có sự thật”!

Đúng, đúng, tôi xin thề, những dấu vết do giác quan nhận được bao giờ cũng chỉ là tội tó của tôi, chúng không làm chủ được tôi, chúng không uốn nắn tôi thành cái vật quái đản kinh khủng hơn một con người không có mắt hay một kẻ gà mờ. Ấy thế đó, đó là lý do ta sẽ thắng cái sai lầm và lối suy tư cực sốc của nhà người, hỡi Frédéric Larsan!

Chứ sao! Chứ sao! Bởi vì lần đầu tiên, đêm ấy, trong cái hành lang không hiểu nổi đã xảy ra một “biến cố” dường như không nhập vào cái vòng tròn do lý trí tôi vẽ ra, thế nên tôi trôi nổi vật vờ, tôi cúi mũi dưới đất, như con heo sục bừa trong đồng bùn hôi để tìm mớ rác rưởi nuôi thân xác. Nào! Rouletabille, anh bạn tôi ơi, hãy ngẩng đầu lên, làm gì có chuyện cái biến cố trong hành lang không hiểu nổi ở ngoài được vòng tròn do lý trí bạn đã vẽ. Bạn biết đấy! Bạn biết đấy! Thế thì hãy ngẩng đầu lên, hãy dùng hai tay bóp các cục u trên trán bạn đi, và hãy nhớ rằng khi bạn vẽ cái vòng tròn, bạn đã nắm được, để vẽ nó trong đầu như người ta vẽ trên giấy một hình kỷ hà học, bạn đã nắm được lý luận của bạn bằng đúng cái đầu phải nắm!

Thế thì bây giờ bạn hãy bước đi và hãy trở lên “Cái hành lang không hiểu nổi”, dựa trên cái đầu dây tốt của lý trí bạn, như Frédéric Larsan dựa trên cây can của ông ta, và bạn sẽ mau chóng chứng minh anh cả Fred chỉ là một thằng khờ.

Joseph Rouletabille

30 tháng 10, giữa trưa.

Nghĩ sao tôi làm vậy. Đầu tôi hừng hực lửa, tôi trở lên hành lang và ô kìa, tuy vẫn chẳng tìm thấy gì hơn những cái tôi đã thấy đêm qua, cái đầu dây đúng của lý trí chỉ cho tôi thấy một điều ghê gớm đến nỗi tôi phải “nín chặt lấy nó” cho khỏi ngã.

A! Tôi sắp cần đến nhiều sức mạnh để bây giờ phát hiện những dấu vết do giác quan cảm nhận, chúng sẽ đi vào trong “cái vòng tròn rộng hơn” mà tôi đã vẽ ở chỗ này, giữa hai cục u trên trán.

Joseph Rouletabille

30 tháng 10, nửa đêm

Chương 19. Rouletabille Mời Tôi Ăn Ở Quán “Vọng Lâu”

Mãi sau này Rouletabille mới trao cho tôi quyển sổ tay có câu chuyện về hiện tượng “Cái hành lang không hiểu nổi” do anh ghi lại từ đầu chí cuối ngay buổi sáng kế tiếp cái đêm huyền bí ấy. Hôm tôi vào gặp anh trong căn phòng ở Glandier, anh kể tôi nghe đầy đủ chi tiết, tất cả những gì bây giờ quý vị cũng biết, kể cả thời dụng biểu của anh trong mấy giờ anh ở Paris tuần lễ ấy để rồi rốt cuộc chẳng biết được gì hữu ích.

Biến cố “hành lang không thể hiểu nổi” xảy ra trong đêm 29 rạng 30 tháng mười, tức ba ngày trước khi tôi trở lại lâu đài, vì hôm ấy là mừng hai tháng mười một, tôi trở lại Glandier theo bức điện gọi của bạn tôi, mang theo hai khẩu súng lục.

Tôi đang ở trong phòng Rouletabille. Anh vừa kể xong câu chuyện.

Trong lúc nói, anh không ngừng ve vuốt cặp mắt lồi của chiếc kính kẹp mà anh, đã lượm trên mặt bàn xoay. Trông anh tay xoa xoa mắt kính viễn thị, mặt mày tươi tỉnh, tôi hiểu ngay đôi mắt kính kia hẳn là một trong “những dấu hiệu do giác quan cảm nhận sẽ đi vào trong cái vòng tròn mà đầu dây tốt của lý trí anh đã vạch ra”. Cái cung cách dị kỳ, độc nhất, anh diễn đạt bằng những từ ngữ thích đáng tuyệt vời, đúng với tư tưởng của anh không còn làm tôi kinh ngạc. Nhưng thường thì phải biết tư tưởng của anh trước để hiểu những từ anh dùng, mà hiểu được tư tưởng của Joseph Rouletabille không phải luôn luôn là chuyện dễ. Tư tưởng cậu bé này là một trong những điều lạ lùng nhất mà tôi có dịp nhận xét. Rouletabille sống thanh thoi giữa cuộc đời với tư tưởng ấy không cần biết mình gặp trên đường đi những ngạc nhiên – hay nói thẳng ra – những kinh dị bàng hoàng. Nhiều người quay về tư tưởng ấy, nhìn nó đi qua, như người ta dừng lại để ngắm nghía lâu hơn một bóng dáng độc đáo gặp ngang đường. Và như người ta thắc mắc: “Gã này ở đâu tới nhỉ! Gã đang đi đâu?” Người ta cũng tự hỏi: “Tư tưởng của Joseph Rouletabille ở đâu ra, và nó đi đâu? Tôi đã thú nhận rằng anh không hề e dè về màu sắc độc đáo của tư tưởng mình, cho nên nó cứ diễm nhiên rong ruổi trên đời như tất cả mọi người.

Cũng như một kẻ kia vì chẳng thèm để ý đến cách ăn mặc lập dị của mình nên vẫn cảm thấy hoàn toàn thoải mái dù chỗ gã đi qua là chỗ nào. Bởi vậy, chính là với tính cách giản dị tự nhiên mà cậu bé này không chịu trách nhiệm về khối óc siêu việt của mình, diễn tả những sự việc khủng khiếp “bằng kiểu lý luận rút ngắn của chúng, rút quá ngắn đến độ bọn chúng tôi chỉ hiểu nổi cái dạng thức, nếu trước nhưng cặp mắt ngó ngắn của chúng tôi, anh bằng lòng trải rộng nó ra và giới thiệu nó ở chính diện trong vị trí bình thường, Joseph Rouletabille hỏi tôi nghĩ gì về câu chuyện anh vừa kể. Tôi đáp, câu hỏi của anh làm tôi bối rối quá chừng, thì anh đưa ý kiến, là đến lượt tôi, tôi thử nắm dây lý luận bằng đúng cái đầu tốt xem sao.

- Ừ được – tôi nói – hình như khởi điểm cho lý luận của tôi phải thế này: Khởi có nghi ngờ, tên sát nhân các anh rượt đuổi, trong một lúc nào đó, đã thật có mặt ở hành lang.

Bỗng tôi ngừng lại...

- Nhập đề thế là hay rồi đấy, – anh reo to, – nhưng không nên ngừng quá sớm như vậy. Ở kia, cố gắng chút nữa coi.

- Để tôi thử xem. Nếu nó đã có mặt ở trong hành lang và nó đã biến mất trong hành lang, khi

nó không thể vọt qua một cửa ra vào hoặc một cửa sổ nào trong hành lang, thì bắt buộc nó phải tẩu thoát bằng một lỗ hổng khác.

Joseph Rouletabille nhìn tôi thương hại. Anh mỉm cười băng quơ rồi không ngần ngại lâu hơn, anh bảo thẳng tôi rằng tôi vẫn cứ lý luận như một kẻ “ngô nghê ngu ngốc”!

- Đúng! Như một kẻ ngu ngốc! Anh lý luận giống Frédéric Larsan!

Bởi Rouletabille đến với Frédéric Larsan ba hồi thì phục lẫn, ba hồi lại miệt thị. Có lúc anh trầm trồ: “Ông ta giỏi thật”, có lúc anh gầm gừ: “Đồ thô bỉ – tùy theo – tôi đã nhận xét nghiêm chỉnh – tùy theo những khám phá mới của Frédéric Larsan nó cũng cố lý luận của anh thêm vững hay nghịch lại. Đây là khía cạnh nhỏ trong phong cách thanh cao của cậu bé dị thường này.

Chúng tôi đứng dậy và anh kéo tôi ra hoa viên.

Đang đi qua sân trước để tiến ra cổng ngoài thì một tiếng rầm do cánh cửa sổ mở mạnh đập vào tường làm chúng tôi quay đầu lại và trông thấy, nơi lầu nhất bên cánh trái lâu đài, ở một cửa sổ, có một khuôn mặt đỏ au và cạo nhẵn nhụi mà tôi không quen.

- Ô kìa, – Rouletabille lẩm bẩm – Arthur Rance!

Anh cúi đầu, bước chân nhanh hơn. Tôi nghe anh nói nhỏ qua kẽ răng:

- Thế ra hôm qua lão đã ở lâu đài? Lão đến làm chi đây?

Khi chúng tôi đã rời khỏi lâu đài khá xa, tôi hỏi anh Arthur Rance là ai mà sao anh biết lão. Anh liền nhắc lại câu chuyện anh kể ban sáng, để tôi nhớ ra Arthur Rance là người Mỹ ở Philadelphie đã cùng anh cụng ly lu bù trong buổi chiêu đãi ở Elysée.

Nhưng hình như lão phải rời nước Pháp hầu như ngay tức thì sau đó cơ mà? Tôi hỏi.

- Đúng vậy. Cho nên, như anh thấy, tôi rất ngạc nhiên khi gặp lại lão, không những vẫn ở Pháp mà vẫn còn ở Glandier. Lão không đến sáng nay, cũng không đến đêm qua, vậy lão đã đến trước bữa ăn tối, thế mà tôi không thấy lão. Không hiểu sao vợ chồng anh gác cổng không báo tôi hay.

Tôi lưu ý bạn tôi, nhân nói đến vợ chồng anh gác cổng, rằng anh chưa cho tôi biết anh đã làm thế nào để họ được trả tự do.

Vừa vặn chúng tôi đến chòi gác. Vợ chồng Bornier nhìn chúng tôi đi tới. Một nụ cười hiền lành làm gương mặt họ sáng hẳn lên. Dường như họ không còn giữ một kỷ niệm đau đớn nào về vụ bị giam cứu vừa qua. Bạn tôi hỏi họ Arthur Rance đến lúc mấy giờ. Họ trả lời chẳng hay biết gì về việc ông Arthur Rance có mặt ở lâu đài. Có lẽ lão đến từ tối hôm trước nhưng họ không phải mở cổng cho lão, vì ông Arthur Rance là nhà cuộc bộ trừu danh, không muốn phiền ai đem xe đi đón. Lão vẫn có thói quen xuống ga lẻ ở ngôi làng nhỏ Saint-Michel. Từ đó lão cuộc bộ qua rừng, về tận lâu đài. Lão đến lâu đài ngã hang mộ nữ thánh Geneviève, đi xuống hang, trèo qua một hàng rào sắt nhỏ và vào hoa viên.

Vợ chồng anh gác cổng nói đến đâu tôi thấy mặt Rouletabille sa sầm đến đó, biểu lộ một nỗi

bực dọc rõ ràng, và chắc chắn là bực với chính mình. Dĩ nhiên, anh hơi thẹn vì lẽ đã làm việc tại chỗ, đã nghiên cứu mọi người mọi việc ở Glandier thật cẩn thận, thật tỉ mỉ, vậy mà còn chưa biết rằng “Arthur Rance đã quen đến lâu đài”.

Anh buồn bực hỏi thêm:

- Anh chỉ nói ông Athur Rance đã quen đến lâu đài, nhưng lần chót là bao giờ?

- Chúng tôi không nói được chuẩn xác – anh Bernier trả lời – bởi lẽ chúng tôi bị nhốt có biết gì đâu. Hai nữa, mỗi khi đến lâu đài, ông ta không qua cổng chúng tôi gác, khi đi cũng vậy.

- Thôi được, anh biết ông ta đến đây lần thứ nhất là bao giờ không?

- Dạ có, thưa ông, cách đây chín năm.

- Thế ra ông ta đã tới Pháp cách đây chín năm – Rouletabille hỏi tiếp – và chuyến này, theo anh biết, ông ta đến Glandier mấy lần rồi?

- Ba lần cả thấy.

- Lần chót ông ta đến Glandier trước hôm nay, theo “anh biết” là bao giờ?

- Khoảng tám ngày trước vụ mưu sát trong “Căn Phòng Vàng”.

Rouletabille đặt tiếp câu hỏi nữa, lần này cho riêng người vợ: “Trong khe ván sàn nhà ư?”

- Trong khe ván sàn nhà, chị vợ trả lời.

- Cảm ơn – Rouletabille kết thúc câu chuyện – thôi nhé, chuẩn bị tối nay đi?

Câu sau cùng, anh nói với một ngón tay trên miệng, để dặn chị im lặng và kín đáo.

Chúng tôi ra khỏi hoa viên và đi về quán “Vọng Lâu”

- Thỉnh thoảng anh đến ăn ở quán này à?

- Đôi khi.

- Nhưng anh vẫn dùng bữa ở lâu đài chứ?

- Vâng, Larsan và tôi yêu cầu họ dọn hai người ăn chung, khi ở buồng tôi, khi ở buồng ông.

- Ông Stangerson không mời anh ăn cùng bàn bao giờ?

- Không bao giờ.

- Anh ở đây lâu, ông có chán anh không?

- Không biết, nhưng ông làm như mình chẳng làm phiền gì ông.

- Không hỏi han gì anh bao giờ?

- Không. Ông vẫn giữ nguyên tâm trạng một ông cụ đã đứng sau cánh cửa “Căn Phòng Vàng” đang khi nó giết con gái mình bên trong, đã phá cửa vào và đã không thấy kẻ sát nhân đâu. Ông tin rằng một khi ông không phát giác được gì “ngay tại trận” thì chúng ta càng không thể tìm ra

cái chi sau đó. Nhưng ông đã buộc mình có bốn phen tuyệt đối không làm gì nghịch lại ảo tưởng của chúng ta?

Rouletabille lại chìm vào cõi mộng. Sau cùng, rồi anh cũng bừng tỉnh và kể tôi nghe anh đã làm thế nào để vợ chồng người gác được thả ra.

“Tôi đến gặp ông Stangerson với một mảnh giấy. Tôi đề nghị ông viết một câu thế này: “Tôi xin cam đoan, dù họ khai sao, tôi cũng giữ lại hai người giúp việc trung thành của tôi, anh Bernier và vợ”, rồi yêu cầu ông ký tên. Tôi giải thích để ông hiểu, với giấy cam đoan này, tôi sẽ khiến vợ chồng người gác khai ra sự thật, và tôi cũng quả quyết với ông, tôi tin tưởng họ không liên can trong tội ác ở đây. Vả chăng, từ hồi nào ý kiến của tôi là vậy. Ông Dụ thẩm đưa mảnh giấy đã ký tên cho vợ chồng Bernier, họ chịu khai liền. Họ khai những gì tôi vốn biết chắc họ sẽ khai, sau khi cất được nỗi lo sợ mất chỗ làm. Họ khai vẫn đi săn vụng trộm trong vùng lãnh địa của ông Stangerson và chính vào một đêm săn thú ấy họ đã bị kẹt ở một chỗ không xa biệt thất đúng lúc xảy ra vụ mưu sát. Vài con thỏ hạ được gây tổn hại cho ông Stangerson như vậy, họ đem bán cho chủ quán “Vọng Lâu”. Chủ quán làm món ăn dọn cho khách hoặc gọi đi tiêu thụ ở Paris tùy ý. Đúng là sự thật rồi, tôi đoán ra ngay từ hôm đầu. Anh nhớ không, cái câu tôi đã nói khi bước vào quán “Vọng Lâu”: “Bây giờ sắp phải ăn thịt còn tươi máu”. Câu này, tôi mới nghe lúc sáng khi chúng ta vừa tới cổng sắt hoa viên, cả anh cũng nghe nhưng anh không cho là quan trọng. Anh biết, khi sắp tới cổng sắt, chúng ta có dừng lại chốc lát để xem một người đang đi đi lại lại trước tường hoa viên chốc chốc lại coi đồng hồ. Đó là Frédéric Larsan đã khởi sự làm việc. Đằng sau chúng ta, lão chủ quán đứng trên bậc cửa nói với người ở trong quán: “Bây giờ sắp phải ăn thịt còn tươi máu!”

Tại sao lại “bây giờ”? Khi người ta cũng như tôi, tôi đang đi tìm sự thật bí hiểm nhất, thì người ta không để lọt khỏi tai mắt một tí gì. Phải tìm cho ra ý nghĩa của mọi sự đã thấy, đã nghe. Chúng ta tới một xứ nhỏ bị đảo lộn vì một tội ác. Óc lý luận thúc đẩy tôi nghi ngờ mọi câu nói có thể liên quan đến biến cố trong ngày. “Bây giờ”, đối với tôi có nghĩa là “sau vụ mưu sát”. Từ buổi đầu cuộc điều tra, tôi đã cố tìm một tương quan giữa câu nói ấy với tấn thảm kịch. Chúng ta đã đến ăn ở quán “Vọng Lâu”. Tôi đã nói đại câu ấy thử xem, thì quả nhiên qua vẻ kinh ngạc và bức tức của lão Mathieu, tôi thấy mình đã không nhận xét quá đáng về tầm quan trọng của câu nói ấy. Khi đó, tôi đã hay tin vợ chồng anh gác cổng bị bắt giam. Lão Mathieu nói chuyện với chúng ta về người bạn rất thân, mà người ta mến tiếc, đó là liên hệ tai hại của các ý tưởng. Tôi tự nhủ: “Bây giờ” vợ chồng anh gác đã bị bắt, “sắp phải ăn thịt còn tươi máu”, không còn người gác cổng, không còn con mồi làm sao tôi đã đi tới cái ý nghĩ chính xác “con mồi”. Lòng thù ghét của lão Mathieu đối với gã bảo vệ của ông Stangerson, lòng thù ghét mà lão cho là được vợ chồng anh gác cổng chia sẻ, đã từ từ dẫn tôi đến ý nghĩ đi săn trái phép. Sự việc đã hiển nhiên; vợ chồng anh gác cổng không thể ở trong giường lúc xảy ra thảm kịch, vậy đêm ấy họ ở ngoài nhà làm gì? Họ đi gây tội ác ư? Tôi không sẵn sàng tin như thế, bởi tôi đã nghĩ, vì những lý do tôi sẽ cho anh biết sau, tôi đã nghĩ tên sát nhân không có tông phạm, và toàn bộ tấn thảm kịch này che giấu một bí ẩn giữa cô Stangerson và hung thủ mà vợ chồng anh gác cổng không dự vào. Câu chuyện đi săn lén giải thích tất cả riêng về phần liên can đến vợ chồng người gác cổng. Tôi chấp nhận như vậy trên nguyên tắc và tôi đi tìm bằng chứng trong nhà họ ở, trong chòi của họ. Tôi đã chui vào căn nhà con, như anh biết, và tìm thấy dưới gầm giường của họ những chiếc bẫy chim và những sợi dây đồng. Đúng rồi! – Tôi nghĩ – Đúng rồi!

Thảo nào đêm ấy họ ở ngoài vườn. Tôi chẳng chút ngạc nhiên khi thấy họ im lặng trước Dự thẩm; và trước nguy cơ bị buộc vào một tội quá nặng là đồng lõa với kẻ giết người, họ vẫn không chịu trả lời ngay bằng cách thú tội đi săn trái phép. Cái tội đi săn trái phép cứu họ thoát khỏi tòa án đại hình, nhưng lại tống họ ra cửa lâu đài, thất nghiệp. Và bởi họ tin mình hoàn toàn vô tội trong vụ này nên hy vọng sớm được minh oan, vụ đi săn trái phép sẽ không bị phanh phui, vả chăng, họ vẫn có thì giờ để khai sau, tùy tiện! Tôi đã thúc đẩy họ đến chỗ thú tội sớm bằng cách lấy lời cam kết ký tên nghiêm chỉnh của ông Stangerson và mang đến cho họ. Thế là họ khai ra đủ chứng cứ cần thiết, được trả tự do và biết ơn tôi vô hạn. Tại sao tôi không gỡ tội cho họ sớm hơn?

Tại vì ban đầu tôi không chắc lắm về phần họ có phải chỉ có vụ đi săn trái phép mà thôi không. Tâm tâm của tôi mỗi ngày một vững thêm, sau hôm xảy ra vụ “Hành Lang Không Hiểu Nỗi”, vì cần có người giúp đỡ tận tâm ở đây, tôi quyết định chiêu mộ họ tức thì bằng việc chấm dứt những ngày họ bị tù hãm. Thế là xong!

Rouletabille diễn tả câu chuyện như thế đấy, và tôi càng ngạc nhiên hơn về tính cách đơn giản trong cái lý luận nó đã dẫn anh đến sự thực về việc vợ chồng người gác cổng bị ngờ là đồng lõa với kẻ sát nhân.

Đã đành, vụ này nhỏ thôi, nhưng tôi thầm nghĩ bạn tôi một ngày kia, thế nào cũng thuyết minh cho chúng tôi hiểu, với cùng một cách lý luận đơn giản ấy, cái đêm ghé góm ở “Căn Phòng Vàng” và cái đêm “Hành Lang Không Hiểu Nỗi”

Chúng tôi đã tới quán “Vọng Lâu” và bước vào quán.

Lần này, chẳng thấy lão chủ đầu, chỉ có bà vợ nghinh đón chúng tôi với một nụ cười sáng ngời hạnh phúc. Tôi đã có dịp miêu tả gian phòng ăn của quán, đã đưa ra một cái nhìn khái quát về người thiếu phụ tóc vàng duyên dáng, có cặp mắt dịu hiền, vừa thấy chúng tôi là dọn bàn sắp thức ăn nhanh nhẩu.

- Sao, già Mathieu mạnh không? – Rouletabille hỏi thăm.

- Chẳng mạnh tí nào, thưa ông, chẳng mạnh tí nào, vẫn còn liệt giường.

- Chứng phong thấp không dứt ư?

- Dạ không! Đêm qua tôi còn phải chích cho ổng một mũi moóc-phin. Chỉ có chất ma túy đó làm dịu được cơn đau của ông.

Tiếng bà vợ ngọt ngào, tất cả ở bà ta toát ra vẻ nhu hòa thuần phục. Một người đàn bà xinh đẹp, dáng dấp hơi uể oải, đôi mắt to thâm quầng, mắt một kẻ đang yêu. Lão Mathieu, những lúc không bị bệnh phong thấp hành hạ, ắt phải là chàng trai sung sướng.

Nhưng bà vợ, bà có sung sướng với anh chàng phong thấp gầy gò kia không? Qua màn kịch chúng tôi đã dự khán trước đây, chúng tôi không tin bà được sung sướng. Thế nhưng, ở toàn bộ cử chỉ người đàn bà này không hề thổ lộ một cái gì biểu tượng cho tuyệt vọng. Bà ta biến vào trong bếp lo dọn bữa cho chúng tôi, sau khi đặt trên bàn một chai rượu táo thượng hạng. Rouletabille rót rượu ra chén, nhồi tẩu, đốt thuốc, rồi chậm rãi cho tôi hiểu lý do khiến anh

quyết định triệu tôi mang súng đến Glandier:

- Đúng – anh nói, ánh mắt mờ màng nhìn theo những bùm khói anh rít từ ống vỏ phà ra – đúng vậy, anh bạn thân mến của tôi ơi, tối nay tôi đợi kẻ sát nhân.

Tôi trân trọng để một phút im lặng trôi qua. Anh tiếp:

- Tối qua, lúc sắp đi ngủ, ông Robert Darzac đến gõ cửa phòng tôi. Tôi ra mở và ông cho biết có việc gấp phải lên Paris sáng mai, tức sáng nay đây. Cái lý do nó buộc ông phải làm chuyến đi này vừa bức thiết vừa bí mật. Bức thiết vì ông không thể cưỡng lại không đi, và bí mật vì ông cũng không thể tiết lộ mục đích với tôi. Ông nói thêm: “Tôi đi nhưng tôi dám từ bỏ một nửa đời tôi để khỏi rời xa cô Stangerson lúc này”.

Ông ta không giấu tôi là ông ta tin cô đang lâm nguy một lần nữa. Ông thú thực: “Nếu có gì xảy ra đêm mai, tôi sẽ không ngạc nhiên, vậy mà tôi vẫn phải đi. Tôi vẫn phải đi. Tôi chỉ trở về được Glandier sáng ngày mốt”.

Tôi đề nghị ông giải thích, và đây là lời ông ta giải thích với tôi: “Cái ý nghĩ một nguy cơ cấp thiết sắp đến chỉ hiện ra trong đầu ông do việc trùng hợp giữa những lần ông vắng mặt và những vụ cô Stangerson bị mưu hại. Cái đêm “Hành Lang Không Hiểu Nỗi”, ông ta đã đi khỏi Glandier, cái đêm “Căn Phòng Vàng”, ông ta có lẽ không có mặt ở Glandier, mà cụ thể thì chúng ta đã biết, ông ta không có mặt đêm ấy thật – ít nhất chúng ta cũng được biết chính thức như vậy, theo lời ông ta khai. Nếu trong đầu đã nặng một ý nghĩ góm ghê đường ấy mà ông ta vẫn vắng mặt nữa thì chắc hẳn ông ta phải vâng theo một ý chí mạnh hơn ý chí của mình. Tôi nghĩ thế và đã nói với ông ta như thế. Ông ta trả lời tôi: “Có thể”. Tôi hỏi cái ý chí mạnh hơn ý chí của ông phải chăng là ý chí của cô Stangerson, thì ông thề không phải và nói việc đi là do chính ông ta quyết định ngoài mọi điều cản dận của cô Stangerson. Vắn tắt, ông ta nhắc lại, rằng ông ta tin có thể xảy ra một vụ mưu sát mới, chỉ bởi vì có sự trùng hợp lạ lùng ông ta đã nhận thấy trước và cả ông Dự thẩm cũng đã nêu ra với ông ta? Ông ta đau đớn nói tiếp: “Nếu có chuyện chẳng lành xảy đến cho cô Stangerson lần nữa thì thật khổ cho cô, khổ cả cho tôi khổ cho cô vì một lần nữa, cô lại chơi vơi giữa sống và chết. Khổ cho tôi vì đã không bảo vệ được cô chống kẻ sát nhân mà còn bị rơi vào thế kẹt không sao nói được đêm ấy mình ở đâu. Tất nhiên, tôi hoàn toàn biết rõ những nghi ngờ đè nặng trên tôi. Ông Dự thẩm và ông Frédéric Larsan – ông Larsan đã đeo dĩnh tôi lần lên Paris vừa rồi và tôi phải vô cùng vất vả mới cho rơi được ông ta – hai ông này chẳng còn mấy lúc mà không tin tôi là thủ phạm. Đến đây, tôi la lớn: “Thì sao ông không cho tôi cái tên đó đi, bởi ông biết nó là ai mà?” Ông Darzac tỏ vẻ cực kỳ lúng túng. Giọng ông ngập ngừng: “Tôi! Tôi mà biết tên sát nhân ư? Ai cho tôi biết mới được chứ?”. Tôi đáp ngay không nghĩ ngợi: “Cô Stangerson”. Thế là ông ta tái xanh mày mặt cơ hồ muốn xỉu, và tôi thấy ngay đòn mình đánh trúng rồi: “Cô Stangerson và ông ta biết tên kẻ sát nhân!”. Khi đã trấn tĩnh lại phần nào, ông ta nói: “Tôi xin cáo biệt ông. Từ ngày ông đến đây, tôi đã có dịp cảm phục óc thông minh phi thường và mưu trí có một không hai của ông. Có việc này tôi xin ông giúp đỡ: Có thể tôi lầm mà sợ có vụ mưu sát xảy ra đêm mai, nhưng vì phải để phòng mọi sự; tôi tin ông sẽ ngăn cản vụ này không để nó xảy ra. Xin ông sắp đặt mọi cách để cách biệt cô Stangerson, trông giữ cô thật kỹ. Làm sao không ai vào được phòng cô. Xin ông canh chừng quanh phòng cô hết sức cẩn mật. Ông đừng ngủ, đừng nghỉ ngơi một giây nào. Con người mà chúng ta sợ hãi là kẻ tinh ranh ma quái, có lẽ trên đời không có hai. Chính cái tinh ranh ấy sẽ cứu cô nếu ông canh

chừng, vì nhờ cái tình ranh ấy, nó không thể không biết là có ông đang canh chừng, nó sẽ không dám ra tay.

- Chuyện này, ông nói với giáo sư Stangerson chưa?

- Chưa!

- Tại sao chưa?

- Tại vì, thưa ông Rouletabille, tại vì tôi không muốn nghe ông Stangerson nói với tôi câu ông nói ban nãy: “Anh biết tên kẻ sát nhân kia mà!”. Nếu ông, ông đã kinh ngạc về điều tôi vừa nói: “Tên sát nhân có lẽ mai đến!” Thì ông Stangerson còn kinh ngạc đến đâu nếu tôi nhắc lại với ông cụ câu ấy. Có thể ông cụ không chấp nhận vì thấy điều dự đoán gớm ghê của tôi chỉ dựa trên những trùng hợp mà rồi ông cụ cũng cho là quái lạ. Tôi nói với ông tất cả chuyện này, thưa ông Rouletabille, vì tôi đặt một niềm tin mãnh liệt vào ông. Tôi biết rằng ông không nghi tôi!

“Người đàn ông khốn khổ cố gắng trả lời tôi, trả lời lung tung, lộn xộn. Ông ta đang đau đớn. Tôi thương hại ông. Càng thương hại ông vì biết chắc trăm phần trăm ông thà chịu chết hơn là cho tôi biết tên sát nhân là ai, cũng như cô Stangerson thà chịu để cho kẻ kia giết chứ không tố cáo thủ phạm vụ “Căn Phòng Vàng” và vụ “Hành Lang Không Hiểu Nỗi”. Kẻ kia chắc phải nắm được cô hoặc nắm được cả hai người, nắm một cách tàn bạo đáng sợ. Chắc chắn hai người không khiếp sợ cái gì bằng việc để cho ông Stangerson biết con gái ông đang bị kẻ muốn giết cô “nắm giữ mạng sống trong tay?” Tôi cho ông Darzac hiểu ông đã giải bày khá cặn kẽ câu chuyện và ông có thể ngừng nói vì ông chẳng còn gì cho tôi biết hơn. Tôi hứa với ông ta sẽ trông chừng cẩn thận và sẽ thức suốt đêm. Ông ta còn cố nài tôi tổ chức một hàng rào thật sự xung quanh phòng cô Stangerson, xung quanh phòng khách nhỏ, nơi có hai người gác bệnh ngủ, và xung quanh phòng khách lớn, nơi ông Stangerson ngủ từ sau vụ “Hành Lang Không Hiểu Nỗi”, tóm tắt là kín hết xung quanh tất cả các phòng của cô Stangerson. Qua cách nài nỉ của ông ta, không những tôi hiểu ông Darzac nhờ tôi làm sao cho việc đột nhập phòng cô Stangerson không thực hiện nổi, nhưng còn làm sao cho nó “thật rõ ràng” là không thực hiện nổi, đến độ tên sát nhân hết hy vọng ra tay và biến mất không để lại dấu vết. Tôi hiểu ngầm như vậy nhờ câu cuối cùng ông chào từ biệt tôi như sau: “Khi tôi đi rồi, ông có thể nêu những nghi ngờ của ông về đêm nay với ông Stangerson, bố Jacques, Frédéric Larsan và tất cả mọi người ở lâu đài, rồi tổ chức màn lưới phòng vệ mà trước mắt thiên hạ, nó được thiết lập “do ý kiến một mình ông mà thôi”.

Nói xong ông ta quay gót, người đàn ông khốn khổ không còn biết mình nói gì trước sự im lặng của tôi, trước cặp mắt tôi nó “thốt lên” rằng tôi đã đoán được đến ba phần tư bí mật của ông rồi. Đúng, đúng lắm, ông ta chắc hẳn hết sức hoang mang phải đến tôi vào một lúc thế này và phải bỏ cô Stangerson ở lại, khi trong đầu ông nặng trĩu cái ý tưởng ghê gớm về sự trùng hợp.

“Ông đi khỏi, tôi bắt đầu suy nghĩ. Tôi nghĩ đến điều này: Mình phải khôn hơn chính cả cái trí khôn, làm sao cho tên sát nhân nếu nó đã quyết vào phòng cô Stangerson đêm nay, không một giây phút nào nó có thể ngờ rằng người ta đã đề phòng nó đến. Dĩ nhiên, phải ngăn cản nó bằng mọi giá kể cả cái chết, nhưng cần cho nó dần thân khá sâu để dù chết dù sống, người ta có thể nhìn rõ mặt nó! Vì phải kết thúc gấp phải giải phóng cô Stangerson thoát hẳn vụ mưu sát ngầm

ngầm này!

“Đúng đấy, anh bạn – Rouletabille nói tiếp sau khi đặt tẩu thuốc xuống bàn và cạn ly rượu táo – tôi cần phải thấy bộ mặt nó thật rõ, để chắc chắn cái mặt ấy có đi vào trong vòng tròn tôi đã vạch bằng cái đầu tốt của sợi dây lý luận trong óc tôi”.

Vừa lúc bà chủ quán bùng lên món trứng tráng thịt heo cổ truyền, Rouletabille tinh nghịch thả vài lời châm chọc và bà Mathieu tươi cười tiếp nhận một cách rất ư dễ thương. Anh nói:

“Lúc lão Mathieu nằm liệt giường, bà vợ cũng vui hơn nhiều so với khi lão khỏe mạnh!”

Nhưng tôi chẳng buồn để ý đến lời bông đùa của anh cũng như nụ cười của bà chủ quán. Tôi mãi thả hồn theo những câu sau chót của bạn tôi và công việc vận động của ông Robert Darzac. Khi anh đã thanh toán xong đĩa trứng tráng và chúng tôi chỉ còn lại hai đĩa với nhau, Rouletabille trở về với dòng tâm sự của anh:

- Lúc tôi gọi điện tín cho anh sáng nay, tôi còn lẫn lộn trong đầu câu nói của ông Robert Darzac “tên sát nhân” có lẽ sẽ đến đêm mai. Nhưng bây giờ thì tôi nói quyết với anh “chắc chắn” nó sẽ đến. Phải, tôi chờ nó đây.

- Cái chắc chắn của anh căn cứ vào đâu? Có phải do ngẫu nhiên.

- Thôi nín đi ông,- Rouletabille mỉm cười ngắt lời tôi – nín đi ông ơi, ông sắp sửa nói ẩu rồi đấy. Tôi tin chắc tên sát nhân sẽ đến, từ sáng nay cơ, lúc mười giờ rưỡi, nghĩa là trước khi ông tới, và do đó trước khi chúng ta trông thấy Arthur Rance ở cửa sổ sân trước lâu đài.

- A! Thật ư, nhưng tại sao anh tin như vậy từ lúc mười giờ rưỡi?

- Tại vì, lúc mười giờ rưỡi, tôi đã có bằng chứng cô Stangerson cũng thực hiện nhiều cố gắng để cho tên sát nhân lọt được vào phòng mình đêm nay, những cố gắng không thua kém những cố gắng của ông Robert Darzac khi nhờ tôi bố trí hàng rào cản không cho nó vào.

-Ồ! Có thể có chuyện đó ư? Tôi kêu lên kinh ngạc.

Rồi hạ giọng:

- Anh chẳng từng nói cô Stangerson yêu ông Robert Darzac tha thiết đó sao?

- Tôi nói thế với anh vì đó là sự thực.

- Vậy anh không thấy là kỳ quặc.

- Trong vụ này tất cả đều kỳ quặc, anh bạn ơi, nhưng anh bạn cứ tin cái kỳ quặc anh bạn biết chẳng nghĩa lý gì so với cái kỳ quặc đang đợi anh bạn đấy!.

Tôi cố nói thêm:

- Vậy phải chấp nhận rằng cô Stangerson và kẻ định giết cô có liên lạc với nhau, ít nhất là bằng thư từ.

- Cứ chấp nhận đi, bạn! Cứ chấp nhận đi! Bạn chẳng phải e ngại gì! Tôi đã kể bạn nghe chuyện lá thư trên bàn cô Stangerson, thư do tên sát nhân để lại trong đêm “Hành Lang Không Hiểu

Nỗi”. Lá thư đã biến vào túi cô Stangerson. Ai dám nói trong thư ấy, tên sát nhân không ra lệnh cho cô Stangerson phải cho nó một cái hện chắc chắn và sau cùng, nó lại không cho cô biết, “ngay khi nó đã yên tâm về chuyến đi của ông Darzac”, rằng “cái hện ấy phải ấn định vào đêm tới.”

Rồi anh bạn tôi lặng lẽ cười gằn. Có nhiều lúc tôi tự hỏi không biết anh ta có ý chế nhạo mình không. Cửa quán vụt mở. Rouletabille đứng bật dậy như chiếc ghế anh ngồi bị bắt điện.

“Ông Arthur Rance!” - Anh nói to. Arthur Rance đứng trước chúng tôi, bình tĩnh cúi chào.

Chương 20. Một Cử Chỉ Của Cô Stangerson

- Chào ông, ông nhận ra tôi đấy ư? Rouletabille hỏi con người quý phái.

- Nhận ra liền – Arthur Rance đáp – Tôi đã nhận ra anh, cậu bé con bên tủ rượu ngày nào. (Rouletabille giận đỏ mặt khi nghe mình bị gọi là cậu bé con) và tôi xuống đây để bắt tay anh. Anh là một cậu bé vui tính.

Người Mỹ giơ tay. Rouletabille chùng gân mặt, bắt tay khách và cười. Anh giới thiệu tôi, giới thiệu ông Arthur William Rance, mời ông ta cùng dùng bữa.

- Không, cảm ơn. Tôi ăn với ông Stangerson.

Arthur Rance nói tiếng chúng tôi rất sôi, hầu như không một chút dị âm.

- Thưa ông, tôi đã tưởng không còn hân hạnh gặp lại ông. Hình như ông đã sắp đặt để rời xứ chúng tôi hôm sau hoặc hôm sau nữa kể từ buổi chiều đãi ở Elysée cơ mà?

Rouletabille và tôi, bề ngoài làm bộ dừng dưng với cuộc gặp gỡ này nhưng thật ra chú ý từng lời của người Mỹ.

Da mặt ông ta nhẵn thín, tim tím, mí mắt nặng sụp, vài sợi gân giựt nhẹ nhẹ, tất cả xác minh, tất cả chứng tỏ một con sâu rượu. Làm sao con người hắc ám thể này là bạn cùng ăn cùng ở với ông Stangerson? Làm sao lão có thể kết thân với vị giáo sư danh tiếng?

Vài ngày sau tôi mới được biết, do Frédéric Larsan – Larsan cũng như chúng tôi, đã ngạc nhiên và thắc mắc về sự hiện diện của người Mỹ ở lâu đài, rồi tìm hiểu – rằng ông Rance mới nghiện rượu từ mười lăm năm nay, nghĩa là từ ngày ông giáo sư và cô con gái rời Philadelphie. Thời gian cha con ông Stangerson ở Mỹ, họ quen biết và năng lui tới Arthur Rance, một trong những nhà não tướng học nổi tiếng nhất Tân Thế Giới. Nhờ những thực nghiệm mới mẻ và tinh vi, ông ta đã đưa khoa học của Gall và Lavater tiến một bước dài. Cuối cùng, cần hiểu thái độ quan tâm nhanh nhẩu của Arthur Rance và cách tiếp đãi thân mật ông ta được hưởng ở Glandier có một nguyên nhân. Số là nhà bác học Mỹ trước kia đã có dịp liều mình nhảy tới ghìm cương mấy con ngựa kéo chiếc xe cô Stangerson đang lồng lên hung dữ, nhờ đó cô thoát nguy đến tính mạng. Có thể sau biến cố ấy, một tình bạn thăm thiết đã nảy sinh giữa Arthur Rance và con gái giáo sư, nhưng trong mọi quan hệ chẳng có gì để cho người ta nghĩ giữa hai người có một chuyện tình.

Frédéric Larsan lấy những tin này ở đâu? Ông ta không nói cho tôi hay. Nhưng ông ta gần như tin tưởng những gì mình biết được là đúng sự thật.

Nếu lúc Arthur Rance vào gặp chúng tôi ở quán “Vọng Lâu” mà chúng tôi đã biết những chi tiết nói trên thì có lẽ việc ông ta có mặt ở lâu đài đã ít làm chúng tôi thắc mắc hơn, nhưng dấu thể nào nó vẫn khiến chúng tôi quan tâm nhiều nữa đến nhân vật mới, người Mỹ, trạc bốn mươi lăm tuổi này. Ông ta trả lời rất tự nhiên câu hỏi của Rouletabille.

- Khi tôi hay tin về vụ mưu sát, tôi đã hoãn cuộc hành trình trở về Mỹ. Trước khi đi, tôi muốn được an tâm rằng cô Stangerson được cứu sống. Tôi chờ cô hoàn toàn bình phục rồi mới lên

đường.

Từ đây trở đi, Arthur Rance chủ động câu chuyện, tránh né một số câu hỏi của Rouletabille. Chẳng cần chúng tôi gợi ý, ông ta trình bày ý kiến riêng về tấn thảm kịch, những ý kiến theo tôi hiểu, không xa ý kiến của Frédéric Larsan, nghĩa là ông ta cũng nghi Robert Darzac “phải có liên quan trong vụ mưu sát”. Ông ta không hề chỉ đích danh Darzac nhưng chẳng cần phải là nhà đại thông thái cũng hiểu được đằng sau những lý lẽ ông ta đưa ra, có cái gì. Ông ta nói đã biết anh chàng Rouletabille cố gắng thế nào để mong gỡ mối bong bong ở “Căn Phòng Vàng”. Ông ta cũng kể giáo sư Stangerson đã cho ông ta biết những đột biến diễn ra trong “Hành Lang Không Hiểu Nỗi”. Cứ nghe ông ta nói, ai cũng đoán ra ông ta giải thích mọi sự qua Robert Darzac. Nhiều lần, ông ta ngó ý tiếc cho Robert Darzac đã “văng mặt ở lâu đài đúng vào lúc” có những thảm kịch như vậy diễn ra và chúng tôi biết lời ông ta nói phải được hiểu thế nào. Cuối cùng, ông ta đưa ý kiến cho rằng ông Darzac rất thông minh, rất khôn khéo nên mới đích thân đưa ông Rouletabille – người thế nào một ngày kia cũng tìm ra thủ phạm mưu sát, đến ở ngay tại chỗ. Ông ta nói câu chốt bằng giọng mỉa mai rõ rệt, đứng dậy chào chúng tôi và đi ra.

Qua khung cửa sổ, Rouletabille nhìn theo rồi nói:

- Con người kỳ cục!

Tôi hỏi anh:

- Liệu ông ta có ngủ đêm ở Glandier không?

Và tôi ngạc nhiên nghe anh trả lời: “Việc ấy đối với anh hoàn toàn không can hệ”.

Tôi xin bỏ qua thời dụng biểu buổi trưa của chúng tôi. Quý vị chỉ cần biết chúng tôi đã đi dạo trong rừng, rằng Rouletabille dẫn tôi đến hang nữ thánh Geneviève, và rằng trong suốt thời gian ấy bạn tôi cố ý nói toàn chuyện khác không phải chuyện đang làm anh bạn tâm. Trời tối. Tôi ngạc nhiên thấy anh không lo sắp xếp những việc tôi chờ đợi. Tôi nói ra nhận xét này khi đêm xuống và tôi đang ở trong buồng với anh. Anh trả lời tôi mọi việc đã bố trí đâu vào đấy cả và lần này tên sát nhân không sao thoát khỏi tay anh. Tôi tỏ ý hoài nghi, nhắc lại vụ nó biến mất trong hành lang lần trước và ám chỉ sự kiện ấy có thể tái diễn thì anh đáp rằng anh hy vọng thế và đó là tất cả điều anh ao ước đêm nay. Tôi không nói thêm vì đã biết do kinh nghiệm, có nói thêm cũng vô ích và không đúng lúc.

Anh tiết lộ rằng từ sáng sớm, anh và vợ chồng người gác cổng đã lo sắp xếp đầy đủ, lâu đài hiện được canh phòng chặt chẽ, không ai đến gần mà anh không được báo động ngay, và trường hợp không có ai ở ngoài vào thì anh càng yên tâm về mọi việc liên hệ tới người ở trong.

Lúc ấy là sáu giờ rưỡi, theo đồng hồ anh rút ở túi áo gi-lê ra. Anh đứng dậy, ra hiệu cho tôi đi theo, rồi chẳng cần ngó trước nhìn sau, chẳng thềm bước nhẹ gót chân, cũng không dặn tôi im lặng, anh dẫn tôi băng qua hành lang. Chúng tôi quẹo ra hành lang thẳng, đi dọc theo nó, qua luôn trước khoảng đầu cầu thang. Chúng tôi tiếp tục đi vào hành lang “cánh trái” qua cửa phòng giáo sư Stangerson. Ở đầu hành lang này, trước khi tới vọng lâu, có một phòng dành cho Arthur Rance. Chúng tôi biết thế vì trưa nay đã trông thấy ông ta ở khung cửa sổ phòng này mở ra sân trước. Cửa ra vào của nó ở chính giữa đầu hành lang vì căn phòng chặn ngang và ngắt đoạn hành lang phía bên này. Tóm lại, cửa ra vào phòng đối lập chính diện với khung cửa sổ

“đăng đông” ở đầu hành lang thẳng phía bên kia, cánh phải, chính chỗ trước đó Rouletabille đã cắt đặt bố Jacques. Khi ta quay lưng lại cửa ra vào phòng này, nghĩa là khi ta ở trong phòng đi ra, “ta trông thấy suốt dọc hành lang” hun hút: cánh trái, mặt trên đầu cầu thang và cánh phải. Tất nhiên, chỉ có hành lang ngoặt ở cánh phải là không thấy được.

- “Cái hành lang ngoặt này” – Rouletabille nói – tôi tự dành cho tôi. Còn anh, khi tôi yêu cầu, anh sẽ đến núp ở đây.

Anh dẫn tôi vào một ngăn nhỏ xíu, đen thui, hình tam giác, xây lồi ra hành lang, ở chệch bên trái cửa phòng Arthur Rance. Từ cái xó này, tôi có thể trông rõ mọi diễn biến ở hành lang, cũng dễ dàng như thể đứng trước cửa phòng Arthur Rance, mà cũng canh chừng được cả cửa phòng ông ta luôn, cửa ra vào căn buồng nhỏ này, nơi sắp làm đài quan sát cho tôi, có gắn những ô kính chưa bị mờ đục. Tất cả đèn ở hành lang đều thấp nên hành lang sáng choang, căn buồng nhỏ thì tối hù. Đúng là một vị trí chọn lọc cho một điệp viên trinh sát.

Bởi vì tôi đang làm gì ở đây, nếu không phải nghề gián điệp hoặc nghề cảnh sát hạ đẳng. Chắc chắn là tôi gớm ghét nó đây. Và ngoài tính nết bẩm sinh, còn lòng tự trọng nghề nghiệp của tôi nó phản đối một vụ “xuống chó” kiểu này chứ? Chao ôi, nếu vị thủ lãnh luật sư đoàn của tôi mà trông thấy tôi lúc này! Nếu ở Pháp đình mà người ta biết việc tôi làm ở đây thì Hội Đồng Luật Sư tính sao? Còn Rouletabille, hẳn đâu có ngờ rằng tôi có thể nghĩ đến từ chối công việc hẳn giao, và thực tế là tôi đã không từ chối. Tại vì, trước hết tôi sợ bị hắn coi là hèn nhát, sau tôi nghĩ mình vẫn có quyền tự do đi tìm sự thật ở khắp nơi tùy thích cơ mà. Sau rốt là muộn quá rồi, không rút lui được nữa. Tại sao tôi không cảm thấy lương tâm cắn rứt sớm hơn? Tại sao tôi không có những thắc mắc ấy từ trước? Tại vì óc tò mò trong tôi mạnh hơn tất cả.

Chưa hết. Tôi còn nói được rằng tôi sắp góp phần vào việc cứu mạng một người đàn bà, và không hề có quy luật nghề nghiệp nào cấm đoán một mục tiêu cao đẹp như vậy.

Chúng tôi sang bên kia hành lang, đi ngược lại. Vừa tới khu phòng cô Stangerson thì cửa phòng khách vụt mở, anh quản rượu đang lo hầu bàn bên trong bước ra. (Ông Stangerson và con gái ăn bữa tối trong phòng khách lâu nhất từ ba ngày nay) và vì cánh cửa để mở hé, chúng tôi thấy rõ cô Stangerson, lợi dụng một lúc vắng người đầy tớ và cha cô cúi xuống lượm vật gì cô đánh rơi, đang đổ chất gì đựng trong một ve nhỏ vào ly của ông Stangerson.

Chương 20. Mai Phục

Cái cử chỉ này làm tôi giật mình kinh hãi, nhưng Rouletabille thì dường như vẫn trơ trơ. Chúng tôi về buồng anh, rồi chẳng đá động mảy may đến cảnh tượng vừa bất chợt nhìn thấy, anh cho tôi những chỉ dẫn cuối cùng để thi hành đêm nay. Trước hết, chúng tôi đi ăn tối. Ăn xong, tôi phải vào căn buồng nhỏ và đen kịt, ở yên đó mà chờ chục kỳ cùng “để thấy một cái gì”. Bọn tôi cắt nghĩa:

“Nếu anh “thấy” trước tôi thì phải báo cho tôi biết ngay. Anh sẽ thấy trước tôi, nếu nó vào hành lang thẳng bằng một đường nào khác ngoài hành lang ngoặt, bởi vì anh nhìn bao quát hết hành lang thẳng, còn tôi, tôi chỉ trông được khúc hành lang ngoặt mà thôi. Để báo cho tôi hay, anh chỉ việc tháo cái dải vén màn của sổ ở hành lang thẳng, cái ở gần căn buồng đen nhất. Tấm màn sẽ tự động buông xuống che kín cửa sổ và tạo ra một hình vuông tối đen ở chỗ trước là hình vuông ánh sáng. Muốn làm việc này, anh chỉ cần thò tay ra ngoài buồng đen. Tôi, tôi ở trong hành lang ngoặt, chỗ đầu góc thẳng với hành lang thẳng. Qua các khung cửa sổ hành lang ngoặt, tôi trông thấy tất cả các hình vuông ánh sáng do các cửa sổ ở hành lang thẳng tạo ra. Khi cái hình vuông ánh sáng dùng làm ám hiệu cho chúng ta phụt tối thì tôi hiểu ngay.

- Rồi sao?

- Rồi anh sẽ thấy tôi xuất hiện ở góc hành lang ngoặt.

- Rồi tôi phải làm gì?

- Anh đi lại phía tôi ngay, đằng sau lưng nó, nhưng tôi đã chồm được tới nó và, biết rằng bộ mặt nó có đi vào cái vòng tròn của tôi không.

- Cái vòng anh “đã vẽ bằng đầu phải nắm của sợi dây lý luận” ấy ư? – Tôi tiếp câu anh đang nói với một nụ cười.

- Anh cười cái gì? Vô ích quá?. Thôi được, cứ cười đi cho vui, hãy lợi dụng vài giây phút còn lại này đi, vì xin cam đoan với anh, lát nữa đây, anh không còn dịp mà cười đâu!

- Thế ngộ nó trốn mất?

- Càng tốt! – Rouletabille điềm nhiên đáp – Tôi không chủ trương bắt nó. Nó có thể tẩu thoát bằng lối xuống cầu thang và băng qua gian tiền đình nhà dưới, trước khi anh tới được đầu cầu thang, vì anh ở tận cuối hành lang. Tôi thì tôi để cho nó chạy sau khi trông thấy mặt nó. Tôi chỉ cốt có thể. Cốt nhìn rõ mặt nó thôi. Tôi sẽ biết cách thu xếp sau, sao cho đối với cô Stangerson thì nó đã chết dù nó còn sống. Nếu tôi bắt sống nó, e rằng cô Stangerson và ông Robert Darzac sẽ không bao giờ tha thứ cho tôi! Mà tôi thì không muốn để mất lòng họ quý trọng mình. Họ là những con người quả cảm. Khi tôi trông thấy cô Stangerson bỏ thuốc mê vào ly rượu của cha để cho đêm nay ông không bị đánh thức dậy bởi câu chuyện cô sẽ phải nói với kẻ định giết cô, tôi muốn anh hiểu cho, lòng biết ơn của cô đối với tôi sẽ bị tổn thương, nếu tôi dẫn đến cho cha cô tên hung thủ trong vụ “Căn Phòng Vàng” và vụ “Hành Lang Không Hiểu Nỗi”, hai tay bị trói, miệng há hốc. Đêm xảy ra vụ “Hành Lang Không Hiểu Nỗi”, việc nó biến mất như có ma thuật có thể là hạnh phúc lớn lao cho cô. Tôi đã hiểu như vậy vì nhìn thấy mặt cô bỗng nhiên

rạng rỡ khi hay tin nó đã trốn thoát. Và tôi cũng hiểu rằng muốn cứu cô gái khốn khổ kia, thộp được cổ nó không bằng bắt nó phải cầm mồi, bắt luận bằng cách nào. Nhưng! Giết một con người! Đâu phải việc nhỏ. Vả chăng, việc ấy không liên can đến tôi trừ khi nó cho tôi cơ hội! Mặt khác, bắt nó cầm mồi mà người đàn bà không phải thổ lộ tâm can với mình, ấy mới là việc khó, trước hết phải đoán được ra tất cả từ một con số không! May thay, bạn tôi ơi, tôi đã đoán à không, đúng hơn, tôi đã lý luận và tôi chỉ đòi kẻ sẽ đột nhập nơi đây tối nay mang lại cho tôi cái bộ mặt để giác quan thu nhận được nó sẽ đi vào trong vòng tròn. Đúng đấy, và bộ mặt nó sẽ không làm tôi sửng sốt.

- Tôi tưởng anh thấy mặt nó rồi, trong cái đêm anh nhảy vào phòng.

- Đâu có rõ, cây nến để dưới đất, lại còn cả một hàm râu xồm.

- Té ra đêm nay nó sẽ không có râu nữa.

- Tôi tưởng có thể quả quyết nó. Nhưng lo gì, hành lang sáng lắm. Hơn nữa, bây giờ tôi biết rồi hay ít nhất, óc tôi biết rồi nên mắt tôi sẽ thấy.

- Nếu chỉ có việc nhìn thấy mặt nó và để nó tẩu thoát thì tại sao chúng ta phải mang vũ khí?

- Tại vì, hơi bạn thân mến, nếu hung thủ trong vụ “Căn Phòng Vàng” và vụ “Hành Lang Không Hiếu Nối”. Biết rằng tôi đã biết thì nó sẽ không từ việc gì mà không làm! Bởi thế, chúng ta phải lo tự vệ.

- Anh tin chắc tối nay nó đến không?

- Chắc như anh đang có mặt ở đây. Cô Stangerson, lúc mười giờ rưỡi sáng nay, bằng cách khéo léo nhất trần đời, đã thu xếp để đêm nay không có người gác bệnh. Với lý do chính đáng, cô cho họ nghỉ hăm bốn tiếng, và trong thời gian họ vắng mặt, cô chỉ chịu để cha cô canh chừng bên cô. Ông già sẽ ngủ ở phòng khách nhỏ của con gái. Ông nhận nhiệm vụ mới này rất vui vẻ biết ơn con. Sự trùng hợp chuyển đi của ông Robert Darzac (sau những lời ông nói với tôi) và những công việc dị thường cô Stangerson sắp đặt để tạo ra xung quanh mình một tình trạng cô đơn, không còn để lại chút nghi ngờ nào. Việc tên sát nhân đến đây, ông Darzac run sợ thì cô Stangerson chuẩn bị sẵn sàng.

- Dễ sợ thật.

- Phải.

- Và cái cử chỉ chúng ta bắt gặp cô làm ở bàn ăn là cử chỉ đánh thuốc mê ông già?

- Đúng.

- Rốt cuộc, để đối phó với vụ đêm nay, chúng ta chỉ có hai người?

- Bốn. Vợ chồng anh gác cổng cũng canh chừng mọi bất trắc. Tôi nghĩ việc họ tham dự chẳng có ích gì “trước”, nhưng anh chồng có thể được việc cho tôi “sau” nếu mình phải giết?

- Nghĩa là anh tin mình sẽ giết?

- Mình sẽ giết nếu nó muốn!

- Sao anh không tin cho bố Jacques? Hôm nay anh không dùng đến bố nữa ư?

- “Không.” Rouletabille đáp, giọng hơi xẵng.

Tôi im lặng một lúc, rồi nóng nảy muốn biết tận cùng tư tưởng của anh, tôi hỏi đột ngột:

- Sao anh không báo cho Arthur Rance? Ông ta có thể giúp mình nhiều lắm chứ.

- Ồi cha! Rouletabille gắt – anh muốn đem bí mật của cô Stangerson tiết lộ tùm lum hay sao?

Thôi ta đi ăn, đến giờ rồi. Tối nay, chúng ta ăn bên phòng Frédéric Larsan trừ phi ông ta còn đeo lấy gót chân Robert Darzac không chịu buông lời một bước. Nhưng kệ! Hiện giờ ông ta không có đây, nhưng nhất định đêm nay ông ta có mặt! Cho trắng mắt ra!

Bỗng có tiếng động ở phòng bên.

- Đó, chắc ổng rồi đó – Rouletabille nói.

- Tôi quên không hỏi anh – tôi chợt nhớ đến một việc – trước mặt nhà thám tử chúng ta không đá động gì đến trận đánh hôm nay chứ?

- Cố nhiên. Chúng ta hành động một mình, cho riêng phần chúng ta thôi.

- Và tất cả vinh quang sẽ về ta?

Rouletabille cười gằn:

- Ông nói đấy nhé, không phải tôi à!

Chúng tôi ăn tối với Frédéric Larsan, ở phòng ông. Chúng tôi sang bên ấy, đã gặp ông và được ông mời vào bàn. Bữa ăn diễn ra trong thân mật, cởi mở nhất trên đời, và tôi không khó khăn gì để hiểu đó là do niềm tin của Rouletabille và Frédéric Larsan, mỗi người một phía, tin rằng chỉ mình nắm được sự thật.

Rouletabille cho anh cả Fred biết tôi tự ý đến thăm anh, và anh giữ tôi lại để giúp anh một tay trong bài báo quan trọng mà anh phải giao ngay đêm nay cho tờ Thời Đại. Anh nói tôi sẽ trở lại Paris bằng chuyến xe lửa mười một giờ, đem theo bản thảo của anh, một loại phóng sự đăng làm nhiều kỳ trên nhật báo, trong đó anh tường thuật những giai đoạn chính về các bí ẩn ở Glandier. Larsan chỉ tủm tỉm cười như một người không dễ bị ai phỉnh gạt nhưng vì lễ độ, không muốn phát biểu về một chuyện không liên can đến mình. Với vô vàn ý tứ trong ngôn ngữ và cả trong âm giọng, Larsan cùng Rouletabille trao đổi với nhau khá dài về sự có mặt của ông Arthur W. Rance ở lâu đài, về quá khứ của ông ta bên Mỹ mà họ đều muốn biết thêm, ít ra về những quan hệ giữa ông ta với cha con giáo sư Stangerson. Đến một lúc, Larsan tự nhiên như khó ở, cố gắng lắm mới nói được:

- Ông Rouletabille, tôi tin chúng ta chẳng còn nhiều việc để làm ở Glandier và theo tôi, chúng ta sẽ không ngủ ở đây nhiều đêm nữa.

- Tôi cũng nghĩ thế, thưa ông Fred.

- Vậy ra ông bạn tin rằng vụ này đã kết thúc?

- Đúng thế, tôi tin nó đã kết thúc và chẳng còn gì mới mẻ cho chúng ta biết thêm.

Rouletabille đáp.

- Ông có sẵn một thủ phạm chưa? Larsan hỏi.

- Còn ông?

- Tôi có.

- Tôi cũng vậy.

- Cùng một người ư?

- Không, nếu ông không thay đổi ý kiến. Anh phóng viên trả lời nhà thám tử rồi tiếp, giọng danh thếp:

- Ông Darzac là một người hiền!

- Ông tin thế ư? Tôi thì tin ngược lại. Nghĩa là chúng ta khai chiến?

- Đúng, chúng ta khai chiến. Và tôi sẽ hạ ông, thừa ông Frédéric Larsan.

- Tuổi trẻ chẳng biết e dè. – Anh cả Fred chấm dứt màn đối thoại và bắt tay tôi.

Rouletabille đáp lễ như một tiếng vang:

- “Chẳng biết e dè!”

Nhưng Larsan vừa đứng dậy để chào từ biệt chúng tôi thì bỗng đưa hai tay ôm ngực lão đảo. Ông ta mặt tái xanh phải vịn vào Rouletabille để khỏi té.

- Ồ! Ồ! Tôi sao thế này? Bị đầu độc chẳng?

Nhà thám tử nhìn chúng tôi, mắt thao láo, hỏi thế nào cũng không nói. Ông ta buông mình rơi phịch vào chiếc ghế bành, nhất định không hé răng. Chúng tôi lo ngại vô cùng, vừa lo cho ông ta vừa lo cho mình. Vì chúng tôi đã ăn tất cả các món Frédéric Larsan đựng tới. Hai đứa tôi rối rít xoay quanh ông ta. Bây giờ hình như ông ta không đau đớn nữa nhưng cái đầu nặng nề ngoẻo xuống bên vai, cặp mí mắt sùm sụp không để chúng tôi thấy cái nhìn của ông ta ra sao. Rouletabille cúi xuống ngực anh cả nghe tim.

Lúc anh đứng dậy, bộ mặt đã hết hoảng hốt. Anh nói:

- Ông ta ngủ!

Rồi anh kéo tôi về phòng mình sau khi khép kín cửa phòng Larsan.

- Thuốc mê hả? – Tôi hỏi – Té ra cô Stangerson định cho mọi người tối nay ngủ say hết?

- Có thể. Rouletabille trả lời lơ đãng, trong đầu nghĩ chuyện khác.

- Nhưng còn chúng ta? Chúng ta? – Tôi kêu lên – Biết đâu chúng ta chẳng đã nuốt một liều thuốc mê như vậy?

- Anh thấy khó chịu à? Rouletabille lạnh lùng hỏi.

- Đầu có!

- Anh có buồn ngủ không?

- Tuyệt nhiên không.

- Vậy thì bạn ơi! Bạn hãy hút điếu xì gà hảo hạng này đi.

Và anh đưa cho tôi một điếu Havana loại ngon nhất đã được ông Darzac mời nhưng chưa hút. Còn anh, anh quẹt lửa đốt ống vỏ chiếc ống vỏ muôn đời không xa anh.

Cứ như thế chúng tôi ở trong phòng này đến mười giờ, không ai nói với ai. Rouletabille ngồi thu lu trong ghế bành rít tẩu thuốc không ngừng, trán nhăn, mắt nhìn xa vắng. Đến mười giờ, anh tháo giày, nhìn tôi, ra một dấu hiệu. Tôi hiểu và cũng bắt chước anh, tháo giày. Khi cả hai chỉ còn mang tất ngắn, anh ghé tai tôi nói một tiếng, khẽ đến nỗi tôi đoán hơn là nghe:

- “Súng”.

Tôi rút khẩu súng lục trong túi áo vét ra cầm tay.

- “Đạn”! Anh nói tiếp.

Tôi lên đạn.

Rồi anh đi ra mở cửa phòng hết sức nhẹ, hết sức thận trọng. Cánh cửa không rên một tiếng. Chúng tôi đã ở hành lang ngoặt. Rouletabille lại ra một dấu nữa. Tôi hiểu là phải vào vị trí căn buồng đen. Tôi đi được mấy bước thì Rouletabille theo kịp và ôm tôi hôn rồi cũng vô vàn thận trọng như trước, anh quay lại, vào phòng mình. Ngạc nhiên về cái hôn bất thường và cũng hơi lo, tôi rẽ vào hành lang thẳng và đi dọc theo nó không gặp gì trở ngại. Tôi lướt qua mặt cầu thang đi tiếp hành lang thẳng bên cánh trái, cho tới căn buồng đen. Trước khi bước vào buồng đen, tôi ghé lại nhìn kỹ cái dải vén màn cửa sổ bên cạnh. Quả nhiên, tôi chỉ việc đụng ngón tay vào là tấm màn buông ngay xuống “che mắt Rouletabille hết thấy hình vuông ánh sáng”. Âm hiệu đã ước định. Có tiếng chân người làm tôi dừng lại trước cửa phòng Arthur Rance.

“Lão này chưa đi ngủ ta? Nhưng lão còn ở lâu dài? Sao không ăn tối với cha con cô Stangerson? Ít nhất tôi cũng đã không trông thấy lão ngồi ở bàn ăn lúc chúng tôi bắt gặp cử chỉ lạ của cô Stangerson.

Tôi vào buồng đen. Chỗ núp thật tốt. Tôi nhìn được suốt hành lang thẳng sáng trưng như ban ngày.

Thật đúng không thể xảy ra chuyện gì ngoài đó mà thoát được mắt tôi. Nhưng chuyện gì sắp xảy ra ngoài đó? Nghiêm trọng lắm thì phải.

Lại nhớ đến cái hôn đáng ngại của Rouletabille.

Người ta chỉ hôn bạn như vậy trong những dịp lớn hoặc khi bạn sắp lâm nguy! Vậy ra tôi sắp lâm nguy?

Bàn tay tôi xiết chặt báng súng. Tôi đợi. Tôi chẳng phải một đấng anh hùng nhưng cũng không phải tên hèn nhát.

Tôi đợi khoảng một tiếng đồng hồ. Trong tiếng đồng hồ ấy; tôi không thấy gì lạ. Bên ngoài,

mưa dữ dội từ mười giờ tối, bây giờ đã tạnh.

Bạn tôi đã cho biết có thể chẳng xảy chuyện gì trước nửa đêm hoặc một giờ sáng. Thế nhưng, chưa quá mười một rưỡi thì phòng Arthur Rance mở. Tôi nghe một tiếng két nhẹ. Có thể nói người bên trong đẩy ra hết sức thận trọng. Cánh cửa để mở một lúc mà tôi cảm thấy quá lâu. Bởi lẽ cánh cửa mở ra hành lang, nghĩa là đẩy ra ngoài phòng, nên tôi chẳng nhìn thấy gì ở trong phòng cùng như ở đằng sau cánh cửa để mở. Đúng lúc ấy, tôi nghe một tiếng kêu quái dị phát ra lần này là lần thứ ba, từ phía hoa viên vắng lại. Trước, tôi không cho là quan trọng, như người ta thường nghe tiếng mèo hoang gào trên các máng xối, ban đêm. Nhưng lần thứ ba này, tiếng mèo thật trong và thật “đặc biệt” khiến tôi nhớ lại những gì đã nghe kể về tiếng gào của “Con Thú Nhà Trời”. Vì lẽ cho tới hôm ấy tiếng gào luôn đi kèm mọi thảm kịch diễn ra ở Glandier nên tôi không sao nghĩ đến mà không cảm thấy ớn lạnh. Tức thì, phía bên kia cửa, tôi thấy xuất hiện một người đàn ông đang đóng cửa. Thoạt đầu, tôi không nhận ra y, vì y quay lưng lại tôi và cúi xuống một chiếc ba-lô khá lớn. Đóng cửa xong, y mang ba-lô quay mặt về phía buồng đen và tôi nhìn ra y là ai. Kể giờ này vừa ra khỏi phòng Arthur Rance “là gã bảo vệ”. Đó là “gà áo xanh”. Gã vẫn mặc bộ đồ tôi thấy khi gã đi trên đường cái trước quán “Vọng Lâu” vào ngày đầu tôi đến Giandier, và cũng đã mang bộ đồ ấy trong buổi sáng Rouletabille và tôi ở lâu đài đi ra thì gặp gã. Còn gì ngờ vực, đây đúng là gã bảo vệ. Tôi nhìn thấy gã hết sức rõ. Gã có vẻ lo sợ ra mặt. Khi tiếng gào của “Con Thú Nhà Trời” ngoài kia vang lên lần thứ tư, gã đặt ba-lô trong hành lang, đến bên khung cửa sổ thứ hai đếm từ buồng đen. Tôi sợ lộ, đứng im không động đậy.

Đến cạnh cửa sổ, gã tỳ trán vào nhưng ô kính đã đục mờ và phóng tầm mắt vào màn đêm ngoài hoa viên. Gã đứng đó khoảng nửa phút, cảnh trời đêm lúc sáng lúc tối, vì mặt trăng rất tỏ, thỉnh thoảng lại ẩn trong một áng mây to. Gã “áo xanh” giơ cao cánh tay hai lần, làm những dấu mà tôi không hiểu, đoạn gã rời cửa sổ, lại mang ba-lô theo hành lang đi về phía cầu thang.

Rouletabille đã dặn tôi: “Khi thấy cái gì đó, anh hãy rút cái dải vén màn cửa sổ”. Kìa, tôi đang nhìn thấy cái gì đó. Có phải cái Rouletabille chờ đợi đây không? Việc ấy không phải việc của tôi. Việc của tôi là thi hành lời anh căn dặn. Tôi thò tay cởi nút vén màn cửa sổ. Tim tôi đập thình thình. Gã đã tới khoảng đầu cầu thang, nhưng tôi kinh ngạc xiết bao, cứ tưởng gã tiếp tục đi thẳng trong hành lang sang cánh phải, nào ngờ gã bước vào cầu thang dẫn xuống gian tiền đình.

Làm sao đây! Tôi ngẩn ngơ nhìn tấm màn buồng lấp cửa sổ. Âm hiệu làm rồi mà không thấy Rouletabille xuất hiện ở góc hành lang ngoặt. Chẳng có gì xảy ra. Tôi phân vân quá. Nửa giờ trôi qua đối với tôi dài bằng thế kỷ? Làm sao bây giờ, dù có thấy gì khác nữa? Âm hiệu làm rồi, không thể làm lại lần thứ hai. Mặt khác, tôi mà đi vào hành lang bây giờ có thể làm đảo lộn kế hoạch của Rouletabille. Dù sao, tôi đâu có gì đáng phiền trách. Nếu xảy ra sự gì mà bạn tôi không chờ đợi thì anh chỉ có tự trách mình. Nhận thấy không còn thật sự có khả năng giúp đỡ gì vào việc báo động cho bạn, tôi đánh liều một còn một mất: tôi ra khỏi căn buồng đen và chân vẫn mang tất ngắn, tôi nhón bước đi vào hành lang ngoặt.

Chẳng có ai ở hành lang ngoặt. Tôi tiến lại cửa phòng Rouletabille. Tôi nghe ngóng không một tiếng động. Tôi gõ cửa thật nhẹ. Không thấy gì. Tôi xoay quả đấm, cửa mở. Tôi bước vào phòng. Rouletabille nằm sõng sượt đo ván sàn nhà.

Chương 22. Xác Chết Không Ngờ

Tôi hoảng hồn cúi xuống dòm anh phóng viên dưới đất và mừng rỡ thấy anh chỉ ngủ say! Một giấc ngủ mê man và bệnh hoạn mà tôi đã thấy ở Frédéric Larsan. Thì ra bạn tôi cũng là nạn nhân của liều thuốc mê trộn trong thức ăn bữa tối. Nhưng còn tôi, tại sao tôi không chung số phận? Ngẫm nghĩ một chút rồi tôi hiểu ra. Chất thuốc mê đã được bỏ vào rượu vang hoặc nước lạnh, vì mọi sự được xác minh: “Tôi không quen uống trong bữa ăn”. Bởi tôi được ông trời phú cho một thân hình tròn trĩnh hơi sớm nên tôi theo chế độ ăn khô, như ta thường nói. Tôi nắm vai Rouletabille lay thật mạnh nhưng không tài nào làm cho được anh mở mắt được. Giấc ngủ này còn gì nữa mà ngờ, chính là tác phẩm của cô Stangerson.

Chắc cô nghĩ, hơn cả cha mình, cô phải e sợ bị anh chàng này canh chừng, một người trông xa thấy hết, hiểu biết tất cả! Tôi chợt nhớ ra anh quản rượu trong một lúc làm nhiệm vụ có giới thiệu với chúng tôi một thứ rượu Chablis tuyệt ngon và chắc nó đã được bày trên bàn ăn của ông giáo sư và con gái.

Hơn một khắc trôi qua như vậy. Rồi tôi quyết định, trong hoàn cảnh cực kỳ căng thẳng lúc này chúng tôi cần tỉnh táo, vậy phải dùng biện pháp mạnh. Tôi vớ một bình nước lạnh xối lên đầu Rouletabille.

Anh mở mắt, góm chưa! Một cặp mắt lơ đãng, không sức sống, không tinh thần. Nhưng đây chẳng phải đã là thắng lợi đầu tiên ư? Tôi muốn bổ túc cho nó đầy đủ. Bèn vung tay đánh hai cái tát vào hai má Rouletabille rồi nâng anh dậy. Sung sướng thay, tôi cảm thấy anh ngộ nguây trong vòng tay và nghe anh thì thầm: “Cứ tiếp tục đi, nhưng đừng gây nhiều tiếng động như thế!” Cứ tiếp tục tát tai mà không gây tiếng động đối với tôi là việc không làm được. Tôi đành cầu, véo, lay lắc anh đủ mọi chiều và anh cũng đứng được trên hai chân vững chãi. Chúng tôi thoát nạn!

“Mình bị thuốc mê – anh nói – Nó hành mình một lúc lâu dễ sợ trước khi ngủ thiếp đi, nhưng thời giờ hết rồi! Anh ở đây với tôi, đừng bỏ đi nghe!

Anh chưa kịp dứt câu thì tai chúng tôi đã muốn rách toang màng nhĩ bởi một tiếng thét kinh hồn rung chuyển cả lâu đài, một tiếng thét vọng lên từ cõi chết.

“Khốn khổ! – Rouletabille rú lên kinh hoảng – Chúng ta đến trễ quá rồi!”

Anh định nhào ra cửa nhưng luồng cuống thế nào lại té dúi vào tường. Còn tôi, tôi đã vọt ra hành lang, súng trong tay nắm chắc. Tôi nhắm phòng cô Stangerson chạy như điên. Đúng lúc tới giao điểm hành lang ngoặt với hành lang thẳng, tôi thấy một người thoát ra từ khu phòng cô Stangerson và chỉ vài bước nhảy nó đã tới đầu cầu thang. Tôi không chủ động được tay chân mình nữa. Phát súng nổ vang trong hành lang chói tai nhưng tên kia tiếp tục những bước nhảy điên cuồng đã thụt xuống cầu thang. Tôi đuổi theo nó, hét to: “Đứng lại! Đứng lại! Không tao giết mày!”. Khi đến lượt tôi sắp lao xuống cầu thang thì thấy trước mắt mình, Arthur Rance từ cuối hành lang chạy đến miệng la bài hãi: “Cái gì thế? Cái gì thế?”.

Ông Arthur Rance và tôi xuống tới chân cầu thang hầu như cùng một lúc. Cửa sổ gian tiền đình mở, chúng tôi thấy rõ hình dáng tên gian chạy trốn. Theo trực giác, chúng tôi nhất tề nổ

súng về phía nó. Nó chạy trước chúng tôi không đầy mười mét. Nó loạng choạng và chúng tôi đã tưởng nó té đến nơi. Chúng tôi bay qua cửa sổ nhưng gian phi lại chạy tiếp với một cường lực mới. Tôi mang tất ngắn, còn ông bạn Mỹ thì chân không, chẳng hy vọng gì đuổi kịp nó!" Chúng tôi bắn nốt mấy viên đạn cuối cùng. Nó vẫn chạy. Nhưng nó chạy sang phía hữu sân trước về đầu cánh phải lâu đài, trong cái góc xung quanh toàn hố sâu và hàng rào cao không thể thoát thân, trong cái góc không có lối thoát nào khác "trước mặt chúng tôi" ngoài cửa ra vào căn phòng nhỏ đội bao lơn, gã bảo vệ ở bây giờ.

Kẻ gian mặc dầu không thể không bị thương do đạn chúng tôi bắn trúng, hiện bỏ xa chúng tôi tới hai mươi mét. Đột nhiên, đằng sau và trên đầu chúng tôi, một cửa sổ ở hành lang mở toang, và tiếng Rouletabille hét lên, tuyệt vọng:

- Bắn đi, Bernier! Bắn đi!

Và trời đêm đang sáng, lúc này là sáng trăng, lại lóe ra một tia chớp.

Qua tia chớp ấy, chúng tôi thấy anh Bernier súng cầm tay đứng ở cửa Vọng Lâu.

Anh Bernier đã ngắm trúng đích. "Bóng người gục ngã". Nhưng vì nó đã tới đầu cánh phải lâu đài, nên nó lộn sang bên kia tòa nhà, nghĩa là chúng tôi trông thấy nó té, nhưng nó lại lăn ra đất ở bên kia bức tường khiến chúng tôi không thấy được. Bernier, Arthur Rance và tôi cùng tới chỗ bên kia bức tường ấy, hai mươi giây sau. "Bóng người nằm chết dưới chân chúng tôi".

Chắc hẳn bị tiếng người la, tiếng súng nổ đánh thức ra khỏi giấc mê, Larsan mở cửa sổ phòng mình và thét hỏi chúng tôi như Arthur Rance lúc nãy:

- Cái gì thế? Cái gì thế?

Còn chúng tôi, chúng tôi cúi nhìn bóng người. Cái bóng đen bí mật của tên sát nhân đã chết.

Rouletabille bây giờ đã tỉnh hẳn, xuống nhập bọn. Tôi la lên bảo anh:

- Nó chết rồi! Nó chết rồi!

- Càng tốt – anh đáp – nhờ các vị khiêng nó vào tiền đình lâu đài đi.

Nhưng bỗng anh đổi ý:

- Thôi! Thôi! Chúng ta đem đặt nó trong phòng anh bảo vệ.

Rouletabille đập cửa phòng gã bảo vệ. Không có tiếng bên trong trả lời. Với tôi, chẳng có gì lạ, dĩ nhiên.

- Rõ ràng không có ở nhà – anh phóng viên nói – nếu có tất đã ra mở cửa! Thôi ta khiêng nó vào tiền đình vậy.

Từ lúc chúng tôi đến chỗ "bóng người nằm chết", đêm tự nhiên tối quá là tối, vì có đám mây quá to bay qua mặt trăng, tối đến mức chúng tôi chỉ rờ được vào người xác chết mà không phân biệt đường nét, vóc dáng. Mắt chúng tôi thì nôn nóng muốn xem ngay cái mặt nó cho biết là ai. Bỗng Jacques vừa tới, giúp chúng tôi khiêng cái xác vào tận trong tiền đình lâu đài. Đến nơi, chúng tôi đặt nó nằm trên bậc thứ nhất cầu thang. Trong lúc đi đường, tôi cảm thấy ướt hai

bàn tay do máu từ những vết thương chảy ra còn nóng.

Bố Jacques chạy xuống bếp rồi trở lên với một cây đèn. Bố cúi nhìn vào mặt cái “bóng người chết”, và chúng tôi nhận ra gã bảo vệ, người mà chủ quán “Vọng Lâu” gọi là “gã áo xanh” và một giờ trước đây tôi đã thấy ở trong phòng Arthur Rance đi ra, mang theo chiếc ba lô. Nhưng, những gì tôi đã nhìn thấy tôi chỉ có thể kể lại với Rouletabille mà thôi, và tôi đã kể, mấy phút sau đó. – Tôi không thể bỏ qua không nói đến vẻ ngơ ngác – đúng hơn, nỗi thất vọng đau đớn – hiện rõ trên mặt Joseph Rouletabille và Frédéric Larsan, ông này cũng đã xuống nhập bọn với chúng tôi trong tiền đình. Hai người sờ nắn tử thi, ngó trân trân vào mặt xác chết, nhìn bộ quần áo xanh của gã bảo vệ, cả hai cứ nhắc đi nhắc lại một câu: “Không thể được! Không thể được!”

Rouletabille còn thét lớn:

- Thế này thì có mà trời hiểu!

Bố Jacques bộc lộ một nỗi đau đớn kỳ cực kèm theo những câu than thở lổ lảng. Bố nhất định người ta đã lầm, gã bảo vệ không thể là kẻ mưu giết cô chủ mình. Chúng tôi phải gắt lên bố mới im. Giá con trai bố bị giết bố cũng rên rỉ đến thế là cùng. Tôi cho cái lối bày tỏ quá đáng nỗi đau thương của bố là do bố sợ người ta nghi bố sẽ lấy cái chết bi thảm này làm một sự vui mừng, vì ai cũng biết bố Jacques vốn ghét gã bảo vệ. Tôi nhận thấy tất cả chúng tôi ở đây ai cũng lôi thôi luộm thuộm, người thì áo quần xốc xếch, kẻ đi chân không hoặc chỉ mang bít tất, riêng mình bố Jacques quần áo chỉnh tề.

Nhưng Rouletabille chưa chịu buông xác chết. Quỳ gối trên sàn đá gian tiền đình, có bố Jacques soi đèn, anh cởi áo gã bảo vệ! Lộ trần khoảng ngực. Ngực người chết đầm máu.

Rồi đột nhiên, anh giựt cây đèn trong tay bố Jacques, rọi ánh sáng vào phần vết thương há miệng. Đoạn anh đứng lên, và bằng giọng lạ lùng, một giọng chua cay man rợ, anh tuyên bố:

- Người mà quý vị đình ninh đã bị hạ sát bằng đạn súng lục với đạn chì, đã chết vì một nhát dao đâm thấu tim!

Một lần nữa tôi tưởng Rouletabille phát điên và tôi cũng cúi nhìn xác chết. Rồi tôi cũng phải công nhận quả thực thân thể gã bảo vệ không hề có một vết thương nào do đạn súng gây ra mà chỉ có vùng tim mang một đường rạch do một lưỡi dao bén nhọn thọc vào.

Chương 23. Hai Dấu Chân Sóng Bước

Tôi chưa kịp bình tĩnh lại sau cơn sửng sốt trước một phát giác lý kỳ dường ấy thì bạn tôi đã đến vỗ vai:

- Đi theo tôi!
- Đi đâu? Tôi hỏi.
- Về buồng tôi.
- Làm gì?
- Suy nghĩ

Phần tôi, xin thú thực, tôi đang ở một trạng thái hoàn toàn bất lực, không những không thể suy nghĩ, mà còn không sao nghĩ ngợi về việc gì được cả. Và trong cái đêm bi thảm này, sau những biến động hãi hùng không mạch lạc, tôi khó mà hiểu nổi, làm sao giữa xác chết gã bảo vệ và cô Stangerson có thể đang hấp hối, Joseph Rouletabille vẫn cứ đòi “suy nghĩ”. Vậy mà anh suy nghĩ thật, suy nghĩ với cái điềm đậm của những võ tướng giữa các trận giao phong. Anh đẩy cửa phòng mình, chỉ cho tôi chiếc ghế bành, ngồi đĩnh đạc trước mặt tôi và dĩ nhiên, mời tôi hút thuốc. Tôi nhìn xem anh suy nghĩ, rồi tôi ngủ thiếp đi. Khi tôi tỉnh dậy thì trời đã sáng. Đồng hồ tôi chỉ tám giờ.

Rouletabille không còn ở đó. Chiếc ghế bành trước mặt tôi trống không. Tôi đứng dậy, vừa bắt đầu vươn vai co căng cho giãn gân cốt thì cửa phòng xịch mở, bạn tôi trở về. Nhìn mặt anh, tôi biết ngay trong lúc tôi ngủ, anh đã không bỏ phí thì giờ.

- Cô Stangerson thế nào? Tôi hỏi liền tức thì.
- Nguy lắm, nhưng không tuyệt vọng.
- Anh ở đây đi lâu chưa?
- Lúc rạng đông.
- Đã làm việc?
- Nhiều lắm.
- Phát hiện được gì?
- Hai loại dấu chân rất đáng chú ý “và suýt nữa nó làm phiền tôi.”
- Bây giờ nó không còn làm phiền anh?
- Không.
- Nó giải thích được gì chẳng?
- Đúng.
- Liên hệ tới “xác chết không ngờ” của gã bảo vệ?

- Đúng, cái xác ấy bây giờ hoàn toàn “ngờ được”. Sáng nay, trong lúc đi một vòng quanh lâu đài, tôi phát hiện hai thứ dấu chân rõ rệt, in vào đất đêm qua “cùng một lúc”, bên cạnh nhau. Nhất định không thể khác, vì nếu hai bước chân đã đến kẻ trước người sau theo cùng một đường đi thì cái sau thế nào cũng có lúc đạp lên cái trước, nhưng ở đây không hề có như vậy. Dấu chân nọ không bao giờ in lên dấu chân kia. Không, đó là những bước chân của hai kẻ “dường như đang trò chuyện cùng nhau”. Hai kiểu dấu chân này lìa xa các dấu chân khác, đi về khoảng giữa sân trước lâu đài rồi ra ngoài sân đi về khu rừng sồi. Tôi rời sân trước, mắt còn mãi nhìn con đường mới tìm ra thì Frédéric Larsan đến. Ông ta hăm hở chú ý ngay đến công việc tôi đang làm, vì cái dấu chân kép này quả thật đáng cho ta chú ý. Ta thấy lại ở đây hai kiểu dấu chân trong vụ “Căn Phòng Vàng”: Dấu chân thô lỗ và dấu chân thanh lịch. Duy có điều khác: Vụ “Căn Phòng Vàng”, dấu chân thô lỗ chỉ đi ra bờ hồ gặp dấu chân thanh lịch rồi cùng biến mất – Larsan và tôi đã kết luận rằng hai thứ dấu chân ấy do cùng một người tạo ra, kẻ đó chỉ việc đổi giày mà thôi – ở đây, dấu chân thô lỗ và dấu chân thanh lịch đi sóng đôi. Một nhận xét như vậy quả thật làm đảo lộn những gì tôi đã tin chắc lúc trước. Hình như Larsan cũng nghĩ như tôi. Bởi vậy, chúng tôi cùng cong lưng nhìn xuống các dấu chân dưới đất chẳng khác hai con chó đánh hơi kiếm mồi. Tôi rút bóp lấy ra những mảnh đế giày bằng giấy. Để thứ nhất tôi cắt theo đôi giày của bố Jacques do Larsan tìm thấy, nghĩa là cắt theo dấu chân thô lỗ, cái đế thứ nhất ấy so đo với một trong hai dấu chân dưới mắt chúng tôi với một trong hai dấu chân dưới mắt chúng tôi thì hoàn toàn vừa khít. Để thứ hai là hình cắt theo “dấu chân thanh lịch” cũng vừa khít với đế kia, chỉ hơi khác chút xíu ở mũi. Tóm lại, cái dấu chân thanh lịch mới này chỉ khác cái dấu bên bờ hồ ở chỗ mũi chiếc giày cao cổ. Chúng tôi không thể kết luận nó thuộc về cùng một người, nhưng cũng không thể khẳng định nó không thuộc về người đó. Kẻ kia có thể không mang đôi giày cũ nữa.

Tiếp tục lần theo dấu chân kép này, Larsan và tôi ra khỏi khu rừng sồi, té ra lại đến bờ hồ, chỗ mình đã đến trong cuộc điều tra lúc trước. Nhưng lần này, không dấu chân nào dừng lại ở đây, và cả hai leo lên đường mòn kéo một mạch tới đường cái đi Epinay. Đến đây, chúng tôi đứng một quãng đường mới rải đá, chả còn vết tích gì, đành trở về lâu đài, dọc đường không trao đổi với nhau một tiếng.

Vào trong sân trước, chúng tôi chia tay nhau. Nhưng vì dòng suy tưởng cùng lần theo một hướng nên chúng tôi lại gặp nhau trước cửa phòng bố Jacques.

Ông già đã đi nằm, mớ quần áo cởi ra liệng trên một chiếc ghế trông thật là thảm hại. Đôi giày của bố, đôi giày giống hệt đôi chúng tôi đã biết, bê bết bùn đất một cách lạ. Chắc chắn không phải vì giúp chúng tôi khiêng xác gã bảo vệ từ cuối sân vào gian tiền đình, rồi sau vào bếp lấy đèn mà bố Jacques đã đạp giày xuống bùn bê bối thế kia với mớ áo quần ướt nhẹp, bởi lúc ấy trời không mưa. Nhưng trời đã có mưa trước đó và cũng có mưa sau đó.

Mặt mũi bố cũng chẳng lấy gì làm đẹp. Nó tố cáo một tình trạng mệt mỏi cực kỳ, cặp mắt nhấp nháy vừa thấy chúng tôi đã ánh lên tia sợ hãi.

Chúng tôi gạn hỏi bố. Thoạt đầu, bố trả lời đã đi ngủ ngay khi ông thầy thuốc, do anh quản rượu đi mời, đến lâu đài. Nhưng chúng tôi chứng minh bố nói dối và dồn bố đến chỗ phải thú nhận quả thật có ra khỏi lâu đài. Cố nhiên, chúng tôi đòi biết lý do. Bố trả lời bị nhức đầu, cần hô hấp khí trời mát mẻ, nhưng bố không đi quá khu rừng sồi. Chúng tôi liền mô tả suốt quãng

đường bờ đã đi, tả thật đúng, như thể chúng tôi trông thấy bờ đi từng bước, ông già nhồm người ngồi bật dậy và bắt đầu run.

“Bờ không đi một mình”, Larsan lớn tiếng.

- Vậy ra ông đã nhìn thấy nó?

- Ai? Tôi hỏi

- Thì con ma đen!

Đến đây, bờ Jacques đành kể lẽ sự tình, rằng từ mấy đêm nay, bờ trông thấy con ma đen. Nó xuất hiện trong vườn hoa đúng nửa đêm và chập chờn lướt qua những rặng cây nhanh không thể tưởng. Nó làm như xuyên thủng thân cây mà đi. Hai lần, qua khung cửa sổ, bờ Jacques trông thấy nó nhờ sáng trăng. Bờ đứng dậy và quả quyết đi săn con ma hiện hình kỳ quái này.

Đêm hôm kia, chút xíu nữa bờ đuổi kịp nó, nhưng rồi nó biến mất ở góc Vọng Lâu. Cuối cùng, đêm nay, bờ ra khỏi lâu đài, óc còn băn khoăn về vụ án mạng vừa xảy ra thì thấy nó thành linh xuất hiện giữa sân trước, con ma đen. Lúc đầu, bờ thận trọng đi theo nó xa xa, sau tiến đến gần hơn, thế là bờ làm hẵn một vòng quanh khu rừng sồi, bờ hồ, tới bờ con đường đi Epinay, “Đến đây, con ma vụt biến mất”.

- Bờ không thấy mặt nó ư? Larsan hỏi.

- Không! Tôi chỉ thấy những tấm mạng đen.

- Và sau những biến động trong hành lang, bờ không nhảy xổ vào nó?

- Tôi nhảy sao được. Tôi hoảng quá! Chỉ nội việc đi theo nó tôi đã tưởng không đủ sức.

- Bờ đâu có đi theo nó, bờ Jacques – tôi xen vô, giọng đe dọa – bờ cùng con ma khoác tay nhau, sóng bước đến tận con đường cái đi Epinay!

- Không đúng! – Bờ hét to – mưa ào xuống như trút nước. Tôi quay về. Tôi không biết con ma đen ra sao.

Mất bờ rồi tôi nhìn chỗ khác. Chúng tôi trở gót ra khỏi phòng.

Khi đã ở bên ngoài:

- Đồng lõa? – Tôi hỏi với một giọng khác thường, nhìn thẳng vào mặt Larsan mong bắt được ý nghĩ sâu kín của ông ta.

Larsan giơ hai tay lên trời:

- Làm sao biết? Làm sao biết, trong một vụ án như vụ này? Mới hăm bốn giờ trước đây, tôi định ninh không có vấn đề đồng lõa.

Rồi ông ta từ giã tôi, nói sẽ rời lâu đài ngay để đi Epinay.

Rouletabille kết thúc câu chuyện của anh. Tôi hỏi:

- Thế sao? Tất cả những cái đó đi đến kết luận nào? Riêng tôi, tôi chẳng thấy gì hết. Chẳng

hiếu gì hết! Rốt cuộc, anh biết những gì?

- Tất cả! – Anh cao giọng – Tất cả!

Chưa bao giờ tôi thấy mặt anh rạng rỡ như lúc ấy.

Anh đứng dậy nắm tay tôi xiết thật chặt.

- Thế thì, nói nghe coi. – Tôi nài.

- Ta đi hỏi thăm tin tức cô Stangerson đi – Anh trả lời tôi đột ngột.

Chương 24. Rouletabille Biết Được Hai Nửa Con Người Tên Sát Nhân

Cô Stangerson suýt chết lần thứ hai. Khốn khổ cho cô, lần này bị nặng hơn lần trước. Ba nhát dao đâm vào ngực trong cái đêm bi thảm mới này chìm cô chói với rất lâu giữa sống và chết. Rồi khi cuối cùng, sự sống mạnh hơn và có hy vọng người đàn bà khốn khổ kia lần nữa, lại thoát khỏi định mệnh đẫm máu của mình thì người ta cũng nhận thấy tuy mỗi ngày cô có khôi phục được ít nhiều hoạt động của giác quan, nhưng cô không hề lấy lại được phần nào lý trí. Rủi có ai vô tình hơi dả động đến tấn thảm kịch vừa qua là cô hôn mê liền. Và tôi tin không phải điều quá đáng, nếu nói rằng việc ông Robert Darzac bị bắt giam ngay hôm sau ngày phát hiện xác chết gã bảo vệ, còn đào sâu thêm cái vực thăm thẳm nơi chúng tôi bắt lực nhìn tinh hoa của một trí tuệ tuyệt vời chìm mất.

Ông Robert Darzac đến lâu đài khoảng chín giờ rưỡi. Ông ta chạy băng qua hoa viên, tóc tai rối bù, áo quần lấm lem bùn đất, trông đến thảm. Mặt nhợt nhạt như người chết. Rouletabille và tôi đứng chống khuỷu tay trên thành cửa sổ hành lang. Ông ta trông thấy, hướng về chúng tôi gào lên một lời tuyệt vọng:

“Tôi đến chậm quá rồi!”

Rouletabille đáp lễ bằng cách hét xuống một câu trấn an:

“Cô ấy còn sống!”

Một phút sau, ông Darzac bước vào phòng cô Stangerson và qua cánh cửa đóng kín, chúng tôi nghe ông nức nở.

“Định mệnh tàn nhẫn!” – Bên cạnh tôi, Rouletabille rên rỉ, “không biết quỷ thần nơi âm ty địa ngục nào gieo rắc tai ương cho gia đình này! Nếu tôi không bị đánh thuốc mê bất tỉnh thì đã cứu được cô Stangerson thoát tay kẻ đó, đã bắt nó cầm nín muôn đời, và gã bảo vệ đã không phải chết!”

Ông Darzac đến gặp chúng tôi, nước mắt còn ràn rụa. Rouletabille kể ông ta nghe tất cả: Anh đã chuẩn bị chu đáo thế nào để cứu họ, cứu cô Stangerson và cứu cả ông ta. Anh tin sẽ thành công trong sứ mạng ấy bằng cách buộc nó phải đi xa, vĩnh viễn không bao giờ được phép trở lại, “sau khi anh đã trông rõ mặt nó”.

Nhưng kế hoạch của anh đã sụp đổ trong máu vì bị đánh thuốc mê.

- Ôi! Giá ông thật sự tin ở tôi – anh phóng viên nói khê, – nếu ông nhủ được cô Stangerson tin ở tôi! Nhưng mà ở đây, mọi người nghi kỵ lẫn nhau, con gái không tin cha, vị hôn thê không tin vị hôn phu. Trong khi ông khẩn cầu làm tất cả để ngăn cản tên sát nhân không cho nó đến thì ((CÔ ẤY LẠI LÀM TẤT CẢ ĐỂ CHO NÓ GIẾT MÌNH! Và tôi thì đến quá muộn, đến còn nửa mê nửa tỉnh hầu như phải lết đi, trong căn phòng mà cảnh tượng người con gái khốn khổ đang thoi thóp trong vũng máu, mới đánh thức được tôi tỉnh hẳn.

Theo lời khẩn khoản của ông Darzac, Rouletabille kể lại những gì anh chứng kiến trong phòng. Đang khi dưới gian tiền đình và ngoài sân trước chúng tôi rượt đuổi tên sát nhân thì anh cố bám vào tường cho khỏi ngã, lần về phía phòng nạn nhân. Hai cửa phòng đợi mở cả.

Anh lết vào. Cô Stangerson nằm bất động, nửa người gầy gập trên mặt bàn viết, hai mắt nhắm nghiền. Tấm áo choàng thắm đỏ vì máu chảy ròng ròng từ ngực.

Dưới tác dụng của chất thuốc mê chưa tan hết, Rouletabille cảm thấy đang vật vờ trong một cơn ác mộng khủng khiếp nào. Như cái máy, anh ra hành lang, mở cửa sổ, thét to với chúng tôi cái tội ác vừa nhìn thấy, hối thúc chúng tôi giết kẻ sát nhân, rồi lại trở vào. Lập tức, anh đi qua phòng khách nhỏ vắng người, vào phòng khách lớn lúc ấy cửa mở hé, lay gọi ông Stangerson nằm trên trường kỷ và đánh thức ông cũng bằng cách tôi đánh thức anh lúc này. Ông Stangerson nhồm dậy, mắt ngơ ngác lạc thần, để Rouletabille kéo đi, đến tận phòng con gái, trông thấy con, hét lên một tiếng xé lòng. Á! Thế là ông tỉnh hẳn! Cả hai người bấy giờ hợp sức tàn còn lại, khiêng nạn nhân đặt lên giường.

Đoạn, Rouletabille định xuống với chúng tôi để xem, nhưng trước khi rời phòng, anh dừng lại bên bàn viết. Ở đây, dưới đất, có một bao lớn, một chiếc ba-lô. Sao lại có bao gì ở đây nhỉ, gần bàn viết? Tấm vải xec bọc ngoài đã cởi nút. Rouletabille cúi xuống: Giấy tờ... giấy tờ... hình ảnh.

Anh đọc: “Máy điện nghiệm mới tự điện vì phân tính chất cơ bản của tinh túy trung gian giữa vật chất có thể cân lường và éther không thể cân lường”. Thật sao, thật sao, cái bí ẩn và định mệnh trớ trêu ác nghiệt nào xui khiến đúng vào lúc “người ta” giết con gái ông, người ta cũng đem đến trả cho giáo sư Stangerson tất cả mớ giấy lộn vô ích này, mớ giấy “ông sẽ ném vào lửa ngày mai”.

Trong buổi sáng kế tiếp cái đêm kinh hoàng ấy, chúng tôi lại thấy xuất hiện ông De Marquet, viên lục sự của ông với mấy người Hiến binh. Tất cả chúng tôi lại bị hỏi cung. Cố nhiên, trừ cô Stangerson đang trong tình trạng rất gần với hôn mê. Rouletabille và tôi, sau khi bàn nhau, đã nhất trí chỉ khai những gì mình muốn khai. Tôi cẩn thận giấu kỹ việc núp trong căn buồng đen và những chuyện thuốc mê. Tóm lại, chúng tôi lặng im tất cả về những gì có thể bị người ta nghi mình biết trước có biến cố, và cả những gì khiến người ta nghĩ cô Stangerson cố ý “chờ tên sát nhân”. Có thể người con gái bất hạnh phải lấy tính mạng trả giá cho cái bí ẩn cô bao phủ kẻ muốn giết mình. Chúng tôi chẳng nên nhúng tay vào việc làm cho một hy sinh như vậy phải uổng phí. Arthur Rance thì kể cho mọi người nghe một cách rất tự nhiên – tự nhiên đến độ tôi phải sửng sốt – là ông ta đã gặp gã bảo vệ lần chót khoảng mười một giờ khuya. Gã vào phòng lấy chiếc va-ly của ông ta để sáng mai đem ra ga Saint-Michel thật sớm. Gã đã “nán lại nói chuyện săn bắn với ông ta hồi lâu”.

Quả thật Arthur William Rance định rời Glandier trong buổi sáng và theo thói quen, sẽ cuốc bộ ra ga Saint Michel. Bởi vậy, ông ta đã tiện dịp gã bảo vệ có việc vào trong làng sáng sớm để nhờ gã mang bao hành lý ra ga giùm. Chính là cái bao đồ gã áo xanh mang lúc tôi thấy gã ở trong phòng Arthur Rance đi ra. Ít nhất, tôi có lý do để nghĩ như vậy, vì ông Stangerson xác nhận lời khai của Arthur Rance. Giáo sư nói thêm rằng tối qua, ông đã không có hân hạnh mời khách ăn bữa tối, vì bạn ông đã chào cáo biệt hẳn cha con ông từ năm giờ chiều. Ông Arthur Rance chỉ sai gia nhân pha một ấm trà đem vào phòng, ông nói trong mình hơi khó ở.

Anh gác cổng Bernier, do Rouletabille chỉ vẽ, khai: Anh được gã bảo vệ ước hẹn đêm ấy cùng đi lòng bọ săn bắn lén (gã bảo vệ đâu còn khả năng phản đối lời khai này) rằng hai người định chỗ gặp nhau không xa khu rừng sồi. Sau thấy gã bảo vệ không đến, chính anh, Bernier, đi tìm

gã xem sao. Anh đi qua khung cửa ra vào nhỏ ở sân trước, tới ngay Vọng lâu thì chợt thấy một bóng người cầm đầu chạy thục mạng ở đằng trước, về phía cánh hữu lâu đài. Cùng lúc, nhiều tiếng súng nổ đuổi theo kẻ chạy trốn.

Rouletabille xuất hiện ở cửa sổ hành lang. Anh phóng viên trông thấy anh, Bernier, nhận ra anh có mang súng, bèn giục anh bắn. Thế là súng nạp đạn rồi, anh nổ một phát và anh tin mình bắn trúng kẻ gian, đã bắn chết nó là đằng khác. Niềm tin này kéo dài được đến lúc mà Rouletabille khám xét mình mấy kẻ đã ngã gục vì trúng đạn súng trường, cho anh biết người nằm đấy “đã bị giết vì một nhát dao đâm”. Sau đó, anh chẳng biết đằng nào mà mò với một biển ảo ma quái như vậy, bởi lẽ nếu xác chết không phải kẻ chạy trốn mà tất cả chúng tôi cùng nhắm bắn thì tất nhiên kẻ chạy trốn phải ở đâu đây. Thế nhưng, trong cái góc sân nhỏ xíu này, nơi cả bọn chúng tôi xúm quanh xác chết, “không có chỗ nào chứa nổi một xác chết khác hoặc một người sống” mà chúng tôi không thấy!

Bernier khai như vậy. Nhưng ông Dụ thẩm trả lời anh rằng, lúc chúng tôi ở trong góc sân chật hẹp ấy, đêm trời quá tối, tối đến nỗi chúng tôi không nhìn được mặt gã bảo vệ, phải khiêng gã vào tiền đình mới nhận ra cơ mà. Song Beraier cãi lại, rằng nếu chúng tôi không trông thấy “một xác chết khác hoặc một người sống”, thì ít nhất chúng tôi cũng đạp chân lên vì cái góc sân quá nhỏ. Tóm lại chúng tôi cả thấy năm người không kể xác chết, ở trong cái góc sân bé tí mà không thấy một người nào khác sống hoặc chết, thì thật lạ.

Cửa duy nhất mở ra góc sân ấy là cửa phòng gã bảo vệ và cửa này thì đóng chặt. Người ta tìm thấy chìa khóa trong túi gã bảo vệ.

Dù sao, bởi lẽ lời khai của Bernier, thoát đầu có vẻ hợp lý vẫn dẫn đến lập luận rằng người ta đã dùng súng đạn để hạ gục một kẻ đã chết vì một nhát dao, ông Dụ thẩm không dừng lại ở đó lâu. Và đến trưa thì mọi người chúng tôi thấy rõ, vị thẩm phán này tin chắc chúng tôi đã hụt mất “kẻ đang chạy trốn” và thêm một xác chết chẳng ăn nhằm gì tới “vụ án của chúng ta”. Với ông, xác chết gã bảo vệ là một vụ khác. Ông muốn chứng minh không chậm trễ. Có lẽ “vụ mới” này phù hợp với những gì ông ta suy nghĩ từ mấy ngày nay về phẩm hạnh gã bảo vệ, về những nơi gã thường lui tới, về vụ mới rồi gã đan dúi với vợ chủ quán “Vọng lâu”, và phù hợp với cả những báo cáo mà ông ta nhận được về những lời lão Mathieu dọa giết gã bảo vệ, vì lúc một giờ trưa, lão Mathieu, mặc dù còn rên hừ hừ bởi chúng phong thấp hành hạ và bà vợ kêu ca phản kháng, đã bị bắt giữ và áp giải cẩn thận về Corbeil. Trong nhà lão, người ta chẳng tìm thấy gì khả nghi, nhưng những chuyện ba hoa lão nói hôm trước với mấy người lái xe tải ghé vào quán và được họ nhắc lại, còn nguy hại hơn cả trường hợp tìm thấy trong nhà lão chính con dao đã đâm chết “gã áo xanh.”

Đến đây, chúng tôi người nào người nấy còn bàng hoàng về bao nhiêu biến cố vừa khủng khiếp vừa khó hiểu thì hình như để đưa nỗi bàng hoàng ấy lên tột độ, Frédéric Larsan xuất hiện. Ông ta sau khi khai với Dụ thẩm đã đi ngay và giờ trở lại lâu đài, dẫn theo một nhân viên làm đường sắt.

Lúc ấy, chúng tôi ngồi trong tiền đình bàn bạc về vụ lão Mathieu có tội hay oan (ít nhất có Arthur Rance và tôi tranh cãi với nhau thôi, vì Rouletabille bận thả hồn vào cõi mộng xa vời nào đó chẳng thèm để ý nghe chúng tôi nói gì). Dụ thẩm cùng lục sự của ông ta ngồi trong

phòng khách nhỏ màu xanh, nơi Robert Darzac đã dẫn chúng tôi vào, ngày đầu chúng tôi đến Glandier. Bô Jacques do Dự thẩm mời cũng vừa tới. Ông Robert Darzac thì ở trên lầu, trong phòng cô Stangerson với ông Stangerson và các bác sĩ. Frédéric Larsan cùng anh nhân viên đường sắt bước vào gian tiền đình. Rouletabille và tôi nhận ra anh ta ngay nhờ chòm râu nhỏ vàng dưới cằm. “Kìa! anh chàng Hỏa Xa ở Epinay-Sur-Orge”. Tôi kêu lên và nhìn Frédéric Larsan. Ông ta cười đáp: “Đúng, đúng, ông nhìn đúng rồi, đó là nhân viên Hỏa Xa ở Epinay-Sur-Orge.” Nói đoạn, Fred yêu cầu người Hiến binh gác ở cửa phòng khách vào thông báo với Dự thẩm. Lập tức bô Jacques đi ra, Frédéric Larsan cùng nhân viên Hỏa Xa được mời vào. Một thời gian trôi qua, có lẽ đến mười phút.

Rouletabille đã sốt ruột. Rồi cửa bật mở. Người Hiến binh do Dự thẩm gọi, đi vào phòng khách, trở ra, lên thang lầu, trở xuống. Anh mở cửa phòng khách nhưng không khép lại, trình với Dự thẩm:

- Thưa ông Dự thẩm, ông Robert Darzac không muốn xuống!
- Thế ư? Ông ấy không muốn xuống? – Ông De Marquet cao giọng.
- Dạ không, ông ấy nói không thể bỏ cô Stangerson trong tình trạng hiện tại.
- Thôi được, ông ấy không đến với chúng ta thì chúng ta đến với ông ấy vậy.

Ông De Marquet và người Hiến binh lên cầu thang. Ông ra hiệu cho Frédéric Larsan và nhân viên Hỏa Xa đi theo. Rouletabille với tôi đi sau chót.

Cả đoàn người lên lầu, đi vào hành lang, tới cửa phòng đợi của cô Stangerson. Ông De Marquet gõ cửa.

Một chị hầu phòng xuất hiện. Đó là Sylvie, cô nữ tỳ nhỏ nhắn với mái tóc vàng rực lôi thôi xõa xuống khuôn mặt đầy sợ sệt.

“Ông Stangerson có đây không?” – Dự thẩm hỏi.

- Thưa ông, có.
- Vào báo với ông, tôi cần nói chuyện.

Sylvie chạy vào tìm chủ.

Nhà bác học ra gặp chúng tôi. Ông khóc. Trông ông hết sức là thương tâm.

- Ông còn muốn gì tôi nữa đây? – Ông hỏi Dự thẩm - Trong lúc như thế này mà ông không để cho tôi lấy một chút yên tĩnh hay sao?

- Thưa ông – Dự thẩm trả lời – tôi có chuyện cần gặp ngay ông Robert Darzac. Ông có thể khuyên ông ta rời phòng cô Stangerson được không? Nếu không, tôi buộc lòng phải bước qua ngưỡng cửa với đầy đủ uy lực của bộ máy tư pháp!

Nhà bác học không trả lời. Ông nhìn vị thẩm phán, người Hiến binh cùng mọi kẻ đi theo như một nạn nhân nhìn những kẻ sắp hành hình mình. Đoạn, ông quay vào phòng.

Tức thì, ông Robert Darzac đi ra. Mặt ông xanh mét, phờ phạc. Nhưng khi người đàn ông

khốn khổ nhìn thấy nhân viên Hỏa Xa đứng sau lưng Frédéric Larsan thì mặt ông ta càng thêm hốc hác, cặp mắt lạc thần, không kiềm nổi một tiếng rên khàn.

Chúng tôi, tất cả đều nhận thấy nét chuyển động thê thảm trên gương mặt đau đớn này. Chúng tôi không ngăn nổi tiếng kêu thương xót. Chúng tôi cảm thấy đang xảy ra một việc có tính cách quyết định, nó đẩy Robert Darzac vào tử địa. Chỉ có Frédéric Larsan biểu diễn một bộ mặt hớn hờ, vẻ vui mừng của con chó săn đã ngoạm được mồi.

Ông De Marquet trở nhân viên Hỏa Xa, hỏi Robert Darzac.

- Ông nhận ra người này không?

- Có, tôi nhận ra – Robert Darzac cố gò giọng nói cho cứng cỏi – nhân viên của Orléans, làm việc ở trạm Epinay-Sur-Orge.

- Anh thanh niên này – ông De Marquet tiếp – quả quyết đã trông thấy ông xuống xe lửa ở Epinay.

- Đêm qua – Robert Darzac cướp lời nói nốt câu – lúc mười giờ rưỡi, đúng rồi!

Im lặng.

- Ông Darzac – Dự thẩm nói tiếp với giọng xúc động cảm thương – ông Darzac, ông đến làm gì ở Epinay-Sur-Orge, chỉ mấy cây số cách chỗ người ta mưu giết cô Stangerson.

Robert Darzac lặng thinh. Ông không cúi đầu nhưng nhắm mắt lại, hoặc ông muốn giấu nỗi đau thương, hoặc ông sợ người ta đọc được trong mắt ông cái gì trong niềm u ẩn mà ông quyết không để lộ.

- Ông Darzac – ông De Marquet lại nói – ông có thể cho tôi biết thời dụng biểu của ông đêm vừa qua không?

Robert Darzac mở mắt. Hình như ông đã lấy lại đầy đủ nghị lực của mình.

- Thưa ông Dự thẩm, không!

- Ông nên suy nghĩ kỹ, vì nếu ông cố tình từ chối mãi, tôi thấy sẽ cần phải giữ ông để khỏi trở ngại cuộc thẩm cứu.

- Tôi từ chối.

- Ông Darzac! Nhân danh pháp luật, tôi hạ trát tổng giam ông!

Vị thẩm phán chưa dứt lời, tôi đã thấy Rouletabille làm một cử động thảng thốt hướng về Robert Darzac. Chắc là anh định nói gì nhưng ông Darzac đã giơ tay bịt miệng anh. Người Hiến binh tiến đến bên tù nhân.

Đúng lúc ấy, một tiếng hét hãi hùng vang dội: “Robert! Robert!”

Chúng tôi nhận ra cô Stangerson và nghe cái âm thanh đau đớn trong tiếng hét, không ai trong chúng tôi không rùng mình ớn lạnh. Chính Frédéric Larsan lần này cũng tái mặt. Còn Robert Darzac, vừa nghe gọi tên mình, ông đã tung mình bay ra cửa.

Ông Dyer thối, người Hiến binh, Larsen cùng kéo nhau đi theo đứng sau lưng Darzac. Rouletabille và tôi dừng lại ở bậc cửa. Cảnh tượng xé lòng: Cô Stangerson mặt trắng bệch như mặt người chết nhô ra ngay vùng dậy, mặc hai ông bác sĩ và cha cô ngăn cản, cô vươn đôi tay run rẩy về phía Robert Darzac đang bị Larsen và người Hiến binh đứng hai bên nắm giữ cánh tay. Mắt cô mở to, cô trông thấy, cô hiểu, miệng cô như muốn bật ra một tiếng, một tiếng nói tắt lịm trên cặp môi nhợt nhạt, một tiếng không ai nghe thấy, rồi ngã vật xuống giường bất tỉnh. Người ta vội đưa Robert Darzac ra khỏi phòng. Trong khi chờ Larsen đi kiểm xe, chúng tôi dừng lại gian tiền đình. Xúc động cực điểm. Ông De Marquet rung rung nước mắt. Rouletabille nhân lúc mọi người đang thương cảm, hỏi Robert Darzac:

- Ông không tự bào chữa sao?

- Không! Người tù trả lời,

- Tôi, tôi sẽ bảo vệ ông.

- Không được đâu – người đàn ông đau khổ phác một nụ cười buồn. – Điều mà cô Stangerson và tôi không làm được, ông cũng không làm được đâu!

- Có, tôi sẽ làm được.

Giọng Rouletabille bình tĩnh và tin tưởng lạ.

Anh tiếp:

- Tôi sẽ làm, ông Robert Darzac, bởi vì tôi, tôi biết rõ vụ này nhiều hơn ông!

- Thôi đi ông ơi! – Robert Darzac lẩm bẩm gần như nổi giận.

-Ồ! Ông cứ yên tâm, tôi chỉ biết những gì có lợi để cứu ông thôi.

- Đừng nên biết gì cả, ông bạn trẻ, nếu bạn muốn có quyền hưởng lòng biết ơn của tôi đối với bạn.

Rouletabille lắc đầu, anh tiến lại rất gần, rất gần Darzac:

“Ông hãy nghe tôi” – anh thì thầm – “lời tôi nói sẽ đem lại niềm tin cho ông! Ông, ông không biết tên kẻ sát nhân, còn cô Stangerson, cô chỉ biết một nửa kẻ sát nhân; nhưng tôi, tôi biết cả hai nửa của nó. Tôi biết trọn vẹn con người nó!

Robert Darzac mở mắt để chứng tỏ ông chẳng hiểu một tiếng nào trong những lời Rouletabille vừa nói với ông – Lúc này, xe vừa đến, do Larsen lái. Người ta cho Darzac và người Hiến binh lên xe. Larsen ngồi yên trên ghế lái. Người ta giải tù về Corbeil.

Chương 25. Rouletabille Làm Cuộc Viễn Du

Ngay tối đó, Rouletabille và tôi rời Glandier. Chúng tôi ra đi, lòng phơi phới. Chốn này chẳng còn gì giữ nổi chúng tôi. Tôi tuyên bố bỏ cuộc, hết muốn soi sáng quá nhiều bí ẩn đến thế. Rouletabille thân mật vỗ vai tôi, tâm sự rằng anh không còn gì để tìm hiểu ở Glandier, và Glandier đã cho anh biết tất cả. Chúng tôi tới Paris khoảng tám giờ. Ăn tối vội vàng, rồi mệt mỏi, chúng tôi chia tay nhau, hẹn gặp lại sáng mai, ở nhà tôi.

Đúng giờ hẹn, Rouletabille bước vào phòng, Anh mặc bộ đồ Com-lê kẻ ô vuông, loại nỉ của Anh, áo choàng dài vắt tay, đầu đội mũ kết, mang theo một giỏ hành lý. Anh tuyên bố đi xa.

- Anh đi bao lâu?

- Một tháng hoặc hai, tùy theo.

Tôi không dám hỏi tiếp.

- Anh có biết – Rouletabille nói – cái tiếng cô Stangerson thốt được ra trước khi bất tỉnh trong lúc nhìn ông Robert Darzac là tiếng gì không?

- Không, có ai nghe thấy đâu.

- Có, tôi! Nàng bảo chàng: “Nói đi!”

- Và ông Darzac sẽ nói?

- “Không bao giờ!”

Tôi muốn kéo dài thêm câu chuyện, nhưng anh đã bắt tay tôi xiết chặt và chúc tôi mạnh khỏe. Tôi chỉ đủ thì giờ hỏi:

- Anh không sợ trong thời gian vắng mặt, lại có những vụ mưu sát khác xảy ra nữa?

- Tôi chẳng còn sợ xảy ra những vụ như vậy nữa, từ khi ông Darzac vào tù.

Chấm dứt câu nói kỳ cục này, anh quay gót. Tôi chỉ gặp lại anh trong phiên tòa đại hình xử vụ Darzac, lúc anh đến trước lan can nhân chứng, để giải thích điều không thể giải thích.

Chương 26. Nơi Đâu Rouletabille Được Công Chúng Nóng Lòng Trông Đợi

Đến ngày mười lăm tháng giêng, tức hai tháng rưỡi sau những biến cố bi thảm tôi vừa tường thuật, tờ Thời Đại cho đăng ở cột nhất, trang nhất một bài gây chấn động dư luận bốn phương:

“Đoàn bồi thẩm ở Seine-et-Oise được triệu tập hôm nay để xét một vụ án bí ẩn nhất trong lịch sử tư pháp. Chưa bao giờ có vụ nào chứa chất nhiều điểm tối tăm, không thể hiểu, không thể lý giải như vụ này, thế mà Công Tố Viện không hề ngần ngại, đã đưa ra ghế bị cáo một người mà tất cả những ai từng biết ông đều kính phục, ngưỡng mộ và yêu mến, một nhà bác học trẻ, hy vọng của khoa học nước Pháp, cả một đời tận tụy và liêm khiết. Khi Paris hay tin ông Robert Darzac bị tổng giam, tiếng la ó khắp nơi nhất loạt bùng ra phản đối. Toàn thể Đại học Sorbonne bị tổn thương danh dự vì hành động lạ lùng của ông Dự thẩm, long trọng tuyên cáo niềm tin của họ nơi người chồng sắp cưới vô tội của cô Stangerson. Chính giáo sư Stangerson cũng lớn tiếng xác nhận pháp luật đã đi lạc đến sai lầm và mọi người đều tin chắc, nếu nạn nhân mà nói được, tất cô sẽ đến trước mười hai vị bồi thẩm ở Seine-et-Oise đòi lại người đàn ông cô sắp lấy làm chồng mà Công Tố Viện muốn đưa lên máy chém. Cần phải hy vọng một ngày gần đây, cô Stangerson phục hồi được lý trí đã tạm thời chìm mất trong cái bí ẩn ở Glandier. Chẳng lẽ quý vị mong cô bị mất lại lần nữa khi hay tin người đàn ông cô yêu thương đã chết về tay người đao phủ? Câu hỏi này, xin gửi đến quý vị. Trong đoàn bồi thẩm “mà chúng tôi đề nghị cứu xét, ngay hôm nay”.

Thực vậy, chúng tôi nhất quyết không để cho mười hai con người dửng dưng cảm phạm một sai lầm tư pháp đáng ghê tởm. Đã đành, những trường hợp ngẫu nhiên kinh dị, những vết tích tố cáo tai hại, một sự im lặng khó hiểu phía bị cáo, một thời dụng biểu bí mật, mọi trường hợp ngoại phạm vắng bóng, đã có thể tạo nên xác tín của Công Tố “đi tìm sự thật ở chỗ khác không được”, đành tìm thấy nó ở đây. Những điểm nghi ngờ, xét bề ngoài, có vẻ chụp xuống đầu ông Robert Darzac quá nặng, nặng đến độ ta phải tha thứ cho một nhà thám tử tài ba, thông minh, và thường gặp may như ông Frédéric Larsan để cho nó làm quáng mắt. Cho tới bây giờ, tất cả tố cáo ông Robert Darzac trước Dự thẩm. Nhưng ngày nay, chúng tôi đây, chúng tôi biện hộ cho ông trước bồi thẩm đoàn. Và chúng mang đến trước vành móng ngựa, một luồng ánh sáng cực sáng, đến mức soi tỏ mọi bí ẩn ở Glandier. “Bởi vì chúng tôi hiện nắm trong tay sự thật!”

“Nếu chúng tôi đã không nói sớm hơn tất nhiên là quyền lợi của cái chính nghĩa mà chúng tôi muốn bảo vệ kia nó đòi buộc. Độc giả của chúng tôi đã không

quen những cuộc điều tra vô danh gây chấn động, chúng tôi đã công bố về “bàn chân trái ở phố Ober-Kampp, về vụ trộm khét tiếng ở Ngân Hàng Tín Dụng Thế Giới” và vụ “những nén vàng ở Xưởng Đúc Tiền” nhờ đó chúng tôi đã thấy hết sự thật trước khi thiên tài lỗi lạc Frédéric Larsan khám phá ra hoàn toàn. Những cuộc điều tra ấy được thực hiện bởi anh ký giả trẻ nhất của chúng tôi, một chú bé mười tám tuổi, Joseph Rouletabille, người sẽ tiếng tăm lừng lẫy ngày mai. Khi vụ án Glandier nổ ra, anh phóng viên bé nhỏ của chúng tôi đến tận nơi, gõ mọi cửa và nghiêm nhiên ở luôn lại lâu dài, trong khi tất cả các đại diện báo chí bị xua đuổi. Bên cạnh Frédéric Larsan, anh tìm sự thật, anh hoảng sợ nhìn thấy nhà thám tử lừng danh kỳ tài này chìm sâu mãi vào lầm lẫn. Anh cố gắng lôi kéo ông ra ngoài con đường sai lạc ông đã dẫn thân vào, nhưng vô ích. Anh cả Fred không chịu tiếp thu bài học của em nhỏ phóng viên.

Chúng ta đã biết việc đó dẫn ông Robert Darzac tới đâu. Thế nhưng, cần phải cho nước Pháp biết, cần phải cho thế giới biết, rằng ngay buổi tối hôm ông Robert Darzac bị tổng giam, chàng tuổi trẻ Joseph Rouletabille vào văn phòng Chủ nhiệm chúng tôi và nói với ông:

“Tôi đi xa. Đi bao lâu, tôi không thể nói trước. Có thể một tháng, hai tháng, ba tháng, có thể chẳng bao giờ tôi trở về. Đây là một phong thư. Nếu tôi không trở về kịp ngày ông Darzac bị đưa ra tòa đại hình thì ông hãy mở phong thư này trước phiên xử, sau khi các nhân chứng đã lần lượt khai cung xong. Việc này, ông hợp sức với luật sư của ông Robert Darzac để cùng làm. Ông Robert Darzac vô tội. Trong thư này có tên kẻ sát nhân, và tôi sẽ không nói các bằng chứng, vì các bằng chứng, tôi đang đi tìm đây, nhưng có cách giải thích không sao chối cãi được về cái tội nó đã phạm. Rồi anh ký giả của chúng tôi ra đi. Đã lâu, anh không gởi tin tức gì về, nhưng cách đây tám ngày, một người lạ mặt đến gặp Chủ nhiệm chúng tôi đã nói với ông: “Xin ông hành động theo lời căn dặn của Joseph Rouletabille, nếu sự việc trở thành cần thiết. Sự thật ở trong lá thư ấy. Người lạ mặt không muốn xưng tên.

“Hôm nay là 15 tháng giêng, một ngày lớn của các phiên xử đại hình. Joseph Rouletabille chưa về. Có thể không bao giờ chúng ta gặp lại anh. Báo chí cũng có những anh hùng của nó, nạn nhân của bốn phạm: bốn phạm nghề nghiệp, bốn phạm ở trên hết mọi bốn phạm. Có thể giờ này anh đã gục ngã trong bốn phạm! Chúng tôi sẽ báo thù cho anh. Trưa nay, Chủ nhiệm của chúng tôi sẽ có mặt tại phiên tòa đại hình Versailles với lá thư: Lá thư chứa đựng danh tánh tên sát nhân!

Trên đầu bài báo, in hình Rouletabille.

Người dân Paris ngày hôm ấy kéo nhau đến Versailles để dự khán phiên tòa được mệnh danh là vụ bí ẩn “Căn Phòng Vàng” chắc chắn không quên cảnh náo loạn kinh khủng người chen chúc nhau ở ga Saint – Lazarc. Không thể kiếm nổi một chỗ ngồi trong các chuyến xe lửa. Người ta phải tổ chức thêm nhiều đoàn tàu bổ sung. Bài báo của tờ Thời Đại đã gây xúc động trong dư luận công chúng, kích thích mọi đầu óc hiếu kỳ, thúc đẩy tạt ham tranh luận đến chỗ ác liệt. Nhiều quả đấm đã được trao đổi giữa những người ủng hộ Joseph Rouletabille và phe quá khích của Frédéric Larsan, vì có điều kỳ quái, là cơn sốt đám đông không phải do việc tòa án có thể trừng phạt oan người vô tội cho bằng việc họ quan tâm đến những gì họ hiểu biết về bí ẩn “Căn Phòng Vàng”. Mỗi người có một lối giải thích riêng của mình và chỉ cho nó là đúng. Những kẻ đồng ý với lối giải thích của Frédéric Lazan nhất định không chấp nhận cho người ta dám nghi ngờ óc sáng suốt của nhà thám tử đại danh, còn ai không đồng ý với Frédéric Larsan thì dĩ nhiên họ cho là cách giải thích của Rouletabille mới đúng, tuy họ chưa biết nó thế nào. Tờ Thời Đại cảm thấy, phe “Larsan” và phe “Rouletabille” ẩu đả, cãi lộn om sòm đến tận những bậc thềm của Pháp đình Versailles, vào tận trong phòng xử án. Phải lập thêm một ban trật tự. Làn sóng người đông như kiến không được vào lâu đài, đành ở lại các khu vực xung quanh cho đến tối. Quân đội, cảnh Sát phải một phen vất vả lao đao, trong lúc họ hau háu đợi tin sốt dẻo, tiếp nhận dễ dàng mọi nguồn dư luận ly kỳ nhất. Đã có lúc, một tin hành lang được tung ra, rằng giáo sư Stangerson bị tổng giam giữa phiên tòa sau khi thú nhận tội giết con gái. Thật điên rồ. Và người ta ngóng đợi Rouletabille. Nhiều người khoe quen anh và nhận ra anh. Khi một chàng trai có giấy thông hành rào bước qua khoảng đất trống ngăn cách đám đông với Pháp Đình thì nhiều chỗ xô đẩy nhau túi bụi. Họ chen lấn đè cả lên người

nhau. Họ la lớn: “Rouletabille! Rouletabille đây rồi! Có vài anh nhân chứng ít nhiều hơi giống bức chân dung in trên báo Thời Đại được hoan hô ầm ỹ. Ông chủ nhiệm tờ Thời Đại lúc đến cũng gây vài đám ồn ào. Đám nọ vỗ tay cổ vũ, đám kia huýt gió chê bai. Trong đám đông, có nhiều phụ nữ.

Trong phòng xử đại hình, vụ án diễn tiến dưới quyền chủ tọa của ông De Rocoux, một thẩm phán thâm niên mọi loại thành kiến trong giới áo chùng.[\[10\]](#) Nhưng bản chất vô cùng chính trực. Tòa gọi tên các nhân chứng. Dĩ nhiên, tôi cũng ở trong số, như tất cả những ai có dính líu xa gần đến các bí ẩn ở Glandier. Ông Stangerson già đi đến mười tuổi, khó còn nhận ra diện mạo, Arthur William Rance mặt vẫn đỏ au; bố Jacques, già Mathieu bị còng tay giải đến giữa hai Hiến binh, bà Mathieu khóc sụt sùi, vợ chồng Bemier, hai mẹ con người gác bệnh, anh quản gia, tất cả gia nhân đầy tớ trong lâu đài, người phụ trách Văn Phòng 40 Bưu Điện, anh nhân viên Hỏa xa ở Epinay, vài thân hữu của cha con ông Stangerson, cùng tất cả các nhân chứng phía gỡ tội của ông Robert Darzac. Tôi may mắn được xếp trong số người khai chứng đầu tiên nên hầu như suốt phiên xử từ đầu chí cuối tôi đều có mặt.

Khởi cần tả lại cùng quý vị cảnh người ta đập lên nhau trong phòng xử. Nhiều luật sư ngồi cả ở các bậc lên xuống của “tòa án” và đằng sau các vị thẩm phán mặc áo chùng đỏ, các phòng biện lý của những tòa án khác quanh vùng đều có đại diện. Ông Robert Darzac xuất hiện trên ghế bị cáo giữa mấy người Hiến Binh, rất bình tĩnh, rất hiên ngang và rất đẹp, tới mực ông được nghênh đón bằng một làn sóng lao xao khâm phục nhiều hơn thương hại. Ông đến nghiêng đầu bên cạnh người biện hộ của mình, luận sư Henri Robert. Ông này có đệ nhất thư ký trợ lý là luật sư Andre Hesse bấy giờ đang còn tập sự, đã bắt đầu lần giở từng trang hồ sơ.

Nhiều người yên trí thế nào ông Stangerson cũng lại bắt tay bị cáo, nhưng các nhân chứng đã bắt đầu được gọi tên và họ lục rục rời phòng xử, nên màn tỏ tình thông cảm rất hấp dẫn này không diễn ra. Lúc các vị bồi thẩm ngồi vào ghế, người ta nhận thấy họ chú ý nhiều đến lời trao đổi chớp nhoáng giữa luật sư Henri Robert và ông chủ nhiệm báo Thời Đại. Sau đó, ông chủ nhiệm lên ngồi vào hàng ghế trên cùng. Vài người lấy làm lạ. Thấy ông không đi theo những người khác sang phòng dành cho nhân chứng.

Việc đọc cáo trạng hoàn tất như thường lệ. Tôi không kể lại ở đây cuộc thẩm vấn ông Robert Darzac kéo dài thế nào. Ông trả lời các câu hỏi một cách tự nhiên nhất mà cũng bí hiểm nhất. “Tất cả những gì ông có thể nói” thì có vẻ tự nhiên, còn những gì ông nín lặng thì đối với ông, có vẻ khủng khiếp vô cùng, ngay cả trước mắt những người “cảm thấy” ông vô tội. Chính thái độ im lặng của ông về những điểm chúng ta đã biết nó hại ông và cũng chính nó đánh ông miếng đòn chí tử. Ông chống lại những lời trách cứ của Chánh Án và Công Tố Viên. Người ta cho ông hay, trong hoàn cảnh như thế này, im lặng có nghĩa là chết.

- Cũng được đi – ông ta trả lời – vậy thì tôi bằng lòng chết, nhưng tôi vô tội!

Henri Robert nổi tiếng là một luật sư khôn khéo hơn người. Ông cố gắng ca tụng đức hạnh của thân chủ mình, căn cứ luôn vào cái thái độ im lặng kia, kín đáo nêu lên những bốn phạm thiêng liêng mà chỉ những tâm hồn cao thượng mới dũng cảm đem buộc vào mình. Ông luật sư danh tiếng chỉ thuyết phục được hoàn toàn những ai từng biết ông Darzac, còn người khác, họ thấy đều do dự. Phiên tòa tạm đình một lúc, rồi đến cuộc thẩm vấn các nhân chứng mà Rouletabille vẫn chẳng thấy đâu. Mỗi lần cửa mở là tất cả các con mắt đổ dồn ra đó, rồi lại chĩa vào ông chủ nhiệm báo Thời Đại vẫn ngồi yên lặng một chỗ tỉnh queo. Cuối cùng, người ta

cũng thấy ông lục trong túi, rút ra một phong thư.

Tiếng xì xào bùng to sau cái cử chỉ ấy. Tôi không có ý định trình bày hết ở đây mọi biến chuyển trong phiên xử. Tôi đã nghĩ ngợi khá lâu, cố nhớ lại tất cả các giai đoạn của vụ này để tránh không làm phiền độc giả bằng việc kể lại lần nữa các biến cố đã xảy ra với mọi bí ẩn vây quanh chúng. Tôi nôn nóng muốn đi gấp tới cái lúc thật sự bi thảm của một ngày không thể quên là ngày hôm ấy. Nó đã xảy đến khi luật sư Henri Robert đặt vài câu hỏi với già Mathieu, ở lan can nhân chứng giữa hai người Hiến Binh, đang kịch liệt chối tội giết “gã áo xanh”. Vợ lão được gọi ra đối chất với lão. Bà ta òa khóc, thú nhận có giao du “thân mật” với gã bảo vệ, ông chồng cũng có nghi ngờ, nhưng bà ta vẫn quả quyết lão không dính dáng đến việc người “bạn trai” của mình bị đâm chết.

Tức thì luật sư Henri Robert thỉnh cầu tòa hỏi ngay Frédéric Larsan về điểm này. Ông nói:

“Trong vài lời trao đổi với Frédéric Larsan khi tòa tạm đình, ông ấy đã cho tôi hay, có thể giải thích cái chết của anh bảo vệ bằng cách khác, không có già Mathieu can dự. Vậy, nghe giả thuyết của Frédéric Larsan cũng là điều hay?”

Frédéric Larsan liền được gọi vào. Ông giải thích thật rành mạch: Trong vụ này, tôi thấy không cần hỏi già Mathieu. Ý kiến ấy tôi đưa ra với ông De Marquet rồi. Song những câu hăm dọa giết người của già dĩ nhiên đã gieo ảnh hưởng tai hại trong đầu ông Dụ thẩm. Theo tôi, việc mưu sát cô Stangerson và việc anh bảo vệ bị đâm chết “chỉ là một vụ”. Người ta đã nổ súng vào kẻ toan giết cô Stangerson đang chạy trong sân trước lâu đài, người ta đã tưởng bắn trúng nó, tưởng giết chết nó rồi. Thật ra nó chỉ loạng choạng lúc biến vào sau cánh hữu lâu đài. Ở đây, tên sát nhân đụng đầu với anh bảo vệ chắc là định chặn đường nó. Săn con dao vừa đâm cô Stangerson còn trong tay, nó đâm luôn anh bảo vệ, và anh này đã chết.

Lời giải thích quá đơn giản càng dễ dàng được chấp nhận, vì một số đông người quan tâm đến những bí ẩn ở Glandier cũng đã tự tìm ra. Tiếng xì xào tán thưởng lan nhanh.

- Rồi tên sát nhân sau đó ra sao, trong tất cả câu chuyện này? – Ông chánh án đặt câu hỏi.

- Cố nhiên, thưa ông chánh án, nó tạm ẩn trong một xó tối góc sân và khi người trong lâu đài không xác chết đi rồi, nó cứ việc thoải mái chuồn êm.

Đúng lúc ấy, từ cuối đám “quần chúng đứng”, một tiếng nói trẻ trung cất lên. Giữa cảnh người sững sốt không ngờ, cái tiếng ấy đồng dục:

- Tôi đồng ý với Frédéric Larsan về nhát dao đâm thấu tim anh bảo vệ, nhưng không đồng ý về cách thức tên sát nhân đã trốn đi từ góc sân ấy!

Bao nhiêu cái đầu trong phòng đều quay cả lại. Các ông thừa phát lại vội vàng ra oai hô im lặng. Ông chánh án gay gắt hỏi ai lên tiếng và ra lệnh trục xuất ngay tức khắc kẻ gây rối. Nhưng người ta lại nghe cái tiếng trong treo ấy kêu to. Tôi đây, thưa ông chánh án, tôi đây, Joseph Rouletabille.”

Chương 27. Do Đâu Rouletabille Xuất Hiện Trong Vinh Quang Tột Đỉnh

Một cuộc náo động khủng khiếp tức thì xảy ra.

Tiếng đàn bà bị đau la chối lói. Chẳng còn ai kính sợ “chốn tôn nghiêm điều hành công lý”. Người ta xô đẩy nhau như điên. Ai cũng muốn thấy mặt Rouletabille. Ông chánh án nổi giận dọa lừa tất cả ra ngoài, nhưng đâu còn có ai nghe ông. Trong lúc ấy Rouletabille nháy qua hàng rào lan can ngăn anh với đám quần chúng ngồi, vung rộng hai khuỷu tay rẽ lấy một lối đi đến chỗ ông chủ nhiệm của anh. Anh để phong thư “của anh” trên tay ông đút vào túi mình, đoạn chen luôn vào khu dành cho việc thẩm án. Anh xô người này, đẩy người nọ rồi lại bị người ta xô đẩy lại ngất ngư; nhưng mặt mày hớn hở, tươi cười, quả cầu tròn xoay đỏ ửng còn bừng sáng ánh thông minh của cặp mắt to tròn. Anh vẫn mang bộ com-lê mặc sáng hôm ở đây đi nhưng lôi thôi trông phát gớm – áo choàng vắt tay mũ kết du lịch trên đầu. Đến lan can nhân chứng, anh chững chạc chào các vị phán quan đoạn lên tiếng:

- Tôi xin lỗi, thưa ông chánh án, chuyến tàu xuyên đại dương bị trễ! Tôi ở Mỹ về. Tôi là Joseph Rouletabille.

Người ta phá ra cười. Ai cũng mừng thấy mặt anh.

Hình như mọi người cùng có cảm tưởng một sức nặng ghê gớm đang đè trên lương tâm vừa được cất bỏ. Người ta thở ra. Người ta tin tưởng anh mang đến sự thật, anh sắp cho họ biết sự thật. Nhưng ông Chánh án nổi trận lôi đình:

- A! Anh là Joseph Rouletabille hả. Thế thì, hỡi anh bạn trẻ, tôi sẽ dạy cho anh biết cách coi thường luật pháp. Trong khi chờ đợi tòa sẽ xét tội anh, tôi sẽ giữ anh dưới quyền sử dụng của Công lý chiếu theo thẩm quyền chuyên quyết của tôi.

- Dạ, thưa ông Chánh án, tôi chỉ cần có thể, được ở dưới quyền sử dụng của Công lý; tôi tới đây chính là để đặt mình dưới quyền sử dụng của Công lý. Nếu lúc tôi vào có gây ra chút huyên náo, thì tôi xin tòa tha lỗi. Ông Chánh án nên tin rằng không có ai tôn trọng Công lý bằng tôi, nhưng tôi đã vào theo khả năng tôi.

Bỗng anh bật cười. Và mọi người cười theo.

- Đem hẳn ra ngoài! – Ông Chánh án ra lệnh.

Nhưng luật sư Henri Robert đã can thiệp. Ông bắt đầu bằng lời xin lỗi cho chàng trai trẻ. Ông đề cao anh là người đầy thiện chí giúp ích cho tòa. Ông thuyết cho vị Chánh án hiểu rằng người ta khó có thể bỏ qua lời khai của một nhân chứng đã ngủ luôn ở Glandier trong suốt cả tuần lễ xảy ra bao điều bí ẩn, nhất là một nhân chứng tự xưng sẽ chứng minh bị cáo vô tội và đem đến cho tòa danh tánh kẻ sát nhân.

- Anh cho chúng tôi biết tên kẻ sát nhân chứ? – Ông Chánh án đã nao núng nhưng còn hoài nghi, hỏi lại.

- Dạ phải, thưa ông Chánh án, tôi đến đây chỉ có mỗi việc ấy! – Rouletabille trả lời.

Chút xiu nữa người ta vỗ tay, song những tiếng Suyt! Suyt! Oai nghiêm của mấy ông Thừa

phát lại đã tái lập bầu không khí im lặng. Luật sư Henri Robert cất tiếng:

- Joseph Rouletabille không được đòi đến làm chứng theo thủ tục thông thường, nhưng tôi hy vọng ông Chánh án sẽ hành xử quyền chuyên quyết để chấp cung đương sự.

- Thôi được! – ông Chánh án đáp – Tôi sẽ hỏi anh. Nhưng khoan, để xem nào...

Vị đại diện Công Tố đứng lên:

- Có lẽ tốt hơn hết, chàng tuổi trẻ này nên khai ngay tức khắc kẻ mà anh tố cáo là tên sát nhân.

Ông Chánh án chấp thuận với giọng dè dặt mỉa mai:

- Nếu Công Tố viên cho rằng lời khai của ông Joseph Rouletabille có chút quan trọng, thì tôi không thấy gì trở ngại để nhân chứng khai ngay lập tức danh tánh “tên sát nhân của nhân chứng!”

Phòng xử nghe được cả tiếng ruồi bay.

Rouletabille im lặng. Anh xót xa nhìn ông Robert Darzac, lần thứ nhất kể từ lúc tòa bắt đầu cuộc tranh biện, ông vụt để lộ trên mặt nét bàng hoàng kinh sợ.

- Xong rồi – ông Chánh án nhắc lại – chúng tôi nghe ông đây. Tòa đang đợi ông cho biết tên kẻ sát nhân.

Rouletabille bình tĩnh lục trong túi áo gi-lê, rút ra một “quả quít”, xem giờ, đoạn nói:

- Thưa ông Chánh án, tôi chỉ có thể khai ra với tòa tên họ kẻ sát nhân vào lúc sáu giờ mười! Chúng ta còn đúng bốn tiếng nữa!

Phòng xử sôi lên những tiếng xì xào kinh ngạc và bất bình. Vài ông luật sư lớn tiếng:

“Anh này giỡn mặt chúng ta!”

Ông Chánh án có vẻ thích thú. Hai luật sư Henri Robert và André Hesse thì rầu thúi ruột.

Ông Chánh án ung dung phán:

- Cái chuyện đùa dai này kéo dài đã khá lâu, ông Rouletabille. Ông có thể lui vào phòng dành cho các nhân chứng. Tôi giữ ông dưới quyền xét định của tòa.

Rouletabille phản kháng:

- Tôi xin đoan chắc, thưa ông Chánh án, – anh kêu lớn cái giọng lạnh lạnh vang như kèn đồng – tôi xin đoan chắc khi tôi đã khai ra tên họ kẻ sát nhân thì ông chánh án sẽ hiểu cho tôi ngay, rằng tôi chỉ nói được điều ấy lúc sáu giờ rưỡi! Nhưng trong khi chờ đợi, tôi vẫn có thể đưa ra vài lời giải đáp về vụ anh bảo vệ bị đâm chết. Ông Frédéric Larsan, người đã thấy tận mắt tôi “làm việc” ở Glandier, có thể trình với tòa tôi đã nghiên cứu vụ này cẩn thận đến thế nào. Tôi thường có ý kiến đối nghịch với ông ấy và cho rằng, làm cho ông Robert Darzac bị tống giam, ông ấy đã đẩy một người vô tội vào tù oan. Chính ông ấy cũng không hề nghi ngờ thiện chí của tôi và tầm quan trọng của những gì tôi khám phá, nó thường phù hợp với những gì ông ấy phát

hiện ra!

Frédéric Larsan lên tiếng:

- Thừa ông Chánh án tôi nghĩ nghe lời khai của ông Rouletabille có lẽ cũng hay, nhất là ông ấy không đồng ý với tôi thì lại càng hay nữa.

Tiếng xầm xì nổi lên tán thưởng câu nói của nhà thám tử. Ông ta chấp nhận cuộc so gươm với phong cách thật đẹp. Trận thi tài hứa hẹn nhiều kỳ thú giữa hai tinh hoa trác tuyệt cùng lao vào một bài toán bí hiểm và đã đi tới hai giải đáp khác nhau.

Nhân ông Chánh án lặng thinh, Frédéric Larsan nói tiếp:

- Như vậy là chúng ta nhất trí về nhát dao do tên hung thủ đã giết hụt cô Stangerson đâm thấu tim anh bảo vệ, nhưng bởi lẽ chúng ta hết đồng ý về vấn đề tên sát nhân chạy trốn “trong cái mẩu sân con”, nếu ông Rouletabille cắt nghĩa được cuộc chạy trốn này thực hiện bằng cách nào thì thật ly kỳ!

- Đúng đấy – bạn tôi trả lời vui vẻ – thật là một sự ly kỳ!

Cả phòng xử lại phá ra cười như họp chợ. Ông Chánh án lập tức tuyên bố nếu công chúng còn tái diễn một màn cười nữa thì ông sẽ không ngần ngại mà thực hiện lời đe dọa tống cổ hết ra ngoài.

- Quá thật – ông Chánh án kết thúc bài gắt gỏng – trong một vụ án như vụ này, tôi không thấy cái gì là đáng cười.

- Tôi cũng vậy! – Rouletabille đáp lại, không cười.

Trước mặt tôi, có mấy người rút vội khăn tay nhét vào miệng để khỏi bật cười.

- Thế nào – ông Chánh án hỏi tiếp – ông nghe rõ chưa, ông bạn trẻ, nghe rõ ông Frédéric Larsan nói gì rồi chứ. Theo ông thì tên sát nhân ở trong cái “mẩu sân con” trốn đi bằng cách nào?

Rouletabille nhìn bà Mathieu. Bà Mathieu nhìn anh, mỉm cười buồn bã.

- Bởi lẽ bà Mathieu – anh nói – đã thú nhận có cảm tình với anh bảo vệ.

- Con dĩ chó! – Lão Mathieu la lớn.

- Đem già Mathieu ra ngoài. – Ông Chánh án hạ lệnh.

Người ta dẫn lão Mathieu đi.

Rouletabille nói tiếp:

- Bởi lẽ bà ấy đã thú nhận việc này, tôi có thể nói thẳng, bà ấy thường có những cuộc trò chuyện ban đêm với anh bảo vệ ở tầng lầu nhất Vọng Lâu, trong gian nhà ngày xưa dùng làm phòng diễn thuyết. Những buổi trò chuyện ấy mấy lúc sau này tăng lên nhiều khi già Mathieu bị đau phong thấp phải liệt giường.

Một mũi moóc-phin, chích đúng lúc, ru ông Mathieu vào giấc ngủ êm say, khỏe khoắn, đồng

thời giúp bà vợ yên tâm trong vài giờ cần vắng mặt. Ban đêm, bà Mathieu đến lầu đài, trùm kín người một tấm mạng đen to, không ai nhận được mặt, chòn vòn lướt đi như một bóng ma tăm tối đôi khi khuấy động giấc ngủ của bố Jacques. Để báo cho người bạn trai biết mình đã đến, bà Mathieu bắt chước tiếng meo ghê rợn của con mèo thường theo sát mẹ Agenoux, một bà phù thủy già ở Rừng – Nữ – Thánh – Genevieve. Tức thì anh bảo vệ từ Vọng lầu xuống mở khung cửa nhỏ đường ngầm cho tình nhân. Khi Vọng Lâu khởi công sửa chữa những chỗ hư nát, các cuộc hẹn hò vẫn tiếp tục không kém, ngay tại Vọng Lâu, ở căn phòng mới tạm thời dành cho người tôi tớ bất hạnh này, nơi đầu cánh hữu lầu đài, chỉ ngăn cách với các phòng của vợ chồng anh quản gia và chị bếp bằng một tấm vách quá mỏng.

Bà Mathieu vừa rời anh bảo vệ thì thảm kịch “mẫu sản nhỏ” xảy ra. Cặp tình nhân, đã dốc hết chuyện tâm tình, cùng nhau ra khỏi Vọng lầu. Nhưng chi tiết này, thưa ông Chánh án, mãi sáng hôm sau, khi xem xét các dấu chân trên sân trước lầu đài, tôi mới biết. Bernier, anh gác cổng được tôi cắt cầm súng đứng quan sát đằng sau Vọng Lâu, như tôi sẽ để anh giải thích với tòa không thể thấy việc gì xảy ra ở sân trước. Một lúc sau, nghe tiếng súng nổ anh mới chạy đến và cũng bắn theo. Bấy giờ, anh bảo vệ và bà Mathieu đang ở sân trước trong đêm thình lạng. Hai người chúc nhau ngon giấc. Bà Mathieu thì đi ra phía cổng lớn vẫn để mở, còn anh chàng trở vào căn buồng nhỏ đội bao lớn ở đầu cánh phải lầu đài.

Anh đi sắp tới cửa phòng mình thì nghe tiếng súng nổ. Anh ngoái cổ rồi lo lắng quay trở lại. Tới sân góc cánh hữu lầu đài thì bị một bóng người nhảy xổ tới đâm. Anh lăn ra chết. Xác anh được khiêng đi bởi tay các ông tưởng bắn ngã kẻ giết người, ai dè chỉ mang đi được kẻ bị người giết. Trong lúc ấy, bà Mathieu làm gì? Hoảng sợ vì tiếng súng nổ và đám người ào vào sân, bà cố thu hình cho thật nhỏ trong đêm tối ở sân trước. Sân thì rộng, bà lại ở ngay gần cổng, bà Mathieu có thể lướt qua mà không bị ai nhìn thấy. Nhưng bà không “qua”, bà ở lại và trông thấy người ta mang xác chết đi. Lòng quặn thắt vì nỗi kinh hoàng dễ hiểu, bà mò vào tận gian tiền đình, dòm vào chỗ cầu thang được ngọn đèn trong tay bố Jacques soi sáng, cái cầu thang nơi người ta đặt xác bạn trai của bà. Bà “trông thấy” và chạy trốn. Bà có làm bố Jacques chú ý không? Chỉ biết bố Jacques từng tìm cách theo dõi con ma đen đã nhiều đêm quấy nhiễu bố không cho ngủ.

Cũng đêm ấy, trước khi án mạng xảy ra, bố lại bị những tiếng gào của “Con Thú Nhà Trời” đánh thức và qua cửa sổ phòng mình, bố trông thấy con ma đen.

Bố vội vã mặc quần áo, điều đó giải thích tại sao khi chúng tôi đem thi thể anh bảo vệ vào gian tiền đình thì gặp bố đến nơi, áo quần tề chỉnh. Vậy thì, đêm ấy, ở sân trước, chắc bố định nhìn sát mặt con ma đen một lần cho xong chuyện. Bố đã nhận ra nó là ai! Bố Jacques là bạn cũ bà Mathieu. Hẳn bà thú nhận với bố những buổi hẹn hò đen tối của mình, và khẩn khoản xin bố cứu cho thoát vòng nguy khốn. Trông bà Mathieu lúc ấy, lúc vừa nhìn thấy bạn mình nằm chết, chắc bà thiếu não lắm. Bố Jacques thương tình, đưa chân bà Mathieu về, qua rừng sồi, ra ngoài khu hoa viên, sang luôn bên kia bờ hồ đến tận đường đi Epinay. Đến đây, bà chỉ còn vài bước là tới nhà.

Bố Jacques trở về lầu đài và nhận ra tầm quan trọng luật pháp đối với người tình của anh bảo vệ, phải làm sao không để ai biết bà có mặt ở lầu đài đêm ấy. Bố hết sức giấu chúng tôi cái giai đoạn thê thảm này của một đêm đã có nhiều màn thê thảm! Tôi khỏi cần đề nghị bà

Mathieu và bố Jacques xác nhận câu chuyện tôi nói là đúng. Tôi biết mọi sự đã diễn ra như vậy! Tôi chỉ kêu gọi đến ký ức của ông Larsan, người đã hiểu tại sao tôi biết tất cả, vì ông đã trông thấy tôi, sáng hôm sau, cầm cúi mang trên đường hai loại dấu chân của hai người đi song song, dấu chân bố Jacques và dấu chân của bà đây.

Rouletabille hướng về bà Mathieu còn ở trước lan can nhân chứng, nghiêng mình làm một dấu chào trang trọng.

- Những dấu chân của bà đây – Rouletabille giải thích giống những “dấu chân thanh lịch” của tên sát nhân một cách kỳ quái.

Bà Mathieu giựt mình đánh thót. Bà nhìn chòng chọc anh phóng viên trẻ, cặp mắt bàng hoàng hung dữ. Anh chàng này dám nói gì? Muốn nói gì?

- “Bà đây cũng có bàn chân thanh lịch, dài, và với đàn bà thì hơi to một chút. Chính là bàn chân tên sát nhân, khác chút xíu ở mũi giày cao cổ.”

Trong đám công chúng có vài chỗ xao động. Rouletabille giơ tay chặn họ lại. Có thể nói người chỉ huy đội Cảnh sát giữ trật tự phiên tòa bây giờ thật sự là anh.

- Tôi xin nói ngay, anh tiếp, rằng chuyện này không có chi đáng kể, và nhà thám tử xây dựng hệ thống suy luận trên những dấu chỉ bề ngoài như thế mà không bao quanh nó một tư “tưởng đại quát” sẽ phẳng phẳng đi vào con đường sai lầm. Như Robert Darzac, ông ấy cũng có đôi bàn chân của tên sát nhân, thế nhưng ông ấy không phải tên sát nhân!”

Lại chuyển động trong đám đông.

Ông Chánh án hỏi bà Mathieu:

- Có phải mọi việc đêm ấy xảy ra với bà đúng như vậy không?

- Dạ đúng, thưa ông Chánh án, cứ y như ông Rouletabille ở ngay sau lưng chúng tôi vậy.

- Thế thì bà đã trông thấy tên sát nhân chạy trốn đến tận đầu cánh hữu lâu đài, phải vậy không?

- Dạ đúng, như tôi đã thấy người ta khiêng xác anh bảo vệ đi một phút sau đó.

- Còn tên sát nhân ra sao? Bà ở lại một mình ngoài sân trước, tất nhiên bà phải thấy nó chứ?. Nó không biết có bà ở đó và nó chỉ mãi lo trốn.

- Tôi chẳng thấy gì, thưa ông Chánh án – bà Mathieu rên rỉ – lúc ấy tự nhiên trời tối quá là tối!

- Vậy, chỉ có ông Rouletabille giải thích cho chúng ta hiểu tên sát nhân đã tẩu thoát cách nào.

- Đúng thế! Chàng tuổi trẻ đáp ngay với giọng tin tưởng vững như thành đồng, đến độ ông Chánh án cũng không hà tiện một nụ cười.

Rồi Rouletabille sang sảng:

- Tên sát nhân đã đi vào mấu sân con ấy, sẽ không có cách chi ra thoát một cách bình thường

mà không bị chúng tôi thấy. Dù trời tối không nhìn rõ thì cũng phải đụng người nó! Mẩu sân nhỏ tí xiu, hình vuông, xung quanh toàn hố sâu và hàng rào cao. Hoặc tên sát nhân đập lên chúng tôi, hoặc chúng tôi đập lên cái mảnh sân vuông này cụ thể cũng bị đóng kín bởi những hố, những rào và bởi chính chúng tôi, chẳng khác chi “Căn Phòng Vàng”.

- Thế thì ông hãy cho chúng tôi biết, vì nó đã vào cái mảnh sân vuông ấy, tại sao các ông không tìm thấy nó? Cả nửa giờ qua chúng tôi chỉ đợi ông có chừng đó!

Rouletabille lại lôi quả quít trong túi áo gi-lê ra, thản nhiên nhìn giờ rồi nói:

- Thưa ông Chánh án, ông có hỏi tôi câu này trong ba giờ nữa cũng thế thôi, tôi chỉ có thể trả lời vào đúng sáu giờ rưỡi!

Lần này, tiếng xì xào không còn chống đối, không còn bất bình. Người ta bắt đầu tin Rouletabille. “Người ta đặt tin tưởng vào anh” và người ta lấy làm thú vị tuyệt trần thấy anh cả gan định một giờ hẹn với ông Chánh án như hẹn một người bạn.

Còn ông Chánh án, sau khi lòng tự hỏi lòng có nên nổi giận hay không, ông quyết định cũng đùa giỡn với thằng nhỏ này cho vui. Thiện cảm từ Rouletabille toả ra xung quanh anh và ông Chánh án đã thấm nặng. Sau hết, anh đã diễn xuất vai trò của bà Mathieu trong vụ này quá rõ, và giải nghĩa nhất cử nhất động của bà ta trong “đêm hôm ấy” rành rẽ quá khiến ông De Rodoux thấy buộc lòng phải coi trường hợp anh thật sự là nghiêm túc.

- Thôi được, ông Rouletabille, tùy ông! Nhưng đi đâu thì đi, ông đừng để tôi thấy mặt trước sáu giờ rưỡi.

Rouletabille chào ông Chánh án, cái đầu to lúc la lúc lắc, anh đi về phía cửa ra vào dành cho nhân chứng.

Anh đảo mắt tìm tôi. Anh không thấy tôi. Tôi bèn nhẹ lách đám đông người đang xiết chặt vòng vây quanh mình và ra khỏi phòng xử cùng lúc với Rouletabille. Anh đón tôi hết sức nồng nàn. Anh sung sướng cười nói huyên thuyên. Anh hớn hờ lắc tay tôi thật mạnh. Tôi nói:

- Anh bạn thân mến ơi, tôi sẽ không hỏi anh đã làm cái gì ở bên Mỹ, vì chắc chắn anh sẽ trả lời tôi như trả lời ông Chánh án, rằng đến sáu giờ rưỡi anh mới có thể cho biết điều đó, phải vậy không?

- Không, anh bạn Sainclair thân mến! Tôi cho anh biết ngay lập tức tôi đã làm gì ở Mỹ, bởi vì anh, anh là một người bạn: Tôi đi tìm tên của cái nửa thứ hai con người kẻ sát nhân!

- Thật hả, thật hả, tên cái nửa thứ hai?

- Đúng thế, khi chúng ta rời Glandier lần chót, tôi đã biết được hai nửa của kẻ sát nhân và tên của một trong hai cái nửa ấy. Tôi sang Mỹ để tìm nốt tên của cái nửa kia.

Tới đây chúng tôi bước vào phòng các nhân chứng.

Họ xúm quanh Rouletabille hỏi han tíu tít. Anh phóng viên vồn vã với hết thấy mọi người, trừ Arthur Rance, anh lạnh nhạt ra mặt – Thấy Frédéric Larsan vào phòng, Rouletabille đi tới và biểu diễn một cái bắt tay thép, chỉ mình anh làm được, nó có thể khiến đối phương gãy đốt

như chơi. Bày tỏ cảm tình đậm đà như vậy, chắc hẳn Rouletabille đã cho ông ta đo ván. Larsan mỉm cười tràn đầy tự tin và cũng hỏi anh làm gì ở Mỹ. Tức thì Rouletabille rất ân cần, nắm cánh tay ông ta kể luôn cả chục giai thoại về cuộc viễn hành của mình. Một lát sau, họ kéo nhau đi bàn bạc những chuyện quan trọng hơn, tôi biết ý nên đã kín đáo lĩnh đi chỗ khác. Vả chăng, tôi cũng ham trở vào phòng xử, nơi cuộc thẩm vấn các nhân chứng vẫn tiếp tục. Tôi đến ngồi chỗ cũ và nhận thấy ngay công chúng chỉ để ý hơi hơi đến những gì đang diễn ra. Họ nén lòng chờ sáu giờ rưỡi.

Đồng hồ điểm vang tiếng chuông sáu giờ rưỡi và Joseph Rouletabille trở vào phòng xử. Mô tả nổi xúc động bùng bùng của đám đông khi họ đưa mắt dõi theo anh đi tới lan can nhân chứng là việc không thể làm được. Người ta không thở nữa. Ông Robert Darzac rời chiếc ghế dài đứng dậy. Mặt ông tái nhợt “như một xác chết”.

Ông Chánh án nghiêm khắc:

- Tôi không cho ông tuyên thệ như luật định. Ông không được tòa đòi, theo thủ tục bình thường. Nhưng tôi hy vọng khỏi cần cắt nghĩa với ông tất cả tầm quan trọng của những lời ông sắp khai ra ở đây..

Rồi thêm một câu hàm ý đe dọa:

- Tất cả tầm quan trọng của những lời khai ấy, cho ông, nếu không là cho kẻ khác.

Rouletabille không mảy may xúc động, nhìn thẳng ông quan tòa. Anh nói:

- Thưa vâng!

- Nào – ông Chánh án tiếp – ban nãy chúng ta đang nói đến cái mẩu sân con đã làm nơi ẩn núp cho tên sát nhân và ông hứa với chúng tôi, đến sáu giờ rưỡi, sẽ cho biết làm cách nào tên sát nhân đã trốn ra khỏi mẩu sân con ấy, và luôn cả tên nó. Bây giờ là sáu giờ năm phút, ông Rouletabille, mà chúng tôi chưa biết gì hết!

- Thưa ông Chánh án! – Bạn tôi lớn tiếng giữa một khung cảnh im lặng trang nghiêm mà đời tôi chưa hề “nhìn thấy” bao giờ – tôi đã nói rằng cái mẩu sân con ấy được quây kín và tên sát nhân không thể ra thoát mà không bị những người đang rượt đuổi nó trông thấy. Đó là sự thật tinh tuyền. Khi chúng tôi ở đó, trong cái mảnh sân con vuông, tên sát nhân cũng ở đó với chúng tôi!

- Thế mà các ông không trông thấy nó? Đúng như Công Tố Viên nói rồi còn gì.

- Ấy, tất cả chúng tôi đều thấy chứ! Thưa ông Chánh án – Rouletabille nói lớn.

- Và các ông bắt giữ nó?

- Chỉ có mình tôi biết nó là tên sát nhân. Mà tôi thì cần để tên sát nhân không bị bắt ngay tức khắc! Vả chăng, lúc ấy tôi không có bằng chứng nào khác ngoài “lý trí của tôi”, vậy chỉ có lý trí của tôi nó chứng minh tên sát nhân ở đó và chúng tôi trông thấy nó! Tôi đã dành một thời gian để hôm nay mang đến trước tòa đại hình một chứng cứ không thể chối cãi và, tôi cam đoan, tất cả mọi người đều hài lòng.

- Thì ông nói đi! Nói đi! Cho tôi biết tên kẻ sát nhân là gì đi! – Ông Chánh án giục.

- Ông Chánh án sẽ thấy tên nó trong đám tên những người ở trong cái mẫu sân con ấy. – Rouletabille trả lời thủng thẳng, không chút vội vàng..

Công chúng trong phòng xử bắt đầu sốt ruột.

“Nói tên đi! Nói tên đi!” Nhiều tiếng xì xào.

Rouletabille bằng giọng nói “đáng ăn mấy cái bạt tai”, vẫn chậm rãi:

- Tôi kéo dài lời khai này một chút, lời khai của tôi, thưa ông Chánh án, bởi tôi có lý do để làm thế!

- Nói đi, nói tên nó ra cho rồi! Đám đông gắt gỏng,

- Im lặng! – Ông Thừa phát lại quát to.

Ông Chánh án hỏi tiếp:

- Ông cần khai ngay cái tên nó đi! Những người ở trong sân lúc đó là: Anh bảo vệ chết rồi. Phải anh ta, tên sát nhân đấy không?

- Thưa không.

- Bõ Jacques?

- Thưa không.

- Anh gác cổng Bernier?

- Thưa không.

- Ông Sainclair?

- Thưa không.

- Thế thì ông Arthur Rance rồi. Chỉ còn lại ông Arthur Rance và chính ông thôi! Ông, ông không phải tên sát nhân chứ?

- Thưa không.!

- Vậy ông tố cáo ông Arthur Rance?

- Thưa không!

- Tôi hết hiểu nổi! Ông muốn đi tới đâu? Hết người rồi, làm gì còn ai trong mẫu sân con ấy nữa.

- Còn, thưa ông Chánh án! Không có ai trong mảnh sân con, dưới nhà cũng không, nhưng có người ở trên lầu. Một người cúi mình qua cửa sổ dòm xuống mảnh sân con.

- Frédéric Larsan! – Ông Chánh án thét lên.

- Frédéric Larsan! – Rouletabille nhắc lại một câu vang rền.

Đoạn, quay về phía công chúng đang lao xao phản đối, anh tung ra những tiếng mà đến tôi cũng không ngờ anh có thể nói:

- Frédéric Larsan, tên sát nhân!

Tiếng la hoảng ồn lên ngập phòng xử, lẫn lộn những sững sốt, thất kinh, phẫn nộ, ngờ vực, và ở một số người lòng ngưỡng mộ bốc cao đối với con người bé nhỏ kia dám táo bạo tung ra một lời tố cáo nguy hiểm như vậy. Ông Chánh án cũng chẳng buồn dẹp yên họ. Khi tiếng ồn ào tự nó êm đi sau những tiếng suyt nghiêm khắc của những người nóng muốn biết nhiều hơn nữa, người ta nghe rõ Robert Darzac buông mình rơi xuống thốt kêu lên:

- Không có lẽ! Anh này điên rồi!

Ông Chánh án nói với Rouletabille:

- Ông dám tố cáo Frédéric Larsan ư? Ông thấy hậu quả lời tố cáo ấy đó. Đến ông Robert Darzac cũng phải cho ông là điên! Nếu ông không điên, ông phải có bằng chứng.

- Bằng chứng, thưa ông Chánh án! Ông Chánh án muốn bằng chứng! A! Tôi xin đưa ra một bằng chứng- Tiếng Rouletabille oang oang – Xin tòa cho đòi Frédéric Larsan!

Ông Chánh án:

“Thừa phát lại, gọi Frédéric Larsan”.

Viên Thừa phát lại chạy ngay đến khung cửa nhỏ, mở ra, biến mất, khung cửa để ngỏ. Mọi con mắt đổ dồn vào nó. Thừa phát lại trở vào. Ông đi tới khu thẩm án báo cáo:

- Thưa ông chánh án, Frédéric Larsan không có đây. Ông ấy đi khỏi lúc bốn giờ, không ai thấy trở lại.

Rouletabille cao giọng đắc thắng:

- Bằng chứng của tôi, thì đó!

- Ông hãy giải thích rõ hơn. Bằng chứng nào?

- Bằng chứng không thể chối cãi của tôi. – Anh phóng viên đáp – ông Chánh án không thấy đó là cuộc bỏ trốn của Larsan đấy ư? Tôi cam đoan với tòa ông ấy không bao giờ trở lại! Nhất định không bao giờ quý vị gặp lại Frédéric Larsan.

Tiếng xầm xì nổi lên ở cuối phòng.

Ông Chánh án:

- Nếu ông không cố ý xem thường luật pháp, tại sao ông không nhân lúc Larsan còn ở bên ông, trước hàng lan can đây, để tố cáo ông ấy thẳng vào mặt? Ít nhất ông ấy có thể trả lời ông.

- Còn có câu trả lời nào đầy đủ bằng câu này, thưa ông Chánh án? Ông ấy không trả lời tôi. Ông ấy sẽ không bao giờ trả lời tôi đâu! Tôi tố cáo Larsan là tên sát nhân và ông ấy chạy trốn! Ông Chánh án còn chưa thấy đó là một câu trả lời sao, vụ bỏ trốn này!

- Chúng tôi không muốn tin, chúng tôi không tin như ông nói, rằng Larsan “đã chạy trốn”.

Sao ông ấy phải chạy trốn? Ông ấy có biết ông sắp tố cáo ông ấy đâu?

- Có, ông ấy biết, bởi chính tôi đã cho ông ấy biết lúc này.

- Ông dám làm thế à? Ông tin Larsan là tên sát nhân mà ông cho ông ấy phương tiện để chạy trốn?

- Đúng, thưa ông Chánh án, tôi đã làm thế – Rouletabille kiêu hãnh trả lời – Tôi không phải người của “pháp luật”. Tôi không phải người của “Cảnh Sát”. Tôi chỉ là một phóng viên tầm thường, và nghề của tôi không phải là làm cho ai bị bắt! Tôi phục vụ sự thật theo ý tôi, đó là việc của riêng tôi. Còn quý vị, quý vị cứ bảo vệ xã hội theo khả năng của quý vị, đó là việc của riêng quý vị. Nhưng đem một cái đầu đến nộp cho ông đao phủ thì không phải việc của tôi! Nếu ông Chánh án là người công minh – mà nhất định ông là người công minh rồi – ông sẽ thấy tôi có lý! Ban này, tôi đã chẳng thừa cùng ông, rằng ông sẽ hiểu tại sao tôi không thể tiết lộ danh tánh kẻ sát nhân trước sáu giờ rưỡi đây ư? Tôi đã tính kỹ, thời gian ấy cần để cho Frédéric Larsan biết mà đáp chuyến xe lửa 4 giờ 15 phút đi Paris, tới đây, ông ấy sẽ biết cách tìm lấy an toàn. Một giờ để đến Paris, một giờ mười lăm phút nữa để ông ấy xóa hết mọi dấu vết trên đường bôn tẩu. Thế là đủ tới sáu giờ rưỡi. Quý vị sẽ không tìm ra Frédéric Larsan nữa đâu.

Rouletabille ngó đăm đăm ông Robert Darzac: Ông ấy khôn quá mà. Đó là một người luôn luôn thoát khỏi tay quý vị, mà quý vị uống công săn đuổi đã lâu. Tuy ông ấy không tài giỏi bằng tôi – Rouletabille cười rất thật thà và cười một mình, vì lúc này chẳng ai còn thiết cười nữa – nhưng ông ta lại tài giỏi hơn tất cả Cảnh Sát trên trái đất. Con người ấy từ bốn năm lọt vào ngành Cảnh Sát, danh tiếng lẫy lừng dưới cái tên Frédéric Larsan, lại cũng đã lẫy lừng danh tiếng dưới một cái tên khác mà quý vị biết rõ, Frédéric Larsan, thưa ông Chánh án, chính là Ballmeyer!

- Ballmeyer! – Ông Chánh án bàng hoàng.

- Ballmeyer! – Robert Darzac cũng nhòm người trên ghế bị cáo – Ballmeyer! Thế thì đúng rồi!

- A! A! Ông Darzac, giờ thì ông hết chê tôi là người điên chứ!

- Ballmeyer! Ballmeyer! Ballmeyer!

Khắp phòng, người ta chỉ còn nghe có một cái tên ấy. Ông Chánh án truyền đình phiên xử.

Thời gian tòa đình, quang cảnh phòng xử lại vô cùng náo nhiệt! Công chúng có lắm đề tài thảo luận.

Ballmeyer! Người ta phục chú bé phóng viên quả là tay “cự phách”! Ballmeyer! Quái, sao người ta đồn y chết từ mấy tuần nay rồi! Té ra Ballmeyer đã thoát chết, cũng như cả đời y, y đã thoát khỏi tay Hiến binh. Tôi có cần nhắc lại ở đây nhưng thành tích lớn của Ballmeyer không nhỉ. Suốt hai mươi năm trời, chúng đã gây sôi nổi trong những bài xã luận tư pháp và làm tiêu đề cho mục tin tức linh linh. Và nếu có vài độc giả của tôi đã lỡ quên mất vụ “Căn Phòng Vàng” thì cái tên Ballmeyer chắc chắn chưa bị xóa nhòa trong ký ức họ. Ballmeyer là tiêu biểu điển hình cho khoa bịp bợm đại thế giới. Không có ai thượng lưu quý phái bằng y. Không có nhà ảo thuật nào ngón tay khéo léo hơn y. Không có tên “đạo tặc” nào, như người ta thường nói ngày

nay, to gan hơn vì đáng khiếp hơn y.

Được nhận vào tầng lớp xã hội thượng lưu nhất, ghi tên trong những hội quán khó gia nhập nhất, y đã đánh cắp danh dự các gia đình về tiền bạc của văn nhân trí thức một cách ngang tàng chưa từng thấy.

Trong vài vụ khó khăn, y không ngần ngại chơi dao găm ‘hoặc lóng xương cừu’. Ngoài ra, y chẳng bao giờ ngần ngại trước tội ác, không một vụ làm ăn nào ở trên sức y. Có một lần sa lưới pháp luật, y đã tẩu thoát ngay buổi sáng hôm mở phiên tòa xử y, bằng cách ném bột tiêu vào mắt mấy người cảnh vệ áp giải y đi tòa. Sau này, người ta mới biết ngay hôm y trốn thoát, trong lúc các thám tử tài ba nhất của Sở Công An bám sát vết chân y thì, rất bình tĩnh, không một chút cải trang, y ngang nhiên dự buổi trình diễn ra mắt của Đoàn kịch nghệ Pháp. Tiếp đó, y rời nước Pháp qua Mỹ làm ăn và cảnh sát bang Ohio, một buổi đẹp trời kia, đã thộp được tên cướp khét tiếng này nhưng hôm sau y lại trốn thoát. Ballmeyer, nói về Ballmeyer thì phải có một quyển sách dày, và con người ấy đã trở thành Frédéric Larsan! Và chính chú bé Rouletabille, đã phát giác việc đó! Rồi cũng chính chú bé, biết rõ quá khứ của Ballmeyer, một lần nữa lại cho phép y trêu ngươi xã hội bằng cách cấp phương tiện cho y tẩu thoát. Về điểm chốt này, tôi chỉ có thể nghiêng mình cảm phục Rouletabille, vì tôi vốn biết ý định của anh ta là tận tình giúp đỡ đến cùng ông Roberl Darzac và cô Stangerson bằng cách tống khứ tên tướng cướp đi xa mà không để cho nó nói.

Khi phiên tòa tái nhóm, công chúng chưa kịp điều hòa hơi thở sau cú vén màn bí mật ly kỳ này thì tôi đã lại nghe những người nóng nảy nhất hét toáng lên:

- “Cho rằng tên sát nhân đúng là Frédéric Larsan đi nữa, vẫn chưa có gì giải nghĩa được làm thế nào nó thoát ra khỏi “Căn Phòng Vàng!”

Rouletabille được gọi lập tức lên lan can nhân chứng, và cuộc hỏi cung anh, vì đây thực sự là buổi hỏi cung đúng hơn, một cuộc khai chứng, lại tiếp tục.

Ông Chánh án:

- Vừa rồi, ông cho chúng tôi biết không có cách gì trốn khỏi cái mẩu sân con. Tôi chấp nhận với ông, tôi muốn chấp nhận rằng, vì Frédéric Larsan đứng khom lưng qua cửa sổ, phía trên các ông, tức là y còn ở trong mẩu sân ấy. Nhưng muốn đứng ở cửa sổ phòng y, y phải rời mẩu sân bên dưới, vậy thì y đã trốn thoát! Trốn cách nào?

Rouletabille:

- Tôi có nói y không thể trốn thoát “một cách bình thường” nghĩa là y trốn thoát một cách dị thường! Bởi cái mẩu sân con, tôi cũng đã nói, chỉ “gần như” đóng kín, trong khi “Căn Phòng Vàng” thì kín như nhà mồ. Y có thể trèo lên tường, một việc không làm được trong “Căn Phòng Vàng”, quăng mình trên sân thượng y leo vào hành lang bằng khung cửa sổ ở ngay phòng bên trên sân thượng. Larsan chỉ cần nhảy một bước là vào được phòng y, mở cửa sổ và nói trở xuống dưới với chúng tôi. Công việc ấy là trò chơi con nít đối với một tay đu bay có sức mạnh như Ballmeyer. Và, thưa ông Chánh án, đây là bằng chứng về điểm tôi vừa trình bày.

Rouletabille móc trong túi áo vét lấy ra một gói nhỏ. Anh mở gói, cầm một con chốt gio lên:

- Thưa ông Chánh án, đây là con chốt đóng vừa vặn vào một cái lỗ mà người ta tìm thấy còn cắm trong “con quạ” bên phải, đội mẳng sên thượng trên bao lơn. Larsan, con người tiên liệu tất cả và nghĩ đến mọi phương tiện tẩu thoát xung quanh phòng mình – việc tất nhiên phải làm khi chơi cái trò của y – đã đóng sẵn cái chốt này vào “con quạ”. Một chân trên cái mố ở góc lầu đài, chân kia đạp lên con chốt, một tay chống mép cửa phòng anh bảo vệ, tay kia bám vành sên thượng, và Frédéric Larsan biến mất trong thinh không, nhất là y nhanh như vượn và tối hôm ấy y không hề bị say thuốc mê như y làm bộ gạt chúng tôi. Chúng tôi đã ăn tối với y, thưa ông Chánh án, và đến lúc tráng miệng, y giả vờ lăn ra ngủ, bởi lẽ y cũng phải đóng vai trò mê man để ngày mai không ai ngạc nhiên thấy tôi, Joseph Rouletabille, bị trúng thuốc mê trong bữa ăn tối với Larsan. Một khi hai chúng tôi cùng chung số phận thì các mũi dùi nghi ngờ không phạm được đến y và sẽ chia đi hướng khác. Vì tôi, thưa ông Chánh án, tôi đã bị đánh thuốc mê thật sự ngon trớn, bởi chính tay Larsan, rồi sự thể ra sao! Nếu tôi không bị rơi vào tình trạng bi đát ấy thì đời nào Larsan lên được vào phòng cô Stangerson tối hôm đó, và tai họa đã không xảy ra!

Người ta nghe một tiếng rên đau đớn. Ông Robert Darzac không dằn nổi bi thương.

- Chắc ông Chánh án cũng hiểu – Rouletabille nói tiếp – bởi nằm ngay phòng bên cạnh, tôi đặc biệt ngăn trở hoạt động của y đêm đó, vì y biết hay ít nhất y có thể e ngại đêm đó, tôi thức canh chừng! Dĩ nhiên, y không thể ngờ một giây nào là tôi dám nghi cả y! Nhưng tôi có thể phát hiện y lúc y từ phòng mình đi ra để đến phòng cô Stangerson lắm chứ! Vậy nên, đêm đó, y đợi cho tôi mê mết bên phòng tôi và ông bạn Sainclair của tôi thì mải lo giải mê cứu tỉnh tôi, rồi y mới lên vào phòng cô Stangerson. Mười phút sau, cô Stangerson thét lên một tiếng kêu thương từ đáy sâu địa ngục.

- Ông làm thế nào mà đi tới chỗ nghi ngờ Frédéric Larsan? Ông Chánh án hỏi.

- “Cái đầu tốt của lý trí tôi” nó chỉ đường, thưa ông Chánh án, vì thế mà tôi không rời mắt canh chừng y. Nhưng y quả là tay ghê gớm và tôi đã không tính trước đến cái ngón thuốc mê. Đúng, đúng, cái đầu tốt của lý trí tôi hướng dẫn tìm ra! Nhưng tôi cần có bằng chứng cụ thể như ai kia thường nói: “Trông rõ nó trước mắt sau khi đã thấy nó trong lý trí!”

- Ông hiểu sao về cái ông gọi là “đầu tốt của lý trí ông”?

- Ô! Thưa ông Chánh án, lý trí có hai đầu: Đầu tốt và đầu xấu. Chỉ có một đầu mình dựa vào được để suy luận một cách vững vàng, đó là cái đầu tốt. Mình nhận ra nó khi không có gì bắt nó lung lay được, dù mình làm gì, dù mình nói gì! Hôm sau ngày xảy ra vụ “Hành Lang Không Hiểu Nỗi”, lúc tôi như kẻ thấp hèn nhất trong số người thật thấp hèn giữa đám nhân loại khốn khổ không biết đường nào mà sử dụng lý trí của mình, bởi vì không biết bắt đầu từ chỗ nào, trong lúc tôi còng lưng trên mặt đất nhìn những dấu vết gian trá do giác quan thu nhận được, bỗng dưng tôi đứng phắt dậy, và dựa trên cái đầu tốt của lý trí mình, tôi phóng tới hành lang.

“Tới hành lang, tôi hiểu rằng tên sát nhân mà chúng tôi rượt bắt lần này đã không thể thoát ra khỏi hành lang một cách “bình thường cũng như dị thường”. Thế là với cái đầu tốt của lý trí tôi, tôi vẽ một vòng tròn, đem toàn bộ vấn đề nhốt trong đó, rồi xung quanh vòng tròn, tôi viết nhảm trong đầu những chữ rực sáng thế này: “Bởi vì tên sát nhân không thể nào ở ngoài cái vòng tròn, thì bắt buộc nó phải ở trong. Vậy tôi thấy những ai trong vòng tròn ấy? Cái đầu tốt của lý trí tôi điểm danh từng người – ngoài tên sát nhân bắt buộc phải có mặt, còn bỏ Jacques,

Ông Stangerson, Frédéric Larsan và tôi! Cộng cả lại với tên sát nhân, phải là năm người. Thế nhưng, khi tôi tìm trong vòng tròn, hay tùy ông muốn gọi “cụ thể” là trong hành lang cũng được, tôi chỉ đếm được có bốn. Và điều đã được chứng minh là người thứ năm không thể chạy trốn, không thể ra ngoài vòng tròn! Vậy tôi có trong vòng tròn, một nhân vật thành hai, nghĩa là ngoài con người của nhân vật còn cộng thêm con người tên sát nhân! Tại sao trước đó, tôi không hiểu như vậy? Đơn giản chỉ tại cái hiện tượng nhân vật kép không chạy qua mắt tôi. Trong bốn nhân vật bị nhốt trong vòng tròn, tên sát nhân đã có thể tự lồng mình với ai để thành hai, mà tôi không biết? Chắc chắn không phải với những người đã có lúc hiện ra trong óc tôi là rằng phải tách rời tên sát nhân. Như thế, tôi đã nhìn thấy cùng một lúc, trong hành lang, ông Stangerson và tên sát nhân, bố Jacques và tên sát nhân, tôi và tên sát nhân. Tên sát nhân không thể là ông Stangerson, không thể bố Jacques, không thể là tôi. Vả chăng, nếu chính tôi là tên sát nhân thì tôi phải biết chứ, đúng không, thưa ông Chánh án? Tôi có nhìn thấy, cùng một lúc, Frédéric Larsan và tên sát nhân không? Không! Đã có “hai giây đồng hồ” tên sát nhân thoát ra ngoài tầm mắt tôi vì, như tôi có ghi lại trong các giấy tờ riêng, nó đã chạy tới ngã ba hai hành lang “hai giây đồng hồ” trước ông Stangerson, bố Jacques và tôi. Thế là đủ cho Larsan quẹo vào hành lang ngoặt, giựt hàm râu giả bằng một cái trở bàn tay, quay trở lại và húc vào chúng tôi, làm như y rượt đuổi tên sát nhân, đâm đầu tới! Ballmeyer đã từng làm nhiều vụ kiểu này mà quý vị thừa biết, việc bôi mặt hóa trang đối với y là trò trẻ, lúc thì y xuất hiện trước cô Stangerson với bộ râu đỏ, lúc thì trước nhân viên Bưu Điện Văn Phòng 40, với hàm râu nâu vàng cho giống ông Robert Darzac, người mà y quyết tâm đưa lên máy chém!

Đúng, cái đầu tốt của lý trí tôi đem ráp hai nhân vật này lại với nhau, hay đúng hơn, hai nửa nhân vật mà tôi không nhìn thấy cùng một lúc: Frédéric Larsan và kẻ lạ mặt tôi đang theo đuổi, để hợp thành trọn vẹn một con người bí mật và gớm ghê tôi đã quyết lòng kiếm “tên sát nhân”.

Điều phát giác bất ngờ này làm tôi hoang mang. Tôi cố tự trấn tĩnh bằng cách chăm chú một chút vào những vết tích do giác quan thu nhận được, nhưng dấu chỉ bề ngoài cho tới bây giờ vẫn dẫn tôi đi ngu ngơ mãi đâu, và tự nhiên phải đưa vào vòng tròn do cái đầu tốt của lý trí tôi đã vẽ!

Trước hết, những dấu chỉ bề ngoài chính nào, trong đêm ấy, đã dẫn tôi lạc xa một Frédéric Larsan sát nhân:

1. Tôi đã trông thấy kẻ lạ mặt ở trong phòng cô Stangerson, rồi khi chạy sang phòng Frédéric Larsan, tôi đã gặp ở đây, một Frédéric Larsan mặt phì phì vì ngái ngủ.

2. Cái thang.

3. Tôi đã cắt Frédéric Larsan đứng ở đầu hành lang ngoặt, dặn y tôi sẽ nhảy vào phòng cô Stangerson để bắt tên sát nhân. Thế rồi, khi tôi quay lại phòng cô Stangerson thì vẫn thấy kẻ lạ mặt ở đó.

Cái dấu chỉ bề ngoài thứ nhất không làm tôi lúng túng. Có thể rằng lúc tôi xuống cầu thang, sau khi thấy kẻ lạ mặt trong phòng cô Stangerson, thì y đã làm xong công việc cần làm ở đó. Thế là trong lúc trở về lầu đài thì y trở về phòng Frédéric Larsan, cởi bỏ quần áo trong hai, ba động tác, và khi tôi gõ cửa phòng, y đã trình bày được một bộ mặt Frédéric Larsan ngái ngủ rất là nghiêm chỉnh.

Dấu chỉ thứ hai, cái thang cũng không làm tôi lúng túng. Rõ ràng nếu tên sát nhân là Larsan, y cần gì phải có thang mới vào được lầu đài, vì Larsan ngủ ở bên cạnh phòng tôi. Nhưng cái thang làm cho người ta tưởng tên sát nhân “ở bên ngoài” vào, việc này cần thiết cho hệ thống của Larsan, vì đêm ấy ông Darzac không ở lầu đài. Cuối cùng, với cái thang, đằng nào cũng có lợi, nó có thể giúp Larsan tẩu thoát dễ dàng nữa.

Nhưng cái dấu chỉ thứ ba thì quả thật nó làm tôi mất phương hướng, không còn biết đâu mà lần. Khi đã cắt Larsan đứng ở đầu hành lang ngoặt, tôi không hiểu vì có gì mà y dám lợi dụng lúc tôi đi sang cánh trái lầu đài tìm ông Stangerson và bỏ Jacques để quay vào phòng cô Stangerson! Làm như vậy hết sức là nguy hiểm! Rất dễ bị bắt. Mà y biết vậy! Và quả nhiên, y đã suýt bị bắt thật, vì không đủ thì giờ trở lại chỗ được chỉ định đứng rình, như y hy vọng chắc thế. Dám trở vào phòng cô Stangerson, nhất định y phải có một duyên cớ cực thúc bách hiện ra bất thần sau khi tôi quay đi, vì nếu không thế thì y đâu có cho tôi mượn súng! Về phía tôi, khi tôi cử bỏ Jacques đến đứng ở đầu hành lang thẳng, cố nhiên tôi yên trí Larsan vẫn đứng nguyên chỗ tôi chỉ định cho y ở đầu hành lang ngoặt, còn bỏ Jacques, bởi tôi không cho bỏ thêm chi tiết nào khác, nên lúc đi qua giao điểm hai hành lang, bỏ không để ý nhìn coi Larsan có đứng ở chỗ y không. Lúc ấy, bỏ Jacques chỉ lo chấp hành chỉ thị của tôi sao cho nhanh chóng. Vậy cái lý do bất ngờ đã buộc Larsan vào phòng cô Stangerson lần thứ hai là gì? Lý do gì mà cấp thiết dữ vậy? Tôi nghĩ, đó chỉ có thể là một dấu vết do giác quan thu nhận được nó chỉ cho người ta thấy con đường y đã đi qua và nó sẽ tố cáo y! Y đã bỏ quên một cái gì thật quan trọng ở trong phòng! Cái gì? Y có tìm lại được cái đó không? Tôi nhớ đến ngọn nến đặt dưới sàn nhà và kẻ lạ mặt lom khom cúi xuống, tôi bèn nhờ chị Berniet, người có phận sự dọn dẹp căn phòng tìm giùm và chị đã tìm thấy cái kính kẹp mũi, cái kính này đây thừa ông Chánh án!

Và Rouletabille mở gói lấy ra chiếc kính kẹp mũi mà chúng ta biết rồi.

- Khi tôi trông thấy cái kính này, tôi đâm hoảng, tôi chưa bao giờ thấy Larsan dùng kính kẹp mũi. Nếu y không dùng, tức là y không cần đến. Y càng không cần đến vào một lúc mà khả năng tự do cử động tay chân đối với y vô cùng quý giá, cái kính kẹp mũi này mang ý nghĩa gì? Nó không ở trong vòng tròn của tôi, trừ phi nó là kính của người viễn thị, tôi bất giác kêu lên kinh ngạc! Quả thực, tôi chưa bao giờ trông thấy Larsan viết, chưa bao giờ thấy y đọc. Vậy y “có thể” là người viễn thị. Chắc ở Sở Công An người ta biết y bị viễn thị. “Nếu đúng y bị viễn thị, hẳn người ta nhận ra cái kính kẹp mũi của y, kính kẹp mũi của Larsan viễn thị lượm được trong phòng cô Stangerson, sau vụ,” Hành Lang Không Hiểu Nổi”, sẽ khủng khiếp thế nào, với Larsan! Đó là lý do bắt y trở vào phòng cô Stangerson. Và quả đúng Larsan – Ballmeyer viễn thị thật, và cái kính kẹp mũi này, mà ở Sở Công An “có lẽ” người ta sẽ nhận ra ngay, đúng là kính của y.

- Phương pháp của tôi thế nào, ông Chánh án thấy đó – Rouletabille tiếp – tôi không hề trông đợi các dấu vết bề ngoài cho tôi biết sự thật, tôi chỉ đòi chúng đừng đi ngược với sự thật do cái đầu tốt của lý trí tôi nó chỉ cho tôi!

Để nắm chắc toàn bộ sự thật về Larsan vì Larsan sát nhân là một trường hợp hết sức đặc biệt đáng bắt người ta phải thủ thế bằng một đảm bảo vững như trường thành, tôi đã làm mà nuôi ý định nhìn mặt y. Tôi bị trừng phạt đích đáng! Tôi tin là cái đầu tốt của lý trí tôi nó báo thù về nỗi từ khi xảy ra vụ “Hành Lang Không Hiểu Nổi”, tôi đã không dựa vào nó, dựa một

cách vững chắc, dứt khoát và hoàn toàn tin cậy, hiên ngang không thêm đi tìm bằng chứng nào khác về tội ác của Larsan, ngoài bằng chứng do lý trí tôi nó đưa ra! Thế rồi, cô Stangerson lãnh những nhát dao chí tử. Rouletabille ngừng nói, khịt mũi, anh xúc động mạnh.

- Nhưng Larsan, y vào phòng ấy làm chi? – ông Chánh án hỏi – Tại sao y cố ý giết cô Stangerson tới hai lần?

- Tại vì y mê cô ấy quá, thưa ông Chánh án.

- À, ra thế, lý do đấy!

- Vâng, thưa ông Chánh án, một lý do không sao cưỡng nổi. Y yêu cô điên cuồng, và chính vì yêu điên cuồng cộng thêm vài việc khác mà y có thể phạm đủ mọi tội ác dã man.

- Cô Stangerson có biết không?

- Dạ có, nhưng dĩ nhiên cô không biết kẻ đeo đuổi cô là Frédéric Larsan, nếu biết thì Frédéric Larsan đã không đến ở hẳn trong lâu đài và trong đêm xảy ra vụ “Hành Lang Không Hiểu Nỗi,” y đã không cùng chúng tôi đến gần cô Stangerson “sau vụ ấy”. Tôi còn để ý thấy y lẩn vào chỗ tối và lúc nào mặt cũng cúi xuống, chắc đưa mắt tìm cái kính kẹp mũi bị mất. Cô Stangerson bị Larsan đeo đuổi và tấn công khi y núp dưới một cái tên khác, đội một cái lốt khác mà chúng ta không biết, nhưng cô thì có thể cô đã biết.

- Còn ông, Robert Darzac – ông Chánh án quay về bị cáo – việc này hẳn ông đã được nghe cô Stangerson tâm sự. Tại sao cô Stangerson không tiết lộ với ai? Giá cô chịu nói, có phải nhà chức trách đã dò ra dấu vết kẻ sát nhân và nếu ông vô tội, đã tránh cho ông nỗi đau nhục bị lôi ra xét xử trước tòa!

- Cô Stangerson không hề nói gì với tôi. Ông Darzac đáp rất chững chạc.

- Những lời khai của anh bạn trẻ đây, theo ông, có đáng tin không? Ông Chánh án chưa chịu thôi, vẫn trơ như đá, vững như đồng, ông Darzac nhắc lại câu vừa nói:

- Cô Stangerson không hề nói gì với tôi.

Ông Chánh án quay lại Rouletabille:

- Ông giải thích thế nào về việc trong đêm anh bảo vệ bị giết, tên sát nhân đã mang trả những giấy tờ tài liệu ăn trộm của ông Stangerson? Ông giải thích thế nào về việc tên sát nhân vào lọt phòng của cô Stangerson, cửa khóa kỹ?

- Ô, câu hỏi sau, tôi thiết tưởng trả lời quá dễ. Một người cỡ Larsan – Ballmeyer nhất định phải có sẵn hoặc đặt làm những chìa khóa cần thiết cho y. Còn về các tài liệu mất trộm, tôi chắc ban đầu Larsan không nghĩ tới đâu. Y rình mò, do thám cô Stangerson khắp nơi, quyết ngăn cản việc hôn nhân giữa cô với ông Robert Darzac. Một hôm, y theo hai người vào mấy gian hàng lớn ở Louve, chiếm giữ được cái xách tay của cô Stangerson không rõ bị thất lạc hay mất cắp. Trong xách tay có chiếc chìa khóa đầu đồng. Y không biết cái chìa khóa ấy quan trọng thế nào, cho đến khi cô Stangerson đăng báo tìm, với lời hứa hậu tạ thì y hiểu.

Y viết thư lưu bưu điện gửi cô Stangerson, như cô yêu cầu trên báo. Chắc hẳn y đòi một cuộc

gặp gỡ, đồng thời cho biết người giữ xách tay với chìa khóa cũng chính là người bấy lâu bền chí yêu cô. Y không nhận được thư phúc đáp, y bèn đến Văn Phòng 40 để được biết đích xác rằng lá thư không còn đó. Y tới đây, bắt chước tối đa dáng dấp và lối trang phục của ông Robert Darzac, bởi vì đã quyết liều tất cả để chiếm kỳ được cô Stangerson, y chuẩn bị tất cả để, dù việc gì xảy đến thì ông Darzac, người được cô Stangerson yêu. Ông Darzac, người y thù ghét và muốn cho mau chết, phải bị coi là hung thủ.

Tôi nói dù việc gì xảy đến, nhưng tôi cho rằng Larsan chưa nghĩ tới cơ sự phải hạ độc thủ giết người mình yêu. Trong trường hợp nào thì những sắp đặt của y cũng là dùng để gieo tai tiếng cho cô Stangerson dưới lốt cải trang thành ông Darzac. Vả chăng, Larsan và Darzac tầm vóc xấp xỉ ngang nhau, bàn chân thì hầu như cùng khuôn đúc. Với y nào có gì khó, nếu cần, y chỉ việc lấy mẫu chân ông Darzac, đem đi đóng một đôi giày để mang vào khi hành động. Việc này đối với Larsan – Ballmeyer chỉ là trò trẻ.

Thế là không thư phúc đáp, không lời hẹn gặp, mà chiếc chìa khóa quý báu còn trong túi. Ôi, cần chi, cô Stangerson không muốn đến với ta thì ta đến với cô chứ sao! Kế hoạch của y được dựng từ lâu rồi. Y đã dò xét kỹ địa thế Giandier và khu biệt thất. Một buổi trưa, cha con ông Stangerson vừa ra khỏi để đi dạo và bố Jacques cũng đi nốt, y trèo qua cửa sổ gian tiền đình vào biệt thất. Lúc ấy, y có một mình, tha hồ giở thủ đoạn. Y nhìn đồ đạc. Có một cái tủ lạ quá, trông giống két sắt mà lỗ khóa nhỏ tí ty. Ô kìa! Cái này hay đây, sẵn chiếc chìa khóa nhỏ đầu đồng mang trong mình, y nghĩ ngay, liên hệ suy tưởng mà. Y cầm thử cái chìa vào ổ, cửa tủ mở liền. Toàn giấy tờ! Những giấy tờ này phải quý lắm mới được cất kín trong cái tủ kiểu đặc biệt thế này, mới được người ta tha thiết tới cái chìa khóa mở tủ đến như vậy. Ờ! Cái này có lợi, để làm một vụ bắc chệt được lắm, biết đâu chả giúp mình nhiều trong kế hoạch chinh phục tình yêu. Nghĩ đoạn, y vơ hết giấy tờ đồng vào bao thật nhanh và đem giấu trong phòng rửa mặt gian tiền đình. Giữa buổi ăn trộm ở biệt thất và đêm anh bảo vệ bị giết, Larsan đã có thì giờ coi kỹ những giấy tờ ấy là cái chi. Y sẽ dùng làm gì? Nhưng toàn là thứ nguy hại. Đêm ấy, y đem đến lâu đài hoàn về cổ chủ. Có thể y nuôi hy vọng, với việc được trả các giấy tờ tiêu biểu cho hai mươi năm trời khó nhọc, y sẽ được cô Stangerson bày tỏ lòng biết ơn chăng? Cái gì mà chẳng có thể manh nha trong một đầu óc như thế! Rốt cuộc, dù vì lý do nào thì cũng là y đã trả lại các giấy tờ tài liệu khoa học, và đúng là y đã trút bỏ được nó!

Rouletabille ho khê, và tôi hiểu tiếng ho của anh nghĩa là gì. Rõ ràng anh đang bối rối khi giải thích đến đoạn này, bởi anh có nhĩa ý không muốn vạch trần cái lý do nó tạo nên thái độ hung bạo của ông Larsan với cô Stangerson. Lập luận của anh về điểm này còn nhiều thiếu sót chưa thỏa mãn hết thấy mọi người và chắc chắn thế nào ông Chánh án cũng nêu nhận xét đó ra, nếu Rouletabille, láu cá như một con khỉ, không vội hô to: “Nào bây giờ, chúng ta tới chỗ vén màn bí mật “Căn Phòng Vàng!”

Trong phòng lập tức ồn lên tiếng xô ghế, tiếng sột soạt chen lách, những tiếng suýt gắt gỏng. Tính tò mò của công chúng bốc cao.

“Ông Rouletabille – ông Chánh án nói – “tôi thấy theo thuyết của ông thì bí mật “Căn Phòng Vàng” sáng tỏ rồi. Và chính Frédéric Larsan giải thích rõ bằng cách tráo đổi nhân vật, đặt ông Robert Darzac vào chỗ y. Hiển nhiên, cửa “Căn Phòng Vàng” đã mở lúc ông Stangerson ở lại một mình, và ông giáo sư đã để cho kẻ gian trong phòng con gái mình chạy ra mà không chặn

nó lại, có lẽ là theo lời cầu khẩn của con gái, để tránh tai tiếng nổ ra!”

- Không đúng, thưa ông Chánh án – chàng tuổi trẻ dần mạnh tiếng phản đối – ông quên rằng cô Stangerson bị thương nặng, không thể cầu xin với cha điều gì không thể lết ra đóng cửa phòng, gài chốt hoặc xoay ổ khóa. Ông cũng quên giáo sư Stangerson đã thề trên đầu con gái đang hấp hối rằng cửa phòng đã không mở.

- Nhưng chỉ còn cách ấy để giải thích mọi sự! “Căn Phòng Vàng” đóng kín như cái két sắt. Mượn chính lời của ông mà nói thì tên sát nhân không thể trốn thoát “một cách bình thường hoặc dị thường”. Khi người ta vào phòng, người ta không thấy nó! Thế là nó trốn thoát chứ còn gì?

- Hoàn toàn vô ích, thưa ông Chánh án.

- Vô ích sao?

- Nó không cần trốn, vì nó không có ở đó!

Tiếng lao xao lại nổi lên khắp phòng.

- Sao? Nó không có ở đó?

- Cố nhiên không! Tại vì nó không thể có ở đó nên nó không có ở đó! Thưa ông Chánh án, ta cần luôn luôn dựa vào cái đầu tốt của lý trí mình!

- Nhưng còn bao nhiêu dấu vết để lại trên đường nó đi qua! Ông Chánh án chưa chịu.

- Cái đó, thưa ông Chánh án, là cái đầu xấu của lý trí. Cái đầu tốt đó chỉ cho ta thấy điều này: Từ lúc cô Stangerson giam mình trong phòng kín tới lúc người ta phá cửa vào, tên sát nhân không thể trốn thoát “Căn Phòng Vàng” và người ta không thể thấy nó bởi vì từ lúc cửa đóng đến lúc cửa bị phá tên sát nhân không ở trong phòng!

- Thế những dấu chân?

- Ôi thưa ông chánh án đó là những dấu do giác quan thu nhận, người ta phạm bao nhiêu lỗi lầm tư pháp bởi vì nó xúi chúng ta nói những gì nó muốn. Không nên dùng nó để lý luận, tôi xin nhắc lại phải lý luận trước đã. Rồi sau mới xem những dấu vết do giác quan thu nhận có ở trong cái vòng tròn của lý trí mình không. Tôi có một vòng tròn nhỏ xíu không ai bác bỏ nổi: Tên sát nhân không có trong “Căn Phòng Vàng”. Tại sao người ta tưởng nó ở trong đó? Tại những dấu vết nó đi qua để lại! Nhưng có thể nó đã ở từ trước. Ấy quên, nó “phải” đi qua từ trước; lý trí tôi nói với tôi rằng nó đã đi qua đó trước! Chúng ta thử xét các dấu vết và những gì chúng ta biết về vụ này, xem những dấu vết có đi ngược với đường đi qua ấy trước, trước khi cô Stangerson tự giam mình trong phòng trước mặt cha cô và bố Jacques không?

Sau bài báo trên tờ Buổi Sáng và câu chuyện với ông Dự thẩm trên toa xe lửa từ Paris đến Epinay-Sur-Orge, bằng chứng đối với tôi đã rõ, “Căn Phòng Vàng” được đóng chặt, vậy tên sát nhân nhất định phải biến trước khi cô Stangerson vào phòng, lúc nửa đêm.

Thế là những dấu bề ngoài “chống lại lý trí tôi” kinh khủng. Cô Stangerson không bị mưu sát một mình, và những dấu vết kia chứng nhận không có vấn đề tự tử. Vậy thì tên sát nhân đã đến

trước! Nhưng sao cô Stangerson lại chỉ bị mưu hại sau? Tất nhiên, tôi phải tái lập sự việc, chia làm hai giai đoạn, hai giai đoạn cách biệt nhau vài giờ. Giai đoạn thứ nhất: Thật sự có kẻ định giết cô Stangerson, nhưng cô giấu kỹ không nói với ai. Giai đoạn thứ hai: Cô bị một cơn ác mộng hành và những người ở bên phòng thí nghiệm tưởng có kẻ đang giết cô!

Lúc đó, tôi chưa đặt chân vào “Căn Phòng Vàng”, các vết thương cô mang trên người thế nào? Nhưng dấu ngón tay bóp cổ và một cú nặng ghê gớm ở thái dương. Tôi không có suy nghĩ về những dấu bóp cổ. Có thể cô đã bị “trước” và che giấu nó dưới cái cổ áo phòng hoặc chiếc khăn quàng lông, bất cứ cái gì! Vì, khi tôi đã dựng lên, đã bắt buộc phải dựng lên và chia vụ này làm hai giai đoạn, tôi bị dồn đến chỗ cần chấp nhận rằng cô Stangerson đã giấu nhem mọi biến cố ở giai đoạn một. Chắc chắn cô có những lý do khá quan trọng để giấu, vì cô không hé răng với cha cô, và trước Dự thẩm, cô đã khai rất tự nhiên việc cô bị tên sát nhân, mà việc nó đi qua cô không chối được, đã xâm hại tính mạng cô thế nào. Cô kể lại như thể việc ấy đã xảy ra ban đêm. Trong giai đoạn hai. Cô bắt buộc phải làm thế, nếu không cha cô sẽ hỏi: “Con giấu chúng ta chuyện gì đây? Con bị kẻ mưu giết mà vẫn im lặng là nghĩa làm sao?”

Vậy, cô giấu được các dấu tay hung thủ để lại trên cổ. Nhưng còn vết thương ghê gớm ở thái dương thì sao? Chỗ này, thú thật tôi không hiểu! Nhất là khi tôi hay tin người ta tìm thấy trong phòng một khúc xương cừu, khí giới phạm tội. Cô không thể giấu việc mình bị hành hung tàn bạo, thế nhưng vết thương độc địa này hiển nhiên cô đã lãnh trong giai đoạn một, bởi vì cần có tên sát nhân ở đó! Trước tôi cứ tưởng vết thương không đến nỗi nặng như người ta đồn. Điểm này tôi đã lầm và tôi đã đoán cô Stangerson giấu vết thương ở thái dương dưới mái tóc vấn kiểu băng-đô!

Còn dấu tay tên sát nhân để lại trên tường, dấu một bàn tay bị thương đổ máu do phát súng của cô Stangerson, cổ nhiên nó đã được in vào đó “trước” và chắc chắn tên sát nhân đã bị thương trong giai đoạn một, nghĩa là trong khi nó ở đó. Tất cả mọi dấu vết trên đường nó đi qua, dĩ nhiên tên sát nhân đã để lại ở giai đoạn một: Khúc xương cừu, những bước chân đen, chiếc mũ nôi, cái khăn tay, vết máu trên tường, trên cửa và dưới đất. Hiển nhiên, nếu các dấu vết này còn lại đó, là vì cô Stangerson tuy muốn không ai biết gì hết, và làm mọi cách để không ai biết gì hết, nhưng không đủ thì giờ để xóa bỏ chúng đi. Điều đó dẫn tôi đến chỗ xác lập giai đoạn một.

Vào một thời điểm rất gần với giai đoạn hai. Nếu sau giai đoạn một, nghĩa là khi tên sát nhân tẩu thoát rồi, sau khi cô vội vã sang phòng thí nghiệm, nơi cha cô đã gặp lại cô đang làm việc, nếu cô có thể trở vào phòng một lát thì ít nhất cô cũng tiêu hủy được ngay tức khắc chiếc xương cừu, mũ nôi, khăn tay lẫn lóc dưới đất. Nhưng cô không dám vì cha cô kèm sát không lúc nào rời. Vậy thì, sau giai đoạn một, cô chỉ vào phòng lúc nửa đêm, có người đã vào lúc mười giờ: Bô Jacques, kẻ lo công việc mỗi tối đóng cửa sổ và thắp đèn ngủ. Trong lúc tâm thần tán loạn, thể xác đau đớn ngồi trước bàn viết phòng thí nghiệm giả bộ làm việc, chắc cô Stangerson đã quên bô Jacques sắp vào phòng mình. Khi nhớ ra, cô năn nỉ bô Jacques khỏi cần lo cho cô việc ấy! Đừng vào phòng.

Việc này hiển hiện bằng giấy trắng mực đen trong bài báo Buổi sáng. Nhưng bô Jacques cứ vào và chẳng thấy gì hết, vì “Căn Phòng Vàng” tối quá. Chắc cô Stangerson đã trải qua hai phút kinh hoàng. Tuy nhiên, tôi nghĩ cô không ngờ tên sát nhân để lại phòng cô nhiều dấu vết đến

thể. – Đúng là cô chỉ đủ thì giờ che giấu vết tay hung thủ quanh cổ rồi ra khỏi phòng!

Nếu cô biết trên sàn nhà còn có khúc xương, mũ nồi và khăn tay tất cô đã hết cả đi lúc trở vào phòng hồi nửa đêm. Cô không thấy những thứ ấy, cô thay y phục qua ánh sáng yếu ớt của ngọn đèn ngủ, cô đi nằm, thân thể rã rời vì xúc động, vì hãi hùng, nỗi hãi hùng nó bắt cô trở vào phòng càng khuya càng tốt.

Cứ như thế, tôi buộc lòng đi tới giai đoạn hai, tấn thảm kịch, với cô Stangerson một mình trong phòng, bởi người ta đã không thấy tên sát nhân ở trong phòng. Cũng như thế, dĩ nhiên tôi phải đưa vào vòng tròn lý luận của tôi những dấu vết bên ngoài.

Nhưng còn những dấu vết bên ngoài nữa cần giải thích. Những tiếng súng nổ trong giai đoạn hai. Những tiếng kêu “Cứu tôi với! Tên giết người!” Trong tình huống ấy, cái đầu tốt của lý trí tôi chỉ vẽ cho tôi cái gì đây? Về những tiếng kêu cứu, khi đã không có tên sát nhân trong phòng thì bắt buộc phải có ác mộng trong phòng!

Người ta nghe tiếng bàn ghế đổ rầm rầm. Tôi tưởng tượng đoạn này, tôi buộc lòng phải tưởng tượng ra – cô Stangerson ngủ say, bị ám ảnh bởi cảnh bị bóp cổ lúc chiều, cô mê hoảng, cơn ác mộng tô đậm nét những hình ảnh đó, cô thấy lại tên sát nhân nhảy xổ tới, cô thét lớn: “Tên giết người! Cứu tôi với!” Và cô quờ quạng tìm khẩu súng trước khi đi ngủ cô để trên mặt bàn đêm. Nhưng tay cô đụng mạnh chiếc bàn đêm, mạnh đến nỗi chiếc bàn đổ ầm, khẩu súng lăn dưới đất phát nổ, một viên đạn bay lên ghim vào trần nhà. Viên đạn nằm trong trần nhà, ngay lúc đầu tôi đã quyết là súng cướp cò. Nó mang nhiều điểm chứng tỏ đây có thể là đạn nổ vì súng cướp cò, nó ăn khớp lạ lùng với giả thuyết ác mộng của tôi đến mức nó thành một trong những lý do khiến tôi bắt đầu hết hoài nghi, nhất định tội ác đã diễn ra “trước”, và cô Stangerson tính tình cứng rắn hiếm thấy đã giấu đi. Ác mộng, súng nổ, cô Stangerson trong trạng thái tinh thần hoảng loạn, choàng tỉnh giấc.

Cô cố gắng đứng tên, nhưng gục ngã, quần quai, đập bàn ghế đổ lỏng chỏng, cạn hết sinh lực, thở hồng hộc, “Tên sát nhân! Cứu tôi với!” Rồi lăn ra bất tỉnh. Thế nhưng, người ta lại nói có hai phát súng nổ, ban đêm, trong giai đoạn hai. Với tôi cũng vậy, theo thuyết của tôi – nó đã không còn là giả thuyết – phải có hai, nhưng “một” trong mỗi giai đoạn, chứ không phải hai phát cùng nổ trong giai đoạn hai. Một phát gây thương tích cho tên sát nhân “trước”, và một phát nổ trong cơn ác mộng “sau”. Nhưng thử hỏi có thật trong đêm có hai phát súng nổ không? Khẩu súng đã nhả đạn giữa mớ bàn ghế đổ rầm rầm. Trong một cuộc thẩm cung, ông Stangerson có khai một phát trước nổ đục, phát sau nổ vang! Nếu cái tiếng đục ấy là do chiếc bàn đêm bằng cẩm thạch đổ ập xuống sàn nhà thì có được không? Được lắm chứ. Lời giải này cần phải là lời giải đúng. Tôi tin chắc nó đúng, khi hay tin hai người gác cổng, Bernier và vợ lúc ấy ở rất gần biệt thất, chỉ nghe có một tiếng súng nổ. Họ đã khai như vậy trước Dự thẩm.

Như thế, tôi hầu như đã dựng lại hai giai đoạn của tấn thảm kịch, khi tôi bước vào “Căn Phòng Vàng” lần đầu. Thế nhưng tình trạng trầm trọng của vết thương nơi thái dương không đi vào vòng tròn lý luận của tôi. Vậy thì vết thương này, nạn nhân không bị đánh bởi tay tên sát nhân với khúc xương cừu trong giai đoạn một, vì nó nặng quá, cô Stangerson không thể che giấu và cô đã không che giấu nó dưới mái tóc vấn theo kiểu băng-đô. Do đó, vết thương này “nhất định” cô Stangerson đã bị đánh trong giai đoạn hai, lúc cô hôn mê trong ác mộng chẳng?

Đó là nghi vấn tôi đã mang đến hỏi “Căn Phòng Vàng” và “Căn Phòng Vàng” đã trả lời tôi!

Vẫn từ trong cái gói nhỏ của anh Rouletabille lôi ra một mẫu giấy trắng, và từ trong mẫu giấy này anh cầm giữa hai ngón tay cái và trỏ một vật vô hình đưa cho ông Chánh án.

- Thừa ông Chánh án, đây là một sợi tóc vàng dính máu, sợi tóc của cô Stangerson. Tôi tìm thấy nó bết vào một góc cẩm thạch của chiếc bàn đêm bị lật đổ. Chính cái góc phiến cẩm thạch cũng có lem máu. Ô! Một hình vuông nhỏ bé tí chẳng nghĩa lý gì! Nhưng vô cùng quan trọng! Vì cái hình vuông máu ấy cho tôi hiểu rằng lúc hốt hoảng từ trên giường vùng dậy, cô Stangerson đã buông rơi cả thân thể ngã xuống hết sức mạnh, cái góc bàn cẩm thạch đập vào thái dương bị thương và giữ luôn ở đó sợi tóc vàng này, sợi tóc có lẽ ở trán cô Stangerson, mặc dầu cô không chải tóc kiểu băng – đô. Các bác sĩ đã tuyên bố cô Stangerson bị đánh bằng một vật làm bầm tím và, bởi sẵn khúc xương cừu đó, ông Dụ thẩm bèn đổ tội ngay cho khúc xương cừu, nhưng cái góc bàn đêm bằng cẩm thạch cũng là một vật làm bầm tím mà cả các bác sĩ lẫn ông Dụ thẩm đều không nghĩ tới và chính tôi có lẽ cũng không phát hiện ra nếu không được hướng dẫn tâm thần!

Một lần nữa, phòng xử suýt nổ tung vì tiếng vỗ tay, nhưng Rouletabille đã vội vã tiếp nối ngay lời khai chứng, nên im lặng được vẫn hồi ngay tức khắc.

- Thế là tôi chỉ còn tìm hiểu, ngoài danh tánh tên sát nhân mà mấy ngày sau tôi mới biết, giai đoạn 1 tấn thảm kịch xảy ra vào lúc nào. Buổi hỏi cung cô Stangerson, mặc dầu được thực hiện để làm người ông Dụ thẩm cùng buổi hỏi cung ông Stangerson đã vạch ra cho tôi thấy cô Stangerson đã khai đúng thời dụng biểu của cô ngày hôm đó. Chúng tôi đã xác lập là tên sát nhân lên vào biệt thất khoảng giữa năm và sáu giờ. Cứ cho là sáu giờ mười lăm thì ông giáo sư và con gái làm việc lại. Vậy phải tìm ở khoảng từ năm giờ đến sáu giờ mười lăm. Tôi nói sao nhỉ? À, năm giờ! Nhưng năm giờ thì ông giáo sư còn ở bên con gái, thảm kịch chỉ có thể xảy ra ở một chỗ xa ông giáo sư! Thế thì tôi phải tìm trong khoảng thời gian ngắn ấy, cái lúc ông giáo sư và con gái cách xa nhau là lúc nào! Thừa rằng, cái lúc ấy, tôi tìm thấy trong buổi hỏi cung ở phòng cô Stangerson, trước mặt ông Stangerson. Điểm được nêu lên là cha con ông giáo sư trở về phòng thí nghiệm khoảng sáu giờ. Ông Stangerson có nói: “Lúc đó, tôi gặp anh bảo vệ và đứng lại với anh một lúc. Vậy là có trò chuyện với anh bảo vệ. Anh này thừa với ông Stangerson chuyện đồn cây hoặc đi săn vụng trộm gì đó. Cô Stangerson không còn ở đấy.

Cô đã về tới phòng thí nghiệm, vì ông Stangerson khai thêm: Tôi rời anh bảo vệ và về với con gái tôi lúc ấy đã lại bắt tay vào việc rồi!”

Thế thì thảm kịch xảy ra đúng vào mấy phút ngắn ngủi đó. Cần phải như vậy, tôi thấy rõ cô Stangerson trở về biệt thất, vào phòng, bỏ mũ và trước mặt tên cướp đang theo đuổi mình. Tên cướp ở đó, trong biệt thất, một lúc lâu rồi. Chắc nó đã sắp đặt sao cho mọi sự xảy ra ban đêm. Nó tháo bỏ đôi giày của bố Jacques vướng chân, như tôi đã trình bày với ông Dụ thẩm, nó vợ vội mớ giấy tờ như tôi nói ban nãy rồi chui vào nằm trong gầm giường vừa đúng lúc bố Jacques trở về lau rửa gian tiền đình và phòng thí nghiệm. Thời gian trôi đối với nó thật dài. Khi bố Jacques đi rồi, nó đứng lên rồi lại loanh quanh trong phòng thí nghiệm, vào gian tiền đình, nhìn ra vườn và trông thấy – lúc này đêm đang xuống, trời còn rất sáng – trông thấy cô Stangerson đang đi về biệt thất một mình! Không đời nào nó dám tấn công cô vào giờ ấy nếu

nó không chắc chắn cô Stangerson có một mình. Và để cho cô xuất hiện một mình, câu chuyện giữa anh bảo vệ với ông Stangerson phải diễn ra ở một góc ngoặt con đường mòn, cái góc có một lùm cây che khuất hai người trước mắt tên khốn nạn.

Thế là kế hoạch của nó hình thành. Nó sắp được yên ổn, một mình với cô Stangerson trong biệt thất chẳng hơn là gặp cô đêm khuya với một bồ Jacques ngủ trên gác nóc. Và nó phải đóng cửa sổ gian tiền đình. Điểm này cũng giải thích tại sao cả ông Stangerson lẫn anh bảo vệ, vừa phần ở cũng khá xa biệt thất, đã không nghe tiếng súng nổ.

Đoạn nó trở vào “Căn Phòng Vàng”, Cô Stangerson về tới. Những gì xảy đến tiếp đó chắc nhanh như ánh chớp! Cô Stangerson kêu cứu hay đúng hơn, đã định kêu lớn nỗi kinh hoàng. Nó nắm cổ cô. Có thể nó sắp bóp cổ cô, thắt họng cô. Nhưng bàn tay cô Stangerson quờ quạng vớ được khẩu súng cô cất trong ngăn kéo bàn đêm, khẩu súng cô giấu ở đó từ khi cô sợ hãi những lời hăm dọa của nó. Tên sát nhân vung trên đầu cô gái đáng thương cái khí giới khủng khiếp trong tay Larsan – Ballmeyer một khúc xương cừu. Nhưng cô nổ súng, đạn bay ra trúng bàn tay cầm khi giới, buông rơi khúc xương cừu lẫn dưới đất, đầm máu từ vết thương ở tay tên sát nhân ứa ra. Nó loạng choạng, đến chống tay vào tường, in lên đó mấy ngón tay đỏ máu, sợ lãnh thêm phát nữa bèn chạy cho nhanh.

“Cô nhìn nó băng qua phòng thí nghiệm; cô nghe ngóng. Nó làm gì trong gian tiền đình? Sao lâu chưa thấy nó nháy qua cửa sổ, cuối cùng, nó nháy! Cô chạy ra cửa sổ, đóng lại. Và bây giờ, không biết cha cô có thấy gì không? Có nghe gì không? Bây giờ, nguy hiểm qua rồi, mọi ý nghĩ trong đầu, cô dành trọn vẹn cho cha. Được phú bẩm một nghị lực phi thường, cô sẽ giấu cha tất cả, nếu còn kịp. Và khi ông Stangerson về tới, ông sẽ thấy “Căn Phòng Vàng” đóng kín, và con gái ông trong phòng thí nghiệm, đang cặm cụi trên bàn viết, chăm chú, đã vào việc rồi!

Đến đây, Rouletabille quay về Robert Darzac:

- Ông biết sự thật – anh lớn tiếng – ông hãy nói đi, mọi việc có phải đã diễn ra như vậy không?

- Tôi không biết gì hết. Ông Darzac lạnh lùng.

- Tôi chịu ông là bậc anh hùng! – Rouletabille khoanh tay trước ngực. Nhưng hơi ôi. Nếu cô Stangerson biết ông bị tố cáo là kẻ sát nhân, cô sẽ giải lời hứa cho ông, cô sẽ cầu xin ông hãy nói hết những bí ẩn cô đã trao gởi nơi ông, gì nữa nhỉ, cô ấy sẽ đích thân tới tòa bệnh vực ông!

Ông Darzac không làm một cử động, không thốt ra một lời. Ông nhìn Rouletabille, buồn bã.

- Thôi được – bạn tôi tiếp – vì cô Stangerson không có đây, thì tôi, tôi phải có đây! Nhưng tin tôi đi, ông Darzac, phương cách tốt nhất, phương cách độc nhất để cứu cô Stangerson và phục hồi lý trí cho cô vẫn là làm sao cho ông được tha bổng.

Tiếng vỗ tay như sấm nổ chào đón câu nói sau cùng. Ông Chánh án cũng chẳng nỗ tìm cách ngăn chặn làn sóng ngưỡng mộ say sưa của đám đông.

Robert Darzac đã thoát nạn rồi. Cứ nhìn mặt các vị bồi thẩm khắc biết! Thái độ bề ngoài của họ biểu lộ hùng hồn niềm xác tín trong lòng.

Ông Chánh án chột kêu lớn:

- Nhưng mà, còn cái bí ẩn nó trói buộc cô Stangerson bị mưu sát mà lại giấu cha một tội ác như vậy, là cái gì chứ?

- Cái đó, thưa ông Chánh án – Rouletabille trả lời – tôi không biết! Việc đó chẳng can gì đến tôi!

Ông Chánh Án thêm một cố gắng phía Robert Darzac:

- Ông, ông vẫn còn từ chối không cho chúng tôi biết thời dụng biểu của ông trong khi người ta xâm hại tính mạng cô Stangerson hay sao?

- Tôi không thể nói gì với ông Chánh án.

Ông Chánh án đưa mắt về phía Rouletabille, cầu viện một lời giải đáp. Anh nói:

- Thưa ông Chánh án, người ta có quyền nghĩ rằng những buổi ông Robert Darzac vắng mặt bị ràng buộc chặt chẽ với nỗi niềm u ám của cô Stangerson. Cho nên ông Darzac tự buộc mình có bốn phận phải nín lặng! Quý vị thử tưởng tượng, Darsan trong ba vụ mưu toan giết người, đã huy động tất cả để chữa mọi nghi ngờ vào ông Darzac, cũng đã bắt ông Darzac, cả ba lần ấy phải đến chỗ hẹn ở một nơi nguy hại cho ông trước mắt mọi người. Ông Darzac thà bị kết án tử hình hơn là thú nhận bất cứ điều gì, giải thích bất cứ việc gì có đụng chạm đến bí ẩn của cô Stangerson. Larsan đủ láu cá để gài thêm cái “bẫy ấy”!

Ông Chánh án đã nao núng, nhưng tò mò hỏi tới nữa:

- Nhưng cái bí ẩn ấy là cái gì mới được chứ?

- À, thưa ông Chánh án, tôi không thể nói gì cùng ông! Rouletabille vừa trả lời vừa phác một cử chỉ thoái thác chào ông Chánh án. – Có điều, bây giờ thì ông Chánh án đã biết đủ để tha bổng cho ông Robert Darzac! Trừ phi Larsan trở về! Nhưng tôi không tin y sẽ trở về! – Anh cười rộ lên sung sướng.

Mọi người cùng cười với anh.

- “Ông cho hỏi câu nữa”, Ông Chánh án chưa chịu thua, “vẫn theo thuyết của ông, chúng tôi hiểu rằng Larsan chữa mọi nghi ngờ vào ông Robert Darzac, nhưng y cũng làm thế với bố Jacques thì có lợi gì?

- “Lợi cho nhà thám tử!” Nhà thám tử tự chứng tỏ tài năng bằng cách đánh đổ những bằng chứng do chính y ngụy tạo để vu cho kẻ khác. Cái đó mới là ghê gớm! Nó là một mảnh lối y quen dùng để đánh lạc hướng nghi ngờ có thể chữa vào y! Y chứng minh người này vô tội để tố cáo người kia có tội. Ông Chánh án nghĩ coi: Một vụ như vụ này, nhất định Larsan phải “nghiền ngẫm” rất lâu từ trước. Y đã nghiền cứu tất cả, biết hết mọi người mọi việc. Nếu ông Chánh án tò mò muốn biết y dò la thế nào để có điều kiện hành động thì tôi xin thưa: Đã có một thời, y tình nguyện làm môi giới liên lạc giữa “Phòng thí nghiệm sở Công An” với ông Stangerson khi ông giáo sư được yêu cầu cho một số “thực nghiệm”. Nhờ đó mà trước ngày phạm tội ác, y đã lọt được vào biệt thất hai lần, y cải trang khéo đến nỗi từ ngày ấy, bố Jacques không nhận ra y nữa. Nhưng y thì đã vớ được cơ hội để trộm của bố Jacques một đôi giày cũ bẹp và một mũ nồi

hết xài mà người tớ già của ông Stangerson dùng khăn tay cột lại chắc định mang cho người bạn làm lò than trên đường Epinay. Khi vụ mưu sát được phát giác, bố Jacques ngầm biết đó là đồ của mình nhưng không dám ra mặt nhận ngay!

Những vật ấy tai hại quá, và đó là lý do khiến bố lúng túng, vào ngày ấy, khi chúng tôi đề cập vấn đề này với bố. Tất cả những trò này thật đơn giản như một cộng một thành hai, và tôi, đã dồn Larsan đến chỗ phải thú nhận. Mà y cũng thú nhận với tôi một cách sảng khoái, vì tuy là kẻ cướp – tôi dám hy vọng điều này không ai còn nghi ngờ – y cũng là một nghệ sĩ nữa! Đó là đường lối làm việc của con người ấy, đường lối riêng của y. Ngày trước, y cũng hành động như vậy trong vụ “Ngân Hàng Cho Vay Thế Giới” và vụ “Những Nén Vàng Ở Sở Đúc Tiền”. Những vụ này cần được tái thẩm, thưa ông Chánh án, vì có vài người vô tội còn ở trong tù oan, sau khi Ballmeyer – Larsan phục vụ trong ngành Công An Cảnh Sát!

Chương 28. Từ Đâu Được Chứng Tố, Không Phải Lúc Nào Người Ta Cũng Nghĩ Đến Tất Cả

Xúc động tràn lan, tiếng xầm xì, tiếng hoan hô! Luật sư Henri Robert nạp biện minh trạng xin đình nội vụ, dời lại một phiên khác để thẩm tra bổ túc. Công tố viên cũng tham gia. Thế là vụ án đình xử. Hôm sau ông Robert Darzac được tự do tạm, còn Mathieu hưởng ngay tức khắc một “lệnh truyền miễn tố”. Người ta hoài công tìm kiếm Frédéric Larsan. Thế là ông Robert Darzac, bằng chứng vô tội được xác lập rõ ràng, thoát khỏi một tai ách đã có lúc đe dọa tính mạng ông, và sau một buổi viếng thăm cô Stangerson, ông có thể hy vọng cô phục hồi lý trí một ngày kia, nhờ được chăm sóc hết sức chuyên cần.

Còn tên oắt con Rouletabille, dĩ nhiên là “người hùng của ngày hôm ấy”, vừa từ điện Versailles đi ra, anh bị đám đông xúm lại kiệu lên vai hoan hô cuộc chiến thắng rất ư là oanh liệt.

Báo chí toàn thế giới tường thuật thành tích và đăng hình ảnh anh khắp nơi. Còn anh, kẻ đã bao phen phỏng vấn các nhân vật nổi tiếng bây giờ đến lượt anh nổi tiếng và được người ta phỏng vấn. Tôi cần nói ngay, không vì thế mà anh lên mặt!

Chúng tôi từ Versailles về nhà sau bữa ăn tối thật vui ở nhà hàng “Con Chó Hút Thuốc”. Trong toa xe lửa, tôi bắt đầu ngay cả đồng câu hỏi mà lúc đang ăn, chúng đã dồn lên môi tôi, nhưng tôi vẫn im lặng vì vốn biết Rouletabille không ưa làm việc trong khi ăn.

“Anh bạn ơi” – tôi vừa mở lời – “cái vụ Larsan này thật cao thượng và xứng đáng với chí khí anh hùng của một người như anh.”

Anh chặn ngay tôi lại, yêu cầu tôi nói năng giản dị hơn và tuyên bố hết sức đau lòng phải thấy một cái đầu thông minh đẹp đẽ như tôi mà sẵn sàng rơi xuống cái hố sâu góm ghiếc chứa bọn ngu ngốc chỉ vì lòng ngưỡng mộ dành cho anh.

“Được, tôi đi vào sự việc cụ thể đây” – tôi nói tiếp, có hơi phật ý – “tất cả những chuyện vừa xảy ra chẳng cho tôi biết tý gì về việc anh làm ở Mỹ. Nếu tôi hiểu rõ anh thì khi anh rời Glandier lần chót, anh đã đoán ra hết mọi sự về Frédéric Larsan. Anh biết Frédéric Larsan là tên sát nhân và anh chẳng còn lạ gì cách thức y lập kế giết người”

- Đúng ghê! anh xoay câu chuyện đi hướng khác – còn anh, anh không nghi ngờ gì sao?

- Không!

- Khó tin quá.

- Nhưng mà, anh bạn, anh giấu ý nghĩ của anh kỹ thế, làm sao tôi moi được cái gì. Khi tôi đến Glandier với hai khẩu súng, “đúng vào lúc ấy”, anh đã nghi Larsan rồi chứ?

- Rồi! Tôi vừa bắt trúng lý luận về cái “Hành Lang Không Hiểu Nổi”, nhưng Larsan quay lại phòng cô Stangerson làm gì thì tôi chưa nghĩ ra, cho đến lúc phát giác cái kính kẹp mũi của người viễn thị. Rốt cuộc, mỗi nghi ngờ của tôi chỉ đặt ra như một con tính, và ý nghĩ Larsan sát nhân có vẻ ghê gớm quá khiến tôi quyết định hãy đợi “những dấu vết do giác quan thu nhận

được” trước khi dám dừng lại ở đó lâu hơn. Dù sao cái ý nghĩ ấy làm tôi lo lắng và đôi khi tôi dùng kiểu nói khác lạ về nhà thám tử nó có thể gợi ý cho anh suy đoán. Trước hết, tôi không còn đặt “thiện chí của y” lên hàng đầu, và hết nói với anh rằng y lầm”. Tôi bàn với anh về phương pháp của y coi như một phương pháp tồi tệ, và vẻ khinh bỉ tôi lộ ra mặt, trong óc anh thì tôi nhằm nhà thám tử, như thật ra trong óc tôi, nó nhằm tên tướng cướp mà tôi ngờ vực hơn là nhằm nhà thám tử!

Anh nhớ lại coi, khi tôi kể ra với anh đủ mọi bằng chứng chồng chất lên đầu ông Darzac, tôi có nói:

“Nhưng chuyện này dường như tạo nên phần cốt yếu nào đó trong giả thuyết của anh cả Fred. Chính cái giả thuyết này, tôi cho là sai, sẽ đưa ông ta đi lạc và tôi thêm một câu với giọng có thể khiến anh sững sốt: “Bây giờ, cái giả thuyết ấy có thật sự đưa Frédéric Larsan đi lạc chẳng? Thế đó! Thế đó!”

Những câu “Thế đó!” Đáng phải làm anh suy nghĩ. Tất cả mọi nghi ngờ của tôi nằm trong những câu “thế đó!” Và có thật sự đưa Frédéric Larsan đi lạc chẳng? Nghĩa là sao? Nếu không phải nghĩa là nó không đưa y đi lạc, nhưng chính là nhằm đưa chúng ta đi lạc! Lúc ấy, tôi đưa mắt cho anh, nhưng anh không giựt mình, không hiểu gì cả. Tôi cũng lấy thế làm việc hay, vì khi chưa phát giác chiếc kính kẹp mũi, tôi chỉ có thể coi tội ác của Larsan như một giả thuyết phi lý. Nhưng sau khi phát giác chiếc kính kẹp mũi, nó cắt nghĩa lý do Larsan trở vào phòng cô Stangerson anh thấy tôi mừng quýnh không,Ồ! Tôi nhớ kỹ lắm! Tôi chạy như thằng điên trong phòng, tôi hét vào tai anh: “Tôi sẽ hạ anh cả Fred! Tôi sẽ hạ ông ta trong một trận tranh hùng lừng lẫy!” Những câu này lúc đó nhằm vào tên tướng cướp. Và tôi đến, khi đã được ông Darzac phó thác việc canh chừng phòng cô Stangerson, tôi không phòng bị gì cả, yên lòng vì y ở đó, trước mặt mình! Lúc này, anh bạn ơi, khi chúng ta nói về việc tên sát nhân sắp đến, tôi bảo anh: “Ồ! Tôi nhất quyết Frédéric Larsan sẽ ở đây đêm nay, đáng lẽ anh phải nghi ngờ rồi, chỉ có con người ấy là tôi e ngại.

Nhưng có một việc cơ bản đã có thể và đáng lẽ nó soi sáng chúng ta hoàn toàn và ngay tức khắc nhận định về tên sát nhân, một việc nó tố cáo Frédéric Larsan với chúng ta, nhưng chúng ta, anh và tôi đã để vuột mất!

“Anh quên câu chuyện cây can rồi sao?”

“Đúng, ngoài cách suy luận mà đối với mọi “đầu óc duy lý” nó tố cáo Larsan, còn có câu chuyện cây can nó tố cáo y với mọi đầu óc quan sát”.

“Anh nên biết tôi đã lạng người kinh ngạc khi thấy trước Dự thẩm, Larsan không đem cây can ra để tố cáo ông Darzac. Có phải cây can ấy đã được một người hình dáng giống ông Darzac đến mua, vào đúng buổi tối hôm xảy ra vụ mưu sát không? Lúc nãy, tôi đã hỏi thẳng Larsan trước khi y lên xe lửa để biến, rằng tại sao y không dùng đến cây can. Y trả lời không bao giờ y có ý định ấy, và rằng trong óc y, y không hề dự tính dùng cây can để buộc tội ông Darzac. Y thú nhận chúng ta đã làm y lúng túng, buổi tối, ở quán café Epinay khi chứng minh y nói láo! Anh đã biết y nói cây can ấy y được người ta cho ở Luân Đôn nhưng nhãn hiệu chế tạo lại ở Paris. Lúc ấy, thay vì nghĩ: “Fred nói láo, y ở Luân Đôn, y không thể có cây can Paris này ở Luân Đôn tại sao chúng ta lại không nghĩ thế này có hơn không: “Fred nói láo. Y không ở Luân Đôn, vì y

đã mua cây can này ở Paris! Fred, tên nói láo, Fred ở Paris khi thảm kịch xảy ra! Đó là khởi điểm cho một mối nghi ngờ. Và sau khi anh dò hỏi ở tiệm Cassene, chúng ta được biết cây can ấy đã bán cho một ông khách ăn mặc giống Robert Darzac, trong lúc chúng ta đã tin chắc, theo chính ông Darzac xác nhận, ông không mua cây can ấy, trong lúc chúng ta cũng chắc chắn, nhờ câu chuyện ở Văn Phòng 40 bưu điện, rằng ở Paris có một người bắt chước dáng hình Robert Darzac, trong lúc chúng ta tự hỏi vậy thì cái người cải trang làm Darzac, tối hôm xảy ra thảm kịch, đã đến nhà Cassene mua một cây can mà chúng ta thấy trong tay Fred bây giờ; tại sao? Tại sao? tại sao không có lúc nào ông ta bật nghĩ ra: “Thì kẻ lạ mặt trá hình là Darzac đã mua cây can hiện ở tay Fred, ngộ đó là chính Fred thì sao?”

“Đành rằng tư cách viên chức Công An của y không thuận chiều cho một giả thuyết như vậy. Nhưng khi thấy Fred hung hăng dồn các tội chứng lên đầu ông Darzac, điên cuồng theo đuổi quyết hại bằng được con người khốn khổ kia, đáng lẽ chúng ta phải giựt mình nhớ ngay tới câu nói láo quan trọng của Fred nó vạch mặt y phải ở Paris mới làm chủ một cây can mà y không thể có được ở Luân Đôn. Dù cho y có lượm được nó ở Paris thì câu nói kia vẫn không bớt láo. Mọi người đều yên trí y ở Luân Đôn, kể cả các cấp trên của y, thế mà y mua một cây can ở Paris.

Bây giờ đến một thắc mắc, tại sao không một phút nào y rêu rao tìm thấy cây can ấy ở một chỗ quanh mình ông Darzac! Đơn giản lắm!

Đơn giản đến mức chúng ta không buồn nghĩ tới Larsan đã mua cây can, sau khi bị viên đạn của cô Stangerson gây thương tích nhẹ ở bàn tay, chỉ cốt để có một bộ điệu, để bàn tay luôn luôn nắm lại, để không bị lỡ quên mà xòe bàn tay khoe vết thương bên trong. Anh hiểu không? Đó Larsan nói với tôi thế đó. Và tôi nhớ đã nhắc đi nhắc lại với anh nhiều lần rằng thấy “bàn tay y không chịu rời cây can” tôi cho là chuyện kỳ quặc. Ngồi bàn, khi tôi ăn bữa tối với y, y vừa bỏ cây can là lập tức nắm ngay lấy cán dao ăn, và từ lúc đó, bàn tay phải của y không buông con dao ra nữa.

Tất cả các chi tiết ấy trở lại ký ức tôi khi nhận định của tôi đã dừng lại ở Larsan, nghĩa là chậm quá, không giúp ích gì được nữa. Cho nên, cái buổi tối Larsan giả vờ bị đánh thuốc mê, tôi đã cúi xuống, rất khéo léo nhìn được vào lòng bàn tay y mà y không biết. Bấy giờ chỉ có miếng gạc nhỏ bằng sơ sài một tí còn lại của vết thương nhẹ. Giá có ai hỏi, y có thể trả lời vết thương do một thứ gì khác gây ra chứ không phải súng. Dù sao thì với tôi, giờ phút ấy nó là dấu chỉ bên ngoài mới đi vào vòng tròn lý luận của tôi. Viên đạn – Larsan cho tôi biết lúc nãy – chỉ sượt qua lòng bàn tay, nhưng đã làm đổ khá nhiều máu.

Nếu chúng ta nhìn xa thấy rộng hơn khi nghe câu nói láo của Larsan, và nguy hiểm hơn chút nữa thì thế nào, để đánh lạc mối nghi ngờ nhằm vào y, y cũng cho ra câu chuyện mà chúng ta tưởng tượng cho y, câu chuyện phát giác cây can ở một chỗ quanh mình ông Darzac. Nhưng các biến chuyển diễn ra nhanh quá đến nỗi chúng ta không kịp nghĩ đến cây can! Dù sao chúng ta cũng đã làm cho y, Larsan – Ballmeyer lo sốt vó mà chúng ta đâu ngờ!

Tôi ngắt lời anh:

- Nhưng, nếu khi mua cây can, nếu y không có ý mưu hại Darzac thì tại sao y giả dạng Darzac? Áo choàng màu xám vàng? Mũ quả dưa?...v v...

- Tại vì y ở chỗ án mạng đến, và tại vì lúc án mạng xảy ra, y lấy lại ngay lối trang phục Darzac đã luôn luôn không rời y trong hành động tội ác, và với âm mưu gì, anh biết rồi.

“Nhưng anh nghĩ coi, bàn tay bị thương gây khó khăn cho y, và lúc đi qua đại lộ Opéra mới nảy ra ý mua cây can và y thực hiện ý đó ngay tức khắc. Lúc ấy là tám giờ! Một người có dáng dấp Darzac đi mua một cây can mà tôi thấy trong tay Larsan, và tôi đã đoán rằng vào giờ ấy thảm kịch đã xảy ra rồi, rằng nó vừa mới xảy ra thôi tôi gần như tin Darzac vô tội, thế mà tôi lại không nghi ngờ Larsan! Thật có những lúc...

- Có những lúc... – tôi tiếp lời anh – cả những bộ óc thông minh quán thế.

Rouletabille bịt miệng tôi, tôi vẫn muốn hỏi thêm, nhưng chợt thấy anh không nghe tôi nữa. Rouletabille ngủ rồi. Tôi phải bao nhiêu là vất vả mới lôi được anh ra khỏi giấc mộng đẹp, khi xe lửa tới Paris.

Chương 29. Bí Mật Cô Stangerson

Những ngày sau đó, tôi còn có dịp nữa để hỏi anh sang Mỹ làm gì. Anh không trả lời một điểm nào chính xác hơn những câu anh đã nói trong toa xe lửa Versailles. Thường anh lãng sang nhiều vấn đề khác.

Nhưng rồi một ngày kia anh cũng phải nói:

- Thì anh phải hiểu tôi cần tìm biết nhân cách thật của Larsan chứ!
- Đã đành, nhưng tại sao anh đi tìm ở Mỹ?

Anh rút tàu thuốc và quay lưng lại tôi. Rõ ràng, tôi đụng vào “bí ẩn của cô Stangerson”. Rouletabille đã nghĩ cái bí ẩn ấy nó ràng buộc cô Stangerson vào Larsan khủng khiếp, bí ẩn mà chính anh, Rouletabille, anh cũng không tìm thấy trong cuộc đời cô Stangerson “ở Pháp”, cho nên anh đoán rằng nó phải bắt nguồn từ đời sống của cô ở Mỹ. Và anh xuống tàu. Nơi đó, anh sẽ biết Larsan là ai, anh thu thập đủ chất liệu để gắn miệng y lại. Thế là anh đi Philadelphie!

Và bây giờ, cái bí ẩn nó “ra lệnh im lặng” bắt cô Stangerson và ông Robert Darzac phải tuân hành là gì? Sau bao nhiêu năm trôi qua lặng lẽ, sau vài bài báo tai tiếng đăng trên báo chí, đến nay, ông Stangerson biết tất cả, đã tha thứ tất cả, thì người ta có thể nói tất cả. Và chẳng, đây là câu chuyện rất ngắn. Nó hoàn chỉnh mọi khía cạnh, vì có những đầu óc tối tăm thích đổ tội cho cô Stangerson, người mà suốt cả vụ án ghê gớm này bao giờ cũng là nạn nhân ngay “từ buổi đầu”.

Đầu câu chuyện ở vào một thời xa lắc hồi cô còn sống với cha cô ở Philadelphie. Nơi đây, một buổi tối trong nhà ông bạn của cha, cô quen một đồng hương, người Pháp, một kẻ sành sỏi việc, làm cô say đắm bằng nhân dáng, bằng trí tuệ, bằng dịu ngọt và bằng tình yêu của y. Người ta đồn y giàu lắm. Y cầu hôn cô Stangerson với vị giáo sư danh tiếng. Ông giáo sư dò hỏi về nhân cách Jean Roussel và thoát đầu, ông tưởng y là kỹ nghệ gia cỡ bự. Thế nhưng, quý vị biết rồi, ông Jean Roussel chẳng là ai khác một trong những biến dạng của tên cướp Ballmeyer khét tiếng, bị truy nã ở Pháp trốn sang Mỹ. Nhưng ông Stangerson chẳng biết mô tê gì, con gái ông cũng mù tịt. Cô chỉ vỡ mộng trong trường hợp sau đây: Ông Stangerson không những từ chối không gả con gái cho Jean Roussel, mà còn cấm cửa y luôn. Cô nàng Mathilde non dại, trái tim đang mở rộng đón tình yêu, không nhìn thấy trên đời còn gì đẹp hơn, tuyệt vời hơn chàng Jean của mình, đâm ra hờn giận. Cô chẳng cần che giấu nỗi giận hờn với cha, và ông giáo sư bèn gởi cô đi tìm khuây khỏa trên vùng bờ sông Ohio, nhà một bà cô già ở Cincinnati. Jean mò đến gặp Mathilde, và dù hết lòng kính trọng cha già, Mathilde vẫn gạt bà cô, thoát khỏi mạng lưới canh chừng của bà, trốn đi theo Jean Roussel, cả hai quyết định lợi dụng những kẽ hở của luật pháp Hoa kỳ để thành hôn gấp. Thế là xong.

Cặp uyên ương trốn đi không xa, đến Louisville. Ở đây, một buổi sáng đẹp trời, có tiếng gõ cửa. Cảnh Sát đến bắt ông Jean Roussel mang đi, mặc cho tiếng kêu la phản đối của cô con gái giáo sư Stangerson. Đồng thời, Cảnh Sát cũng cho Mathilde hay “chồng cô chẳng phải ai khác tên cướp quá nổi danh Ballmeyer!”

Tuyệt vọng, sau một phen tự vẫn không chết, Mathilde đành về với bà cô già ở Cincinnati. Bà

này suýt lẫn ra chết ngất vì sung sướng gặp lại cô cháu ngoan. Tám ngày qua, bà không ngừng đi tìm Mathilde khắp nơi và chưa dám tin cho ông Stangerson. Mathilde bắt bà thề không bao giờ để cha cô biết chuyện. Thì cũng trúng ý bà thôi. Bà đang ân hận đã lơ là trong một hoàn cảnh nghiêm trọng như vậy. Một tháng sau cô Stangerson trở về cùng cha, ăn năn thống hối, trái tim đã chết cho tình và chỉ xin có một điều, đừng bao giờ nghe ai nhắc đến tên chồng cô, tên cướp ghê gớm Ballmeyer, mong tự tha thứ được tội mình, đứng thẳng dậy trước lương tâm bằng một đời sống cần cù, làm việc không giới hạn và tận tụy cùng cha.

Cô đã giữ lời. Tuy nhiên, trong một lúc tưởng Ballmeyer đã chết, vì tiếng đồn y chết lan mau, cô thú thật tất cả với ông Robert Darzac. Sao bao năm dài đền tội, cô đang háo hức sắp được kết hợp với một người bạn đáng tin yêu, thì định mệnh cay nghiệt làm sống lại Jean Roussel, tên Ballmeyer của tuổi thanh xuân ngày trước. Tên cướp cho cô hay, y không đời nào để cuộc hôn nhân của cô với Robert Darzac thành tựu và “y vẫn yêu cô”, điều này, hỡi ôi, đúng sự thật.

Cô Stangerson không ngần ngại trao trọn niềm u ẩn cho ông Robert Darzac. Cô cho ông xem một lá thư của Jean Roussel – Frédéric Larsan – Ballmeyer gọi lại những giờ đầu tiên chung sống trong căn nhà trường lão nhỏ và đầm ấm mà cặp vợ chồng đã thuê ở Louisville “nhà trường lão chẳng mất vẻ nên thơ, như vườn cây vẫn xanh màu rực rỡ”. Tên khốn nạn tự xưng giàu có, đòi “đưa cô về bên ấy”! Cô Stangerson quả quyết với ông Robert Darzac, nếu cha cô nghi ngờ đến điều ô nhục này thì “cô sẽ tự sát”. Ông Robert Darzac thề sẽ buộc tên Mỹ đó câm mồm, hoặc bằng khủng bố hoặc bằng sức mạnh, dù có phải phạm một tội ác! Nhưng ông Robert Darzac không đủ bản lĩnh đối địch với y và ông đã thân bại danh liệt, nếu không có chàng thanh niên dũng cảm Rouletabille.

Còn cô Stangerson, quý vị muốn cô làm gì trước tên quái vật kia? Một hôm, sau nhiều lần hăm dọa khiến cô lo lắng đề phòng, lúc y đứng trước mặt cô, trong “Căn Phòng Vàng”; cô đã vùng lên chực giết y. Khốn thay, cô không thành công. Kể từ đó, cô là nạn nhân thường trực của tên cướp vô hình “nó có thể theo đuổi bức bách cô đến chết”, nó ở ngay nhà cô, bên cạnh cô, mà cô không hay. Nó đòi những buổi hẹn “nhân danh tình yêu của đôi ta”. Lần đầu, cô đã “từ chối” cuộc hẹn y đòi hỏi trong lá thư ở Văn Phòng 40 dẫn đến thảm kịch “Căn Phòng Vàng” lần thứ hai được báo trước bằng một lá thư khác do bưu điện phát, để trong phòng dưỡng bệnh, cô đã chạy trốn “buổi hẹn” bằng cách giam mình trong phòng khách nhỏ với hai người đàn bà. Trong thư này, tên khốn nạn báo trước, vì cô không chịu đến với y, “bởi tình trạng sức khỏe không cho phép”, vậy y đến với cô và có mặt trong phòng cô đêm này, giờ này, cô nên sắp đặt mọi sự để tránh tai tiếng. Mathilde Stangerson biết rõ không thể coi thường cái bạo tàn của Ballmeyer. Cô “bỏ căn phòng trống cho y”. Đó là hôm xảy ra vụ “Hành Lang Không Hiểu Nỗi”. Lần thứ ba, cô đã “sửa soạn cho buổi hẹn”. Số là trước khi rời căn phòng trống của cô Stangerson, đêm “Hành Lang Không Hiểu Nỗi” Larsan viết cho cô, như chúng ta còn nhớ, một lá thư chót, ngay tại phòng cô và để trên bàn viết của nạn nhân. Trong thư này, y yêu sách một buổi hẹn “thật sự”, rồi ấn định ngày, giờ, “hứa với cô sẽ mang trả các tài liệu của cha cô, và dọa sẽ đốt hết, nếu cô còn lẩn tránh y. Cô vẫn dư biết tên khốn nạn hiện nắm trong tay các giấy tờ vô giá của cha. Đây chỉ là y tái phạm một vụ trộm nổi tiếng, vì từ lâu cô nghi cái tài liệu khoa học để trong ngăn tủ của cha cô ở Philadelphie năm xưa bị mất cũng chính y là thủ phạm, với “sự đồng lõa” vô tình của cô.

Cô đã biết con người y quá đủ để hiểu rằng nếu không tuân phục ý muốn của y thì bao nhiêu công phu, nỗ lực, bao nhiêu kỳ vọng khoa học chẳng mấy lúc sẽ ra tro. Cô quyết định cho y gặp một lần nữa, mặt đối mặt, con người từng làm chồng cô. Cô sẽ hết sức thuyết phục y đổi ý. Người ta đoán được những gì xảy ra. Các lời van xin của cô Stangerson, thái độ hung bạo của Larsan, y buộc cô bỏ rơi Robert Darzac. Cô lớn tiếng xác minh tình yêu đối với Darzac và y đâm cô “với ý định chắc chắn đưa tình địch lên đoạn đầu đài” vì y tinh khôn, và cái mặt nạ Larsan sẽ cứu y, y nghĩ vậy, trong khi kẻ kia, kẻ kia lần này nữa sẽ không dám khai ra thời dụng biểu của mình, về phía này, Ballmeyer đã đề phòng cẩn thận và ý đồ của y cũng rất đơn giản, như chàng tuổi trẻ Rouletabille đã đoán ra.

Larsan bức bách Darzac cũng giống như cô Stangerson, cũng những vũ khí ấy, cũng cái bí ẩn ấy. Trong các lá thư, thúc ép như những lệnh truyền, y tuyên bố sẵn sàng thương lượng, giao trả các thư từ yêu đương trao đổi ngày xưa và nhất là sẵn sàng “biến” nếu đối phương bằng lòng trả giá. Darzac phải đi đến chỗ hẹn do y qui định, nếu không tất cả sẽ bị phanh phui ngay hôm sau, như Mathilde phải chấp nhận những buổi hẹn do y báo trước. Và chính trong giờ phút Ballmeyer đang thi hành thủ đoạn sát nhân với Mathilde, thì Robert xuống ga Epinay. Ở đây, có một đồng lõa của Larsan, một tên quái gở, “một sinh vật ở thế giới khác” mà chúng ta sẽ gặp lại một ngày kia, dùng vũ lực giữ ông lại rồi làm cho ông mất thì giờ trong khi chờ đợi sự trùng hợp này, mà bị cáo tương lai không dám khai rõ lý do, sẽ làm ông mất trí.

Song có điều, Ballmeyer không tính đến anh bạn của chúng ta, Joseph Rouletabille.

Không phải đến giờ này, khi bí ẩn “Căn Phòng Vàng” đã sáng tỏ mà chúng ta mới theo Rouletabille từng bước chân sang Mỹ. Chúng ta biết con người anh phóng viên trẻ, chúng ta hiểu anh có những phương tiện thông tin rất mạnh chứa trong hai cục u trên trán thế nào để ngược dòng thời gian nắm được toàn bộ cuộc phiêu lưu của cô Stangerson với Jean Roussel. Ở Philadelphie, anh thu thập được ngay những gì cần biết về Arthur William Rance. Anh biết hành động liều mình của ông ta để cứu cô Stangerson nhưng cũng biết luôn cái giá mà ông ta ngầm đòi được trả. Tiếng đồn và cuộc hôn nhân của ông ta với cô Stangerson đã có thời lan khắp các khách phòng ở Philadelphie. Nhà bác học trẻ thiếu kín đáo, theo đuổi tán tỉnh cô Stangerson dai dẳng, sang cả Châu Âu khiến cô phát mệt, nếp sống phóng túng của ông viện có để nhận phim “những đau đớn thất tình”, tất cả những điều ấy không được thiện cảm của Rouletabille và nó cắt nghĩa vẻ lạnh nhạt của anh với ông ta trong phòng nhân chứng. Ngay lập tức, anh đặt vụ Rance ra ngoài vụ Larsan-Stangerson. Rồi anh phát giác cuộc tình độc đáo Roussel-Stangerson. Jean Roussel là ai? Anh đã từ Philadelphie đến Cincinnati, làm lại cuộc du ngoạn của Mathilde. Đến Cincinnati, anh tìm ra bà cô già và biết cách khiến bà khai ra hết. Chuyện Ballmeyer bị cảnh sát bắt là luồng ánh sáng chiếu vào tất cả. Anh đến Louisvillie thăm “Nhà trưởng lão” một căn nhà khiêm tốn xinh đẹp xây kiểu thuộc địa cổ – quả nhiên “không hề mất vẻ nên thơ”. Rồi anh bỏ vết chân cô Stangerson, đi ngược vết chân Ballmeyer, từ nhà tù nọ đến nhà tù kia, từ lao thất này đến lao thất khác, từ tội ác mới đến tội ác cũ. Cuối cùng, ngày anh đáp tàu về Châu Âu, đứng trên bến Nữ Ước, Rouletabille biết rằng, cũng trên bến này, Ballmeyer đã xuống tàu năm năm trước, trong túi có đủ giấy tờ của Larsan, một thương gia khả kính ở Nouvelle – Orléans, người y vừa hạ sát.

Và bây giờ, quý vị đã biết hết bí ẩn của cô Stangerson chưa? Chưa, chưa đâu, cô Stangerson

đã có với ông chồng Jean Roussel một đứa con, một bé trai. Đứa bé sinh ở nhà bà cô già. Bà cụ thu xếp thật khéo nên ở Mỹ không ai biết gì. Đứa bé trai ấy bây giờ ra sao? Đây lại là câu chuyện khác mà tôi sẽ kể hầu quý vị trong tương lai.

Khoảng hai tháng sau những biến cố kể trên, tôi gặp Rouletabille ngồi ủ rũ trên chiếc ghế dài ở Pháp đình. Tôi hỏi anh: “Thế nào, nghĩ gì vậy bạn thân mến? Cái mặt buồn thiu à! Các bạn anh ra sao, mạnh giỏi cả chứ?”

- Ngoài anh ra, thật sự tôi còn ai là bạn?

- Thì tôi hy vọng ông Darzac...

- À, đã hẳn.

- Với cô Stangerson. Cô ấy mạnh chưa? Cô Stangerson...

- Khá nhiều. Khá nhiều!

- Thế thì ta chẳng nên buồn.

- Tôi buồn vì tôi nhớ đến hương thơm của người đàn bà bạn đồ đen.

- Hương thơm của người đàn bà bạn đồ đen! Tôi nghe anh nói hoài à! Anh có chịu cắt nghĩa cho tôi hiểu lại sao cái hương thơm này nó theo anh kỹ thế không?

- Có thể, một ngày kia. Một ngày kia, có thể... Rouletabille đáp lửng khùng.

Và anh buông một tiếng thở dài áo não.

HẾT.

[\[1\]](#) Ghép ba chữ Rouletabille nghĩa là “lăn bi đi mày”.

[\[2\]](#) Tên một nhà hát kịch ở Paris.

[\[3\]](#) Tên của nước Pháp thế kỷ 15.

[\[4\]](#) Hốt Tất Liệt, vua Hung Nô đã không vào Paris thời ấy còn mang tên Lutèce. Dân Pháp cho là nhờ nữ thánh bốn mạng Geneviève phù hộ đẩy giặc lui.

[\[5\]](#) Quả sồi hoặc dẻ rừng.

[6] Nhà văn Mỹ có óc tưởng tượng phong phú lạ kỳ, bị ám ảnh bởi “thiên thần của quái đản” và bởi những thi kiến ma quỷ. Tác giả “Những truyện dị thường.

[7] Conan Doyle cũng đề cập đến loại bí ẩn này trong truyện ngắn mang tên “Dải Băng Lốm Đốm”. Trong một căn phòng kín mít, một vụ ám sát rùng rợn xảy ra, thủ phạm chạy đâu? Sherlock Holmes khám phá mau chóng. Vì trong phòng có một lỗ thông hơi to bằng đồng tiền 100 xu đủ để chuồn ra ngoài cái “Dải Băng Lốm Đốm” hay còn răn sát nhân. (Chú thích trong nguyên tác).

[8] Khi cái bí ẩn này, nhờ Rouletabille, được giải thích một cách tự nhiên, bằng độc một cách lý luận tuyệt diệu của anh, thì người ta phải nhìn nhận rằng, tên sát nhân đã không đi qua một cửa ra vào, một cửa sổ nào hay cầu thang, “sự việc mà pháp luật không muốn chấp nhận” (Chú thích ở nguyên tác).

[9] Khi anh viết những dòng này, Rouletabille mới mười tám tuổi, vậy mà anh đã nói đến thời niên thiếu của mình, tôi đã liên tưởng toàn bộ văn bản của bạn tôi, nhưng tôi xin lưu ý bạn đọc ở đây, như tôi đã tưởng lầm, rằng giai đoạn hương thơm của “người đàn bà bận đồ đen” không thể ràng buộc chút gì với bí ẩn “Căn Phòng Vàng”. Vậy đó! không phải lỗi tại tôi, nếu trong những tài liệu tôi dẫn ra đây, Rouletabille đã đôi ba lần sự hồi tưởng lại những kỷ niệm thời niên thiếu. (Chú giải trong nguyên tác Pháp Văn).

[10] Ở Pháp, các quan tòa bận áo chùng đen nếu tội xử là tiểu hình, đỏ nếu là đại hình.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>